

DIÊN-HƯƠNG

PHÉP
LÀM THƠ

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi — SAIGON

DIÊN-HƯƠNG

PHÉP LÀM THƠ

IN LẦN THỨ HAI

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, Đại-lộ Lê-Lợi

SAIGON

TỰ A

Thi-thơ là một công-tác văn-hóa, thời nào cũng có giá-trị riêng. Nhưng điều quan-trọng là cái khuynh-hướng của nó. Thi-thơ mà phụng-sự trụ-lạc, thi-thơ mà ca-ngợi gian-tà, thi-thơ ấy đáng bài-xích đả-đảo, không nên khuyến-khích trau-giồi.

Trong quyền PHÉP LÀM THƠ chúng tôi không trình, mà cũng không thể trình cho độc-giả thấy cái khuynh-hướng riêng của chúng tôi và cũng không làm sao hạn-định cái công-dụng cao-cả của thi-thơ; thi-thơ cũng như các ngành văn-hóa khác, là một nghệ-thuật do người sử-dụng.

Thi-thơ có công-dụng gì ngay trong thời này và ngày cận-lai, ngày mới của một nước Việt mới?

Nếu nhận rằng văn-chương tổng-quát cần ích cho công việc kiến-thiết tinh-thần và văn-hóa, thì phải nhận luôn rằng thi-thơ cũng không phải vô bổ, vì thi-thơ là

một phần, phần cao-siêu, của văn-chương. Đành rằng cái học mới sẽ nhờ văn xuôi diễn-đạt thông-truyền và thi-thơ không bao giờ ứng-dụng được vào số-học, khoa-học. . .

Không kể đến công-dụng hiệu-quả của thi-thơ trong công việc tuyên-truyền tư-tưởng (ca-dao, vè, vãn. . .), chúng ta phải nhớ rằng môn học Việt-ngữ vẫn phải gồm cả cái học văn vần, vì tất cả văn-chương ta ngày trước đều là thi-thơ, từ-phú.

Muốn học văn-chương ta, lẽ cố-nhiên là phải học qua phép-tắc, niêm-luật các lối thi-phú, đó là một điều thiết-yếu để hiểu Việt-văn. Mà biết qua phép làm thơ cũng là một điều lợi cho việc hành văn nữa, dầu là viết văn xuôi. Vì âm-điệu và luật niêm bình trắc ở trong văn vần vẫn giúp nhiều cho câu văn xuôi được cân-đối, quân-bình, điêu-luyện.

Chúng tôi không dám ước-ao cho người học trò tiếng Việt đều sẽ thành thi-sĩ ; chúng tôi chỉ mong rằng quyền PHÉP LÀM THƠ có thể giúp cho người học tiếng Việt một vài phần đặng yêu quý tiếng mẹ đẻ, đặng tuyên-truyền cho tiếng mẹ đẻ.

D. H.

Viết tại Sài-Thành, sơ đông năm Kỷ-Sửu

TỰA KỶ HAI

Quyển *PHÉP LÀM THƠ* in kỳ hai này, chúng tôi có thêm bớt, bớt ít, thêm nhiều.

Mặc dầu, chúng tôi vẫn thấy còn sót nhiều. Mong các bạn đọc, chỉ giáo giùm cho, đề tái bản kỳ ba sẽ đầy-đủ hơn.

Kỳ này chúng tôi có đem *THƠ MỚI* biên thêm vô. Chúng tôi mong các bạn chuyên-môn, thấy chỗ nào khuyết-điểm sửa-chữa giùm cho. Rất cảm ơn quý bạn hảo tâm.

Về mục *VĂN, ĐỐI...* nhờ ông bạn Thuận-Phong Ngô-văn-Phát chỉ giùm cho ít nhiều. Cũng như về chương *HÁT BỘI*, có bạn Thân-Văn Nguyễn-văn-Quý cho tài-liệu dồi-dào.

Xin có lời cảm ơn nồng-nhiệt hai bạn thân.

Mùa Xuân năm Tân-Sửu
(1961)

PHẦN I

PHÉP LÀM THƠ

TỔNG - QUAN

Thi-thơ, thi-phú, thi-phú văn-từ là những danh-từ để chỉ chung các lối văn có tánh-cách khác với văn xuôi.

Nước Việt ta bị nạn ngoại-xâm, trước sau hơn ngàn năm, mà dân ta không mất tinh-thần chiến-đấu, không mất nguyện-vọng độc-lập, thì không phải là không văn-minh. Một nước văn-minh dầu có chịu ảnh-hưởng của người đò-hộ ít nhiều đi nữa, cũng vẫn còn giữ tinh-thần riêng, tư-tưởng riêng, ngôn-ngữ riêng, văn-chương riêng.

Văn-chương thi-phú ta tuy trước đã nhiễm của người Trung-Hoa và sau của người Pháp rất nhiều mặc dầu, nhưng vẫn giữ tánh-cách riêng của ta và tinh-thần của dân-tộc.

Văn-chương thi-phú của ta có nhiều điệu, nhiều lối. Mỗi điệu, mỗi lối, có âm-luật riêng, không thứ nào giống thứ nào. Thi-thơ của ta gồm có những lối *thượng-lục hạ-bát, song-thất lục-bát, ngũ-ngôn, thất-ngôn, tứ-cú, bát-cú, hát nói, phú, văn-tế, tuồng.*

Mỗi điệu, số câu khi ít, khi nhiều, hoặc có số hạn-định; mỗi câu hoặc có *mấy chữ* nhứt-định, hoặc số *chữ* không giới-hạn: chữ nào phải đặt *âm bình*, chữ nào phải đặt *âm trắc*, có *thê-lệ*; chữ nào trong một câu phải đặt *một âm* với chữ nào ở câu trên, và chữ nào ở câu dưới, có *định-luật sẵn*; chữ nào phải *ngịch âm* với chữ nào, phải khác nghĩa với chữ nào. . .

Tiếng ta có giọng trầm bổng, đặt-đề phải phép, đúng luật, đọc, nói, ngâm, bình, nghe mỗi điệu mỗi thứ mỗi khác.

Vậy trước khi nói qua các lối thi-phú, chúng ta nên xem cách hành văn trước.

CÁCH - THỨC LÀM THI - PHÚ

THỂ-THỨC CỦA MỘT CÂU VĂN

Trong mỗi một câu văn đều có *thể-thức*.

Phân-tách thể-thức của một câu văn, ta nhận thấy hai yếu-tố : a) yếu-tố căn-bản và

b) yếu-tố kỹ-thuật.

- A) Yếu-tố căn-bản**
- 1.— *Tiếng nói*
 - 2.— *Vế*
 - 3.— *Khở*

1.— *Tiếng nói* là những chữ rời như A, B, C, ráp thành. Thí-dụ chữ C, chữ A ráp lại thành tiếng CA. Nhiều tiếng ráp thành câu.

2.— *Vế*. Câu văn, câu thơ chia ra nhiều phần, thường gọi là *VẾ* hay là *MẠNH-ĐỀ*. Thí-dụ : *Gần mực thì đen, gần đèn mới sáng*. « Gần mực thì đen » là một vế ; « Gần đèn mới sáng » là một vế nữa.

3.— *Khở* là bề dài vẫn của mỗi vẻ. Thơ TỬ-TỰ có 4 tiếng ; thơ LỤC-BÁT thì có 6 và 8 tiếng ; thơ THẤT-NGÔN thì có 7 tiếng.

TIẾNG, VẾ, KHỎ là 3 yếu-tố căn-bản, dầu thể-thơ nào, dầu văn xuôi đều phải có.

**B) Yếu-tố
Kỹ-thuật**

1.— *Nhịp*

3.— *Thanh*

2.— *Vần*

4.— *Đôi*

1.— *Nhịp*. Có 2 nhịp : phụ và chánh. Nhịp là những điểm để phân câu, những chỗ để ngừng hơi. Khi nào đọc lạc nhịp thì *thất-ngôn* thành *song-thất*, *song-thất* thành *thất-ngôn*.

2.— *Thanh*, là giọng cao thấp của tiếng. Có 2 giọng : Bình và Trắc. Bình là tiếng không có dấu, và có dấu huyền. Bình có Thượng và có Hạ. Bình Thượng, cũng gọi Thanh, là những tiếng không dấu ; Bình Hạ là những tiếng có dấu huyền.

Trắc là những tiếng có dấu sắc, hỏi, ngã, nặng. Cũng có Trắc Thượng và Trắc Hạ. Trắc Thượng là những tiếng có dấu sắc, hỏi, ngã. Trắc Hạ là những tiếng có dấu nặng.

Thơ có nhạc-điệu là pha lẫn những thanh Bình và thanh Trắc theo định-luật riêng-biệt của mỗi lối thơ. Thanh với Nhịp vẫn đi đôi. Thanh đâu thì Nhịp đó. Thanh dờ thì Nhịp phải dờ. Giữ Thanh tức là giữ Nhịp.

3.— *Vần*, là những tiếng cùng âm với nhau, đọc lên nghe tương-tợ nhau, do một chữ *âm* ghép vào các *phụ-âm*. Thi-dụ : MINH phần chữ âm là INH, mà phụ-âm là M.

Vần là mối dây liên-lạc giữa các câu thơ do hai tiếng then chốt, hoặc đều ở cuối câu trên và câu dưới, hoặc là một tiếng ở cuối câu trên với một tiếng ở giữa hay là ở đầu câu dưới.

Vần ở cuối câu gọi là CƯỚC VẬN hay là VẦN ĐUÔI ;

Vần ở giữa câu gọi là YÊU VẬN hay là VẦN LƯNG ;

Vần ở đầu câu gọi là THỦ VẬN hay là VẦN ĐẦU.

Thí-dụ : LÀNH cho SẠCH,

RÁCH cho THOM.

Khi tiếng này không đồng âm với ngay vị-tri của vần thì, là LẠC VẬN, điều phải tránh nhưt.

Khi hai tiếng giống hịch nhau cả về phụ-âm lẫn chữ âm ở ngay vị-tri của vần thì là ĐIỆP VẬN, cũng nên tránh, như :

*Cũng như nguồn nước đám bèo,
Nước nguồn cuộn chảy, đám bèo cuộn trôi.*

Dẫu cách một câu, cũng là điệp vận, cũng nên tránh, như :

*Tu muốn đắc phải tu rớt-ráo,
Đạo muốn thành giữ đạo thanh-cao.
Cần lo tinh-tấn giới-trau,
Giữ-gìn đức-hạnh thanh-cao sửa mình.*

Khi những tiếng một vần với nhau mà ở tại những nhịp lẫn-quần, gần tiếng vần chánh, thì cũng kêu là ĐIỆP VẬN, cũng nên tránh, như sau đây :

*Ánh trăng soi khắp đồng tây,
Sao cho mây thấp, hiệp vầy mây bay.*

Vần bình có chánh và có loi.

Vần chánh: những chữ nào ở cuối có nguyên-âm a, e, ê, i, y, o, ô, ơ, u, ư, hay là mấy vần ghép: ia, uya; oa, ua; ai, oai; ay, áy; an, oan; ang, oang; anh, oanh; ênh, inh, uynh; ao, au, âu; ă, ăng; ă, uân, ăng, uảng; em, êm; iêm, im, ым, yém; en, ên, lên, in; uên, uyên; eo, êu; lêu, iu, yêu; oe, uê; oi, ôi, ơi; on, ôn, ơn; ong, ông; ui, uôi, ươi; un, ưn; ung, ưng; uôn, uông, ương.

Bư, cư, thư; bo, co, lo; bì, mì, thì; thiên, liên, miên; loe, lõe; bâng, khuâng, xuán...; thư vần với bư, cư; lo vần với bo, co...

Đặt thơ, đặt rờng vần chánh thì đúng, thì đẹp; nhưng lắm khi cũng thấy đặt vần loi.

Đây là những vần loi thi-sĩ ta thường dùng. (1)

1.— a, ơ, ư, ia, oa, ua, ưa. (2)

Rành rành kẽ tóc chơn tơ,

Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường. (1998-Kiều). (3)

(1) Đòi Đường VẦN có luật-định, có chép trong *Thi Vận Tập Thành*. Vần đó là vần chữ Hán, có khi không đúng với vần ta; bởi vì cũng thì một chữ mà người Trung-Hoa đọc khác còn ta lại đọc khác. Như chữ CA với chữ MA mà ta cho là một vần, thì người Trung-Hoa lại không cho làm vậy. Cũng như CANH và THANH (XANH) người Trung-Hoa cũng không cho là một vần, mà trái lại chữ THANH là TIẾNG thì người Trung-Hoa vì đọc như CANH nên cho nó là một vần với CANH.

(2) Linh-mục D. Hồ-Ngọc-Cẩn trong quyển *Văn-Chương Thi-Phú* có nói: « Các tiếng có cùng là IA, UA, ƯA thì muốn vận A hay là vận trước chữ A cũng được. Như CHIA vần với CHA và CHỈ ». Nhưng mà ta không thấy chỗ nào thi-gia ta cho ĐUA ĐA đi một vần với ĐU bao giờ.

(3) Muốn giản-tiện, chúng tôi lựa thí-dụ trong *Thúy-Kiều*. Những số biên và thơ dẫn đây là theo số câu trong phần *Kim-Vân-Kiều Truyện*, ở trong quyển *Kiều-Vận Tập-Tành* của Bình-Nam Nguyễn-Đăng-Cư, Trung-Hưng thư-quán, Huế, 1932,

*Rằng tôi đã có lòng chờ,
Mắt công đã mấy nắng thừa ở đây. (2714-Kiều)*
*Nào người cũ gió tuần mưa,
Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày. (568-Kiều)*
*Phong-cảnh Tây-Hồ chẳng khác xưa,
Người đồng-chu trước biết bao xa.
Nhứt-tân dè lỗ nhưng còn lối,
Trấn-Bắc rêu phong vẫn giấu thơ.*

Vô danh thị (*Vịnh Tây-Hồ*).

2.— e, ê ; i, y, ia ; oe, uê ; uy, uya. (1)

*Im lìm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai. (38-Kiều)*
*Tiếng Kiều nghe lọt bên kia,
Ơn người quân-tử sá gì của rơi. (308-Kiều)*
*Nàng rằng phải bước lưu-ly,
'Phận hèn vàng đã cam bề tiểu-tinh. (954-Kiều)*
*Dưới trăng quyen đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập-lòe đâm bông. (1308-Kiều)*
*Hoa-khôi 'mộ tiếng Kiều-nhi,
Thiếp hồng tìm đến hương-khuê gửi vào. (1280-Kiều)*

(1) Những vần ghép bằng hai hay là ba nguyên-âm như OE, UÊ, UY, UYA, thì lấy một hay là hai chữ nguyên-âm làm vận căn, ăn với nhau : Y trong UY ăn với Y, I ; YA trong UYA ăn với IA...

*Thiếp dầu vụng chẳng hay suy,
Đã dơ bụng nghĩ lại bìa miệng cười. (1588-Kiều)*

*Cửa ngoài vội rủ màn the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình. (432-Kiều)*

Sau đây chúng tôi chép một bài bát-cú, trong đó dường như tác-giả muốn đem hết các vần lơ *E, Ê, I* để làm kiểu-mẫu.

Tự thuật

*Có ai muốn biết tuổi, tên gì ?
Vừa chẵn ba mươi gọi chú Lý.
Năm bảy bài thơ gầy gổ hạc,
Một vài đũa trẻ béo răng nghê.
Tranh vờn sơn-thủy màu nhem-nhuốc,
Bầu dốc càn-khôn giọng bét-be.
Miễn được ngày nào cho sướng kiếp,
Sống thì nuôi lấy, chết chôn đi.*

CHIỀU LỖ

3.— o, ô, u, ua.

*Vợ chồng chén tạc chén thù,
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi. (1836-Kiều)*
*Có cô-thụ có san-hồ,
Cho nàng ra đó giữ chùa tụng kinh. (1916-Kiều)*
*Gặp bà Tam-Hợp đạo-cô.
Thung-dung hỏi hết nhỏ to sự nàng. (2652-Kiều)*

Lửa hồng từ dậy mái thành-đô,
Đòi chốn làm-than thuở được thua.
Xanh biếc thú vui người ần-dật,
Bạc đen đường vẫn khách bốn-xu.

(?) (Than thời loạn)

Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
Chợ búa trâu cau chẳng dám mua.
Tần-tiền thế mà sao chữa khá?
Nhờ trời rồi cũng mấy gian kho.

YÊN-ĐỒ (Chốn quế)

4.— au, âu (1), iao, ao, o, u.

Gió chiều như gọi cơn sâu,
Vi-lau hiu-hắt như màu khơi trêu. (264-Kiều)

Làm cho nhìn chẳng dặng nhau,
Làm cho dày-dọa cất đầu chẳng lên. (1550-Kiều)
Một mai, một cuốc, một cần câu,
Thơ-thần dầu ai vui thú nào !

NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM (Thơ nhàn)

Từng xem sách cũ một đôi câu,
Mến đạo thề chẳng phụ nghiệp nho.

NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM (Thơ nhàn)

(1) Có chỗ chỉ cho AU vần với ÂU mà thôi. Nhưng mà ô. Nguyễn-Bình-Khiêm, ô. Châu-Mạnh-Trinh lại cho U, O một vần với ÂU, nên chỉ chúng tôi cố gắng để AU, ÂU, AO, O, U chung một vần.

Lạt-lẽo mùi thiền bĩa muối rau,
Chuông rền mõ ruổi lại thêm sầu.
Cầm bằng nương-náu qua ngày bụt,
Đã chắc nguồn cơn trọn kiếp tu.

CHÂU-MẠNH-TRINH (Thúy-Kiều ở chùa)

5. — ai, iai, oai, uai, oi, ôi, ơi, ui, uôi, ươi. (1)

Ván xem trân trọng khác vôi,
Khuôn trắng đầy-dặn, nét ngài nữ-nang. (20-Kiều)

Thông-minh vốn sẵn tánh trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngám. (30-Kiều)

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiếu-quang chín chục đã ngoài sáu mươi. (40-Kiều)

Lòng thơ lai-láng bồi-hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cô-thi. (132-Kiều)

Nẻo xa mới tổ mặt người,
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình. (142-Kiều)

Vả đây đường sá xa-xuôi,
Mà ta bất động nữa người sanh nghi. (844-Kiều)

(1) Linh-mục Đ. Hồ-Ngọc-Cẩn dẫn : Các tiếng có cùng là AI, ÂY, OI, OI, UI, ƯI, ƯƠI thì vào một vần cùng nhau, mà có đôi khi ghép vào vần I. Ví-dụ : MAI, ĐÂY, TÔI, CHƠI, VUI hòa được với MI, ĐI, THI. . .

Vịnh bà Phan-thị-Thuần

Mặc ai chê trách mặc ai cười,
Dạ đá gan vàng sẽ sẽ nguôi.
Chín tuổi cũng tìm cho thấy mặt,
Trăm năm trót hẹn dăm sai lời.
Riêng nhau nhà, nước, đường đôi nẻo,
Chung lại non, sông, mả một ngôi.
Thúy-Ái ngàn đời dòng nước biếc,
Làm gương cho khách thế-gian coi.

(?)

6.— aγ, âγ, oαγ, uây. (1)

Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ-thần dan tay ra về. (52-Kiều)

7.— am, iam, om, uôm.

Thập ngũ Hàm

Tầm vẫn còn tơ kéo vẫn ham,
Ngăn hoa cách nước trách ai làm.
Một niềm giữ lấy lời chung-thủy,
Đôi ngả lo gì nổi bắc-nam.

(1) Nhưng mà ta cũng thường thấy ghép AY, ẤY vào với AI :
Giàu thì ba bữa khó thì HAI,
Lần đời cho qua tháng thiếu ĐÂY.

Tân-sĩ Nguyễn-Minh-Triết (Thơ hà-tiện)

Cờ sẵn bàn son xe ngựa đó,
Đàn còn phím trúc tính-tính ĐÂY.
Ai say ai tỉnh ai thua được,
Ta mặc ta mà ai mặc AI.

Nguyễn-Công-Trứ (Cảm thuật)

*Nhiếp-ảnh chi phiến cầu vỹ khéo,
Phản-hồn đã chắc mượn hương thơm.
Thuyền tình đậu bến ngày mong-mỏi.
Thuận gió mau nên trở cánh buồm.*

PHAN-MẠNH-DANH

8.— an, ian, oan, ƠN.

*Giọng Kiều rền-rĩ trướng loan,
Nhà huyền chợt tỉnh hỏi cơn có gì ? (224-Kiều)
Rường cao rút ngược dấy oan,
Dẫu rằng đá cũng nát gan lựa người. (594-Kiều)
Vẽ chi một đóa hồng-nhan,
Tóc-tơ chưa dứt dền ƠN sanh-thành. (670-Kiều)*

9.— ang, iang, oang, uông, ương. (1)

*Hoa cười ngọc thốt đoan-trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da. (22-Kiều)
Thấy tin xiết nổi kinh-hoàng,
Bằng mình lên trước đài-trang tự-tình. (536-Kiều)*

(1) Nói thì ANG không vần với AN, nhưng ta thấy :
Chày kình giống tỉnh giặc Vu-SAN,
Mái tóc qui-y nửa trắng VÀNG.

Tôn-Thọ-Tường (Đi giã đi tu)

Nhỏ mà không học lớn làm NGANG,
Trống đánh ba hồi đã thấy QUAN.

Tú Quỳ (Hát bội)

Đắc dương tự

*Khán lai nhi-nữ bản tình trường,
Hảo bả thâm tình vị nhân vương.
Châm thượng dĩ tăng ly Thiển-Nữ,
Lộ bàng phi phục oán Tiêu-Lang.*

PHAN-MẠNH-DANH

*Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vuông,
Thang máy rón bước ngọn tường (1). (319-Kiều)*

(tiếp) Nước quạt vừa xong con nhẩy ngựa,
Trống châu chưa dứt bố lên THANG.
Hỏi ra ông ấy ăn lương vợ,
Đem truyện trăm năm dở lại BÀN.

Tú Xương (Quan tại gia)

Ta còn thấy IÊN đi vắn với UÔNG, trong bài (một bài này mà thôi).

THƯỜNG CẢNH

Non cao chất-ngất mặt-mù SƯƠNG,
Rảo bước quanh-co trúc thẳng ĐƯỜNG.
Nhánh ngọc trở bóng in ngọn bút,
Hoa sen hé nhụy phát mùi HƯƠNG.
Cây nơi mưa-móc nên sừng-sừng.
Nhờ khí âm-dương mới vẻ-VIÊN.
Vĩ đặng vầy đoàn theo gót ngọc,
Một nhà lan quế nực đôi PHƯƠNG.

Kinh-lich Trung

Ta còn thấy ÔN vắn với AN, ANG :

Ông đã ơn vua một chữ VÀNG,
Nay lành mai lỗ khó đa-ĐOAN.
Được thua hai ngả ba câu nói,
Khôn đại trăm năm một tiếng ĐỒN.

Tú Xương (Ông hàn sự sự)

(1) Một bộ *Thủy-Kiều* kể trên ba ngàn năm trăm mấy chục câu, mà chỉ thấy có một vắn UÔNG đi với UÔNG này mà thôi.

*In sáo vẽ cho thằng mặt trắng,
Bẻ cò tính lại cái lương vàng.
Truyện đời hãy đắp tai cày tróc,
Lộc thánh đừng lừa nạc bỏ xương.*

YÊN-ĐỒ (*Mình ông Ngũ-Sơn*)

10.— ăn, ăn, uân, ưn. (1)

*So lần dáy võ dáy vãn,
Bốn dáy to nhỏ theo vãn cung thương. (472-Kiều)*

*Chế-khoa gặp hội trường vãn,
Vương Kim cũng chiếm bảng xuân một ngày. (2860-Kiều)*

*Đạo-đức hiền hay mển khó-khẩn,
Quyền-môn chốn ấy biếng chen chân.*

TRẠNG TRÌNH (*Tự thuật*)

11.— ăng, àng, ưng.

*Lần lần ngày gió đêm trắng,
Thưa hồng rậm lục dã chùng xuán qua. (370-Kiều)*

*Chim hóm xao-xác về rừng,
Đóa đờ-mi dã ngậm trắng nửa vành. (1092-Kiều)*

(1) Nói ẶNG không phải vãn với ẶN, nhưng mà ta thấy
Vãn thấy người ta vẫn bảo ẶNG,
Bảo rằng thằng Cuội ngồi cung ẶNG.
Coi đời cũng lắm nơi thanh-quí,
Chị Nguyệt dung chi đũa cục-CẶN.

Tú Xương (*Tự tích*)

Lý ngư bạt hổ

Cá thần vùng-vẫy vượt qua đặng,
Được nước nào ai dám dỉ rằng.
Cỡi gió vương vẫy lên cửa võ,
Xông mây rẽ sóng động vừng trăng.
Diếc, rô ngựa vẫy không tìm lối,
Tré, chuỗi theo đuổi dễ mấy thằng ?
Gặp hội hóa rồng mình rút ruột,
Đã lên, lên bổng tít bao chừng !

YÊN-ĐỒ

12.— anh, ênh, inh (1), oanh, uyneh.

Rằng sao trong tiết thanh-minh ?
Mà dây hương khói vắng-tanh thế mà ! (60-Kiều)

Nhật thừa gương dọi dầu càn,
Ngọn đèn trông suốt trướng huỳnh hắt-hiu. (434-Kiều)

Vận đở nghe người cho muối cá,
Hồi đen lăm kẻ xóc xương kinh.
Đại-nhân bao quản đường chênh-lệch,
Quán-lử khôn nài chốn đá-đanh.

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ (Tự cảm)

(1) Linh-mục Đ. Hồ-Ngọc-Cẩn về vần ANH có nói : « Đôi khi vần ANH hòa với AN, ẪN, ANG, ẪNG. Điều ấy không lạ, vì quốc-ngữ Trung-Hoa không có ANH ở cuối. Chữ ta đọc NH thì người Trung-Hoa đọc NG.

Nhưng mà INH thì thấy đi một vần với AN ; còn INH thì thấy đi một vần với ANH, chớ chưa thấy IN đi một vần với ANH và AN đi một vần với INH.

13.— ao, eo, êu, iu, iêu, yêu, ưu. (1)

Đè chừng ngọn cỏ lần theo,

Dấu giày từng bước in rêu rành rành. (124-Kiều)

Dưới khe nước chảy trong veo,

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha. (170-Kiều)

Tiền đây xin một hai điều,

Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng! (330-Kiều)

Rằng con biết tội đã nhiều,

Dấu răng sấm sét búa rìu cũng cam. (1396-Kiều)

Đắc Vụ tự

Nhàn tâm u hội thuyết phong-lưu,

Xuân chầm ôn hương phá cự sầu.

Hồ Việt thử thân vong giáp điệp,

Tang thương đề cục ký phủ-du.

.

Vấn thập nhứt Vụ

Tình lang trong bóng cũng phong-lưu,

Hương ấm lòng vui, nguyệt lửa sầu.

.

Thêm bền nghĩa trước, nổi tình sau.

PHAN-MẠNH-DANH

(1) Sách ghép AO, EO, ÊU, IU, IÊU, YÊU, ƯU chung một vần. Nhưng mà ta thấy khớp AO với EO, IU với YÊU thì nhiều ; còn EO, ÊU và AO, IU với AO rất ít. Bởi vậy chúng ta nên theo « trùng âm » mà khớp vần thì hay và đúng.

Còn ƯU thì lại vần với ÂU và UƯ.

*Lòng riêng riêng cũng kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai. (2370-Kiều)*

HỒ TRÚC-BẠCH

*Một chiếc thuyền nan, một mái chèo,
Đáy hồ lặng sóng, nước trong veo.
Quanh co thành cỏ đường lai-láng,
Chen-chúc nhà thôn cảnh gấm thêu.
Ngã-Xã kiều dài đường khách rộng,
Long-Châu thêm đẹp nóc chùa cao.
Đồn rằng Trúc-Bạch vui từ trước,
Nay mới hay rằng lắm thú yêu.*

(?)

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ-phơ gió hắt-hiu.*

YÊN-ĐỒ (*Thu vịnh*)

14.— em, êm, iêm, im, ым, ыêm. (1)

*Đã lòng hiển hiện cho xem,
Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời. (130-Kiều)*

*Tung-bưng sắm-sửa áo xiêm,
Biện dung một lễ xa đem tấc thành. (374-Kiều)*

*Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề. (728-Kiều)*

(1) Linh-mục Đ. Hồ-Ngọc-Cẩn có nói : « Các tiếng có cùng là M thì kể văn-thi cũng cho vào một vận với những tiếng có cùng là N : CAM, CHAN, HOM, CON. . .

*Giàu làm chị, khó làm em,
Sang chớ kiêu-căng, khó chớ hiềm.
Dưới biết kinh trên, trên dấu dưới,
Ấy nhà còn thịnh, phúc còn thêm.*

TRẠNG TRÌNH (*Chị hòa em thuật*)

*Chấp mỗi âm-dương vài sợi chỉ,
Mở mang trời đất mấy hàng kim.
Nhờ ơn cả nước che sương gió,
Giúp sức nhà vương giữ áo xiêm.*

CỬ TRỊ (*Thợ may*)

15.— en, ên, in, iên, uên, uyên. (1)

*Cảo thơm lần dở trước đèn,
Phong-tinh cổ-lục còn truyền sử xanh. (8-Kiều)*

*Ngõn-ngang gõ đồng kéo lên,
Thoi vàng-bó rắc, tro tiền-giấy bay. (50-Kiều)*

*Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.
(740-Kiều)*

Tặng ông Đốc-học Hà-Nam

*Ai rằng ông đại với ông diên,
Ông đại sao ông biết lấy tiền.*

(1) Nói thì vậy, mà ta còn thấy EN vẫn với AN :

*Trái nổi gian-nguy đã mấy PHEN,
Thân nhàn phúc lại được về NHÀN.*

Trạng Trình (*Tự thuật*)

*Cạy cái bảng vàng treo nhị giáp,
Khoét thàng mặt trắng lấy tam nguyên.
Dấu nhà vira thoát sừng trâu đỏ.
Phép nước xin chừa móng lợn đen.
Chỉ cốt túi mình cho nặng chắt,
Trăm năm mặc kệ tiếng ché khen.*

YÊN-ĐỒ

16.— **on, uôn, ôn, un.** (1)

*Bóng chiều như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo. (168-Kiều)
Sinh càng nát ruột tan hồn,
Chén mời phải ngậm bòn-hòn rảo ngang. (1846-Kiều)*

17.— **ong, ông, ung** (2).

*Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen. (6-Kiều)
Nào người phụng chạ loan chung,
Nào người tiếc lục tham hồng là ai? (90-Kiều)*

(1) UÔN cũng thấy khép một vần với UÔNG mà không thấy UÔNG đi một vần với ON, ÔN, UN :

TỰ THÁN

*Trời không chớp bể chẳng mưa NGUỒN,
Đêm nào đêm nao tó cũng BUỒN.
Bối-rối tình-duyên cơn gió thoảng,
Nhật-nhều quang-cảnh bóng trắng SUÔNG.
Khăn khăn áo áo thêm rầy chuyện,
Bút bút nghiên nghiên khéo dở TUÔNG.
Ngủ quách sự đời thầy kẻ thức,
Chùa đầu sang sáng đã hồi CHUÔNG.*

*May thay giải-cầu tương-phùng,
Gặp tuần đồ lá thỏa lòng tìm hoa. (150-Kiều)*

Gởi tình-nhân

*Vương-vít tơ vương biết mấy vòng,
Mối tình nay quyết gỡ cho xong.
Về người thanh-lich khi đưa mắt,
Câu truyện phong-tao lúc tỏ lòng.
Bình tước mặc tranh treo trước án,
Cầu ô sẵn nhíp bắc ngang sông.
Sắc tài đôi lứa nên dan-diu,
Dan-diu thì xin chớ ngại-ngùng.*

TÚ XƯƠNG

VẦN LỜI NÊN DÙNG

Tóm lại khệp vần chánh thì thơ mới đúng, nghe mới êm. Còn túng mà lời vận, thì sắp cho đồng âm như dưới

(2) UNG thì vần với ONG, ÔNG, mà ta cũng thấy đi vần với ẪNG như trong bài :

VỊNH PHAN-THỊ-THUẤN

*Giọt lệ đôi hàng tưởng mấy THĂNG,
Sầu đông muôn học gặt cho BẰNG.
Nào hay gái Việt anh-hùng thế !
Muốn để thầy Ngô sợ-bãi CHẰNG ?
Những kẻ trông sau gương bốn mắt.
Mấy người cười trước hồ mười RẰNG.
Xanh xanh Thúy-Ái vùng trăng bạc,
Sôi xuống lòng sông suốt mấy TRỪNG.*

(?)

đây tưởng phải hơn. (1)

- 1.— ai, ay, ây, oai, oay, uây.
- 2.— am, ăm, âm.
- 3.— an, ang, oan, oang.
- 4.— ăn, ân, ăng, âng, uân, uâng.
- 5.— anh, ênh, inh, oanh, uỳnh.
- 6.— ao, au, âu.
- 7.— e, ê, oe, uê.
- 8.— em, êm, iêm, im, ым, ỳem.
- 9.— en, ên, in, iên, uên, uyên.
- 10.— eo, êu, iu, iêu, ỳêu.
- 11.— i, ы, uy.
- 12.— ia, uya.
- 13.— o, ô, u.
- 14.— ơ, ư, ưa.
- 15.— oi, ôi, ơi, ui, uôi, ươi.
- 16.— on, ôn.
- 17.— ong, ông.
- 18.— ôm, ơm, uôm, ươm.
- 19.— un, ưn, ung, ưng.
- 20.— uôn, uông, ương.
- 21.— ưu, u.

* * *

(1) Có chỗ nói ba nguyên-âm A, Ă, Â ghép với phụ-âm M, N chỉ vần, với nhau khi nào có 1 phụ-âm giống nhau đứng trước, LAM vần với LĂM, LÂM ; BAM vần với BĂM, BÂM ; mà LAM không vần BĂM. Nói vậy mà ta vẫn thấy thi-sĩ ta ít khi theo như vậy.

VẦN TRẮC

Là những chữ nào có dấu *hỏi*, *ngã*, *sắc* và *nặng*.

Vần *trắc* chia ra làm ba bậc :

Trắc thượng thanh (không nặng không nhẹ) những chữ nào viết với dấu *hỏi* và dấu *ngã* : cả, nhã, bẻ, lẽ.

Trắc khứ thanh (trắc nhẹ) những chữ viết với dấu *sắc* và dấu *nặng* : đá, má, mận, đan.

Trắc nhập thanh những chữ ở cuối cùng có mấy chữ *c, ch, p, t* : cách, mách, các, lác, lập, cập, mát, tát.

Vần *trắc* cũng có vần *chánh* và vần *lơi* :

Vần *trắc chánh* là những chữ nào ở cuối có chữ *phụ-âm* đồng một âm với nhau mà có dấu *hỏi*, *ngã*, *sắc* : lả, chả, cú, sụ, mõ, gõ.

Còn vần *trắc lơi* thì cũng tương-tự như thề-lệ của vần *binh lơi* :

1.— a) ả, ợ, ứ.

b) é, ế, ị.

c) ỏ, ú, ụ.

2.— Những chữ sau cùng viết bằng *ch* thì cùng một vần *trắc* : *chích*, *ích*, *mạch*. . .

3.— Những chữ sau cùng có chữ *nhập thanh* như nhau, mà trước chữ *nhập thanh* đó, có một chữ âm thuộc một vần *binh* với nhau :

a, ă, â là cùng một vần *binh* thì ác, ắc, əc là một vần *trắc*.

áp, ắp, ấp —

o, u, ư — ót, út, ứt —

ê, i, ơ — ệt, ít, ỉết —

Thi thơ thì thấy khép vần như vậy (dầu vần trắc ít khi dùng) nhưng văn-tế và phú thì thấy dùng những tiếng *nhập thanh* làm một vần hết thấy : *bác, cúc, súi, mật, xếp, cách, chích.* (1).

(1) Trong ba nguyên âm A, Ẫ, Â, ghép với một phụ-âm C,P,T, những vần AC, ẪP, ÂT, chỉ vần với mấy âm đó khi nào có cùng một phụ-âm đứng trước : MAC, MẮT một vần với nhau, CẤP, CẮC, một vần với nhau. Chữ MAC không vần với BAC. Nhưng nói thì vậy, mà thường thường chúng ta vẫn thấy MAC, BẠC, GẶT, cũng ghép vần với nhau hoài.

ĐỐI

Có ba thể-thức :

- CÁCH ĐỐI**
1. Đối trung cú.
 2. Đối từng cặp.
 3. Đối từng đoạn.

Đối trung cú : Trong một câu, hai vế đối nhau :

Lập công bồi đức.

Đối từng cặp :

Lè-kè túi đỏ,

Lụng-thụng áo vàng.

Đối từng đoạn : Câu dưới đối câu trên, hoặc hai câu này đối với hai câu nọ, hoặc bốn câu này đối với bốn câu kia :

Có kẻ nói rằng :

Giời tu bỏ ngài.

Có người kêu đại,

Tà đạo quên ma,

Mỗi cặp *đối* có hai câu, câu trên và câu dưới.

Mỗi câu, tùy theo số chữ nhiều ít, đều có niêm-luật riêng. Và mỗi chữ ở câu dưới phải *ngịch âm* với chữ trên luôn. Vậy mới là đúng.

Trong các bài thi-phú, thì có những câu *đối*, ở mỗi chỗ nhứt định. Câu *đối* trong các bài thi-phú, ít là bốn chữ, mà nhiều là mười lăm mười bảy chữ. Ít khi dài hơn nữa.

Ngoài ra có câu *đối* hai ba chữ hay là nhiều hơn, đến cả trăm chữ. Cũng có khi làm câu *đối* trọn, đề tặng, đề giễu, đề húng cảnh... Thế lại gọi là *câu liễn*. Tên thì có khác, mà niêm luật vẫn như nhau.



PHÉP ĐỐI *Đối* nghĩa là chữ này chọi với chữ kia về âm (bình trắc) và về nghĩa. Câu trên mấy chữ thì câu dưới cũng mấy chữ. Lấy ý *đối* ý; việc nọ *đối* với việc kia; cảnh này *đối* với cảnh nọ; trên tró-trêu, nói lái, thì dưới cũng nói lái, tró-trêu. Lấy tiếng trắc *đối* với tiếng bình; mà hai tiếng *đối* nhau phải một loại với nhau: danh-từ *đối* với danh-từ; hình-dung-từ *đối* với hình-dung-từ, động-từ *đối* với động-từ... chữ Hán *đối* với chữ Hán; tiếng *đôi* *đối* với tiếng *đôi*; tên người, tên xứ *đối* với tên người, tên xứ...

Như câu trên nhờ một hay là hai, ba chữ, thì ở câu dưới, cũng phải nhờ lại một cách, mấy chữ ở các ngôi thứ mấy chữ nhờ ở câu trên. Lẽ tất nhiên là nhờ mà không được điệp ý.

Thí-dụ :

*Đêm ngụ ngoại thành đêm nã ruột,
Sớm về trong nội sớm yên thân.*

Chữ thứ nhất *đêm* ở câu trên, nhờ lại ở chỗ thứ năm, thì ở câu dưới, chữ thứ nhất *sớm* cũng nhờ lại ở chỗ thứ năm.

*Xui người không quỉ gieo câu quỉ,
Khiến kẻ thông thần trái tứ thần.*

Chữ thứ tư câu trên *quỉ* nhờ ở chỗ thứ bảy, thì chữ *thần* chữ thứ tư câu dưới cũng phải nhờ ở chỗ thứ bảy.

Trên dùng tên người, tên xứ, chữ đôi, thì dưới cũng vậy, phải dùng tên người, tên xứ hay là chữ đôi; như vậy mới đúng điệu.

Thí-dụ lấy tên người :

*Bến nam Chức-Nữ trông môn mắt,
Phía bắc Ngưu-Lang nhớ bạc đầu.*

THƯỜNG-TIÊN

*Đón nguyệt ngâm thơ khen giọng Đỗ,
Thưởng hoa nâng chén tựa gương Trần.*

D. H.

Chức-Nữ, Ngưu-Lang là tên hai tinh-nhân. Trần, Đỗ tên Trần-Phồn, Đỗ-Phủ.

Thí-dụ tiếng đôi :

1.— *Đối ý*: câu trên nói việc này, thì câu dưới lấy việc khác mà nói,

Thí-dụ :

*Gió dựa lờng ngang lưng gió phẳng,
Trăng dòm cửa sổ mặt trăng vuông.
Sóng mài nghiêng biển, ngòi non chấm,
Gió trái tờ mây, chữ nhạn dề. (1)*

2.— Câu trên hai ý, câu dưới cũng hai ý.

Thí-dụ :

*Một khúc cùm liêm ngời thế đế,
Hai vòng xiềng sắt dưng thời vương.*

Câu này chỉ rõ một người gông cùm, mà thế đế với thời vương còn có một nghĩa khác nữa, nghĩa chữ Hán. . .

3.— Câu trên tiếng đôi, số, tên vật, câu dưới cũng phải tiếng đôi, số, tên vật. . .

Thí-dụ tiếng đôi :

*Sau cửa thướt-tha đôi cụm liễu,
Trước hồ phấp-phới ít cành mai.
Con rẻ nết-na xem tử-tế.
Ông chồng cay-dắng kẻ công-phu.*

Nết-na, tử-tế, cay-dắng, công-phu đều là tiếng đôi. Chữ *phu* là *chồng* lại đối với *tế* là *rẻ* ; *công* là *cha* *chồng* đối với *tử* là *con*.

Thí-dụ dùng số :

*Ba ngàn thế-giới thâu vào cánh,
Chín chục thiêu-quang liệng giữa trời.*

(1) Mấy câu thí-dụ lấy trong thơ cổ hay là thơ kim. Chúng tôi không còn nhớ tên tác-giả cho hết, để biên vào đây. Còn tài-liệu thì bây giờ rất hiếm-hoi, thành-thử không đặng trọn ở chỗ đó, xin bạn đọc biết cho.

Thí-dụ dùng tên vật :

*Đón nguyệt, nguyệt kêu điều dưới liễu,
Nhìn hoa, hoa xúi chuyện trong đầu.*

4.— Câu trên *tiếng đối*, có *vần* hay *một âm*, thì câu dưới cũng phải có *tiếng đối*, có *vần* hay *một âm*.

Thí-dụ :

*Đêm lạnh-thiu, hiu·hiu bắc thời,
Ngày nồng-nực, phục-phục nồm bay.*

Hiu-hiu một *vần* với *thiu* thì *phục-phục* cũng một *vần* với *nực*.

5.— Về trên *cảnh này* thì về dưới *cảnh nọ*.

Thí-dụ :

*Vồn-vã tiếng dương ngâm lại đọc,
Rõ-ràng cánh én diềm rời phê.
Sáng sớm nưng-niu ba chén cúc,
Chiều tàn xướng-họa mấy vần thi.*

Hai câu đối này tả cảnh hết. Câu trên về trên tả cảnh gió thổi lá dương reo ; về dưới tả một cảnh khác : én liệng cũng như một tay lớn diềm rời phê ở trên giấy trời, một tờ giấy trải trên trời.

Còn câu dưới thì tả cảnh sớm mai thức dậy, uống vài chung trà cúc ; mà về dưới thì nói chuyện chiều về ngâm-nga những thơ mình xướng họa với bạn, một cảnh nhàn trên đời.

6.— Trên nói *thắc-mắc nói lái*, thì dưới cũng nói *thắc-mắc nói lái* lại.

Thí-dụ :

*Ngói đỏ lợp nghè, tấm trên dè tấm dưới,
Đá xanh xây cổng, hòn dưới nống hòn trên.*

*Cá đối nằm trong cối đá,
Cò lửa đứng trước cửa lò.*

*Ruồi đậu mâm xôi, mâm xôi đậu,
Kiến bò đĩa thịt, đĩa thịt bò.*

Cối đá lái với cá đối thì cửa lò lái với cò lửa. Mâm xôi đậu mà ruồi đậu trên đối với đĩa thịt bò có kiến bò dưới.

Như câu trên lấy một vài chữ của một câu hát hay là của một câu danh-ngôn. . . hay là đặt luôn một câu hát hay là một câu danh-ngôn, thì ở dưới cũng phải dùng bao nhiêu chữ đó, hay là đặt luôn câu hát hay là một câu danh-ngôn khác, để đối với trên.

Thí-dụ dùng câu danh-ngôn chữ Hán dịch ra nôm :

*Vẽ cọp vẽ da, xương khó vẽ,
Dò người dò liếng, ý khôn dò.*

*Chim nọ bị tên nghi tấc bóng,
Cá kia khỏi lưới ngại dôi dàng.*

★
★ ★

Có ba nguyên-tắc.

CÁCH ĐỐI Một là *Bổ-túc*. Câu trên một mình không đủ nghĩa, phải có câu dưới giải thêm mới đầy-đủ.

Thí-dụ :

*Chơn bước trên đường,
Lời ghi trong dạ.*

Một thí-dụ thứ nhì :

*Tổng-Đốc ví thương người bạc mạng,
Tiền-Đường chưa chắc mộ hồng-nhan.*

TẢN-ĐÀ

Hai là *Tương-quan*. Mỗi câu đều đủ nghĩa, câu dưới có một mối liên-lạc với câu trên mà không bổ-túc cho nhau.

Thí-dụ :

*Tiền không muốn chứa,
Gạo chẳng cần thâu.*

Một thí-dụ thứ nhì :

*Đôi hàng nước mắt đôi lần sóng,
Nửa đám ma chõng nửa tiệc quan.*

Ba là *Tương-phản*. Mỗi câu cũng đủ nghĩa, mà tu-tướng của câu dưới đối trái hẳn với tu-tướng câu trên, không liên-lạc nhau mà cũng không bổ-túc cho nhau.

Thí-dụ :

*Thoát chốn trần-lao,
Về miền cực-lạc.*

Một thí-dụ thứ nhì :

*Cầu Thước thẹn cùng nàng Chức-Nữ,
Cung Thiềm vui với ả Hằng-Nga.*

ÔN-NHU-HÀU

NÊN NHỚ : Khi nào người ta ra cho mình một câu đối, thì mình phải đọc trọn câu phân nhíp cho kỹ rồi mới đối, không thôi lạc ý lạc vận. Nên nhắc lại đây một câu chuyện

khỏi-hài không ai mà không biết, đề dạy mình phải dè-dặt, đặng khỏi làm trò cười cho đời.

Có một anh chàng thi rớt, trên đường về, đêm đến ghé một quán trọ xin nghỉ một đêm sáng sớm sẽ lên đường. Thấy chị quán đẹp mà ăn nói ra người có học-thức, muốn tò-vè. Chị quán thấy người sỗ-sàng đã thi rớt mà không biết phận, mới thấy gái mà dở thói trêu hoa ghẹo nguyệt rồi, muốn từ-khước khéo, nói : « Thầy nói đi thi mới về, thi chắc thầy hay chữ. Vậy đề tôi ra cho thầy một câu đối, thầy đối được thì tôi bằng lòng đẹp quán theo thầy ». Chàng ta chắc ăn, bèn biểu chị quán cứ ra đi. Chị quán ra : *Đêm, chàng đối : ngày ; ra : khuya, đối : sáng ; ra : gà, đối : heo ; ra : gáy, đối : kêu ; ra : ó o, đối : cục tác ; ra : chị quán, đối : thầy nho ; ra : thức, đối : nằm ; ra : dậy, đối : xuống ; ra : mà, đối : đặng ; ra : lo, đối : tỉnh ; ra : đồng tiền, đối : hột thóc*. Bấy giờ chị quán mới nói tôi đọc của tôi lại, rồi thầy đọc của thầy. Chị đọc : *Đêm khuya gà gáy ó o, chị quán thức dậy mà lo đồng tiền*. Chàng ta mới đọc câu của mình : *Ngày sáng heo kêu cục tác, thầy nho nằm xuống đặng tỉnh hột thóc*. Chị quán vừa mở miệng đề hỏi, thì chàng ta nói thôi, rồi day mặt vô vách, không nói gì nữa. . .

★

★ ★

SỐ CHỮ TRONG CÂU ĐỐI

Một cặp đối có hai câu như đã nói trên. Mỗi câu gồm một hay là nhiều vế ; mỗi vế phải có ít nữa là hai chữ, còn nhiều hơn

thì bao nhiêu cũng được.

VỀ ĐỐI HAI CHỮ :

Muốn đặt trắc bình thể nào tùy ý, miễn là câu dưới nghịch âm với câu trên thì được :

Má phấn,

Môi son.

Mày tằm,

Mắt phụng.

VỀ ĐỐI BA CHỮ :

Muốn đặt trắc bình thể nào cũng được, miễn là *dùng đặt ba trắc* hay là *ba bình liên nhau* ; mà cũng *không dặng đặt một bình ở giữa hai trắc*, hay là *một trắc ở giữa hai bình*.

Gái thuyền-quyên,

Trai vãn-vật.

Nương cửa Phật,

Thấu nhà Trời.

VỀ ĐỐI BỐN CHỮ :

Nhứt tam mặc tình, *nhì tứ* trắc bình đối nhau. Nghĩa là trong hai câu, chữ thứ nhứt và chữ thứ ba đặt sao tùy ý, miễn là chữ *thứ hai* và chữ *thứ tư* nghịch âm với nhau mà thôi. (Tuy nói chữ thứ nhứt và chữ thứ ba đặt sao tùy ý, nhưng muốn cho đúng thì mấy chữ *một* và *ba* câu dưới phải nghịch âm với mấy chữ *một* và *ba* câu trên).

Trước còn trăng gió,

Sau mới đá vàng.

Gần mực thì đen,

Gần đèn thì sáng.

Vế đối năm chữ :

Chữ thứ *nhứt* không cần ; chữ thứ *hai* phải nghịch âm với chữ thứ *tư* và chữ thứ *ba* phải nghịch âm với chữ thứ *năm* luôn.

Keo-son dà hẹn trước,

Kim-cải khá vầy sau.

(Kim-thạch kỳ-duyên)

Chữ thứ *nhứt* không kể, chữ thứ *hai* vẽ trên *son* nghịch âm với chữ thứ *tư* *hẹn* ; chữ thứ *ba* *dà* nghịch âm với chữ thứ *năm* *trước*. Vế sau cũng vậy, *cải* nghịch âm với *vầy* ; *khá* nghịch âm với *sau*.

Câu đối sáu chữ :

Chữ thứ *tư* phải nghịch âm với chữ thứ *sáu*. Còn như đứt nghĩa ở chữ thứ *ba*, thì chữ thứ *ba* đó cũng phải nghịch âm với chữ thứ *sáu* nữa.

Nghinh-ngang đầu đọc trăm quan,

Đổng-dánh miệng khoa chín bệ.

Oan kết theo hồn Tinh-Vệ.

Lụy rơi hóa huyết Đổ-Quyên.

Chó sủa ma, gà đá bóng,

Trâu chém gió, thỏ giỡn trăng.

Câu đối bảy chữ :

1.— Thường đứt nghĩa ở chữ thứ *ba*. Đoạn sau đối với đoạn trước và câu dưới đối với câu trên. Như sau đây :

*Chim chia-vôi bay ngang đám thuốc,
Cá bã-trầu lội tuốt mương cau.*

Sau này chừng chúng ta xem tới thơ thất-ngôn đường-luật, chúng ta sẽ thấy trạng luận cũng đều là câu đối bảy chữ, nhưng niêm luật có khác :

*Trông mây luống những ngẩn-ngơ tình,
Nhấn nguyệt càng thêm lai-láng lụy.*

Câu đối tám chữ :

Mỗi vế hoặc hai chữ, sáu chữ kết lại ; hoặc hai vế bốn chữ kết lại (1) ; hoặc một vế ba chữ, một vế năm chữ kết lại ; hay là năm chữ, ba chữ kết lại ; với mỗi luật đối riêng của mỗi câu đối ba, bốn, năm, sáu chữ.

*Cực bầy ! tránh thầy con còn thầy cả,
Nào hay ! ngăn cửa trước rước cửa sau.*
(Kim-thạch kỳ-duyên)

*Dứt mối tơ, vợ mối chỉ càng hay,
Quen nhà mẹ, lạ nhà chồng chớ ngại.*
(Kim-thạch kỳ-duyên)

*Thói bướm hoa, nhà bạc đã không ưng,
Loài trắng gió, lâu xanh mau trả lại.*
(Kim-thạch kỳ-duyên)

*Hoa rụng cánh tàn, cùng phường lưu-lạc,
Áo xanh quần thắm, một giống đa tình.*

(1) Trong câu đối tám chữ chúng ta ít thấy dùng hai vế bốn chữ ráp lại, vì không khéo, nó thành hai câu vè mà chớ !

Câu đối chín chữ :

Mỗi câu hoặc lấy ba về ba chữ mà kết thành ; hay là lấy một về ba chữ kết với một về sáu chữ ; hoặc lấy một về bốn chữ kết với một về năm chữ :

Đó những dành, theo phòng nợ, bỏ phòng này.

Đáy cũng nguyện, bắt tóc mai, dày tóc trán.

Nào những thuở, họ bầm bà bang bà phủ,

Đến bây giờ, người kêu đũa nợ đũa kia.

Ngọc châu ấy phận, ăn rau đẹp bụng Di-Tề,

Bùn lấm là duyên, vạch đất vui tay Tắc-Khế.

Bóng trăng dọi tròng gà, thằng nhỏ xí-xô,

Giọt nước xoi hang chuột, giống mèo sừng-sợ.

Trống thúc mõ hồi không kè, bầu dầu ăn,

Tay quơ chun đập chẳng nài, đang tay phá.

Câu đối mười chữ :

Kết hai về năm chữ ; hoặc kết một về ba chữ với một về bảy chữ ; hay là kết một về bốn chữ với một về sáu chữ ; trước sau gì cũng được, miễn là chữ chót phần sau phải nghịch âm với chữ chót phần trước.

Cầu Xóm-Kiếp bán hành, cái chi mà hự-hẹ,

Lái Gò-Dưa mua bi, sao cá chuyện mà-cà.

Câu đối nhiều chữ hơn nữa :

Cũng có câu đối mỗi về mười một, mười hai chữ, hoặc nhiều hơn nữa. Cũng lấy điệu đã nói rồi, mà ráp thành, rồi cũng về dưới đối với về trên. Đây là một câu đối mỗi về có sáu mươi bảy chữ :

*Cũng may thay ! Công đặng-hỏa có là bao, theo đòi
vừa phận lại vừa duyên, quan trong năm bảy thứ, quan
ngoài tám chín phen, nào cờ, nào quạt, nào mũ, nào đai,
nào hèo hoa gươm bạc, nào võng tía dù xanh, mặt tài-tình
mà trong hội kiểm-cung, khắp trời nam bể bắc cũng tung
hoành, mùi thế trải qua ngàn ấy đủ.*

*Thôi quyết hẳn ! Cuộc phong-trần chi nữa tá, ngất
ngưỡng chẳng tiên mà chẳng tục, hầu gái một vòì có, hầu
traí năm bảy cậu, này kiệu, này cờ, này thơ, này rượu,
này đàn nguyệt hát hay, này chèo chuyên chén mẩu, tay thao-
lược đã ngoài vòng cương-tỏa, lấy gió mát trăng thanh
làm thích chí, tuổi trời ít nữa ấy là hơn,*

THƠ THƯỢNG-LỤC HẠ-BÁT

Chúng ta đã biết *vần* là gì, và đã biết *sắp vần* ra sao. Chúng ta đã biết chữ nào là *binh* chữ nào là *trắc*. Chúng ta cũng hiểu *đối* nữa. Bây giờ chúng ta cùng xem qua cách làm các lối *thi-phú*.

Trước hết chúng ta hãy xem qua thể *thượng-lục hạ-bát*.

Xin nhắc lại, trước kia, ta bị người Trung-Hoa đô-hộ trước sau gần ngàn năm. Mỗi mỗi người Trung-Hoa đều đem qua dạy ta, từ lễ-nghĩa, phong-hóa, học-hành, cho tới cách buôn-bán, theo cách người Trung-Hoa. Nhưng người nước ta có tánh thông-minh và không chịu khâm-phục người đô-hộ, nên luôn luôn tìm kiếm phương-thế để quật-khởi và giành lại tự-do độc-lập cho nước nhà.

Đứng về phương-diện văn-học, đầu thời đó ta thọ-giáo chữ Hán, ta học các lối thơ cũ của người Trung-Hoa, mà ta lại lợi-dụng chữ Hán, đặt ra một lối chữ nôm riêng cho ta, người Trung-Hoa không làm sao đọc được. Ta lại lợi-dụng luật đường-thi mà tạo ra luật thơ *thượng-lục hạ-bát* và *song-thất lục-bát*.

Vậy thơ *thượng-lục hạ-bát* là một thứ thơ thuần túy riêng biệt của người Việt chúng ta, từ già chí trẻ, từ người biết đọc cho tới kẻ dốt, ai ai cũng nói qua. Lối hai chục năm về trước, hễ tối rồi cửa đóng then gài, ai đi ngoài đường, ở thôn-quê hay thành-thị, cũng được nghe trong nhà tiếng võng hòa với giọng nói thơ, hoặc *Lâm-Sanh Xuân-Nương*, hoặc *Bạch-Viên Tôn-Các*, hoặc *Lục-Ván-Tiên* hay là *Quan-Âm Thị-Kính*, hoặc *Túy-Kiều*. . .

Tác-phẩm để lại thì ít, nhưng câu hò câu hát thì nhiều và nhờ dùng toàn là tiếng thông-thường, không kỳ-xảo, nên chi ai ai cũng hiểu, thành-thử ai ai cũng biết thưởng-thức ít nhiều.

Thơ *thượng-lục hạ-bát* cũng kêu là thơ *lục-bát*, như cái tên nó chỉ rõ, thì *câu trên có sáu chữ*, còn *câu dưới thì tám chữ*. Có vần có niêm luật và một hai khi có đối.

★

★ ★

VẦN Trong thơ *thượng-lục hạ-bát*, mỗi chữ cuối *câu sáu* (câu đầu) thì vần với chữ *thứ sáu câu tám chữ* (câu kế). Còn chữ cuối *câu tám chữ* thì vần với chữ *thứ sáu chót của câu sáu chữ* nối theo. Như vậy hoài cho tới khi nào hết. Mỗi đoạn là *bốn câu ba vần*.

Thí-dụ :

*Trước đèn xem truyện Tây-Minh,
Gã cười hai chữ nhân-tình éo-le.
Hỡi ai ! lẳng lẳng mà nghe,
Giữ răn việc trước, lánh dè thân sau,*

*Trai thời trung-hiếu làm đầu,
Gái thời tiết-hạnh là câu trau mình.
Có người ở quận Đông-Thành,
Tu nhân tích đức sớm sanh con hiền.*

ĐỒ CHIỀU (Lục-Vân-Tiến)

Thơ lục-bát có lúc không theo hẳn thể vừa nói trên.

Như vậy gọi là *biến thể lục-bát*, chữ sáu chót câu trên đem vần với chữ thứ tư câu dưới, chớ không vần với chữ thứ sáu như thường lệ. Thể này thì chữ *thứ tư câu tám chữ phải đặt bình* đặng có vần với chữ *thứ sáu câu trên*. Còn chữ *thứ hai* và chữ *thứ sáu phải đặt trắc* mới đặng.

Thí-dụ :

*Phạm-Công dắt mẹ trở ra,
Đụng lấy cột nhà dắt mẹ trở vô.
Phạm-Công dắt mẹ trở vô,
Đụng lấy cái bờ dắt mẹ trở ra.*

Thí-dụ thứ nhì :

*Làm sao cũng chẳng làm sao !
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi.
Làm chi cũng chẳng làm chi,
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao !*

★

★ ★

Sau đây là *niêm luật* của thơ *thượng-lục hạ-bát*. Câu sáu chữ, bắt đầu khởi bình bình, rồi tới trắc trắc rồi hai chữ chót đặt bình bình,

NIÊM LUẬT

Câu tám chữ cũng vậy : bình bình, trắc trắc, bình bình, trắc trắc, nhưng chữ *trắc* cuối thì lại đổi thành *bình* đứng xuống vần. (Cần nhớ chữ thứ sáu và chữ thứ tám trong câu tám chữ, phải đặt một *bình* thượng và một *bình* hạ nghe mới xuôi).

Thí-dụ :

Gương trong bóng lộn màu thanh,

Trong hiên đã vậy, ngoài sanh(1) mới càng. (70-H.T.) (2)

Môi đào hé mặt phù-dung,

Xiêm in bóng tuyết, sen lồng bóng rêu. (108-H.T.)

Thơ *thượng-lục hạ-bát* đúng niêm luật thì như vậy. Nhưng mà cũng có luật giảm : *nhứt tam ngũ bất-luận, nhì tứ lục phân-minh*, nghĩa là : trong hai câu trên và dưới, mấy chữ lẻ thì đặt sao cũng được, chỉ có mấy chữ *chẵn*, thì phải giữ cho đúng *bình* *trắc*. Nói vậy mà như muốn cho âm-diệu được dịu-dàng, thì chỉ có chữ thứ *nhứt* muốn đặt sao không cần-thiết cho lắm, chớ chữ thứ *ba* thì phải đặt *trắc* và chữ thứ *năm* thì phải đặt *bình*, mới êm cho.

Đây là những câu đặt theo luật giảm :

Đỉnh trầm thoang-thoảng gió khuya,

Chập-chờn cơn tỉnh cơn mê trước đình. (156-H.T.)

Câu sáu chữ, chữ thứ *nhứt* đáng *bình* mà đặt *trắc* : *đỉnh* ; chữ thứ *ba* đáng *trắc* mà đặt *bình* : *thoang* ; chữ

(1) *Sanh* : giàn hoa ngoài vườn.

(2) (70-H.T.) câu 70 trong truyện *Hoa-Tiên*. Những thí-dụ rút trong truyện *Hoa-Tiên*, thì chúng tôi trích trong *HOA-TIÊN TRUYỆN DẪN-GIẢI* của Đinh-Xuân-Hội, Tân-Dân Thư-quán, Hà-Nội 1930.

thứ năm đáng bình mà đặt trắc : *gió*. Còn câu tám chữ, chữ thứ nhứt đáng bình mà đặt trắc : *chập* ; chữ thứ ba đáng trắc mà đặt bình : *cơn*.

Thợ trời đâu hẳn vô tình,

Làm chi đem giống khuyh thành trêu ai. (166-H.T.)

Chữ thứ nhứt, và chữ thứ ba câu trên cùng câu dưới, trắc bình có giảm như đã nói, và chữ thứ bảy câu tám chữ đáng trắc mà đặt bình : *trêu*.

Thí-dụ thứ nhì :

Lặng nghe riêng những bàn-hoàn,

Trước còn đứng sững, bên bàn ngòi quên. (202-H.T.)

Đó là *niêm luật* thông-dụng. Nhưng có khi, mà cũng rất ít, thấy bỏ luật *bình bình trắc trắc* mà đặt *trắc* ở chỗ chữ thứ hai và *bình* ở chỗ chữ thứ tư. (Nhưng ta nên nhớ, phần nhiều hễ đặt như vậy, thì ba chữ sau phải đối với ba chữ trước).

Trong truyện *Túy-Kiều* hết thấy là 3.524 câu, mà ta chỉ thấy cụ Tiên-Điền dùng có ba lần mà thôi :

Khi tựa gối, khi cúi đầu (487)

Khi gió các, khi trăng sản (1.245)

Khi chén rượu, khi cuộc cờ (3.223)

Còn chữ thứ hai đặt *trắc* mà chữ thứ tư giữ *trắc* theo lệ, thì có nhiều hơn :

16 lần trong truyện *Túy-Kiều*,

5 lần trong truyện *Hoa-Tiên*, và

3 lần trong truyện *Quan-Âm Thị-Kính*.

Chúng tôi xin chép ra sau đây :

Trong TÚY-KIỀU :

- Đau-đòn thay, phận đòn bà* (83)
Nền phú-hậu, bực tài-danh (149)
Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài (163)
Đồ tế-nhuyễn, của riêng-tây (583)
Duyên hội-ngộ, đức củ lao (601)
Trên án sẵn có con dao (799)
Nước võ lưu, máu mồng gà (837)
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh (1.233)
Sao chẳng biết ý-tử gì ? (1.861)
Có cồ-thụ, có san-hồ (1.915)
Ấy mới gan, ấy mới tài (2.005)
Mụ quản-gia, vãi Giác-duyên (2.305)
Hại một người, cứu muôn người (2.685)
Người một nơi, hỏi một nơi (2.829)
Người yêu-diệu, kẻ văn-chương (2.841)
Thêm nền giá, nổi hương bình (3.189)

Trong HOA-TIÊN :

- Hàng khúc-hạ, dẫy hồi-lang* (279)
Dầu chẳng đoái chút nổi này (475)
Người lại các, kẻ về hiền (549)
Người hạnh-nghị, khách dung-nghị (1.459)
Người đón rượu, kẻ mừng vui (1.743)

Trong QUAN-ÂM THỊ-KÍNH :

Rằng Địa-Tạng dốc lòng tu (7)

Gương bạch-nguyệt, quạt thanh-phong (565)

Khi trống giục, lúc chuông dồn (637)

Trong những 24 câu kể trên, như ta thấy, thì phần nhiều đối nhau. Còn không đối nhau thì rất ít. Trong *Hoa-Tiên* ta chỉ thấy có câu :

Dầu chẳng doái chút nổi này (475)

Trong *Quan-Âm Thị-Kính* thì cũng chỉ có một câu :

Rằng Địa-Tạng dốc lòng tu (7)

Còn trong *Túy-Kiều* thì được ba câu :

Đau-dớn thay phận đờn bà (83)

Trên áng sấn có con dao (799)

Sao chẳng biết ý-tử gì ? (1.861)

Còn chữ thứ hai trong câu tám chữ, một hai khi cũng đặt *trắc*, nhưng rất ít, và không mấy gì hay. Chúng tôi còn nhớ một câu tục-ngữ :

Dạy con dạy thuở nên ba,

Dạy vợ dạy thuở mẹ cha đưa về.

★

★ ★

Trong mỗi câu, muốn dứt nghĩa sau
DỨT NGHĨA tùy ý.

Câu sáu chữ, có khi dứt nghĩa sau chữ thứ ba.
chữ thứ hai, có khi dứt nghĩa sau chữ thứ ba.

Khi nào dứt nghĩa sau chữ thứ ba, thì thường thường như chúng ta đã thấy ở trước, ba chữ sau đối với ba chữ trước.

Trong câu *tám* chữ, thường thường dứt nghĩa ở sau chữ thứ *tư*. Như có đối thì bốn chữ sau đối với bốn chữ trước.

Cũng có khi dứt nghĩa ở sau chữ thứ *hai*. Như vậy sáu chữ sau phải một nghĩa.

Có khi dứt nghĩa ở sau chữ thứ *ba*, thì năm chữ chót phải một nghĩa.

Thí-dụ câu *sáu* chữ dứt nghĩa sau chữ thứ *hai* :

Cũng sầu, song cũng vừa vừa (583 - H.T.)

Xuất gia, quyết một tâm liền (263 - Q.Á.)

Tiếng khoan, như gió thoảng ngoài (483 - Kiều)

Thí-dụ câu *sáu* chữ, dứt nghĩa sau chữ *ba*, không đối :

Sư khen rằng kẻ nho-phong (Q.Á. - 347)

Đau-dớn thay phận đờn-bà (Kiều - 83)

Dầu chẳng đoái chút nỗi này (H.T. - 475)

Thí-dụ câu *sáu* chữ, dứt nghĩa sau chữ thứ *ba*, có đối :

Ấy trên tiên, nọ dưới người (H.T. - 765)

Yêu vì nết, trọng vì người (H.T. - 1.493)

Người tài-lược, kẻ tình-trung (H.T. - 1.573)

Chưa cầm-sắt, cũng tạo-khang (H.T. - 1.617)

Tình phu-phụ, nghĩa quân-thần (H.T. - 1.629)

Đã người mới, lại người quen (H.T. - 1.653)

Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài (Kiều - 163)

Khi chén rượu, khi cuộc cờ (Kiều - 3.223)

Khi tựa gối, khi cúi đầu (Kiều - 487)

Thí-dụ câu tám chữ, dứt nghĩa sau chữ thứ hai :

Nhện vương, lại mấy phen làm nữa đây (H.T. - 1.248)

Dấu liễu, dấu nữa ich gì đấy chẳng (H.T. - 1.342)

Rén quì, thoát đã tuôn mưa dối hàng (H.T. - 1.400)

Dạy rằng : khuê-các sao hay chuyện ngoài (H.T. - 1.424)

Thí-dụ câu tám chữ, dứt nghĩa sau chữ thứ ba :

Châu nên đấu, gấm nên xe cũng liễu (H.T. - 706)

Phú Trương-Như, dễ mấy vàng chuốc nên (H.T. 714)

Màu hoa lê, hây dầm-dễ giọt mưa (Kiều - 226)

Đóa đồ-mi, đã ngậm trăng nửa vành (Kiều - 1.092)

Bể trầm-luân, lấp cho bằng mới thôi (Kiều - 1.104)

Đến phong-trần, cũng phong-trần như ai (Kiều - 1.192)

Lời tan hiệp, chuyện xa gần thiếu đâu (Kiều - 3.028)

Thí-dụ câu tám chữ, dứt nghĩa sau chữ bốn, không đối:

Vườn vừa dọn chĩnh, khách đã sang chơi (H.T. - 386)

Tám thành cho thấu, đá mềm dễ dáu (H.T. - 482)

Sóng hồ bèo cá, thì tám cũng chìm (Q.Á. - 730)

Động lòng mà khóc, người đứng sứt-sùi (Q.Á. - 752)

Đống xương vô-định, đã cao bằng đầu (Kiều - 2.494)

Thí-dụ câu tám chữ, dứt nghĩa sau chữ bốn, có đối :

Chẳng sản ngọc-bội, cũng phùng kim-môn (Kiều - 410)

Đầu cành quỳn nhật, cuối trời nhận thừa (Kiều - 566)

Thà liễu mạng bạc, kẻ sai chữ đồng (H.T. - 1.338)

Đem thân bằng-tuyệt, gửi hàm giao-long (H.T. - 1.456)

★

★ ★

ĐỐI

Thơ lục-bát, hai câu trên dưới, chữ nhiều ít không đồng, nên câu dưới đối với câu trên không thể được. Khi nào muốn đối, thì bắt đoạn sau đối với đoạn trước trong mỗi câu; hoặc trong câu sáu chữ, lấy hai chữ giữa hay là hai chữ chót cho đối với hai chữ đầu; hoặc lấy hai chữ chót cho đối với hai chữ giữa.

Thí-dụ :

Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần (Kiều - 17)

Lần thu-thủy, nét xuân-sơn (Kiều - 25)

Nền phú-hậu, bậc tài-danh (Kiều - 149)

Lời tan-hiệp, nổi hàn-huyên (Kiều - 1.569)

Người lại các, kẻ về hiền (H.T. - 549)

Nền thi-lễ, nếp đại-cán (H.T. - 699)

Áy trên tiên, nọ dưới người (H.T. - 765)

Tình kiều tử, dạ phàn-hương (H.T. - 1.037)

Mây dương-liễu, mặt phù-dung (H.T. - 1.073)

Nổi riêng nhớ ít tưởng nhiều (Kiều - 265)

Thâm nghiêm kín cổng cao tường (Kiều - 267)

Mấy lần cửa đóng then gài (Kiều - 271)

Đầu khi lá thắm chỉ hồng (Kiều-333)

Túi đàn cặp sách dề-huê dọn sang (Kiều-278)

Đầu trâu mặt ngựa ào-ào như sóng (Kiều-578)

Đã dành nước chảy hoa trôi lỡ-làng (Kiều-754)

Ra tay tháo cũi sỏ lồng như chơi (Kiều-1.072)

Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau. (Kiều-1.100)

Thuyền-quyên ví biết anh-hùng (Kiều-1.071)
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da (Kiều-22)
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh (Kiều-26)
Pha nghề thi-họa, đủ mùi ca-ngâm (Kiều-30)
Thác là thê-phách, còn là tinh-anh (Kiều-116)

Thi-dụ một bài *thượng-lục hạ-bát* :

Bà Trưng-Trắc

*Có nhà Lạc-trưởng xưa kia,
Sanh ra hai gái phong-tu hơn đời.
Đương khi nội thuộc Hớn-thời,
Sai người Tô-Định trị người nước Nam.
Bụng đau rất mực tham-lam,
Chỉ chăm lật túi coi thường mạng dân.
Thương ôi ! Thi-Sách lòng nhân,
Nữ đem hình-pháp không lòng xót-thương.
Đất bằng nổi sóng ai đương,
Tiếng oan dậy đất, lòng thương thấu trời.
Một phen mưa gió toi-bời,
Che mưa chống gió ai tài xông-pha ?
Mi-linh may có một bà,
Trong tay việc nước việc nhà ngỗ-ngang.
Tấm thân trung-nghĩa đôi dàng,
Một thương vì nước, hai thương vì chồng.
Em thì vì chị cùng lòng,
Hai cảnh bờ-liễu muôn trùng non sông.*

*Phất cờ chiêu-phủ tiên-phong,
Cùng nhau khắc một chữ đồng đến xương.
Lạ gì tức nước vỡ đường,
Dân đương chứa giận, việc càng chống nên.
Ba-quán theo ngọn cờ tiên,
Điếu dân phạt tội là tên trận này.
Kìa thì tứ, nọ thì thầy,
Cùng nhau ừng-mộ mỗi ngày dư trăm.
Đã đầy ruột tím gan căm,
Cái thù nô-lệ phải chăm báo đền.
Giỏ cơm bầu nước liền liền,
Khác gì con đở mẹ hiền gặp nhau.
Rõ-ràng thanh-ừng khí-cầu,
Khi nên trời cũng cố chiêu cho nên.
Áo bào, ngựa bạch, mũ tiên,
Phất cờ nương-tử đóng bên liêu-dinh.
Ba ngày mười vạn tinh-binh,
Loa còi vỡ đất, cờ tinh che trời.
Họ Tô hồn lạc phách rời,
Mấy hồi lướt biển, mấy hồi tung trăng.
Cờ nghĩa phất, lưới nhân giăng,
Dân vui lạc-lợi, nước tăng thái-bình.
Hồ quen giả hồ khoe mình,
Một cơn dông-lố tan-tành như không.
Giặc Tàu nay đã bình xong !*

THƠ SONG-THẤT LỤC-BÁT

Cũng là một *biến thể lục-bát lân thất-ngôn*, cũng kêu là *ngâm-khúc*.

Như cái tên của nó chỉ rõ, thì lối này có :

*hai câu bảy chữ,
một câu sáu chữ, và
một câu tám chữ.*

Bốn câu làm một đoạn, đoạn nào cho đủ ý đoạn nấy, cứ thế mà đặt xuống, bao nhiêu đoạn cũng được.

★
★ ★

ÂM-ĐIỆU

Câu *bảy chữ trên*, thì tiếng *hai* và *ba* phải đặt *trắc*, tiếng *bốn* và *năm* đặt *binh*, tiếng *sáu* và *bảy* đặt *trắc*.

Câu *bảy chữ dưới*, thì hai chữ *hai ba* đặt *binh*, hai chữ *bốn năm* đặt *trắc*, hai chữ *sáu bảy* đặt *binh*. Thành thử chữ *chót* câu *bảy trên* vần *trắc*, còn chữ *chót* câu *bảy dưới* vần *binh*, như vậy luôn luôn.

Một điều nên nhớ, là *luật bình trắc* trong thơ *song-thất lục-bát*, nơi hai *câu bảy chữ*, nó ở *chỗ chữ thứ ba* và *chữ thứ năm*, trái hẳn với thơ *đường-luật*, vì ở trong thơ *đường-luật*, thì *luật* ở *chỗ chữ thứ hai* và *chữ thứ tư* (và *chữ thứ sáu*).

Thí-dụ :

Câu cầm-lú đàn anh họ Lý,

Nét đan thanh bực chị chàng Vương. (22-Cung-oán) (1)

Gan chẳng đá, khôn đường khá chuyền,

Mặt phàm kia, dễ đến thiên-thai. (42-Cung-oán)

Đó là đúng theo *luật bình trắc*, nhưng có khi ta cũng thấy (thứ nhất là trong *Chinh-phụ ngâm*) chữ *thứ ba* *câu bảy chữ trên phải trắc* mà đặt *bình* : (2)

Chốn Hàm-Dương, chàng còn gánh lại,

Bến Tiêu-Tương, thiếp hãy trông sang. (58-Chinh-phụ)

Từ trầy sang đông nam ngắt nẻo,

Biết nay chàng tiến-thảo nơi đâu. (90-Chinh-phụ)

★
★ ★

(1) Câu 22 trong *Cung-oán*. Rút trong *Ngâm khúc* : I. *Cung-oán*, II. *Chinh-phụ*, III. *Tỳ-bà* ; Việt-Văn Thư-xã, Vinh-Hưng-Long Thư-quán Hà-Nội 1930.

(2) Chúng ta nên nhớ rằng : **NÊN ĐỌC**, chứ **KHÔNG NÊN BẮT CHƯỚC** mà làm theo.

Câu *bảy* chữ trên phải hạ vần *trắc* như đã nói.

VẦN Câu *bảy* chữ dưới thì chữ thứ *năm* phải đặt *trắc* theo vần chữ *bảy*, *câu trên*, rồi chữ thứ *bảy* hạ vần *binh*.

Hai câu *lục-bát* thì theo vần *lục-bát*, chữ thứ *sáu* câu *sáu* chữ, thì theo vần chữ thứ *bảy* câu *bảy* chữ kể trên.

Bốn câu làm một đoạn ba vần.

Đoạn sau, thì chữ thứ *năm*, câu *bảy* chữ đầu, vần *binh* theo một vần với chữ thứ *tám*, câu *tám*, kể trên.

Lớp nọ vần với lớp kia, kéo dài bao nhiêu tùy ý.

*
* *

ĐỐI Thơ *song-thất lục-bát* có hai câu *bảy* chữ, nên thường dùng *binh đối*, ở hai câu đó.

Thí-dụ :

Cuộc thành bại hầu cần mái tóc, (61)

Lớp cùng thông như đúc buồng gan. (Cung-oán)

Chàng thì trầy côi xa mưa gió, (53)

Thiếp thì về phòng cũ chiếu chăn. (Chinh-phụ)

Vành lược bạc gãy tan nhịp gõ, (49)

Bức quần hồng hoen-ố rượu rơi. (Tỳ-bà hành)

*
* *

Thí-dụ :

Làng cung-kiếm lăm-le bản sê, (37)

Khách công-hầu gặp-nghe mong sao.

Vườn xuân bướm hầy còn rào,

Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương.

Gan chẳng đá, khôn đường khá chuyễn,

Mặt phàm kia dễ đến thiên-thai.

Hương trời sá động trần-ai,

Dầu vàng nghìn lạng dễ cười một khi. (Cung-oán)

THƠ HỖN - HỢP

Có một thể thơ trường-thiên gồm các thể thơ *thất-ngôn* và *lục-bát*, *song-thất* và *thất-ngôn*, chen lẫn nhau : sau một đoạn thơ thất-ngôn bốn câu hay là tám câu là nối một đoạn thơ lục-bát, bốn, sáu hay là tám câu ; sau một đoạn thơ song-thất là nối một đoạn thơ thất-ngôn. Mỗi đoạn nào cố-nhiên là làm theo niêm-luật của thể ấy. Có một điều-kiện cốt-yếu là hạ vần phải liên-huôn với nhau : vần cuối câu, đoạn này phải hạ vần xuống cuối câu đầu đoạn kế.

Thí-dụ : (*tứ-cú* và *lục-bát*).

Tự cảm

*Tai mắt tim gan đứng cõi đời,
Không duyên cũng nợ núi sông chơi.
Còn vàng máu đỏ còn nhân-loại,
Đâu lẽ khoan tay chịu mặt gời ?*

*Mở gương thiên-cổ mà soi,
Anh-hùng, liệt-nữ những ai đó mà ?
Nào khi gió táp mưa sa,
Cỏ cây ai chuyển, sơn-hà ai xoay ?*

Chén rượu thanh gươm thích tháng ngày,
Việc đời như trở một bàn tay,
Công-danh, phú-quí cơn mê-mộng,
Võ-trụ thặng trăm cuộc tỉnh say.

Vẫy-vùng nam bắc đông tây,
Lung bầu nhiệt huyết dễ ngày nào vơi.
Phá tan trần-lụy trên đời,
Mở tung lạc-cảnh cho người bước qua.

Bốn biển anh em hiệp một nhà,
Hào-phong tung động khắp gần xa.
Chi hăng đập phẳng mười phương đất,
Lặn-lội chông gai mấy cũng là.

Đã liều gánh-vác xông-pha,
Buồm gan dễ mấy phong-ba mà trụng.
Kiếp đời ai chẳng kiếp chung,
Có chẳng một tiếng anh-hùng hơn nhau!

Chết đi còn để tiếng thơm lâu,
Phẳng-phất ngàn thu gọi lũ sau.
Thời buổi hoàng-kim nay đã chán,
Hỏi hồn nghĩa-hiệp ở đâu đâu?

Xót đời chìm đắm đã lâu,
Lấy ai mở mắt đỡ đầu cho ai?
Thương thôi nghĩ cũng nực cười,
Quý lòn phỏng thẹn với người xưa không?

*Ngang dọc nào ai chắc thỏa lòng !
Việc đời nhịn khổ phải ra công.
Hỏi chi thành bại xưa nay nhỉ ?
Kìa cái dã-tràng lấp biển đông !*

*Nhờ ai nhẩn ngọn đông phong,
Chiêu hồn nghĩa-hiệp về cùng nước non.
Báng-khuáng người mất chuyện còn,
Nhớ ai thêm thẹn thêm buồn cho ai ! (1)*

(?)

(1) Chúng tôi chỉ chép một thí-dụ. Bát-cú và lục-bát hay là tứ-cú và song-thất cùng bát-cú và song-thất cũng một điệu. Xin bạn đọc xem qua THI-TẬP, chương THƠ HỒN-HỢP.

BIẾN-THỂ SONG-THẤT LỤC-BÁT

Như có lần đã đề-cập sơ-lược ở mục thơ lục-bát, nhà thơ Việt-Nam thật là có óc độc-lập, và hay biến-chế theo một tinh-thần uyên-chuyên không ngừng. Theo tinh-thần ấy nhà thơ đã lấy đường-luật biến-chế ra lối thơ lục-bát, rồi nương theo thể lục-bát lại chế ra thể song-thất, cuối cùng lại hỗn-hợp hai thể thơ này chế ra một thể thơ khác nữa, mà ta nên gọi biến-thể song-thất lục-bát, thật là độc-lập, thật là thuần Việt, có thể đại-diện được cái tinh-thần chuyên-hóa của ta. Lối này là một lối tự-do của bình-dân áp-dụng trong ca-dao và chỉ trong ca-dao mới thấy nó.

Niên luật không định hẳn số câu ; số chữ cũng không hạn là bao nhiêu ; gieo vần sắp tiếng thể nào cho thuận tai hát nghe cho êm-ái thì được.

Thí-dụ :

Qua phán đã cạy lời,

Bậu còn hơi hờn trách ;

Đề qua nói : sách còn cớ ghi rằng :

Nam trọng tài-năng, nữ hằng trinh-khiết,

Bậu dứt qua rồi, sau tiếc thương qua.

Ngó lên trời thấy một đám mây bạch,

Ngó xuống lòng lạch thấy con cá chạch đỏ đuôi ;

Nước chảy xuôi, cá buôi lội ngược,

Anh mắng thương nằng biết được hay không ?

TRỌNG-TOÀN (*Hương-hoa đất nước*)

Thề thơ lục-bát biến-thể và song-thất biến-thể, ta thấy ứng-dụng trong ca-dao, và trong câu hát huê-tình, côm hờ, câu hát đối.

Thí-dụ một vài câu :

Ca-dao

Lên non thiếp cũng lên theo,

Tay vịn chơn trèo hái trái nuôi nhau.

Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,

Cầu cho cha mẹ sống đời với con.

Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng,

Đèn ra giữa gió được chăng hỡi đèn ?

Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,

Sao trăng lại phải chiều lờn đám mây ?

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già ?

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non ?

Trăng bao nhiêu tuổi trăng tròn ?

Núi bao nhiêu tuổi núi còn trơ trơ ?

Thí-dụ một vài câu:

Hát huê-tình (1)

Đèn nào cao cho bằng đèn Châu-Đốc,

Đất nào dốc cho bằng đất Nam-Vang.

Một tiếng anh than đôi hàng lụng nhỏ,

Anh có một mẹ già biết bỏ ai nuôi !

Họa hồ họa bì nan họa cốt,

Tri nhơn tri diện bất tri tâm.

Thuở xưa kia anh không biết anh làm,

Bây giờ anh rõ đặng, vàng oàm anh cũng buống.

Con cá dổi nằm trong cối đá,

Con chim đa da đậu nhánh đa da.

Anh biểu em đừng có lấy chồng xa,

Mai sau cha yếu mẹ già,

Chén cơm đôi đũa kỹ trà ai dưng ?

Đá cheo-leo trâu trèo trâu trượt,

Ngựa trèo ngựa đổ ;

Tiếc công anh lao khổ,

Tự cô chi kim ;

Mất em di anh khó kiếm khó tìm,

(1) Lối bốn chục năm về trước, thường-dân nước Việt miền Nam, hay dùng điệu này để hát có giọng du-dương, kêu là hát HUÊ-TÌNH mà cũng kêu là HÁT GIỌNG NHÀ THƯƠNG, cốt ý để trêu hoa ghẹo nguyệt.

Bây giờ anh kiểm em dặng rồi.:

Cũng giả tử như cây kim mà lòn sợi chỉ.

Sao em không biết nghĩ biết suy.

Em ham nơi quyền quới em không nghĩ gì tới anh

Quả năm ngăn trong lòng sơn đỏ,

Mấy lời to nhỏ bỏ bạn sao đành.

Chừng nào chiếc xáng bung vành,

Tàu Tây liệt máy anh mới đành xa em.

Thà tôi bận rách bận rưới,

Đề cho cha mẹ vợ tôi bận lành.

Công ơn cha mẹ sanh thành ơn vợ tôi.

THƠ BA CHỮ

Cũng kêu là VÈ.

Vè cũng là một lối văn vần đặc-biệt của ta.

Vè thông-dụng cũng lối bốn năm chục năm về trước. Trong thời-kỳ đó, người ta hay dùng lối này để kể một thời-sự hay để biếm-nhẽ một người tai mắt mà lỡ làm một điều gì không chánh đáng . . .

Văn vè không cầu-kỳ, dùng toàn tiếng thường thành-thử ai nghe qua cũng hiểu và nhờ có vần nên nghe thì nhớ.

Vè mỗi câu ba chữ, câu đầu chữ 1 *trắc* thì chữ 3 *bình* ; hai câu 2 và 3 chữ 1 *bình* thì chữ 3 *trắc*, còn câu 4 chữ 1 *trắc* thì chữ 3 *bình*.

Thí-dụ :

Vè Sài-Thành

Chốn Sài-Thành,

Nơi đô-hội.

Nhiều đường lối,

Lắm phố phường.

Khách bốn phương,

Dân tứ xứ.

Vào cư ngụ,

Đến bán buôn.

THƠ TỨ TỰ

Bốn tiếng ghép làm một câu. Bốn câu ghép làm một hệ-thống. Câu đầu khởi *trắc*, câu 2 và 3 khởi *binh*, câu 4 khởi *trắc*. Đó là một hệ-thống.

Rồi hệ-thống này nối với hệ-thống khác, cũng theo niêm luật trên, nghĩa là câu 1 hệ-thống này khởi *trắc* như câu 4 hệ-thống trước, rồi hai vắn *binh*, tới 1 vắn *trắc* như vậy luôn luôn, tới chừng nào dứt. . .

Phân ra mỗi hệ-thống bốn câu, cho có ngăn nắp, dễ hiểu và khỏi lạc ý. Dài ngắn gì cũng được, miễn đúng niêm luật trên thì được.

Những lỗi thông thường trong thơ Tứ Tự :

1.— *Lạc nhịp*. Nhịp sau chữ 2, mà lạc nhịp thì câu thơ ngừng-ngheo :

Có khi, biết phải,

Mới, gục-gặt đầu.

2.— *Lỗi thanh*. Thanh ở chữ thứ tư. Bình ở chữ 2 và trắc ở chữ 4. Nếu hai tiếng đều trắc hay là điều bình thì *lỗi thanh*.

Có lúc biết phải,

Thì liền gặt đầu.

3.— *Lạc vận* : Vận Tứ Tự như ở các lối thơ, rất cần thiết. Bởi vì là lối thơ bình-dân, người ta chú-trọng về thể-thức. Và lại câu thơ có bốn tiếng, thì mỗi tiếng cần phải chọn-lọc cho chính-xác mỗi tiếng, hưởng chi là vận.

4.— *Điệp vận*. Hai vận trùng nhau là lỗi. Cần phải tránh.

5.— *Chuyển ý đột-ngột*. Câu trên chưa dứt nghĩa, ý còn chuyển thông xuống câu dưới.

*Nếu ta muốn đạt,
Quả giác tròn đầy.*

hoặc *Nhưng mà chẳng kê,*

Lời thế ché bai. . .

3.— *Chuyển ý quá chậm*. Phép Tứ Tự phải trọn ý trong mỗi câu. Như chuyển ý thì phải chuyển trong hai câu, hoặc trong 4 câu, chớ không được truyền ý hệ-thống này qua hệ-thống khác, mà chưa dứt nghĩa.

*Tiền không chấp chứa,
Gạo chẳng cần thâu.
Ai tưởng đạo mầu,
Hộ cơm cùng muối.*

Bốn câu trên là một hệ-thống mà chưa dứt nghĩa ; phải chuyển sang hệ-thống sau mới thấy nghĩa bố-thí.

Những kỹ-thuật làm cho thơ Tứ Tự thêm hay.

Thơ Tứ Tự chỉ có bốn tiếng, rất gọn, âm-điệu giòn-giã vui tươi. Muốn hay, phải lựa đề hay, lối kể chuyện áp-dụng những yếu-tố cần-thiết chính-xác và văn-hoa.

a) *Chính-xác*: yếu-tố cấu-tạo câu thơ, dùng tiếng cho chính-xác, đúng nghĩa, đừng rườm-rà, đừng cho chữ nhiều mà nghĩa ít, hoặc không đúng nghĩa.

Gà vịt chạy rần,

Ngõn-ngang kêu rộ.

Hai tiếng *rần-rộ* là chính-xác, vì nó diễn-tả được cái cảnh-tượng lao-nhao lỗ-nhổ, rối-rit và inh-ỏi của gà vịt đương chạy và đương kêu. . .

Tình thế rộn toang,

Ngần-ngơ ngờ-ngần.

Hai tiếng *rộn toang* là chính-xác vì nó diễn-tả được cái cảnh-tượng rộn-rịp của nhóm người kinh-sợ ngần-ngơ kia.

Lưỡi sao liu lại,

Chẳng tiếng u-ơ.

Tiếng *liu* chính-xác, vì nó tả được cái rối-rit cuống-cuồng của người đang kinh-hoàng đến nỗi không thốt được ra lời; khiến cho ta hình-dung được cái lưỡi như rút như cuốn lại.

b) *Văn-hoa*. Tiếng chẳng những phải chính-xác mà còn phải chải-chuốt mới ra văn thơ, còn không thì chỉ là những tiếng nói thường không làm sao có khí-vị văn-chương.

Khác nào cheo thỏ,

Sợ quỳnh lằng-xăng.

sửa lại :

Bồi-hồi dạ thỏ,

Luống-cuống thân cheo.

ĐỐI

Có ba thể-thức :

1. Đối trung cú.
2. Đối từng cặp.
3. Đối từng đoạn.

1.— *Đối trung cú* : Trong một câu, hai vế đối :

Lập công, bồi đức.

2.— *Đối từng cặp* :

Lè-kè túi đồ,

Lụng-thụng áo vàng.

3.— *Đối từng đoạn* : Câu dưới đối câu trên, hoặc hai câu này đối với hai câu nọ, hoặc bốn câu trên đối với bốn câu dưới.

Có kẻ nói rằng,

Giời tu bỏ ngơi.

Thêm người kêu đại,

Tà đạo quên ma.

Nguyên-tắc.

Cũng có ba cách đối :

1. Bõ-túc.
2. Tương-quan.
3. Tương-phản.

1.— *Bõ-túc* :

Chon bước trên đường,

Lời ghi trong trí.

2.— *Tương-quan* :

Tiền không muốn chấp,

Gạo không dành thâu.

3.— *Tương-phản :*

*Thoát chốn trần-lao,
Về miền cực-lạc.*

Thi-dụ :

Về con Cúc

*Nghe về nghe về,
Nghe về con Cúc.
Trầu ăn mấy chút,
Bắt mẹ tôi đèn.
Năm đầu kéo lên,
Tôi đau cha chả...*

Về xã Cần (1)

*Nghe về nghe về,
Nghe về xã Cần.
Xướng thời thơ-thần,
Ở chốn thanh-lâu.
Chúng bạn không cầu,
Cứ theo xóm diêm.*

THẦY GIÁO TÂN

Đó là một lối về thông-dụng nhất. Nhưng mà về muốn làm cho đúng điệu thì chữ thứ hai câu dưới phải vần với chữ thứ tư câu trên.

(1) Một người tai mất ở một tỉnh kia, thời bấy giờ. Chúng tôi đổi tên chớ không để tên thiệt.

Thí-dụ :

Tiểu nhi ca

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.
Khuyến răn học-hành, làm lành lánh dữ:
Đọc sử cùng kinh, cho minh thế-sự.
Chư-tử xem coi, học đòi việc tốt.
Trước một sau hai, trai tài gái tiết.
Trinh-khiết tài lương, cang-thường đã định.
Quán kính thần trong, còn lòng phụ-tử.
Hai chữ hiếu từ, sự tư trường cửu.
Huynh hũu đệ cung, phu tòng phụ hóa.
Đạo cả hỏi đày, ơn thầy dạy dỗ.
Suy cỡ nghiệm kim, kiếm tìm lẽ chánh.
Kinh thánh thiện huyền, lưu truyền hậu thế.
Tiên lễ hậu văn, ở ăn khuôn phép.
Ghi chép lời hay, hằng ngày năm giữ.
Cư xử việc đời, ấy thời tri tỉnh.
Cung kính khiêm nhường, ôn lương mới dặng.
Khẩn khẩn thiết thà, tri quá (?) tất cải.
Nhơn ngãi rèn lòng, hiếu trung tạc dạ.
Thái quá làm chi, hối chi bất cập.
Khô lập nên thân, Tô-Tần tướng quốc.
Lý-Mật đời Tùy, sớm thì Lý-Bi.
Có chí học hành, kẻ khanh người tướng.
Nhà hưởng lộc trời, trên đời chi khó.
Gắng vó nên danh, công thành danh toại.

Đừng dại ham chơi, nghe lời cải tánh.

Ăn bánh ăn hàng, đọc đàn đọc sá.

Hớt cá tắm sông, rá đồng vọc cát.

Chơi ác đừng ham, tùng tam tụ ngũ.

Đánh lú đánh bong, đồng-dồng mệt-mỏi.

Dầu giải ích chi, học nhi thi tập.

Sớm lập thân danh, học hành tận lực.

(?)

HÁT Ỏ ĐÀO

Ca từ là những điệu văn đặc-biệt của ta. Có nhiều điệu : *hát ỏ dào, lý, xàm, hề, diên, trống quân, quan họ, đò đưa*. . . toàn là những lối thi-phủ, đặt đề ca hát theo nhịp đờn tiếng trống.

Trong các điệu, có điệu *ỏ dào* thì thường dùng hơn hết.

Điệu *ỏ dào* cũng có nhiều lối : *hát nói, dung hương, giáo trống, gỏi thơ, thét nhạc*. . . Các điệu sau, hình như khó hát hay, nên hiện giờ ít thấy, duy có *hát nói* còn lưu lại nhiều mà thôi.

Lối *hát nói*, người ta còn gọi là *xương ca*, mà trong Nam thì gọi là *ca trù*, thì đặt, phải như vậy :

Trước hết bốn câu lục-bát, để nêu ý nghĩa của đầu đề, gọi là bốn câu *mưỡu* (1).

Rồi mới vào bài.

Một bài *hát nói*, thường thì là *mười một câu* (2) chia làm *năm đoạn*, mỗi đoạn *bốn chữ* đến *bảy chữ*, mà có khi dài hơn cũng có.

(1) Có khi câu Mưỡu đặt luôn TÁM CÂU LỤC-BÁT. Mà có khi cũng không có đặt câu Mưỡu. Xem trương 71.

(2) Có khi bài hát nói dài hơn mười một câu. Như vậy thì phải chia ra nhiều đoạn gọi là GỐI HẠC.

Hai câu đầu kêu là *tông-mạo*, đề vào đề.

Hai câu sau kêu là *thừa-đề*, tiếp với hai câu trên, cho hết ý của đầu đề.

Rồi tới hai câu *thơ chữ*, hay là *nôm*, dùng lối ngũ-ngôn, hay là thất-ngôn, để tóm hay là nêu ý của đầu đề. Có khi không dùng câu chữ, mà dùng hai câu *di lưu-thủy* cũng được (1).

Bốn câu sau nữa cũng để giải-thích cho tường-tận nghĩa của đầu đề ; kêu là *tông-luận*.

Mấy câu đều đi đôi với nhau, có đối nhau thì tốt, bằng không đối cũng không sao. Thường thì hai câu trên dưới số chữ bằng nhau. Mà có khi câu trên hoặc nhiều hoặc ít chữ hơn câu dưới. Có nhiều khi cũng không theo điệu nói trên : tám câu rồi câu chữ, còn trước câu chót, thì đệm một câu lục-bát, (xem trương 83) hoặc một câu chữ.

Câu chót hoặc năm hoặc sáu chữ, mà *sáu chữ* thường hơn, để tóm ý bài, kêu là *câu kết*, đi một mình,

★

★ ★

Điệu hát nói có một cách sắp vần thường dùng, **VẦN** là sắp vần ở cuối câu (*Cước vận*). Nhưng muốn cho đúng điệu thì còn phải sắp thêm vần ở giữa câu nữa (*Yêu vận*).

Cước vận thì đương bình qua trắc, rồi trở lại bình, qua lại hoài chớ không đi luôn một âm.

(1) Xem trương 82.

Mở đầu một câu *bốn*, *năm* hay là *bảy chữ hạ vần trắc*.

Câu nhì *tám chữ*, vần *binh*.

Câu ba, chữ cuối, một vần với chữ cuối, câu hai trên.

Câu tư thì chữ thứ năm hay là thứ bảy một vần với chữ cuối câu ba, rồi chữ chót xuống vần *trắc*.

Đến hai câu thơ, *chữ* hay là *nôm*, năm hay là bảy chữ, hoặc hai câu *nôm* đi lưu-thủy, chữ cuối câu trên vần *trắc*, một vần với chữ cuối câu bốn. Còn chữ cuối câu dưới thì vần *binh*, đi một vần với chữ cuối câu thứ bảy dưới.

Bốn câu kể, cũng mấy chữ, và vần như mấy câu đầu.

Rồi đến câu chót, *năm* hay là *sáu* chữ, vần *binh*, đi một vần với chữ cuối câu kể trên.

Thí-dụ :

Bóng đèn cô đào Sen

MƯỜU

Bóng người, ta nghĩ bóng ta,

Bóng ta, ta nghĩ hóa ra bóng người.

Tỉnh ra rồi mới nực cười,

Giấc hồ ai khéo vẽ-vời cho nên.

NÓI

Cô đào Sen là người thi-liệu,

Cớ làm sao ông-ọ với làng nho ?

Bóng đâu mà bóng đèn cô ?

Bỗng thấy truyện nhỏ-to thêm thắc-mắc.

Cổ hữu việc vi thân ngoại vật,
Toán lai đô-thị mộng trung nhân. (1)
Sực tỉnh ra nào biết chuyện xa gần,
Còn vắng-vắng tiếng đàn cùng tiếng trống.

Quán bất kiến :

Thiên-thai động khẩu cần tương tổng,
Dấu bóng, ta, ta, bóng, có làm sao ?
Thật người hay giấc chiêm bao ?

YÊN-ĐỒ

Một thí-dụ nữa mà hai câu chữ, không dùng chữ, lại lấy một câu nôm lưu-thủy đặt vào :

SỢ VỢ GHEN VỚI CÔ ĐÀO OANH

MUỖU

Gớm cho cái nợ tình đời,
Đem gương lối-nữ đổi người phong-huê.
Tin xuân thỏ-thẻ đi về,
Mảng vui oanh hót mà e liễu hòn.

NÓI

Gớm xin thừa lại,
Hỏi tình-quán rằng : phải thế hay không ?
Buổi tán-tri chưa vớng lục láy hồng,
Mà phòng trong đã hà-đông sang-sảng tiếng !
Ngắm vẻ anh-hào coi cũng mến,
Truyện ghen-tuộng còn để tiếng khi xưa.

(1) Dầu có cũng là thân ngoại vật,
Ngắm ra thôi cũng giấc mơ-màng.

Chén khuyên chàng ngoảnh mặt làm ngơ,
Đừng liều cợt trăng mờ chi thóc-mách.
Một may hỏi tiểu-thơ mượn sách,
Giật mình về nỗi khách đa-mang.
Nước đời được mấy thức-lang ?

DƯƠNG-KHUE (1)

Đây là một thí-dụ không có mưu, mười câu rồi,
còn chêm vô một câu lục-bát, rồi mới kết bằng một
câu sáu chữ :

Nợ phong-lưu

Cõi trần-thế nhân sanh là khách cả,

Nợ phong-lưu kẻ trả cớ người vay.

Trong trần-gian ai biết ai hay,

Làm ra đặng phi-thường cho lỗ mặt.

Quân-lữ dụng tâm vô đổ kỹ,

Trương-phu nhập thế hữu kinh quyền.

Bất oán non diệc bất ưu thiên,

Trong ba vạn sáu ngàn ngày đều thích chí.

Năm ba chén non non nước tri,

Một vài câu thơ thánh rượu thần.

Nhờn-nhờ trong áng hồng-trần,

Sánh người chung-đỉnh đại-cân cũng vừa.

Thánh-thời bầu rượu túi thơ.

(?)

(1) Làm bên ông Dương-Lâm đi hát nhà cô đào Oanh, mắc phải Dương-phu-nhơn ghen.

THƠ ĐƯỜNG-LUẬT

Chúng tôi không cần giải những lối thi-phú hồi đời thượng-cổ của Trung-Hoa như những chương *hỉ-khĩ*, *minh-lương*, những khúc *khánh-vân*, *nhứt-nguyệt*, thông-dụng ở tại trào đời bấy giờ, hay là những điệu *lão-nhân kích-nhưỡng*, những bài *khang-cử đồng-dao lưu-truyền* ở ngoài dân-gian thời đó.

Chúng ta nên hiểu sơ, cuối đời Đông-Châu, Khuất-Nguyên ở bên Trung-Hoa, có bày ra điệu *tao* là điệu *sở-từ*, câu trên hoặc bốn, năm hoặc sáu chữ (1) ở giữa có đệm một chữ *hề*; câu dưới cũng mấy chữ, mà chữ cuối thì vần với chữ cuối câu trên. Còn số câu thì tùy ý tác-giả, đặt bao nhiêu cũng được.

Rồi lần lượt mãi sau, mới có một lối thơ, hình-thức thuần-thực hơn, hạn-định hơn, người ta gọi là *cổ-thi*, *cổ-thể* hay là *cổ-phong*. Lối thơ này bảy chữ (1) có bốn hay là tám câu, vần ở cuối câu đầu và ở cuối các câu số chẵn, chẳng có luật *bình*, *trắc*, đặt sao nghe êm tai thi được. Rồi mãi tới đời Đường, có thi-sĩ Lý-Bạch đặt nhiều bài thơ có âm-điệu hay, nhà vua mới cho một nhóm quan văn lựa điệu chọn âm theo thơ Lý-Bạch, đặt ra luật *nhứt-định*.

(1) Đáng lẽ nói là TIẾNG mới đúng. Nhưng ta quen kêu là CHỮ nên chúng tôi cũng để là CHỮ vậy.

Đường-luật phát ra từ đây.

Thi-sĩ bên ta, ngày xưa cũng noi theo đó mà làm thơ ; mà hễ làm thơ thì làm toàn bằng tiếng Hán. Rồi tới đời Trần-Nhân-Tôn, ông Hàn-Thuyên (1), rành việc văn-chương, giỏi bề thi-phú, mới chế ra *chữ nôm*, thông-dụng tới ngày nay, để âm-tả được tiếng Việt.

Ông Hàn-Thuyên bày ra cách làm thơ toàn bằng *chữ nôm* theo luật thơ *Đường*.

(1) Ông Hàn-Thuyên trước kia tên là Nguyễn-Thuyên. Vì ở sông Phú-Lương (Nhi-Hà) có con cá sấu nhiều-hại hơn-dân. Ông Nguyễn-Thuyên mới làm một bài hịch đem đốt dựa mé sông. Cá sấu dờn đi chỗ khác. Vua Nhân-Tôn cho đó là một chuyện giống chuyện Hàn-Dũ đời Đường bên Trung-Hoa, mới cho ông đổi họ Nguyễn lấy họ Hàn.

Bài thơ CÁ SẤU như vậy :

ĐUỐI CÁ SẤU

Ngạc-ngư kia hỡi ! mầy có hay ?
Biển đông rộng-rãi là nơi mầy.
Phú-Lương đây thuộc về thánh-vực,
Lạc lối đâu mà lại đến đây.
Há chẳng nhớ rằng nước Việt xưa,
Dân quen chài lưới chẳng tay vờ.
Đời Hùng vẽ mình vua từng dạy,
Xuống nước giao-long cũng phải chừa..
Thánh-thần nối dõi bản triều nay,
Dấy từ hải-áp, ngôi trời thay.
Vô-công lừng-lẫy bốn phương tỉnh,
Biển lặng sông trong mới có rày:
Hùm thiêng ra dấu dân cày cấy,
Nhân-vật đều yên đâu ở đây.
Ta vâng để-mạng bảo cho mầy,
Hãy về biển đông mà vùng-vẫy !

Trích trong báo *Ánh-sáng số (?)*

Hàn-luật và *thơ nôm* ta bắt đầu từ đời Trần-Nhân-Tôn vậy.

Mãi sau này mới có chữ *quốc-ngữ* ở xứ ta. Vì nhờ có *năm dấu* và một âm *bình* (chữ không có dấu) dễ cho chúng ta thấy được *bình trắc*, nên từ lối năm năm 1900 đã thấy trong làng-thi Việt, xuất-hiện nhiều bài thơ viết bằng chữ *quốc-ngữ*.

Vậy *thơ đương-luật* là một lối thơ có *vần*, có *luật*, có *niêm*, có *câu đối*.

Thơ năm chữ kêu là *ngũ-ngôn*,

Thơ bảy chữ kêu là *thất-ngôn*, (1)

Thơ bốn câu kêu là *tứ-tuyệt*, *tuyệt-cú*, *tứ-cú*. (2)

Thơ tám câu kêu là *bát-cú*, (3)

Bài luật (*Ngũ-ngôn bài-luật*, *Thất-ngôn bài-luật*) thì là mười hai, mười sáu hay là hai mươi câu.

Thơ dài hơn hai mươi câu thì kêu là *hành* hay là *trường-thiên*.

Muốn làm một bài thơ *bát-cú*, hay *tứ-cú*, *thất-ngôn* hay là *ngũ-ngôn*, trước hết phải lựa một cái *dầu đề*.

★
★ ★

(1) Thấy đời Lê hay dùng một hay là hai câu sáu chữ đề chen ở giữa hoặc đặt ở đầu. Điều đó chúng ta thấy ông Nguyễn-Bỉnh-Khiêm hay dùng. Nhưng điều ấy tới đời Nguyễn thì không còn thấy dùng nữa.

(2) TUYỆT nghĩa là NGẮT, CÚ nghĩa là CÂU. TUYỆT-CÚ, nghĩa là NGẮT BỎ BỐN CÂU, còn lại bốn câu.

(3) Có chỗ kêu ĐƯƠNG - LUẬT, nhưng thơ BÁT - CÚ THẤT-NGÔN mà thôi.

ĐẦU ĐỀ

Cái đề là cái tựa bài thơ, đề cho người ta biết, cốt ý tác-giả muốn nói gì, hoặc :

Tả cảnh là, vẽ một cảnh núi-non rừng-bụi, một cảnh thành-thị thôn-quê, chỗ đầu gành bãi biển, nơi thắng-cảnh danh-sơn, thú phong hoa tuyết nguyệt...

Tả tình, tình của mình, tình của người ;

Cảm-hứng, là thấy một cảnh-trí nào mà rung động tấm lòng phải thốt ra lời ;

Thuật-hoài, là buồn tâm-sự hay vui hoàn-cảnh, mà thường là buồn nhiều hơn, đem tâm-ý phô ra, để ngâm ngợi cho tiêu-khiêu ;

Phùng-thế, là chỉ-trích tình đời, chê-bai thế-sự ;

Phù-thế, là khen tặng, khen tặng nhơn-tình, vui mừng công-đức ;

Tặng, là chúc-tụng một nhơn-vật, một bằng-hữu ;

Vịnh sử, là luận về những nhơn-vật lịch-sử để khen những công cao đức cả, để chê những thói đê-hèn, những tình nhục-nhã ;

Vịnh vật, là tả cây-cối, vật-dụng, cầm-thú...

Ký-sự, là thuật lại một chuyện gì ;

Du-ký, là tả một cuộc hành-trình ;

Họa, là lấy vận những bài xưa, bài nay, gọi là bài *nguyên-xương*, để nói theo một ý, để bắt-bẻ, để trả lời.

Đề ta đã lựa rồi, thì ta muốn lấy *vần* gì tự ý.

Còn đề mà người ta ra cho mình làm, thì có khác một chút ; phải lấy vần theo một vần trong mấy chữ ở đề ra. Thí-dụ người ta ra cho mình : « *Đạo làm người* » thì *vần* phải là *ơi* mới được ; « *Một đám mưa đêm* » thì

vẫn là *ra* hay là *ém* mới phải. Còn đặt vận khác thì không đúng điệu.

Có khi người ta ra đề cho mình, bằng một câu *ca-dao* hay là bằng một *câu thơ*, lối này kêu là *phú-đắc*, thì *phá thừa*, mình phải gồm hết ý trong câu *ca-dao* hay là *câu thơ* đó, thiếu thì không được. Bởi vậy ta thường thấy như câu *ca-dao* là hai câu lục-bát, thi-sĩ chêm một chữ vô câu đầu và bỏ một chữ ở câu thứ nhì, mà làm *phá thừa* cho bài thơ mình, vậy tả mới hết ý đề. Còn như không làm vậy, thì như đề là « *Thôi thôi buông áo em ra. Để em đi bán kẻo hoa em tàn* », thì *phá thừa* phải tả sao cho đủ các ý : *đừng niu áo của em, để em đi, em đi bán hoa, khi hoa em còn tươi...*

Như bài *phú-đắc* là :

« *Phải chi vác nôi súng đồng,
Ra đi lính thế cho chồng dôi năm* ».

Thì *phá thừa* ta thấy thi-sĩ làm :

*Phải chi vác nôi súng bằng đồng,
Đi lính dôi năm thế đỡ chồng.*

Lấy vận *đồng* của đề, thêm một chữ bằng câu đầu, còn câu nhì thì bỏ hai chữ *ra, cho*, thay vô một chữ *đỡ*, đảo lộn vài chữ, thành ra một câu *phá thừa*, đủ ý-nghĩa của đầu đề.

Còn đề « *Buông áo em ra...* » thì ta thấy thi-sĩ làm :

*Thôi thôi đừng niu áo em mà,
Hoa hã còn nhiều chợ lại xa.*

Tả rõ : *Buông áo em ra, chợ còn xa mà hoa em còn nhiều*, thì rõ nghĩa, em đi bán hoa, chớ không thôi em đem

hoa ra chợ mà làm gì ? Mà hoa hãỷ còn nhiều, đừng nói chuyện nhũng-nhũng, thì hoa tàn hết, làm sao mà bán cho được.

Phá thừa thì vậy, mà *trạng* cũng phải *trạng* cho hết ý của đề, rồi *luận* cũng cho rõ-rệt, mới-đúng, mới không hỏng. . .

Còn khi nào người ta *ra đề* bằng một bài thơ, thì đề giấu hoặc trong bốn chữ thứ nhất, hoặc bốn chữ thứ hai, hoặc bốn chữ thứ tư hay là bốn chữ thứ sáu trong mỗi câu (bởi vì ra đề thường thường ra bằng thơ tự-cú) hoặc trong hai hay là ba chữ chót, ở câu cuối.

Thường thường vẫn người ta cũng cho luôn trong mấy câu thơ. Như không có, thì chúng ta nên mượn *văn* của bài người ta cho, mà làm *văn* bài của chúng ta. Như vậy mới là đúng cho.

Thí-dụ :

Ra đề

*Giấu đề bát-cú mượn văn ông,
Giấc mộng sang chơi tận ánh hồng.
Viếng cảnh hương hoa màu sắc chói,
Động tiên truyền đạo bóng trăng lồng.*

(?)

Như chúng tôi đã dẫn ở trước, thì thấy rõ đề, là *mộng cảnh tiên*, còn *văn* là *ông*.

Đây chúng tôi chép thêm một thí-dụ nữa, đề nói rõ trong bài xướng :

Ra đề

*Đã nhiều hạ cổ chỗ tri-âm,
Nũng-nịu khiêm-cung sợ lỗi-lầm.*

Lời dạy ân-cần xin lãnh ý,

Vịnh đề âu thử : trận mưa dầm.

T. P.

Đề là *trận mưa dầm*, chúng ta thấy rõ. Cho đề mà không cho vần. Như vậy thì chúng ta phải dùng vần *âm* là đúng. Không thì dùng vần *ra* cũng được. Nhưng mà không đúng bằng vần *âm*.

*
* * *

THƠ TÁM CÂU

PHÁ THỪA

Có đầu đề rồi, bây giờ chúng ta hãy nhập đề.

Trong một bài thơ tám câu, câu đầu kêu là *câu phá*.

Câu phá phải nói cho rõ cái đề cho người đọc hiểu ngay mình muốn nói gì.

Câu thứ nhì kêu là *câu thừa*.

Câu thừa nối ý *câu phá* đề nói cho hết ý đề.

Khi *câu phá* nói mí, thì *câu thừa* phải nói cho rõ-rệt, gọi là *phá ám thừa minh*. Còn *câu phá* đã nói rõ rồi, thì *câu thừa* chỉ vẽ thêm điều tốt đẹp, hay là những tánh-tình, đề hiểu thêm. Như vậy gọi là *phá minh thừa ám*.

Thí-dụ *phá ám thừa minh* :

Thơ cối xay

Khen con Tạo-hóa cũng tài thay !

Khéo tạo nên hình cái cối xay.

YÊN-ĐỒ

Câu đầu còn nói xa nói gần, đến câu thứ hai thì ta thấy là nói chuyện cái cối xay chớ không còn nói cái gì khác nữa.

Một thí-dụ thứ nhì :

Thơ miềng sành

*Rủi tay một phút hóa tan-tành,
Thiên-hạ còn kêu tiếng sỏi-sành.*

PHỒ-MÃ LÂM (?)

Đọc *câu phá* thì chúng ta thấy tại làm sao mà cái vật kia tan-tác ; tại người rủi tay ! Qua *câu thừa* thì lại thấy rõ cái vật cầm trong tay trước kia, bị người rủi tay, mà nay thành miềng sành rồi !

Thí-dụ phá mình thừa ám :

Thơ Chợ Đồng

*Tháng chạp, hai mươi bốn, chợ Đồng.
Năm nay chợ hợp, có đông không ?*

YÊN-ĐỒ

Mở *câu phá* thì ta thấy rõ-ràng là ngày hai mươi bốn tháng chạp, là ngày nhóm chợ Đồng.

Một thí-dụ thứ nhì :

Buổi trời chiều

*Trời chiều băng-lãng bóng hoàng-hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.*

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Câu đầu chúng ta thấy tác-giả định rõ cảnh trời tà. Qua câu thứ nhì chúng ta thấy là gần tối, nên trống đã thu-không.

Một thí-dụ chót, rút trong bài *TRẮNG NON*, không biết tác-giả là ai, mà chúng ta ai ai chắc cũng đã biết.

Trắng non

Khen ai cắc-có bắm trời tây,

Tỉnh giấc Hằng-Nga sớm vẽ mây.

Nửa phiến linh-dinh trôi mặt nước,

Một vành lừng-đứng dán trên mây.

Cá ngừ câu thả bơi-bời lội,

Chim tưởng cung trương sập-sấn bay.

Miệng thề chớ chê rằng chích-mác,

Một khi tròn-trịa bốn phương hay !

(?)

Chúng ta đọc câu phá : *Khen ai cắc-có bắm trời tây* thì chúng ta thấy rõ trên trời, phía tây, có mảnh trăng lưỡi liềm mà chúng ta mừng-tượng như là ai lấy móng tay bắm có dấu trên màn trời.

Câu thừa : *Tỉnh giấc Hằng-Nga sớm vẽ mây*, cất nghĩa sao còn sớm mà Hằng-Nga đã vẽ mây, đã sửa-soạn rồi ; tả cảnh như thật, vì trắng non thì mọc ban chiều, chưa tối ; thì là sớm, vì trong óc của chúng ta, trăng thì chỉ mọc ban đêm mà thôi. Vả lại thi-sĩ dùng tiếng *Hằng-Nga* để chỉ mặt trăng, thì tuy câu thừa ám, mà chúng ta cũng thấy có trăng, mà trắng non như chơn mây của Hằng-Nga.

★

★ ★

CÂU THỰC

Trong một bài thơ bát-cú có hai câu thực kêu là cặp *trạng*, câu sau phải đối với câu trước. Câu *trạng* trước phải tả rõ đầu đề. Câu sau biện cho rõ thêm.

Thí-dụ cặp *trạng* trong bài *Trăng non* trên :

Nửa phiến linh-dinh trôi mặt nước,

Một vành lũng-đứng dán trên mây.

Câu trên tả *nửa phiến* là cái lưỡi liềm, giọi xuống mặt nước hình như trôi ở trên vậ. Câu dưới tả *một vành* hình như dán trên trời.

Trạng như vậy thì rõ cái đề là con *Trăng non*, trăng lưỡi liềm, ở trên trời thì như vành dán trên mây, còn giọi dưới nước thì là một phiến trôi ở trên mặt nước.

Còn đối thì đối rất chỉnh, đối xác chữ, đối xác nghĩa.

+

★ ★

CẶP LUẬN

Đề bàn rộng đề ra, hoặc khen, chê, so sánh. Thường dùng tích kiã điển nọ, tương câu sách này, phô lời hát nọ, để giải cho hết ý đầu đề.

Thí-dụ cặp *luận* cũng trong bài *Trăng non* :

Cá ngò câu thả toi-bời lội,

Chim ngõ cung trương sập-sắn bay.

Câu trên bàn rộng đầu đề : cá thấy cái vành tưởng lưỡi câu sọ, xúm nhau lội tránh toi-bời; câu dưới bàn rộng chim thấy trăng lưỡi liềm hình như cây cung, sọ tên đo bay trốn. Mà *luận* còn đúng về cách đặt câu : câu trên giải nghĩa câu *trạng* trên : cá thấy nửa phiến trôi trên mặt

nước tướng lười câu, sợ lo lợi tránh ; còn câu *luận* dưới thì giải nghĩa câu *trạng* dưới : chim thấy một vòng cong tướng là cung trương, nên sợ, lo sợ mà phải rậm-rật bay cho xa để tránh lẫn tên.

Luận còn phải đối, mà ở đây đối thiệt là đúng lắm, đối chữ, đối ý, không lời, không sai.

Nên nhắc ở đây, trong *trạng*, *luận* không đặt dùng tiếng có dùng ở đầu đề. Nếu dùng thì *phạm đề*, một trong mấy bệnh làm thơ. Xem chương *Bệnh thơ*.

★

★ ★

Hai câu *thúc kết* phải tóm hết ý nghĩa của bài thơ. Có khi còn khuyên, trách, mừng, giận, hỏi.

THÚC KẾT

Thí-dụ rút trong bài *Trăng non* trên :

*Miệng thế chớ chê rằng chích-mác,
Một khi tròn-trịa bốn phương hay !*

Thúc nói trăng non coi thì chích-mác, không tròn, nhưng mà ở câu *kết* lại cho chúng ta biết, không phải như vậy hoài đâu ! Rồi đây cũng sẽ tròn-trịa, sáng rạng, chùng đó ở đâu đâu, ai ai cũng đều biết !

★

★ ★

Đây là một bài thơ tóm lại những điều đã dẫn trên :

*Câu đầu nói trống việc gần xa,
Câu thứ đề bài phải chỉ ra.
Trạng kể căn-do cho dịch-xác,
Đối khai thượng hạ chớ sai ngoa.*

*Luận bàn mọi lý thêm minh-bạch,
Trên dưới hai câu cũng xứng hòa.
Sau kết vài lời cho hợp ý,
Nên bài phong-hóa dạy người ta.*

D. HỒ-NGỌC-CĂN

★
★ ★

THƠ BỐN CÂU

Còn thơ bốn câu, thì câu đầu kêu là *câu đề*, đề nói rõ đầu đề ;

Câu thứ nhì kêu là *câu thực* đề giải cho rõ nghĩa đầu đề ;

Câu thứ ba kêu là *câu luận*, đề bàn rộng, hoặc khen chê ;

Câu thứ tư kêu là *câu kết*, đề tóm hết ý nghĩa bài thơ.

Thơ *tuyệt-cú* có khi hai câu trên không đối, mà hai câu dưới đối nhau, gọi là *khai thừa song hợp* ;

Có khi hai câu trên đối, còn hai câu dưới lại không đối, đó là cách *song khai chuyển hợp* ;

Có khi nào hai câu trên đối nhau và hai câu dưới cũng đối nhau, thì đó là *song khai song hợp* ;

Lại có khi bốn câu không đối nhau, đó là cách *tuyền thủy thuận lưu*.

Xét lại thì dùng điệu nào cũng là lấy trong bài bát-cú *ngắt ra* (thơ tứ-cú kêu là *tuyệt-cú* là tại đó mà ra) hoặc lấy bốn câu đầu, hoặc lấy bốn câu chót, hoặc dùng bốn câu giữa hay là lấy hai câu đầu ráp với hai câu chót. Đặt sao tùy thích, nhưng phải làm sao có hư mà không có thiệt, cho tự nhiên, cho hùng-hồn thì mới hay cho.

Thí-dụ một bài tứ-cú đặt theo điệu bốn câu đầu của bài bát-cú (*Khai thừa song hạp*).

Dệt vải

*Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,
Vây phải lên ngôi gỡ mối giường.
Tay ngọc lần đưa thoi nhứt-nguyệt,
Gót vàng giậm đạp máy âm-dương.*

LÊ-THÁNH-TÔN

Thí-dụ tứ-cú đặt theo điệu bốn câu chót của bài bát-cú (*Song khai chuyển hạp*).

Tặng sách

*Chung-Tử gò Nam còn thấy mặt,
Bá-Nha đàn Việt phải ra tay.
Còn non còn nước còn tương-ngộ,
Tích cổ duy kim mới rõ mây.*

D. H.

Thí-dụ tứ-cú đặt theo điệu, hai câu giữa của bài bát-cú (*Song khai song hạp*).

Tự cảm

*Gió đưa dương-liễu cành cành nguyệt,
Cụm tỏa ngô-đồng lá lá sương.
Thuyền mọn năm canh người Bãi Hán,
Địch dài một tiếng khách Tâm-Dương.*

PHAN-THANH-GIẢN

Thí-dụ tứ-cú đặt theo điệu hai câu đầu và hai câu chót bài bát-cú (*Tuyên thủy thuận lưu*).

Con tôm

*Chẳng phải vương-công chẳng phải hầu,
Học đòi dài kiếm lại mang râu.
Khoe-khoang mắt đỏ trong dòng bích,
Chẳng biết mình va cút lộn đầu.*

HỌC LẠC

Đây thí-dụ một bài tứ-cú vần trắc.

Tiếng ông Cử

*Thứ năm ông Cử ai làm nổi,
Học trò quan Đốc ở Hà-Nội.
Nghe tin bà cố phát cười khi,
Đồ cả riêu cua xuống vũng lội.*

TÚ XƯƠNG

★
★ ★

THƠ NGŨ-NGÔN

Trước kia chúng ta đã xem qua những niêm-luật về thơ thất-ngôn, bốn và tám câu.

Sau đây là một vài điều riêng nên biết về thơ ngũ-ngôn.

Thơ ngũ-ngôn, bốn câu hay là tám câu, hay là trường thiên thì như tên của nó đã cho ta biết, chỉ có năm chữ mỗi câu mà thôi.

Vần thì cũng ở cuối câu số một và các câu chẵn.

Niềm-luật thì như sau đây :

Chữ thứ nhất thì không kể, muốn đặt bình trắc chi cũng được.

Chữ *thứ hai* ở câu đầu, như trong thơ thất-ngôn, để cho ta biết, bài thơ phá bình, hay là phá trắc. Hễ nó âm *bình* thì là thơ *phá bình*, mà nó là âm *trắc* thì là bài thơ *phá trắc*.

Rồi theo lối thơ bát-cú, chữ thứ hai câu thứ hai và câu thứ ba, đặt nghịch âm với chữ thứ hai câu đầu.

Chữ thứ hai của hai câu thứ tư và thứ năm, đặt nghịch âm với hai chữ thứ hai của hai câu thứ hai và thứ ba trên.

Chữ thứ hai, hai câu thứ sáu và thứ bảy, đặt nghịch âm với hai chữ thứ hai của hai câu thứ tư và thứ năm.

Chữ thứ hai, câu thứ tám thì nghịch âm với chữ thứ hai của hai câu thứ sáu và thứ bảy ; lẽ tất nhiên thì nó là một âm với chữ thứ hai câu đầu.

Mỗi chữ thứ hai thì luôn luôn nghịch âm với chữ thứ tư, trong mỗi câu. Và chữ thứ ba trong mỗi câu, phải luôn luôn nghịch âm với chữ thứ năm ở cuối câu đó.

Như vậy mới là đúng điệu. (Xem thể *bình trắc* thơ ngũ-ngôn ở sau).

Thí-đụ :

Cảm hoài

Khánh trở chạm thành công,

Thán thương cảm chấp chông.

Mảnh hùng tranh bắc trấn,
Tàn lửa bóm nam đồng.
Tránh nắng dầm sương dãi,
Trừ thành hãm dạn xông.
Cảnh chung cùng tử hận,
Chạnh thiết thảm về đông,

D: H.

★
★ ★

SỐ VẦN Thơ bốn câu thì có *ba* vần, còn thơ tám câu thì có *năm* vần. Đầu câu đầu đặt vần nào, thì đuôi câu hai, câu bốn, câu sáu và câu tám, đặt một vần đó.

Nhưng mà câu đầu xuống vần trắc, thì thơ bốn câu còn có hai vần, đuôi câu *hai* và đuôi câu *bốn*; và thơ tám câu thì còn có bốn vần, đuôi câu *hai*, câu *bốn*, câu *sáu* và câu *tám*. Nhưng mà câu đầu hạ vần trắc, thì đầu thơ bốn câu hay là tám câu cũng vậy, hai câu đầu phải đối nhau, mới là đúng điệu.

Thi-dụ tứ-cú ngũ-ngôn, câu đầu vần bình::

Cảnh chiều ở Tây-Hồ

Từ bề cảnh vắng teo,
Một vũng nước trong veo.
Phất phời buồm ai đấy?
Xa xa một mái chèo.

Câu đầu xuống vần bình, thì hai câu đầu không cần đối. Ba vần : *teo, veo, chèo*.

Thí-dụ tứ-cú ngũ-ngôn, câu đầu vần trắc :

Thời cuộc

*Nọ màu tro vách điếm,
Đâu khách chạt dằng qua.
Khỏi mịt-mờ non nước,
Tro tàn rụi cỏ hoa.*

T. P.

Câu đầu chữ chót vần trắc, câu hai chữ đuôi vần bình. Hai câu đầu đối nhau. Vần *qua, hoa*, còn có hai.

Thơ bát-cú thì cũng vậy, tưởng khỏi cần thí-dụ.

★
★ ★

CÁC THỂ BÌNH TRẮC

Một bài thơ *ngũ-ngôn* hay là *thất-ngôn*, *tứ-tuyệt* hay là *bát-cú*, có thể phá hai cách : phá *bình* khi nào chữ thứ hai câu đầu đặt chữ *bình*, cũng kêu là *thơ thể bình* ; phá *trắc* khi nào chữ thứ hai câu đầu đặt chữ *trắc*, cũng kêu là *thơ thể trắc*.

Sau đây là các thể *bình trắc*, theo điệu *bát-cú*. Còn về *tứ-cú* thì coi theo, như đã nói ở mục *tứ-cú* trương '96, hoặc bốn câu đầu, hoặc bốn câu chót, hay là bốn câu giữa, cùng là hai câu đầu và hai câu chót của mỗi kiểu thơ *bát-cú*, tùy theo khi nào chúng ta muốn đặt theo điệu *khai thừa song hợp*, hoặc theo điệu *song khai chuyển hợp*, hay là theo điệu *song khai song hợp* cùng là điệu *tuyền thủy thuận lưu*.

Thất-ngôn thể bình hay là luật bình (1)

1. Bình *bình* trắc *trắc* trắc *trắc* bình *bình*
2. Trắc *trắc* bình *bình* trắc *trắc* bình
3. Trắc *trắc* bình *bình* bình *trắc* trắc
4. Bình *bình* trắc *trắc* trắc *trắc* bình *bình*
5. Bình *bình* trắc *trắc* bình *bình* trắc
6. Trắc *trắc* bình *bình* trắc *trắc* bình
7. Trắc *trắc* bình *bình* bình *trắc* trắc
8. Bình *bình* trắc *trắc* trắc *trắc* bình *bình*

Cần nên nhớ :

Điều thứ nhất : Chúng ta đã biết thơ tứ-cú thì có ba vần, chữ cuối câu thứ nhất, thứ nhì và thứ tư. Còn thơ bát-cú thì có năm vần, chữ cuối câu thứ nhất, thứ nhì, thứ tư, thứ sáu và thứ tám (thơ vần bình), vậy thì chữ cuối mấy câu thứ ba, thứ năm và thứ bảy, đều là âm trắc.

Điều thứ hai : Chúng ta nên nhớ *niêm* còn có câu : *nhứt bát, nhị tam, tứ ngũ, lục thất*. Nghĩa là :

Tiếng thứ hai trong câu thứ 1 và câu thứ 8, một âm với nhau luôn ;

Tiếng thứ hai trong câu thứ 2 và câu thứ 3, một âm với nhau luôn ;

Tiếng thứ hai trong câu thứ 4 và câu thứ 5, một âm với nhau luôn ;

Tiếng thứ hai trong câu thứ 6 và câu thứ 7, một âm với nhau luôn ;

(1) Đường-thi thì chỉ có luật vần BÌNH, chứ không có luật vần TRẮC. Nhưng chúng tôi cũng đem luôn vô đây những luật TRẮC cho các bạn đọc xem cho biết.

Điều thứ ba : Dầu thể *binh* hay thể *trắc*, đặt vận *binh* hay là vận *trắc*, trong mỗi câu, chữ thứ hai và chữ thứ sáu đều là một âm luôn.

Còn chữ thứ tư, trong mỗi câu, thì luôn luôn nghịch âm với chữ thứ hai và chữ thứ sáu.

Đó là luật *nhị tứ lục phân minh*.

Điều thứ tư : Luật vừa kể trên lại có nói : *nhứt tam ngũ bất luận*, nhưng mà trong mỗi câu, chữ thứ năm phải nghịch âm với chữ thứ bảy, thì mới êm.

Còn chữ thứ ba, ở mấy câu có vần, hễ là *binh bình* chúng ta nên đặt *binh bình*, chớ đặt *trắc bình* thì không êm.

Thành thử còn có một chữ thứ nhứt thì mới thiết là *bất luận* mà thôi.

Chúng tôi xin nhắc lại, chúng ta phải chú-ý cho lắm ở chỗ *bất luận* giữa ba tiếng *nhứt, tam, ngũ* ; vì người ta xem một bài thơ, biết giá-trị âm-điệu của nó ra thế nào là do ở ba tiếng then-chốt ấy. Chỗ bắt buộc *phân-minh*, thì ai ai cũng làm theo. Duy có mấy chỗ *bất-luận*, mà chúng ta đặt sao, đọc cho êm, thì thơ chúng ta mới trôi, vì đọc không êm, *khổ độc*, dầu niêm-luật không sai, thơ cũng mất hay một vài phần.

Điều thứ năm : Như chúng ta nhận xét kỹ, thì chúng ta thấy thể *binh* hay là thể *trắc* cũng vậy :

Mấy câu 1, 4 và 8, *binh trắc* giống in nhau luôn.

Mấy câu 2, 6, *binh trắc* giống in nhau luôn.

Mấy câu 3, 7, *binh trắc* giống in nhau luôn.

Chỉ có câu 5, thì một mình một cách mà thôi.

Thất-ngôn thể trắc hay là luật trắc

1. Trắc *trắc* bình *bình* trắc *trắc* bình
2. Bình *bình* trắc *trắc* trắc *bình* bình
3. Bình *bình* trắc *trắc* bình *bình* trắc
4. Trắc *trắc* bình *bình* trắc *trắc* bình
5. Trắc *trắc* bình *bình* bình *trắc* trắc
6. Bình *bình* trắc *trắc* trắc *bình* bình
7. Bình *bình* trắc *trắc* bình *bình* trắc
8. Trắc *trắc* bình *bình* trắc *trắc* bình

Thất-ngôn thể bình vần trắc

1. Bình *bình* trắc *trắc* bình *bình* trắc
2. Trắc *trắc* bình *bình* bình *trắc* trắc
3. Trắc *trắc* bình *bình* trắc *trắc* bình
4. Bình *bình* trắc *trắc* bình *bình* trắc
5. Bình *bình* trắc *trắc* trắc *bình* bình
6. Trắc *trắc* bình *bình* bình *trắc* trắc
7. Trắc *trắc* bình *bình* trắc *trắc* bình
8. Bình *bình* trắc *trắc* bình *bình* trắc

Thất-ngôn thể trắc vần trắc

1. Trắc *trắc* bình *bình* bình *trắc* trắc
2. Bình *bình* trắc *trắc* bình *bình* trắc
3. Bình *bình* trắc *trắc* trắc *bình* bình
4. Trắc *trắc* bình *bình* bình *trắc* trắc
5. Trắc *trắc* bình *bình* trắc *trắc* bình
6. Bình *bình* trắc *trắc* bình *bình* trắc
7. Bình *bình* trắc *trắc* trắc *bình* bình
8. Trắc *trắc* bình *bình* bình *trắc* trắc

Ngũ-ngôn thể bình

1. Bình *bình* trắc *trắc* bình
2. Trắc *trắc* trắc *bình* bình
3. Trắc *trắc* bình *bình* trắc
4. Bình *bình* trắc *trắc* bình
5. Bình *bình* bình *trắc* trắc
6. Trắc *trắc* trắc *bình* bình
7. Trắc *trắc* bình *bình* trắc
8. Bình *bình* trắc *trắc* bình

Ngũ-ngôn thể trắc

1. Trắc *trắc* trắc *bình* bình
2. Bình *bình* trắc *trắc* bình
3. Bình *bình* bình *trắc* trắc
4. Trắc *trắc* trắc *bình* bình
5. Trắc *trắc* bình *bình* trắc
6. Bình *bình* trắc *trắc* bình
7. Bình *bình* bình *trắc* trắc
8. Trắc *trắc* trắc *bình* bình

Ngũ-ngôn thể bình vần trắc

1. Bình *bình* bình *trắc* trắc
2. Trắc *trắc* bình *bình* trắc
3. Trắc *trắc* trắc *bình* bình
4. Bình *bình* bình *trắc* trắc
5. Bình *bình* trắc *trắc* bình
6. Trắc *trắc* bình *bình* trắc
7. Trắc *trắc* trắc *bình* bình
8. Bình *bình* bình *trắc* trắc

Ngũ-ngôn thể trắc vần trắc

1. Trắc trắc bình bình trắc
2. Bình bình bình trắc trắc
3. Bình bình trắc trắc bình
4. Trắc trắc bình bình trắc
5. Trắc trắc trắc bình bình
6. Bình bình bình trắc trắc
7. Bình bình trắc trắc bình
8. Trắc trắc bình bình trắc

★

★ ★

ÂM-ĐIỆU

Tuy phân-biệt có hai bình : *bình thượng* và *bình hạ*, và có ba trắc : *trắc thượng thanh*, *trắc khứ thanh* và *trắc nhập thanh*, nhưng mà trong mỗi câu, phải dùng tiếng nặng tiếng nhẹ, xen kẽ với nhau, đọc mới êm. Chờ nói cũng là *bình* cũng là *trắc*, chỗ nào đáng *bình* đặt *bình* gì cũng được, chỗ nào đáng *trắc* đặt *trắc* nào cũng hay, không cần lựa-chọn cho kỹ-càng, thì thơ không có *âm-điệu*.

Đặt được :

Non nước còn mơ hồn nghĩa-hiệp,

Giống nói thêm nặng gánh tồn-vong.

BẰNG-TÂM

thì êm tai biết mấy !

★

★ ★

BÌNH THANH

Điều thứ nhất : Bởi vậy thơ thất-ngôn, dầu luật có cho : *nhứt tam ngũ bất luận, nhì tứ lục phân minh*,

(chữ thứ nhất, thứ ba và thứ năm muốn đặt sao thì đặt, còn những chữ thứ nhì, thứ tư và thứ sáu, phải theo điệu *bình trắc*) song chữ thứ ba, mà nhất là trong mấy câu có vần, phải *bình bình trắc trắc* đặt *bình trắc* thì không sao, còn phải *trắc trắc bình bình* mà đặt *trắc bình* thì là *khở đọc*.

Như câu :

Đất lợp tro tàn rụi cỏ hoa.

chữ thứ ba *tro* âm *bình* thì phải, mà ta thử đặt :

Đất lợp lửa tàn rụi cỏ hoa.

thì có phải là đọc khó nghe hơn không?

Điều thứ hai : Thơ *ngũ-ngôn* mà thơ *thất-ngôn* cũng vậy, cặp thứ nhất, hai đuôi *bình*, đặt *bình hạ* (*bình* có dấu huyền) cả hai thì không lỗi, nhưng mà đọc nghe không êm.

Như đặt hai *bình thượng*, thì khá hơn.

Còn đặt một *bình thượng* một *bình hạ* thì mới là êm.

Như hai câu :

Văn-chương lỗi-lạc thật không ngờ,

Rõ thấu tình thương chẳng bến bờ.

đọc nghe nặng lắm.

Còn hai câu :

Lỗi-làm sơ thất cũng không sao,

Vội-vã hồi âm đã quá mau.

Thì dễ nghe hơn, nhưng cũng còn không thật êm bằng hai câu :

*Từ thuở vương mang mối chỉ hồng,
Lông này ghi tạc có non sông.*

PHAN-THANH-GIẢN

Cái không êm này, thơ xưa còn để lại làm thí-dụ. Chúng tôi xin chép ra đây một vài, không phải là để chỉ-trích tiền-bổi. Người xưa xuất khẩu thành thi, hạ một hai câu như vậy trong cả trăm bài hay, thì không sao. Còn chúng ta, chúng ta đương học-hỏi, chúng ta cần phải gọt đẽo câu thơ để tránh những chỗ không toàn.

*Thôi có làm chi cái chữ nho,
Ông nghề ông cống cũng nằm co.*

TÚ XƯƠNG (Ngẫu-hưng)

*Nợ lại chúc nhau cái sự sang,
Người thì bán tước kẻ mua quan.*

TÚ XƯƠNG (Chúc Tết)

*Bông thấy chiêm-bao thấy một người,
Thấy người nói nói lại cười cười.*

TÚ XƯƠNG (Chiêm-bao)

*Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi,
Chốn nghiêm thăm-thăm một mình ngồi.*

LÊ-THÁNH-TÔN (Con cóc)

*Ông đồ khoa nào ở xứ nào ?
Thế mà hoa-hốt với trám-bào !*

YÊN-ĐỒ (Tiến-sĩ giấy)

*Xe ngựa lao-xao giữa cõi trần,
Biết ai thiên-lử biết ai thần?*

ĐỒ CHIÊU (Tự thuật)

*Dối lẽ Hoàng-Đế chước toan tìm,
Nghề-nghiệp trong tay đỡ vận chìm.*

CỬ TRỊ (Thơ thơ may)

Chúng tôi cần nói lại, đặt thơ như vậy không lỗi, nhưng mà đọc nghe không êm. Chúng ta học làm thơ, mà thơ là một lối âm-nhạc, thì chúng ta nên học đặt thơ có âm-điệu cho đầy-đủ.

Điều thứ ba : Thơ ngũ-ngôn, khi nào chữ thứ hai và chữ thứ năm ; thơ thất-ngôn, khi nào chữ thứ tư và chữ thứ bảy, đều là tiếng bình, thì phải đặt một bình thượng một bình hạ mới phải. Đặt hai bình thượng, không lỗi, mà còn nghe được hơn là đặt hai bình hạ, cũng không lỗi. Mà đặt hai tiếng một âm bình thì hẳn là không êm, dẫu cũng là không lỗi nữa.

Bởi không lỗi, nên thi-gia ta không câu-nệ. Chúng tôi cũng xin chép ra đây, một vài thí-dụ, đăng cùng học, để tránh chỗ không êm.

*Ăn lương hàm chính thất,
Thôi thôi thế cũng xong.*

TÚ XƯƠNG (Ngẫu-hứng)

*Lỡm-chỡm vài hàng lỗi,
Lơ-thơ mấy khóm khương.*

ÔN-NHƯ-HÀU (Vườn, sau khi bị mưa)

Sá chi người thể lòng xanh trắng,
Chỉ tại thân ta vận đỏ đen.

TÚ XƯƠNG (Cười mình)

Lưng ông mót-thích như trắng gió,
Ông được phong-lưu tại nước da.

TÚ XƯƠNG (Thăm ông Ấm)

Thanh xa dẫu cũ còn ghi dễ,
Quyết được xe loan biết mấy phen.

CHÚA TRỊNH (Đề chùa Tiên)

Nam âm mấy vận ghi lòng thắm,
Mừng chị Chiêu-Quân đã quá quan.

BÀ NHÀN-KHANH (Mừng bà Chiêu)

Hai chân đạp xuống nắng nắng nhấc,
Một suốt dâm ngang thích thích mau.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG (Dệt cửri)

Nửa cần thú-vị trời trời nước,
Một sợi phong-lưu gió gió trắng.

CỬ TRỊ (Ngư-ông)

Xuân-thu hỏi đó bao nhiêu tuổi,
Rằng thuở khai-thiên đã có ta.

HUỲNH-MÃN-ĐẠT (Gánh móm)

Mang danh tài-sắc cho nên nợ,
Quên thói phong-lưu hóa phải vay.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ (Tự cảm)

*Thâu loàn châu ngọc tư mùa dủ,
Chuyển vận âm-dương một máy xoay.*

LÊ-THÀNH-TÔN (Thơ cối xay)

*Thành Loa vừa thấy xây vua Thục,
Ái Lạng quanh co đuổi giặc Ngô.*

NGUYỄN-ĐÌNH-NGỌC (Thơ dọc sử)

Ông đồ khoa nào ở xứ nào?

YÊN-ĐỒ (Tiễn-sĩ giấy)

Điều thứ tư : Không cần-thiết cho lắm, nhưng mà thơ thất-ngôn, khi nào chữ thứ hai và chữ thứ bảy, đều là tiếng bình, thì cũng phải đặt một thượng một hạ nghe mới êm. Đặt hai thượng nghe ít êm hơn, còn đặt hai bình hạ hay là hai bình một âm thì không êm dẫu không lỗi.

Thán em như quả mít trên cây.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG (Quả mít)

Chạm ngắt từng mây một ngọn cờ,

Kinh-thành ngày trước tỉnh bây giờ.

(?) (Thăng-Long hoài cổ)

Điều thứ năm : Những chữ thứ hai, thứ năm và thứ sáu, không nên đặt một âm trắc, không êm tai.

Tuổi trẻ chưa vui thú ngọc tuyền.

thì nghe êm tai, mà :

Tuổi trẻ nào vui những cảnh thiền,

thì không êm tai dẫu không lỗi.

Điều thứ sáu : Chúng ta cũng nên nhớ hai chữ bình hay là hai chữ trắc gần nhau mà đặt một âm, thì cũng không êm.

Hứng cảm ai xui thăm việc nhà...

Hứng cảm ai xui ngóng bóng thiên...

Thượng uyển cây xây thành đỏ trắng...

đều không êm tai tuy là không lỗi.

+

* *

BÌNH THƠ

Chúng tôi đã dẫn ở trên, những bình thanh, làm cho câu thơ không êm, tuy không lỗi.

Dưới đây mới thiệt là *bình thơ*, chúng ta cần tránh luôn luôn.

Điều thứ nhất : Lạc vận, xuất vận. Sái vận thì là *bình* (1).

Thí-dụ :

Cùng bạn đêm thanh đến chợ Gò,

Rủ nhau ra chợ định xơi mì.

(Đi ăn mì Gò-Vấp)

Trên đây là hai câu phá thừa. Đáng lẽ gì câu thừa phải đề vần o mà tác-giả muốn giỡn, hạ vần i.

(1) Trừ ra trong hai điệu CÔ NHẬN NHẬP QUẦN (câu đầu riêng một vận) và CÔ NHẬN XUẤT QUẦN (câu chót riêng một vận). Nhưng mà hai điệu này nhắc lại đây để nhớ, chớ thấy thì ít khi dùng.

Dùng vận lời thì không phạm phép. Mà trong một bài thơ, đã dùng một vận lời, thì mấy vận sau cũng nên theo vận lời đó luôn, đừng trở lại vận trước, vậy mới thuận tai hơn.

Điều thứ hai : Trong mỗi câu, trừ chữ thứ nhất, chữ thứ ba và chữ thứ năm thì không kê, (thơ ngũ-ngôn thì chỉ trừ chữ thứ nhất mà thôi) ngoài ra chữ nào không đúng bình trắc thì là thất luật.

Thí-dụ :

Một đèo, một đèo, lại một đèo,

HỒ-XUÂN-HƯƠNG (*Đèo Ba-Dội*)

chữ thứ hai phải trắc mà đặt bình (đèo), là thất luật.

Một thí-dụ thứ nhì :

Đã quá ngán thay lại thêm dày, (1)

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ (*Nuôi vợ năm bữa*)

Câu này là câu phá, đáng lẽ phải phá bình mới ăn vôi trọn bài. Chữ thứ hai phải đặt bình mà đặt trắc (quá), chữ thứ tư phải đặt trắc mà đặt bình (thay) thì thất luật.

Điều thứ ba : Thất niêm. Câu thơ riêng một mình thì đúng bình trắc (nghĩa là chữ thứ hai và chữ thứ sáu một âm, chữ thứ tư nghịch âm với hai chữ trước) nhưng mà không ăn vôi mấy câu kia trong bài.

Thí-dụ :

Nhất vợ nhì trời

Nghĩ truyện trần-gian cũng nực cười,

Trời khôn hơn vợ, vợ hơn trời.

Khôn đến mẹ mầy là có một,

Khéo như con Tạo cũng là hai.

(1) Rút trong bài CẢNH HÀN-VI NUÔI VỢ ĐỂ trong Văn-dàn Bảo-glám quyển thứ II, trang 36, Nam-Ký Thư-Quán.

*Trời dẫu yếu vì nhưng có phận,
Vợ mà vụng-dại dẽch ăn ai.
Cớ sao vợ lại hơn trời nhỉ?
Vợ chỉ hơn trời có cái trai. (1)*

YÊN-ĐỒ

Bài thơ phá *trắc*, thì chữ thứ nhì câu trạng một, phải đặt *bình* mà lại đặt *trắc* (*dến*), chữ thứ tư phải đặt *trắc* mà lại đặt *bình* (*mày*), chữ thứ sáu phải đặt *bình* mà lại đặt *trắc* (*có*): câu thơ đúng *bình trắc* mà không ăn với luật *bình trắc* của bài thơ. Đến câu trạng thứ nhì cũng vậy, đừng về mặt một câu thơ thì không lỗi *điệu bình trắc*, mà hiệp với mấy câu trong bài thì không ăn. Bởi vì ở đây chữ thứ nhì phải đặt *trắc* mà đặt *bình* (*như*), chữ thứ tư phải đặt *bình* mà đặt *trắc* (*tạo*), chữ thứ sáu phải đặt *trắc* mà đặt *bình* (*lò*): *thất niêm*.

Dưới đây thêm một thí-dụ nữa :

Nói giỡn ông cử (tên Ba-Ba)

*Cửa vũ ba nghìn sóng nhây qua,
Ai ngờ mữ áo đến ba-ba !
Đầu như lươn đất mà không lấm,
Thân tựa xà hang cũng ngó ra.
Dưới nước chẳng ưa, ưa trên cạn,
Đất sét không ăn, ăn thịt gà.
Tuy rằng cổ rụt mà không ngồng,
Hễ cần ai thì sét mới tha.*

TÚ XƯƠNG

(1) Văn-đàn Bảo-giám I. trương 34.

Bài này hai bịnh. Một là *thất luật* : câu luận đầu, chữ *trên* phải đặt *trắc* mới đúng mà đặt *bình*. Hai là *thất niêm* : câu luận thứ nhì đúng *bình trắc* mà không ăn vô đây, vì ở đây chỗ chữ *sét* phải đặt *bình* mới phải, chỗ chữ *ăn* phải đặt *trắc* mới đúng, còn chỗ chữ *thịt* phải đặt *bình* mới được.

Điều thứ tư : **Phản luật**. Đương dùng luật *bình* lại qua luật *trắc* hay là đương dùng luật *trắc* mà sang qua luật *bình*.

Thí-dụ :

Vịnh con dế nhũi bên đèn

Kiến chẳng phải kiến, voi chẳng voi,

Trời sinh dế nhũi cũng chơi-chơi.

Ngẩn cánh lên trời bay chẳng thâu !

Co tay vạch đất cũng khoe tài.

Mưa sa nước chảy lên cao ở,

Lửa đỏ dầu sôi nhảy tới chơi.

Quán-tử có thương xin chờ phụ,

Lăm-xăm bay nhảy dề mà coi.

TÚ QUỲ (1)

Bài thơ phá *trắc*. Phá thừa thì dùng điệu *trắc*. Mà rồi tới trạng xuống kết bỏ luật *trắc* lại sang luật *bình*. Sáu câu sau *bình trắc* đúng, mà không ăn với hai câu trước.

Một thí-dụ thứ nhì :

(1) Văn-đạn Báo-glám I trang 78.

Chơi chùa Quán-sứ

*Quán-sứ sao mà cảnh vắng teo ?
Hỏi thăm sự cụ đáo nơi neo ?
Chày kinh tiêu để sống không dấm,
Tràng hạt vãi lần đếm lại đeo.
Sáng-banh không kẻ khua tang mít,
Trưa-trật nào người móc kẻ rêu.
Cha kiếp đường tu sao lắt-lẻo,
Cảnh buồn thêm ngán nợ tình đeo.*

HỒ-XUÂN-HƯƠNG (1)

Mỗi câu thì bình trắc đúng, mà bốn câu đầu dùng luật trắc, bốn câu sau dùng luật bình, không ăn chịu với nhau.

Một thí-dụ thứ ba :

Thơ hà-tiện

*Giàu thì ba bữa, khó thì hai,
Lần đời cho qua tháng thiếu đầy.
Nón đời lá ngoài quần đời ống,
Dép thay da mặt túi thay quai.
Dặn vợ có cà đừng gấp mũm,
Bảo con bớt gạo bỏ thêm khoai.
Thế-gian mặc kẻ cười hà-tiện,
Ta chẳng phiền ai chẳng lụy ai.*

Tán-sĩ NGUYỄN-MINH-TRIẾT (2)

(1) Văn-đàn Bảo-glám I, trang 65

(2) Văn-đàn Bảo-glám I, trang 18.

Cũng như bài trên, mỗi câu *bình trắc* thì đúng, mà đương theo luật *bình* lại sang qua luật *trắc*, tất cả ba bài đều một bịnh *phản luật*.

Điều thứ năm : Đập vần. Trong một bài thi có ba hay là năm vần, mà dùng luôn trong một bài hai chữ vần.

Hai chữ vần mà khác nghĩa nhau thì được : *vàng*, màu vàng và *vàng*, vàng bạc thì được ; *ó*, mặt trời và *ó*, là đen hay là con quạ thì được.

Thí-dụ :

Tặng Tịnh-Tâm-viên của Bà S. T.

Côi trần khéo tạo giống tiên-nga,

Lớn nhỏ đều khen ý của bà.

.

Xem thấy cuộc đời dà chán ngán,

Quyết làm một cảnh để ta-bà.

Hòa-thượng G.

Họa

Cảnh người quá tặng vi cung Nga,

Khen-ngợi rầm lên rồi dạ bà.

.

Đào-tạo Tịnh-Tâm thành tốt đẹp,

Công-trình biết mấy cả ông bà.

AN-SẮC

Ở đây chúng tôi không bàn qua tánh-cách của hai bài thí-dụ. Chúng tôi chỉ nói chuyện *đập vần*. Bài xướng hai chữ *bà* không bắt được, vì chữ *bà* trên nói là *bà* vợ

của ông; còn chữ *bà* dưới có nghĩa khác, nghĩa giao-du. Còn bài họa, hai chữ *bà* có một nghĩa. Bài họa phải cái bình điệp vận.

Điều thứ sáu : Trong một bài, có hai chữ như nhau, mà hai chữ đó hai nghĩa khác nhau, thì được.

Hai chữ một nghĩa mà tác-giả có ý lặp đi lặp lại để tả một chuyện tự-nhiên, để đối, để cho bạn đọc dễ ý, thì được.

Thí-dụ :

Một đèo, một đèo, lại một đèo.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG (Đèo Ba-Dội)

Lặp đi lặp lại hai chữ *một đèo* để tả cảnh ba ngọn đèo, tự nhiên như vậy là thần-tinh, không có bắt tội điệp chữ được.

Mượn rượu xem hoa, hoa nhường nguyệt,

Dùng trà thưởng nguyệt, nguyệt hờn hoa.

D. H. (Thú rượu trà)

Lặp đi lặp lại chữ *hoa* để chơi ý ở trên mà cũng chơi ý xuống dưới; cũng như đặt đi đặt lại chữ *nguyệt* để ở dưới và để chơi lại ở trên, làm cho bạn đọc phải dễ ý tới hai chữ *nguyệt hoa*, thì không lỗi, mà còn hay là khác.

Hai chữ một nghĩa, vì túng mà phải đặt, hay vì vô ý thì không nên, nhưng còn châm-chế được. Mà hai chữ một nghĩa mà đặt hơn hai lần thì không dung được. Bình Trùng tự.

Điều thứ bảy : **Điệp điệu**. Trên đã đặt mấy chữ, mà dưới lại còn lặp lại mấy chữ đó nữa.

Điều thứ tám : **Diệp ý**. Trên đã nói ý đó rồi, mà dưới còn nói lại ý đó, đầu lời nói có khác.

Điều thứ chín : **Hiệp chưởng**. Trong mỗi cặp trạng, luận, câu trên câu dưới đối nhau, mà đồng một ý.

Thi-dụ :

*Hết dạ giúp vua trời đất biết,
Nát lòng vì nước quỷ thần hay.*

(?) (*Điều Phan-Lương-Khê*).

*Ngàn trùng biển cả sang tây-địa,
Muôn dặm đường xa thẳng đế-kinh.*

PHAN-LƯƠNG-KHÊ (*Khi đi sứ*)

Cặp trên đầu lời nói khác, đầu đối chỉnh, mà ý thì có một : hết dạ hết lòng phò vua giúp nước trời đất quỷ thần đều hay biết. Còn cặp dưới cũng đối, lời nói cũng khác, nhưng hai câu có một ý, là vượt biển, đường xa muôn trùng diệu vợi, để đi qua Pháp-địa. . .

Điều thứ mười : **Bất cân**. Trạng luận có đối mà đối không chỉnh.

Thi-dụ :

Vịnh bông hường

*Gheo nguyệt lẫn mi tâm thả lưới,
Trêu phong sắc ánh nhụy thêm hương.*

(?)

Đây là cặp trạng của bài *Vịnh bông hường*. Nói bông hường sắc ánh không sợ gió thì được ; mà nói con tâm thả lưới để ghẹo trăng, thì không có nghĩa. Đem

chuyện dưới có mà đối với trên không, thì đối không xứng, *bất cân*.

*Lan huệ tươi cười trăm thức nở,
Mận đào chen lẫn cánh sầu-riêng.*

T. T. (Vịnh Tịnh-Tâm-viên)

Đây cũng là một cặp trạng. *Cánh* là một cánh, cho đối với *trăm* thì còn miễn-cưỡng ; mà *sầu-riêng* thì hẳn không đối với *thức nở*. Có đối mà *bất cân*.

*Cổ dấm ăn xôi, xôi lại hầm,
Cầm bằng làm mượn, mượn không công.* (1)

HỒ-XUÂN-HƯƠNG (Ngán nỗi chồng chung)

Đối nhưng không đặng chỉnh, vì *mượn* đối không xứng với *xôi*.

Điều thứ mười một : **Bất đối**. Trạng luận phải đối là nhằm lẽ, mà không đối là *bịnh*.

*Sang trọng đủ mùi không thiếu kém,
Quan viên lui tới chút nài xa.*

Hòa-thượng G. (Tặng Tịnh-Tâm-viên)

Đây là cặp trạng. *Quan viên* không đối với *sang trọng* ; *lui tới* không đối với *đủ mùi* ; *chút nài xa* không đối với *không thiếu kém*.

Điều thứ mười hai : **Sàng túc**. Luận với trạng không phân biệt, một ý với nhau.

(1) Văn-đàn Bảo-glám I, trang 66.

Điều thứ mười ba : Phạm đề. Trong trạng luận không đặng dùng tiếng trong đề, mà lại dùng phải. Như đề là *vịnh hoa hương* mà ở trong cặp trạng hay là ở trong cặp luận, vô ý hạ chữ *hương*.

★
★ ★

BỐN ĐIỀU KỶ NÊN TRÁNH

Trên đây chúng ta đã xem qua mười ba bệnh làm thơ chẳng nên phạm.

Đây là bốn điều ky, cũng nên tránh luôn.

Điều thứ nhất : Tự thô. Dùng chữ thô, không thanh-nhã, như những tiếng chưỡi thè, những tiếng tục-tĩu...

Điều thứ hai : Cốt Tục. Ý-tứ không thanh, thơ không cao-thượng, dầu hay.

Thí-dụ :

Thơ đánh đu

Tám cột khen ai khéo-khéo trông,

Người thì lên đánh kẻ ngồi trông.

Trai co gối hạc khom-khom cất,

Gái uốn lưng ong ngửa-ngửa lòng.

Bốn mảnh quần hồng bay phấp-phới,

Hai hàng chun ngọc đuổi song-song.

Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá ?

Cọc nhờ đi rồi, lỗ bỏ không.

Điều thứ ba : Ý Tạp. Thơ không nghiêm.

Thí-dụ :

Tát nước

Đương cơn nắng cực chữa mưa lè,
Rủ chị em ra tát nước khe.
Lẽo-dẽo chiếc gàu ba góc giùm,
Linh-dinh một ruộng bốn bờ be.
Xi-xóm đày nước mình nghiêng-ngửa,
Nhấp-nhóm bên gành dít vắt-ve.
Ham việc làm ăn quên cả nhọc,
Dạng hang một lúc đã đầy phè.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Điều thứ tư : Lý Đoản. Lời lẽ không mạch-lạc, thơ không thuần-nhứt, ý-từ rời-rời.

Thí-dụ :

Xuân-nhứt tha-hương

Gâm cơ Tạo-hóa nghĩ mà cười,
Nam bắc đâu đã định trước nơi.
Năm ngoái ngày này năm lối cũ,
Năm nay ngày nọ ở quê người.
Mừng xuân chén rượu non sông mới,
Chào khách hoa đào rục-rỡ tươi.
Cái phận làm trai nhà bốn biển,
Cảnh trời đâu lịch mơn mà chơi.

Bài này mỗi câu đều có thi-vị. Nhưng nói ngày Tết đi xa nhớ nhà, mà *phá thừa* không thấy đề.

Đã cho vào nam hay là ra bắc, là chuyện *trời đất đã đặt đề* trước kia rồi, là nói một chuyện rất chí lý, thì có chi mà cười ở đó?

Trạng tả đúng cảnh; nhưng mà lời không khéo, mà cũng không thấy chuyện đáng cười.

Luận mới thấy xuân.

Thúc kết thì thấy chí làm trai, hiên-ngang. Đáng phục mà chẳng đáng cười. Ý-tứ rời-rạc, đầu câu thơ hay.

*
* *

VÀI LỜI CẢN DẶN

Chúng ta phải nhớ: đặt thơ đúng niêm-luật không lạc vận cũng chưa đủ. Đặt thơ muốn cho có hồn thơ còn cần phải nói cho bóng-bẩy, phải dùng lời nói cho có thi-vị và phải đề ý cho lằm ở chỗ nghĩa-lý của những chữ chúng ta dùng trong bài thơ.

Như nói chuyện *trăng*, thì đừng nói sa-đà chuyện khác, phải nói những chuyện nào ăn ý, mà dính-liú với mặt trăng.

Chúng ta còn phải nhớ những tích Âu Mỹ thường không hợp với thi, phải dùng cho khéo. Và cũng chẳng nên dùng tiếng ngoại-quốc âm lại tiếng ta, nó chẳng có thi-vị gì, trừ ra mấy bài trào-phúng không kể.

Chúng ta còn cần nhớ đề ý cho lằm ở những chỗ *nhứt tam ngũ bất luận*. Chỗ nào *phán minh*, ai cũng như ai, không sao đặt sai được. Những chỗ bất luận

mà chúng ta đặt cho phải điệu, thì thơ của chúng ta mới êm tai cho ! Mà thơ đọc êm tai, thì mới là thơ. Nên thơ được người ta đề ý hơn hết thường xuất ở mấy chỗ *bất-luận*.

Tóm lại, một bài thơ *phải ăn vời đề*, *phải dùng niêm-luật*, *phải đối cho cân*, đặt cho *dùng âm-diệu*, dùng tiếng cho *có thi-vị*, *có ý-từ cao-xa* mà *mới-mẻ*, mà không *nhảm-nhí* cho người đọc, *đọc qua phải cảm* ; cho người ngâm, *ngâm cho suông miệng* ; cho kẻ nghe, *nghe cho êm tai*, như vậy mới phải là *thơ* cho.

Tôi đây chúng ta đã thuộc luật mẹo làm thơ. Như chúng ta cần gọt đẽo, thì chúng ta có thể làm được *thơ thơ*. Muốn thành một nhà *thi-sĩ* mở miệng nên thơ, đặt câu đầy *ý-từ*, làm rung-động lòng người, thì chúng ta cần phải *cố-gắng*, rồi như chúng ta có chút *thiên-tư*, một đêm nằm mộng, thấy bút trở hoa cũng nên !



CÁC BIẾN-THỂ VÀ CÁC LỐI CỦA THƠ ĐƯỜNG-LUẬT

Phá lục. Một bài thơ thất-ngôn, tứ-cú hay là bát-cú mấy câu sau thì bảy chữ, duy có câu đầu thì chỉ có sáu chữ mà thôi.

Phá *bình* hay là phá *trắc* thì cũng kể chữ thứ hai câu đầu. Chữ thứ năm thì vẫn một âm với chữ thứ *hai*.

Sáu chữ câu đầu thường đặt làm hai đoạn, mỗi đoạn ba chữ, đoạn đầu một nghĩa, đoạn sau một nghĩa, mà thường có hơi chọi nhau với đoạn trước.

Thí-dụ :

Vịnh trâu già

Một năm xương, một năm da,
Bao nhiêu cái ách cũng từng qua.
Đuôi cùn biếng cột Điện-Đon hỏa,
Tai nặng buồn nghe Nịnh-Tử ca.
Sớm dạo vườn Nghiêu ăn hũng-hĩnh,
Tối về nội Võ thử hê-ha.
Ngày xưa mắc phải nơi Đường-Hạ,
Ơn có Tề-vương cứu lại tha.

HUỲNH-MÃN-ĐẠT

Yết-hậu. Bài thơ thường thường bốn câu, ba câu đầu đủ chữ: hoặc bảy chữ, hoặc năm chữ (thơ thất-ngôn hay là thơ ngũ-ngôn, mà thường thường thì thơ ngũ-ngôn) còn câu chót thì hạ có một chữ vận mà thôi.

Thí-dụ :

Giữa lúc ban ngày sư ghẹo vãi

Sãi ghẹo vãi :

Chùa vắng có ai mà !
Yêu nhau chút gọi là.
Rủ nhau ra hậu uyển,
ta...

Vãi mắng :

Lãng-lơ cái mặt như...
Cóc nhái cũng chẳng từ.
Tu hành đâu có thế !

hư !

Tiêu tăng dọa :

*Hôm qua có chuyện hay,
Thầy gheo vãi ban ngày!
Bồn-dồ không ai biết,
may !*

Sãi van :

*Chú tiêu thật là ngoan,
Chuyện thấy chớ nói càn !
Đêm rằm cho ăn oản,
van !*

(?)

Thủ-vĩ-ngâm. Ngũ-ngôn hay là thất-ngôn, tứ-cú hay là bát-cú, mà câu đầu và câu cuối giống nhau.

Thí-đụ :

Khóc ông Phủ Vĩnh-Tường

*Trăm năm ông Phủ Vĩnh-Tường ôi !
Cái nợ trần-gian đã hết rồi.
Chôn chặt văn-chương ba tấc đất,
Ném tung hồ-thỉ bốn phương trời.
Đòn cân tạo-hóa đã rơi mất,
Miệng túi càn-khôn thất lại rồi.
Hăm bảy tháng trời đã mấy chốc,
Trăm năm ông Phủ Vĩnh-Tường ôi !*

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Thủ-vĩ liên-huần. Những bài tứ-cú hay bát-cú mà lấy câu kết bài 1 đem làm câu phá bài 2 ; câu kết bài 2 đem làm câu phá bài 3. . . cho tới khi nào dứt thì lấy câu phá bài 1 đem làm câu kết bài chót.

Thí-dụ :

**Đêm trung-thu thưởng nguyệt
tại sông Thao tỉnh Phú-Thọ**

Ngẫm cơ tạo-hóa khéo thờ-ơ,
Sông chảy mà trăng vẫn lững-lờ.
Nước Kiều nhà Bàu qua mấy độ;
Trăng thành Phú-Thọ vẫn trắng xưa.

Trăng thành Phú-Thọ vẫn trắng xưa,
Trải bốn ngàn năm giấc tỉnh mơ.
Mơ tỉnh một đời thay đổi mới,
Biết bao khi tỏ lại khi mờ.

Biết bao khi tỏ lại khi mờ,
Dưới nguyệt riêng ai lưỡng ngẩn-ngờ.
Mặc thế-sự theo dòng nước chảy,
Công danh chén rượu với câu thơ.

Công danh chén rượu với câu thơ,
Dật-hưng xui trăng cũng thẩn-thờ.
Quảng bút ngậm-ngùi cùng chị Nguyệt,
Ngẫm cơ tạo-hóa khéo thờ-ơ.

Đây một thí-dụ nữa :

(?)

Biển thăm

Biển thăm minh-mông sóng lạt trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió ?
Coi lại cùng trong biển thăm thôi.

Coi lại cùng trong biển thăm thôi,
Nỗi chìm chìm nỗi biết bao người.
Kiếp người nghĩ cũng linh-định quá,
Quá cánh bèo trên mặt nước trôi.

Quá cánh bèo trên mặt nước trôi,
Nước trôi bèo nổi ngán cho đời.
Cuộc đời trái mấy lần dâu biển.
Trái mấy lần dâu hóa biển khơi.

Trái mấy lần dâu hóa biển khơi,
Một hai ba tuổi chín mười mười.
Xiết bao mừng-rỡ, bao thương-xót,
Khóc mấy mươi phen mấy trận cười.

Khóc mấy mươi phen mấy trận cười,
Dấu cười chưa hẳn đã là vui.
Trần vui sao lại cho là tục ?
Mới lợt lòng ra đã khóc rồi !

Mới lợt lòng ra đã khóc rồi,
Kiếp trần ngán lắm chị em ơi !
Một lần mình khóc, lần người khóc,
Sống thác đôi lần giọt lệ rơi.

Sống thác đôi lần giọt lệ rơi,
Cảnh phù-sinh cũng khéo trêu người!
Biển bao nhiêu nước bao nhiêu thăm,
Biển thăm minh-mông sóng lựt trời.

Hải-Nam ĐOÀN-NHƯ-KHUÊ

★
★ ★

Liên-huờn. Tứ-cú hay là bát-cú, mà lấy hoặc một hai, hay là ba bốn... tiếng cuối bài thứ nhứt, đặt ở đầu câu thứ nhứt bài thứ hai ; lấy ba bốn... tiếng cuối bài thứ hai đặt ở đầu câu thứ nhứt bài thứ ba. Cứ như thế cho đến bài chót, rồi lấy câu mở đầu bài thứ nhứt mà làm câu kết, hay là lấy ít nữa là hai tiếng đầu ở câu thứ nhứt bài đầu, mà đặt làm hai tiếng cuối câu kết chót.

Thí-dụ :

Khuê phụ thán

Chồng hỡi chồng ! con hỡi con :
Cùng nhau chia cách mấy thu tròn.
Ven trời gốc bể buồn chim cá,
Dạn gió dày sương tủi nước non.
Mộng điệp khéo vì ai lẻo-dẻo,
Hồn quyên lưỡng để thiếp thon-von.
Ngày qua tháng lại trông dăm-dăm,
Muôn dặm xa-xuôi mắt đã mòn.

Đã mòn con mắt ở Phi-Châu,
Có thấy chồng con đâu ở đâu.

Dẫu dặng non xinh cùng bề tốt,
Khó ngăn gió thâm với mưa sầu.
Trách ai dất nẻo khôn lìa-loc,
Khiến thiếp ra thân chịu dãi-dầu.
Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái,
Xui lòng oản-oi trót canh râu.

Canh râu chưa nghĩ hãy còn ngồi,
Gan ruột như dầu sục-sục sôi.
Nghĩa gá ấ-yêu đành lỡ-dở,
Cớng cho bú-mớm chắc thôi rồi !
Quyết gìn-giữ dạ tròn sau trước,
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nôi ?
Dâu bề xanh xanh trời một góc,
Hỡi chồng ôi ! với hỡi con ôi !

Con ôi ! ruột mẹ gừng như tương,
Bảy nời ba chìm xiết thảm thương !
Khó héo lá gan cây dảnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.
Quê người đành gửi thân trăm tuổi,
Đất tỏ mong vì nợ bốn phương.
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp,
Đề cho vẹn-vẽ mối cang-thường.

Cang-thường gánh nặng cả hai vai,
Biết tỏ cùng ai, ai hỡi ai !

Đề bụng chĩnh e tằm đứt ruột,
Hở môi thì sợ vách nghiêng tai.
Trăng khuya nương bóng chinh-chinh một,
Kiếng bể soi hình tẻ-tẻ hai.
Nhắm thử từ đây qua đến đó,
Đường đi non nước độ bao dài ?
Bao dài non nước chẳng hay cùng,
Xin gửi hồn ta đến ở chung.
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết,
Trước sau khỏi thẹn với ba tưng.
Quê nhà đã có người săn-sóc,
Đất khách nương nhau khỏi lạ-lùng.
Mảng tính chưa xong vừa chớp mắt,
Trống lầu đầu đã đổ lung-tung.
Đã đổ lung-tung tiếng trống thành,
Giật mình lĩnh dậy mới tàn canh.
Sương sa lác-đác dần tà lá,
Gió thổi lai-rai lạc bức màn.
Cảnh ấy tình này thôi hết muốn,
Trời kia đất nọ nở bao dành.
Thương nhau chẳng đặng cùng nhau trọn,
Xin hẹn chung cùng kiếp tái sanh.
Kiếp tái sanh may có gặp không ?
Kiếp này đành thẹn với non sông.
Chiêm-bao lẫn-thần theo chơn bướm,
Tin-tức bơ-vơ lạc cánh hồng.

*Tình tới tình lui thân cá chậu,
Lo quanh lo quản phận chim lồng.
Đã không chung hưởng thối thời chó,
Sao nữ xa nhau chông hời chông ?*

*Hỡi chông ! có thấu nỗi này chăng ?
Sóng gió khi không dậy đất bằng.
Non nước chia hai trời lộng-lộng,
Cha con riêng một biển giăng-giăng.
Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết,
Giọt thảm này tuôn bửng khó ngăn.
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng-gạo,
Canh chày còn ở dưới cung trăng.*

*Ở dưới cung trăng lưỡng nỉ-non,
Đắng cay như ngậm trái bòn-hòn.
Khói mây giọng quốc nghe hơi mỗn,
Sương tuyết mình ve nhắm đã mòn.
Lần mỗ làng xa canh cốc-cốc,
Tiếng chuông chùa cũ động bon-bon.
Nỗi riêng ai biết ta thương nhớ,
Chông hời chông ! con hời con !*

THƯỢNG-TÂN-THỊ PHAN-QUỐC-QUANG (1)

Viết ở Ba-Kè tháng 3 năm 1919

(1) Trong quyển *THI-THOẠI* của VĂN-HẠC, Quốc-Học thư-xã, Hà-Nội, 1942, trước 10 bài KHUÊ-PHỤ THÁN này, chép có khác mấy câu như sau :

Những điều nên nhớ trong khi đặt thập-thủ liên-huờn

Cũng như đặt một bài thơ bát-cú, phải có *phá thừa trạng luận thúc kết* ; đặt *thập-thủ liên-huờn*, phải sắp đặt y một cách.

Đoạn đầu, nhập đề bằng hai hay là ba bài. Rồi tả cho rõ ý đề trong ba bốn bài tiếp. Đoạn, mới luận trong ba bốn bài, cho hết ý bài. Rồi kết trong một hai bài chót.

(Tiếp theo)

Đã mòn con mắt một phương Âu,

Tắm lòng bút-rút trót canh thâu.

Quê nhà có kẻ lo săn-sóc,

.

trương 224, tác-giả có nói : « Trong cuốn *NỮ-LƯU VĂN-HỌC-SỬ*, một cuốn sách soạn rất công-phu — tinh-hoa của hơn hai chục pho sách cổ, tác-giả là Sở-Cường tiên-sanh, trước khi sao lục 10 bài *KHUÊ-PHỤ THÁN*, đã viết như thế này : « Bà Nguyễn-hoàng-Phi đời đức Thành-Thái, lúc ngài đã Tây-hành, bà có nhiều bài ngâm vịnh, mà nhất là 10 bài *KHUÊ-PHỤ THÁN*, rất là lâm-ly uyển-chuyển đáng cho là tuyệt diệu».

Và sau hết, trương 228, tác-giả lại luận thêm : « Mười bài thơ tuyệt-tác trên đây, truyền-tung khắp nơi trong nước. Có điều ở Trung-Bắc mọi người đều nói và tin như Sở-Cường tiên-sanh, rằng đó là tác-phẩm của bà Nguyễn. Duy tại miền Nam, anh em làng văn nhiều người lại cho là tác-phẩm của nhà thơ Thượng-Tân-Thị. Thậm chí để tỏ ý mến phục nhà thơ già đó, có khi người ta lại chừa dưới ba chữ Thượng-Tân-Thị, dòng chữ này : **TÁC-GIẢ MƯỜI BÀI KHUÊ-PHỤ THÁN**, có ý phò danh-dự cho nhà thơ đã để ra 10 bài thơ trên. Mà thấy vậy nhà thơ già đất Nam-trung cũng chẳng nói gì, hình như có ý mặc-nhận cái danh-dự đó. Vậy chưa biết hẳn *KHUÊ-PHỤ THÁN* là của bà Nguyễn hay là của ông Thượng-Tân-Thị ? »

Chúng tôi xin thừa dịp nói thêm, đặt *trường-thiên*, *lục-bát* hay là *song-thất* cũng phải như vậy mới đúng cho. Mỗi đoạn bốn câu thì phải nói cho trọn một ý ở trong. Rồi tùy theo mình muốn làm dài hay vắn, đặt một vài đoạn làm *phá thừa*. Kể đặt năm ba đoạn, hoặc ít hay là nhiều hơn, để tả chuyện mình muốn nói. Còn dư ý đặt một vài đoạn để nói cho rõ, cho hết ý của mình, để luận cho chính-định, cho đủ. Rồi dùng một vài đoạn chót để kết-thúc.

Như vậy có đầu có đuôi, không lả-chả, không lặt đi lặt lại một ý một nghĩa hoài. Như vậy bài thơ mới có giá-trị. Còn như chúng ta không sắp như vậy, thì đầu câu văn có hay đến đâu đi nữa, ý-nghĩa rời-rạc, nói đi nói lại ở trước ở sau, bài thơ cũng mất giá-trị.

Thủ-vĩ quán-châu. Cũng như Thủ-vĩ liên-hườn, đôi ba hoặc nhiều nữa, tứ-tuyệt hay bát-cú, mà trong có hai, ba hay năm chữ vắn áp thuận áp nghịch nhồi đi lặt lại và cũng bao nhiêu ý tứ đảo lộn liên tiếp ghau.

Thi-dụ :

Chị em bạn gái đối với ngày xuân

Xuân một trời chung cõi Đại-La,

Biết tình xuân, dễ mấy ai là ?

Thoi oanh thánng dẹt giang-san gấm,

Tơ nhện ngày thêu võ-trụ hoa.

Chín chục bóng thieu thời-tiết ấy,

Ba ngàn cái én chị em ta.

Ngày xanh biết mấy tình vui-vẻ,

Trời để dành cho mặt phấn mà.

Trời để dành cho mặt phấn mà,
Ngày xanh ta phải ngẫm thân ta.
Thêu hoa võ-trụ nghề Thanh-Nữ,
Dệt gấm giang-san phận Tố-Nga.
Chớ phụ bóng thiếu ngày chín chục,
Nửa hoài cái én lữ ngàn ba.
Văn-minh kết-quả xuân chung hưởng,
Xuân một trời chung cõi Đại-La.

(?)

★

★ ★

Liên-ngâm trăng-thiên. Có nhiều người, hội lại xúm nhau làm thi chơi, là một eái thú vui. Người thứ nhất ngâm một câu phá, rồi người thứ nhì ngâm một câu thừa với một câu *thực*. Tới phiên mấy người kia, mỗi người ngâm một câu để đối với câu chót của người trước, và một câu nữa để cho người sau đối lại và *ngâm* tiếp, như vậy hoài, tới chừng nào muốn dứt thì người ngâm câu *phá*, ngâm một câu *kết* là hết.

Đây là bài của bà Liễu-Hạnh (1) cùng với mấy ông Phùng thị-lang, Lý tú-tài và Ngô cử-nhơn đi chơi ở Hồ-tây, liên-ngâm, nguyên văn chữ Hán, có người, nay không biết tên, dịch ra như sau này :

Bà Liễu : *Hồ-tây riêng chiếm một bầu trời,*

Lý : *Bát-ngát tư mùa rộng mắt coi.*

Cổ ngọc xanh xanh làng phía cạnh,

(1) Có chỗ nói bà Hồng-Hà phu-nhân tức là bà Đoàn-thị-Điểm.

- Phùng : *Trấu vàng biêng biếc nước vánh khơi.
Che mưa nhà lợp vải gian cỏ,*
- Ngô : *Chèo gió ai bơi một chiếc chài.
Giàu thùng chó đưa đàn sũa tiếng,*
- Lý : *Trời hôm bếp thổi khói tuôn hơi.
Mơ-mơ tay lái con chèo quế,*
- Phùng : *Sân-sạt mình đeo chiếc áo tơ.
Thuyền Phạm phát-phơ chơi bể rộng,*
- Ngô : *Bè Trương thấp-thoảng thả sông trôi.
Đò đưa bãi lác tai dờn-dã,*
- Lý : *Giọng hát bờ lau tiếng thanh-thời.
Cò xuống đua qua vùng cát đậu,*
- Phùng : *Điều bay sẽ liệng đám mây chơi.
Khúc ca trong đục àm bên nước,*
- Ngô : *Quầng mắt xanh đen sạch bụi đời.
Đầu gối lọng, hà lai-làng chuyện,*
- Lý : *Tay soi tiền giáp lả-loại cười.
Chốc sen ngã-ngón chứa (?) rau búp,*
- Phùng : *Đáy nước gìm phao bắt cá tươi.
Có lúc kẻ hoa bày tiệc rượu,*
- Ngô : *Họa khi tựa bóng đứng đầu mũi.
Say rồi cỡi áo quăng dòng mát,*
- Lý : *Tắm đoạn xoay quần hóng gió phơi.
Trẻ mục Yên-Hoa bày tiệc rượu,*

- Phùng : *Lũ tiều Thượng-Uyển hẹn lời dai.
Bắt cò cứ vững ngồi rình bụi,*
- Ngô : *Mò ngọc khen ai khéo lặn ngồi.
Tay lưới thế-thần khôn mắc vương,*
- Lý : *Lưới câu danh lợi nhẹ tham mồi.
Hạ rồi bến mát còn yêu nắng,*
- Phùng : *Đông hết thành xuân chưa thấy mai,
Thú cảnh yên-hà sang dễ độ,*
- Ngô : *Sóng lòng trần-tục dạ hồ vơi.
Xe sang Vị-thủy tha hồ hỏi,*
- Lý : *Thuyền tới Đào-nguyên mặc sức bơi.
Chuông sớm giục thanh lòng Phật đó,*
- Liễu : *Trăng tròn soi một bóng tiên trôi.*

(?)

★
★ ★

Hồi-văn, Thuận-ngịch-đọc. Một bài bát-cú hay là tứ-cú, đọc xuôi, đọc ngược, xuôi ngược đều đúng niêm luật, đúng vận. Lối này cũng khó hay, đọc xuôi thì được, mà đọc ngược thì nghe có hơi ngượng-ngịu, lúng-túng.

Như vậy cũng đã khó lắm rồi, mà còn có khi hạn vận, có khi đọc xuôi là một đề, còn đọc ngược thì là một đề khác, nghịch với đề trước.

Thí-dụ :

Đọc xuôi đề là :

Qui γ

Lông hồng mạng bạc kiếp hoa ôi,
Gió bụi yếu đời luyện cũng thôi.
Bông nhuộm sắc thiền tâm quyết đã.
Trái chờ cây phúc hưởng toan rồi.
Trông trần mỗi đạo vui hương lửa,
Phải thể tình duyên nhắm hướng nôi.
Chồng vợ tính chi, nguyên thọ phải,
Không không, có có, có chề xôi.

T. P.

Độc ngược đề là :

Hồi tục

Xôi chè, có có, có không không,
Phải thọ nguyên chi tính vợ chồng.
Nôi hương nhắm duyên tình thể phải,
Lửa hương vui đạo mỗi trần trông.
Rồi toan hưởng phúc cây chờ trái,
Đã quyết tâm thiền sắc nhuộm bông.
Thôi cũng luyện đời yếu bụi gió,
Ôi hoa kiếp bạc mạng hồng lông.

T. P.

★

★ ★

Tứ-chuyển hồi-văn. Một bài bát-cú hay là tứ-cú,
độc xuôi, độc ngược, bắt bên mặt đọc qua bên trái,

từ trên xuống dưới (đọc ngược); đọc từ bên trái qua bên mặt, từ dưới trở lên (đọc xuôi), thế là bốn lần. Điều này câu phá phải hạ vần *trắc* mới được.

Chúng tôi chỉ nhắc lại đây cho bạn đọc biết đủ các lối, chớ chúng tôi không đem thí-dụ vào đây. Chúng tôi có tìm được mấy bài, nhưng vì bị hạn-chế đủ lối, cho nên không tìm được bài hay : có đúng niêm luật không lạc vận thì từ không được, còn có bài từ khá thì vận lại lạc. . .



Lục-chuyển (1). Một bài bát-cú, mà đọc xuôi đọc ngược, cắt trước cắt sau, đọc thành sáu bài, mỗi bài đủ ý tứ: Thuận-ngịch-độc là hai lần; bài nghịch bỏ hai chữ chót còn một bài ngũ-ngôn, đọc xuôi đọc ngược, thành bốn lượt; bài thuận bỏ hai chữ chót, cũng thành một bài ngũ-ngôn, đọc thuận đọc nghịch hai lần nữa là sáu lần.

Thí-dụ :

Tết

*Vành hoa cánh bướm nổi xây vờn,
Tết đến người người gọi ấỵ xuân.
Tranh liễn bánh chưng nhà chật chỗ,
Lụa hàng ai mặc hội chen chân,
Anh say đánh chén cùng khai bút,
Chị thích đua khăn với sánh quần.*

(1) Mấy bài lục-chuyển, còn đọc được nhiều cách, (có người nói đến cả 100) tùy theo cắt chỗ này, cắt chỗ kia, đọc qua, đọc lại, đọc tới, đọc lui...

*Nhành điểm ánh mai vàng nứt nụ,
Thanh hồng cảnh phôi phôi ngoài sân.*

T. P.

Độc ngược

*Sân ngoài phôi phôi cảnh hồng thanh,
Nụ nứt vàng mai ánh điểm hành,
Quần sành với khăn dưa thích chị,
Bút khai cùng chén đánh say anh.
Chén chén hội mặc ai hàng lựa,
Chỗ chật nhà chưng bánh liền tranh.
Xuân ấy gọi người người đến tết,
Văn xây nổi bướm cánh hoa vành.*

Tam chuyển

*Vành hoa cánh bướm nổi,
Tết đến người người gọi.
Tranh liền bàn chưng nhà,
Lựa hàng ai mặc hội.
Anh say đánh chén cùng,
Chị thích dưa khăn với,
Nhành điểm ánh mai vàng,
Thanh hồng cảnh phôi phôi.*

Tứ chuyển

*Phôi phôi cảnh hồng thanh,
Vàng mai ánh điểm hành.*

Với khăn đưa thích chị,
Cùng chén đánh say anh.
Hội mặc ai hàng lụa,
Nhà chưng bánh liễn tranh.
Gọi người người đến lễ,
Nổi bướm cánh hoa vành.

Ngũ chuyển

Cánh bướm nổi xây vằn,
Người người gọi ấy xuân.
Bánh chưng nhà chặt chõ,
Ai mặc hội chen chân.
Đánh chén cùng khai bút,
Đua khăn với sánh quần.
Ánh mai vàng nức nụ,
Cánh phới phới ngoài sân.

Lục chuyển

Sân ngoài phới phới cánh,
Nụ nức vàng mai ánh.
Quần sánh với khăn đưa.
Bút khai cùng chén đánh.
Chân chen hội mặc ai,
Chõ chặt nhà chưng bánh.
Xuân ấy gọi người người,
Vần xây nổi bướm cánh.

T. P.

★

★ ★

Xương họa. Một người khởi *xương* làm một bài bát-cú hay là tứ-tuyệt. Một người nữa hay là nhiều hơn, lấy vận bài đó, làm một bài khác họa lại để trả lời, hoặc nói theo một ý, hoặc nói nghịch lại.

Họa thơ cũng có điệu có cách.

Bài *xương* người ta dùng điệu nào, bài họa phải dùng điệu ấy, mới đúng. Như bài *xương* phá lục, hay là làm theo lối thủ-vĩ-ngâm, thủ-vĩ quán-châu, hoặc làm theo lối hồi-văn, hay điệp-tự hồi-văn, hoặc dùng lối triết-hạ hay là đặt theo huân-cú... thì bài họa cũng phải phá lục, hoặc làm theo thủ-vĩ-ngâm, thủ-vĩ quán-châu...

Có khi người *xương* dùng lối khoáng-thủ, (1) hoặc tám chữ đầu đặt có một chữ, hoặc dùng một chữ để đặt ở đầu cặp trạng và cặp luận mà thôi, thì mỗi mỗi người họa phải đặt theo, vậy mới là đúng điệu.

Một điều nên nhớ nữa là trong bài *xương*, người ta dùng chữ vận có nghĩa gì, thì khi mình họa, mình cũng phải dùng chữ vận nghĩa đó. Như bài *xương* dùng vận có chữ *vàng* là màu vàng, *vàn* là mười ngàn, thì bài họa đến chỗ mấy vận đó cũng phải dùng *vàng* là màu vàng và *vàn* là muôn, chớ dùng *vàng* là vàng bạc... thì không đúng; bài họa thành phải kém...

Có khi người *xương* muốn phá mình, dùng vận chết (tử-vận). Tiếng một, thì mình cũng phải theo nghĩa tiếng đó mà họa. Còn người ta dùng tiếng đôi: *báng-khuáng*,

(1) Nghĩa là tám chữ đầu của tám câu ráp lại đọc từ trên tới dưới thành một câu tám chữ có nghĩa riêng.

lần-khán, khúc-khieu, sật-sừ, thiên-thai, thứ-nhiều... thì mình có thể dùng tiếng đôi đó, mà họa lại cho ăn với bài xương. Bằng mình lấy một tiếng vắn mà dùng sai nghĩa, thì bài họa không ăn với bài xương.

Thí-dụ :

Hỏi thăm quan tuần mất cướp

*Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông,
Nó lại lời ông đến giữa đồng.
Lấy của bắt người, quân tể nhĩ !
Xương già da cóc có đau không ?
Bây giờ trót đã trày da trán,
Ngày trước đi đâu mất mấy lông.
Thôi cũng đừng nên ky-cóp nữa,
Kẻo mang tiếng đại với phường nông.*

YÊN-ĐỒ

Quan tuần họa

*Ông thăm tôi cũng trả ơn ông,
Nó có lời tôi đến giữa đồng.
Cũng tưởng vung-thu phòng lúc thiếu,
Nào ngờ ky-cóp lại như không.
Chém cha thằng quỷ đen tai mắt,
Chẳng nề ông già bạc tóc lông.
Ông hỏi thăm tôi, tôi biết vậy,
Thương ông tuổi tác, cháu thì nông.*

QUAN TUẦN (?)

Thí-dụ bài xương, tả một cảnh :

Vọng phu thạch

Hình đá ai đem tạc biển đông,
In hình nhi-nữ dạng ngời trông.
Da giồi phấn tuyết phơi màu trắng,
Tóc gội dầu mưa giữ bụi hồng.
Ngày ngắm gương ó soi đáy nước,
Đêm cài lược thỏ chải trên không.
Đến nay hỏi đã bao nhiêu thử,
Trạc trạc bèn gan chẳng lấy chồng ?

TÔN-THỌ-TƯỜNG

Thí-dụ bài họa, cũng tả cảnh đó :

Nhìn con chạnh tủi lệ sầu đông,
Hóa đá tro hình dạng ngóng trông.
Đêm hứng sương chan đầu điểm bạc,
Ngày phơi nắng rắng má tó hồng.
Gió lay những tưởng thuyền ai ghé,
Trăng dọi nào dè bến nước không.
Sương tuyết chi sòn gan sắt đá,
Khư khư một dạ chẳng hai chồng.

SONG-THANH

Thí-dụ bài họa, nghịch :

Nghe nói Vọng-phu núi phía đông,
Chơn đi chưa tới mắt chưa trông,
Bạc đen bịa lăm tình quán-lữ,
Tiết nghĩa buồn cho phận má-hồng.

*Ôm trẻ dầm sương ai biết có,
Trông chồng thành đá kể rằng không.
Trơ trơ một khối từ sơ tạo,
Thêu dệt ra chi chuyện ngóng chồng.*

THƯỜNG-TIÊN

★
★ ★

Tiếp. Có khi người làm bài đầu, nói không hết ý. Cũng một người đó, hay là một, hay là đôi ba người sau tiếp thêm.

Bài tiếp thì lấy đầu đề đó, tả thêm cho trọn ý, cho không còn thiếu sót nữa. Thường làm theo lối *liên-huôn*, hoặc lấy hai ba chữ cuối câu chót, hoặc lấy hết câu chót bài trước mà làm câu phá bài sau. Lấy vần bài trước hoặc lấy vần trong đề, rồi câu chót hoặc kết theo lối *thủ-vĩ-ngâm*, hoặc lấy hai chữ đầu bài trước đem làm hai chữ chót bài sau hết.

★
★ ★

Điệp-tự hồi-văn. Một bài thất-ngôn tuyệt-cú, chỉ có mười chữ điệp qua điệp lại thành bài, mà đọc thuận đọc nghịch gì cũng được :

Thí-dụ :

Ông khuyên bà đừng ăn sớ mập

*Đừng ăn sớ mập liệu coi chừng,
Mập liệu coi chừng, bụng lửng-lưng.*

*Lưng-lửng bụng chừng coi liệu mập,
Chừng coi liệu mập sợ ăn đùng.*

D. H.

★
★ ★

Song-thanh. Một bài bát-cú, mỗi câu có bốn chữ điệp vận.

Thí-dụ :

Tặng bạn

*Khéo-léo lời hoa vẽ rẽ-rỏi,
Thâm-trầm thi điệu đáng vàng thoi.
Theo bè lướt sóng qua nhà bạn,
Ló gió trương buồm tỉnh vịnh doi.
Tranh-cảnh Tịnh-Tâm mau đạo thưởng,
Tĩnh-hình Cái-Chác rảnh rành coi.
Đoái-hoài lời nghĩa can-tràng cũ,
Nên đến thăm nhau hẳn mặn-mòi.*

D. H.

★
★ ★

Tam-Song-Thanh. Một bài bát-cú có sáu chữ điệp vận.

Thí-dụ :

Tặng bạn

*Bắt gấu bơi chơi cách rạch-rỏi,
Sóng lòng chộn-rộn tựa đũa thoi.*

Tươi-cười cứ thử chèo theo *vịnh*,
Bình-tĩnh trông mong đợi *tôi doi*.
Mỹ-y già ra, càng đáng *đọc*,
Thâm-trầm trẻ sẽ, tính nhìn *cời*.
Khuấy rầy cụ phủ ã la ó,
Bực-tức thay ai khó *tổ mối*.

THƯỢNG-THANH

Còn những bài **song-điệp** và **tam-thanh điệp-vận** thì hai chữ điệp-vận phải một âm *binh* hay là một âm *trắc* hết mới được.

★
★ ★

Điệp-ngữ-thề. Một bài thơ trong mỗi câu có hai chữ giống nhau, lặp đi lặp lại.

Thí-dụ :

Chán đời

Vất-vất *vơ-vơ* cũng nực cười,
Căm-căm *cúi-cúi* có hơn ai.
Nay còn *chị chị anh anh* đó,
Mai đã *ông ông mụ mụ* rồi.
Có *có không không* lo hết kiếp,
Khôn *khôn đại đại* chết xong đời.
Chi bằng *láo láo lơ lơ* vậy,
Luận *luận bàn bàn* chuyện *thanh-thời*.

★
★ ★

Trlết-hạ. Một bài bát-cú hay là tứ-cú, mỗi câu cũng bảy chữ, mà câu nào cũng không trọn ý, nhưng mà người đọc vẫn biểu tác-giả còn muốn nói gì thêm. . .

Thấy gái hồng-nhan

Thấy gái hồng-nhan bỗng chút mà. . .

Hỏi thăm cô ấy chữa hay dà. . .

Hình-dung yêu-diệu in như thề. . .

Diện-mạo phương-phi ngó tượng là. . .

Ăn-mặc ra tuồng người ở chốn. . .

Nói-năng phải lẽ giống con nhà. . .

Ước gì ta được mà ta để. . .

Ta để đem về đặng nữa ta. . .

(?)

★

★ ★

Hườn-cú. Một bài tứ-cú hay là một bài bát-cú mà lấy một hay là hai chữ chót câu trên làm chữ đầu câu dưới, như vậy cho đến câu thứ tám. Mà niêm luật, đối đáp, ý nghĩa cũng đem đủ hết vào bài.

Thí-dụ một bài bát-cú (1).

Bi ngộ

Mỗi thăm vì đâu lại vấn-vương,

Vương thêm rối-rắm mỗi tình thường,

Thường đem tâm-sự vui mơ-mộng,

Mộng thấy niềm riêng gửi gió sương.

(1) Vì luật bình trắc, trong bài bát-cú thì lặp lại có một chữ mà thôi.

Sương đọng đầu nhành in ánh ngọc,
Ngọc nằm kẹt đá ần danh hương.
Hương hoa muôn dặm khuấy lòng kẻ,
Kẻ Sở người Tần tả mấy chương

THƯỜNG-TIÊN

★
★ ★

Khoảng-thủ. Một bài tứ-cú hay một bài bát-cú, mà lấy bốn hay là tám chữ đầu mỗi câu, làm một câu có đủ nghĩa.

Thí-dụ :

**Kính tạ ông Thuần-Phong tặng cuốn
Ngũ-Ngôn Việt-Nam**

Ngũ ý cao thâm giá ngọc đường,
Ngôn-từ nho-nhã bực dài-chương.
Việt-văn lưu-loát thông thiên-hạ,
Nam-vận hòa thanh như thể trường.

THANH-TÂM

Vi-tam-thanh. Một bài thơ mà ba chữ chót mỗi câu, một âm. Lối này thấy có một bài, chép ra đây cho biết.

Thí-dụ :

Tự giác

Tiếng gà bên gỏi tẻ tẻ te,
Bóng ác trông ra hé kẻ hề.

*Núi một tòa cao chon (1) chót vót,
Hoa năm sắc nở tóa tóa loe.
Chim tình bằng-hữu kia kia kia,
Ông nghĩa quân-thần nhé nhẻ nhẹ.
Danh lợi chưa hề ti ti tị,
Ngủ trưa thức dậy khỏe khỏe khoe.*

Huyện THU-ĐIỀN

*

* *

Tập-danh chi thể. Một bài thơ tứ-cú hay là bát-cú có hạn mỗi câu, có một hay là nhiều tên hoặc thú, hoặc cầm, hoặc quân cờ, hoặc thiên can hay là địa chi...

Thí-dụ : một bài dùng tám quẻ trong bùa bát-quái :

Họa một bài tặng đàn Diêu-Trì

*Càng tăng vẻ đẹp cảnh Diêu-Trì,
Nhả ngọc hàng hàng khảm nét thi.
Thời-cuộc cần gay dầu khắp cõi,
Tinh-thần chấn-chỉnh vẫn riêng kỳ.
Đã rằng tương-ứng đừng khiêm-tốn,
Những ước tao-phùng mưa thoát-ly.
Thượng-uyển khôn ngừng câu xướng họa,
Non đồi hiệp khách đợi qua thi.*

S. T.

Một thí-dụ trong mỗi câu có một chữ trong vần quốc-ngữ và bốn dấu huyền, sắc, nặng, hỏi.

(1) Bị ép mà ngụ ý được như vậy thì cũng quá rồi. Chữ CHON ở câu trạng không làm sao một âm với CHÓT VÓT cho được.

Thơ gheo M. L.

<i>Những ngậm-ngùi xuân giận ử-ê,</i>	(Ê)
<i>Vì ai khương-khiu nổi riêng-tê.</i>	(T)
<i>Huyền-vi máy tạo e lời lậu,</i>	(E)
<i>Sắc-sảo câu thơ ít chữ dề.</i>	(X)
<i>Nặng gánh tương tư ngày ép-uông</i>	(F)
<i>Hỏi nơi kỹ-ngộ dạ đê mê.</i>	(Đ)
<i>Trăm năm cốt cách còn y cũ,</i>	(Y)
<i>Giấy rách khuyên em giữ lấy lề.</i>	(M)

(?)

Một thí-dụ trong mỗi câu có danh một con bài tổ-tôm :

Tự thán

Thân bát-văn tôi đã xác-vờ, (1)
Trong nhà còn biết bán-chi giờ ?
Cửa trời cũng muốn không-thang bắc,
Lộc thánh còn mong lục-sách chờ.
Thiên-tử nhất-văn (2) rồi chẳng thiếu,
Nhân sanh tam-vạn hãy còn thừa.
Đã không nhất-sách kêu ai nữa !
Ông-lão tha cho cũng được nhờ.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

(1) Cây bài bát-văn hình ốm mà dài. Ngoài Bắc có câu : học trò xương sườn bát-văn. Thân bát-văn là thân học trò.

(2) Cổ-thi có câu : « Nhất-văn thiên-tử chiếu, tứ hải trạng-nguyên tâm ». Nghĩa là, một khi nghe chiếu-chỉ của vua mở hội khoa-thi, thì khắp trong nước văn-sĩ ai ai cũng mong đỗ được trạng-nguyên cả.

Một thí-dụ nữa, mỗi câu đều có một vị thuốc bắc và mỗi câu trên có tên một con chim, còn câu dưới thì có tên một con thú. Lại dùng vận *Từ-Thứ* cho khó nữa chơi.

Gái lấy ông già

*Chim quyên bả-đậu nhánh thoi voi,
Mang bạch-đầu ông nợ mẫn moi.
Phụng đốc thung-dung ăn trái trúc,
Thỏ đầu cam-toại núp non còi.
Liên-kiều thước bắc so-le nhịp,
Sơn-giáp ngựa trèo hụt chạc roi.
Dẫn biểu từ-cô (1) đừng học thói,
Lựa người quân-tử đáng ngàn thoi.*

(?)

Một thí-dụ chót:

Gái kén chồng

(Áp thượng-cầm, trung thú, hạ ngư).

*Ên-anh mai mới thấy lãng-xãng,
Cru chút niềm tây tượng nghĩ rằng :
Lang-chạ mang điều rô miệng thề,
Cộc-cần hồ chịu ép duyên trắng.
Ứng lo lừa kết trang tòng-bá,
Sẽ tính bò leo phận các-dăng.
Cúm-núm mấy lần mang dựng đuối,
Khách cùng lân-lý có hay chăng ?*

(?)

★

★ ★

(1) *Từ-cô* tên một con chim, mà cũng tên một vị thuốc nữa.

HẠN VẬN. Thi thơ là một lối chơi tao-nhã, các thi-gia hội-hợp, hết xương họa, rồi đi tìm những lối đặc-biệt để giải-tri.

Hết hạ vần chết như là *bằng-khuông, hẹp-hỏi, thanh-thời, êm-dềm*. . . thì ra những vận A là *ta bà ha, Gà qua nhà bà già, Am làm bằm xằm nằm, Âm thàm cầm dầm dầm, Thằng ăn măng nhần răng, Bề xề dề dề lề, E bè le thè lè, Em thềm kem lem hem, Len quèn chen nhen hèn, I lý ti ly mì, Im lìm kim chìm bìm. Co giò lo cho trò, Om sòm lom bom khòm, Ô lơ xô vô mờ, Bờ xô cô vô rô, Xó cô vô ô rô, Ôi thôi rồi nôi xôi, O lơ mơ bơ xơ, Om lờm bơn xom lom, U lủ mù cu bù, Um lùm xùm chum cùm, Chung mừng lung tung bùng. U ừ thư cư lừ. . .* tới vần *Từ-Thứ* của Tôn-Thọ-Tường Voi mới cời roi *thời* trong bài *Từ-Thứ qui Hớn*, cùng là Hạn Vận. Hạn nghĩa là ra trước tám chữ ở mỗi đầu câu và Vận nghĩa là còn ra vận như bài *Khuê Úc* trong truyện *Mộng-Trung* ngũ mỹ-nữ duyên, tương truyền của vua Chánh-Đức Trung-Nguyên lúc bấy giờ ra cho các quan trong trào làm, hay là đi kiếm những vần *Eo, Om, Um. . .* để làm khó cho các bạn họa, họa không suông câu, đặt không có nghĩa. . . mới xúm nhau lại bắt-bẻ cho là vui là thích. . .

Rồi xoay qua làm *Thập-Thủ Liên-Huôn* mỗi bài hạ một vận chánh *a, e, ê, i, y, o, ô, o, u, ư* hay là khoáng-thủ tới *Thuận-Nghịch-đọc*, xuôi thì vận bình, mà ngược thì vần trắc, có khi thuận thì một đề mà nghịch thì một đề nghịch. Rốt cuộc bày ra, đặt một câu toàn âm bình, hoặc toàn âm trắc. Đó là một lối chơi cho vui, chứ tiếng Việt ta là một thứ tiếng có âm-nhạc, mà đặt toàn âm bình hay toàn âm trắc, có sắp-đặt khéo đến đâu cũng không làm sao êm tai cho được.

Sau còn lấy hai chữ đầu mỗi câu, đảo lại, đem ra sau.

Thí-dụ :

Nhấn các bạn thơ

Thương chồng giữ đạo, đáng chồng thương,

Thường thấy từ xưa, chuyện thấy thường.

Chẳng biết sao cười, ai biết chẳng?

Dường bao đáng ghét, trẻ bao dường!

Nắng chan rõ mặt tình chan nắng.

Gương rạng soi lòng tiết rạng gương.

Nghĩa nặng trăm năm còn nặng nghĩa,

Hương-Diên ngàn dặm thắm Diên-Hương.

D. H (1-5-1950)

Lại còn chưa hết, còn điệu nói lái, như :

Trông bạn rơi châu

(Bắt chước ai nói lái)

Cầu bạn đồng tâm, rượu cạn bầu,

Đâu thêm mưa lạnh, trót đêm thâu.

Dầu chong trắng đĩa, dòng châu đỏ,

Ấu bước lên đường, kéo ượt bầu.

D. H.

Năm Đinh-Dậu

Bài Khuê-ức nói trên, vua Chánh-Đức ra đề, hạn : *võ tư phong phẩm yên ba họa thuyên*; vận : *khê tê kê tề đề*. Bài này lẽ tất nhiên làm bằng chữ Hán. Chúng tôi xin chép ra đây để làm thí-dụ :

Khuê-ức

Võ yết thiên không nguyệt mãn kê,
Tư khiên hồn mộng đảo Liêu-Tê. (1)
Phong tình nguyệt ý duy bằng lý,
Phiếm võ chích vấn chỉ yểm kê.
Yên tỏa xuân sơn dung dị lão, (2)
Ba ngưng thu thủy mị nan tề. (3)
Họa mỹ-nhân khứ trang dài lãnh,
Thuyền thượng có lâu (4) chi (5) cộng đề.

NGÔ-THOẠI-SANH (?)

Dịch

Mưa tạnh trời thanh trăng chói khe,
Tơ giăng giấc mộng đảo Liêu-Tê.
Gió tình mưa ý hồng bay bổng,
Tắm nguyệt vờn mây cá lội chày,
Khói tỏa mây xanh màu dễ lợt,
Sóng tuôn trong bạc sáng không hay.
Vẽ mây hỏi kẻ ngoài môn dậm,
Thuyền trở lèo kêu lụy nhỏ đầy.

TRẦN-PHONG-SẮC

*

* *

(1) Đọc Tê mà chánh chữ là TÂY.

(2) Hòn núi mùa xuân ở xa, coi màu dợt, như lông mày người thực-nữ.

(3) Nước mùa thu trong vắt cũng như con mắt của người con gái đẹp.

(4) Lâu là sợi dây lèo. Cô-lâu là miếng cây có lỗ, có vô lèo buồm, nếu buồm trờ thì lèo trờ theo, ghịt với nhau, kêu két két...

(5) Chữ Kỳ đọc Kỳ thì có nghĩa là đất đai, mà đọc CHI thì có nghĩa là CHÍNH.

Tiền đây, chung tôi cũng chép mấy bài thí-dụ vận khó.

Tình đời

(Vận: ôi thôi rồi nôi xôi)

Chi-khí anh-hùng khó lắm ôi !
Công-danh chẳng phải vậy mà (?) thôi.
Giang-san ngàn dặm lòng chia dữ,
Sự-nghiệp muôn xe đạp tỉnh rồi.
Con đò chưa an người một giống,
Nhà vàng còn rối bếp hai nôi.
Nợ ciru sao nữ chung trời đội,
Không trả vì tham mấy vắt xôi.

NGỌC-SƠN

Tự thán

(Vận: xô cô vô ô rô)

Song the chậu cúc nở lô-xô,
Ngoài nội còn nghe tiếng hít-cô.
Nhớ thuở Thiếu-Lãng ngám Ngọc-Lộ,
Tưởng hồi Cư-Dị biệt Chi-Vô.
Trông ra mé bắc chờ tin nhận,
Đoài lại non đoài khuất bóng ô.
Buồn dựa hiên tây đề ít luật,
Hằng-Nga đầu đã vẽ mày rô.

TRẦN-PHONG-SẮC

Tự cảm

Nói phải người khôn cũng phải chịu,
Tiếng lành đồn khắp há chịu chịu (?)

Lắm đèn nợ nước ba đường nghĩa,
Đốc trả ơn vua một gánh tìu (?)
Lũng-lãng khuyển ngon rồi đồ ngọt,
Lần-hồi gỡ khúc lại phần khiu (?)
Mấy ai tỏ dặng lòng trung khốn,
Lừa đồ dưng chờ ngọn lửa riu.

HƯỜNG LỤC-KHANH (1)

Cảnh đường rừng

Trời hôm như mực cỏ xanh (?) um,
Kẽm Trống đầu dây (?) bước đánh thùm !
Ven núi chẳng nề cao với thấp,
Qua cầu đố biết thẳng hay khum.
Đường mây ngọn gió đôi dàng vạc,
Móng đá chơn sim một dấu hùm.
Sực thức đêm khuya thương kẻ lạnh,
Màn chắn dệm ấm hùm-hùm-hum.

LÊ-THẢO-TRANG (2)

Hựu thể

Khuya-khoắt đường rừng cỏ lối um,
Đá đầu quãng xuống suối thì-thùm !

(1) Ông là con thứ 18 đức ông Tuy-Lý-Vương, cháu vua Minh-Mạng; ông làm bài này họa một bài của ông Nguyễn-Hữu-Bài, lúc đức Duy-Tân xuống tàu sang đảo Réunion. (Theo VĂN-HỌC TẬP-CHÍ, năm 1933 hay là 1934 ?)

(2) Ông tên là Lượng-Thể người giáp Tiêu-Hạ, huyện Thọ-Xương (Hà-Nội) tục danh là quan án Hào. Bài này tương truyền ông làm họa một bài của một ông quan tuần xứng. Văn khó nên thơ khó hay. Chúng tôi sớ-dĩ chép ra đây là để làm tài-liệu.

*Bương (1) dè mặt sóng lưng cầu vẹo,
Cổ lợp sườn non cột quán khum.
Hót gió chẳng hề nghe tiếng vượn,
Ướt sương khéo trượt phải chun hùm.
Đi đâu mò-mẫm đêm khuya với (?)
Chờ bóng trời lên ấm hủm-hum.*

(?)

Từ-Thứ qui Tào

*Thảo đầu dám ví kẻ cày voi,
Mười xát lòng ai nấy mận mòi.
Giúp Hòn hãy còn nhiều cột cả,
Về Tào chi sá một cây còi.
Bàng-khuáng nhớ mẹ khôn nâng chén,
Bị-rịn thương vua biếng dỡ roi.
Chẳng dặng khôn Lưu dành đại Ngụy,
Thân này xin gác ngoại vòng thoi. (2)*

TÔN-THỌ-TƯỜNG

Vịnh hát-bội

(Bộ y tiền vận)

*Đưa mắc ghẻ ruồi, đưa lác voi,
Bao nhiêu xiêm áo cũng trơ mòi.*

(1) Một loại tre.

(2) Vận kêu là VẬN TỪ-THỨ, như đã nói rồi ở trước, do bài này mà ra.

*Người trung mắt dô đôi trông bạc,
Đưa nịnh râu đen mấy sợi còi.
Trên trình có nhà còn lợp lợng,
Dưới chơn không ngựa lại giờ roi.
Hèn chi chúng nói bệi là bạc,
Bôi mặt đánh nhau củ lại thoi.*

CỬ TRI

CA - NGÂM KHÚC - ĐIỆU

Muốn góp tài-liệu cho đầy-đủ, nên chúng tôi cũng xin trình ra đây những điệu này, đã có trước đời Đường, có khúc có điệu, mà thể-cách khác nhau. Mỗi câu có bốn, năm hay là bảy chữ, không kể dài vắn, có khi mỗi câu lại đệm một chữ *Hề*, nhưng để thường mỗi điệu phải ăn với cung đờn, theo cung, thương, giốc, chủ, võ... tức là những tiếng hò, xự, xang, xê, liú, ú, cống... Không hạn-định *binh trắc*, mà có *vận*.

Vận thì có khi dùng *độc-vận* nghĩa là dùng một vận từ đầu tới cuối ; có khi dùng *hoán-vận*, nghĩa là hết một đoạn một vận, thì sang qua đoạn khác, dùng một vận khác.

Điệu bốn chữ, gọi là *tứ-tự ca* ;

Điệu năm chữ, gọi là *ngũ-tự ca* ;

Điệu bảy chữ, gọi là *thất-tự ca* ;

Điệu bất cứ dài vắn thì gọi là *trường-đoản-cú ca* ;

Điệu có đệm chữ *Hề* thì gọi là *cổ-thể ca* ;

Điệu buộc theo tiếng đờn, gọi là *ca-khúc*.

Chúng tôi xin chép ra đây để nhắc lại, mỗi thứ một hay là hai bài hay là một đoạn :

Tứ-tự ca

Nguyên thủ minh tai,

Cổ quảng minh tai.

Thứ sự khang tai !

Vua THUẤN (?) (*Minh-Lương*)

Dịch

Nhà vua sáng thay !

Bày tôi hiền thay !

Mọi việc yên thay !

(?)

★

★ ★

Ngũ-tự ca

Thiên-dịa hữu chánh khí,

Tạp nhiên phú lưu hình.

Hạ tắc vi hà nhạc,

Thượng tắc vi nhật tinh.

Ư nhân viết họa nhiên,

Bái hồ tắc thương minh.

Hoàng lộ dương thanh di,

Hàm hòa thổ minh đình.

Thời cùng tiết nãi hiện,

Nhứt nhứt thủy đan thanh.

VĂN-THIÊN-TƯỜNG (*Chánh-Khí*)

Dịch theo điệu lục-bát

Một vùng chánh-khi xưa nay,
Lưu hình rộng khắp dưới dày trên cao.
Trên cao kìa những trăng sao,
Dưới thì san-sát biết bao san-hà.
Hạo-nhiên ở tại người ta,
Nở ra đường khắp mấy tòa mờ xanh.
Đương cơn hoàng-lộ thanh-bình,
Ngậm màu trước chốn mình mình ai hay.
Khi cùng mới tỏ lòng ngay,
Mỗi người một vẻ chép đầy sử xanh.

(?)



Thất-tự ca

Hán-hoàng trọng sắc tư khuynh quốc,
Ngự võ đa niên cầu bất đắc.
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,
Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức.
Thiên sanh lệ chất nan tự khí,
Nhứt triều tuyển tại quán vương trắc.
Hồi máu nhứt tiểu bách mị sanh,
Lục cung phẫn đại vô nhan sắc.

BẠCH-LẠC-THIÊN (Trương-hận)

Dịch điệu song-thất lục-bát

Vua nhà Hón nhớ người sắc nước,
Năm lên ngôi ao-ước những ngày.
Họ Dương có gái xinh thay!
Nuôi trong cung-cấm ai hay phẩm-bình,
Người nhan-sắc trời sanh sao bỏ,
Một sớm mai gặp-gỡ quân vương.
Miệng cười trăm vẻ nữ-nang,
Sáu cung son phấn kém đường điếm-tổ.

(?)

★

★ ★

Bộ-bộ-thiền

MÙA THU

Thủy điện phù lam sơn tước ngọc,
Kim phong tiển tiển xao hàn trúc.
Lô hoa vạn lý bạch y y,
Thọ sắc sương ngưng hồng nhiễm lục.
Oánh triệt thiền cung nga độc túc,
Dao giai bộ bộ thu hoài xúc.
Bất như kinh lai ly hạ cúc hoa hương,
Nhàn tọa phủ hồ đàn nhứt khúc.

(?)

Dịch

Mặt nước trong veo non tựa ngọc,
Gió vàng hây-hây khua khóm trúc.

*Hoa lau muôn dặm trǎng phau-phau,
Cây-cối vẻ hồng xen vẻ lục.
Cung-thiêm sáng quắc ả Hằng ngử,
Đạo bước thêm giai tình rạo-rực.
Chi bằng đến thẳng dưới giậu hoa cúc thơm,
Ngồi khẽnh võ đờn khảy một khúc.*

(?)

★
★ ★

Cách-phổ-liên

MÙA HẠ

*Kiền khôn tăng trừ uất áo,
Thảo lý thanh hoa nào.
Chi đầu hàn thiển lão,
Thanh thanh dõ vũ não.
Á á hoàng ly não,
Tần dương cáo.
Xuân chủ qui hề như hà hảo ;
Giá ban cánh sắc, thiêm khởi nhứt phiên lạo lạo.
Hạnh Chúc-Dung quân, cở nhứt khúc nam huân tháo.
Thấn tống hà hương áo,
Tiền phiên thương tâm, tùy phong tận tảo.*

(?)

Dịch nguyên văn

*Trời đất nhiều phần nóng bức,
Bãi cỏ ếch rộn-rực.*

Đầu cành ve kêu nức,
Tiếng quốc nghe hậm-hực
Giọng oanh thêm náo-nức,
Dường tấm-tức.
Chúa xuân về rồi ấy mới cực ;
Kìa kìa cánh sắc, ngao-ngán lòng người quá sức.
May đâu Chúc-Dung khảy một khúc đàn giai nức.
Thoảng mùi sen thơm nức,
Một trận gió bay, sạch nỗi buồn bực.

(?)

★
★ ★

Cán-khê-sa

CHÙA GIÀ VỊNH NGUYỆT ĐÊM THU

Bé nhỏ bảy giờ chợt nghĩ ra,
Tưởng còn ngơ-ngẩn mới nên ba.
Non sông còn trẻ đã toan già,
Vịnh nguyệt ngám-nga trời bắt tội.
Vườn thu ai sẽ được xuân qua ?
Bán sầu khôn chuộc cái vui qua.

(?)

★
★ ★

Giá-cô-thiên

KHÓC HOA

Trách gió đông-phong chẳng biết gì,
Chôn hoa có biết mảnh tình si ?

*Bên hoa tiếng sáo ai von-véo,
Sầu buổi tà-dương sắp lặn đi.
Hồn mê-mẩn,
Lệ đầm-đìa.
Đau lòng viết một khúc tân-thi.
Cành hoa có ý xuôi dòng nước,
Bóng nguyệt vô-tình hỏi thiếp chi ?*

(?)

Giang-thủy-nhi

NHẮN CON

*Dưới gối con xa-cách,
Trên thềm mẹ ngẩn-ngơ.
Lúc đi may áo cho con mặc,
Mắt mờ-mờ
Dặm trường trông xa-lắc,
Lạnh-lùng thay !
Tựa cửa mong mỗi mắt.
Lòng mẹ sao cho đành được !
Xiết nỗi nhớ thương !
Tin nhàn mong đợi hỏi thăm sau trước.*

(?)

*

* *

Lâm-giáng-tiên

ĐÊM THU NHỚ TÌNH

*Một trận gió thu hồn chợt tỉnh,
Xin nhau giọt lệ chung-tình.*

*Con tằm móc ruột mỗi tơ mảnh.
Lông sâu ghê chữ nghĩa,
Dùng vịnh lúc đêm thanh.*

(?)

*
* * *

Mãn-dinh-phương

VỊNH HOA CÚC

*Sắc nước lạ-lùng,
Hương trời lạnh-lẽo.
Đem thân bạn với thu này.
Gió tây đã muộn,
Chờ đợi đến hôm nay.
Hỏi khách Đông-Ly tỉnh chưa ?
Mộng phù-sinh say độ mấy ngày ?
Hoa cũng tẻ !
Đau lòng ly hợp,
Người đấy phụ hoa đây.*

(?)

NHỚ Ý-TRUNG-NHÂN

*Bề ái minh-mông,
Trời tình thảm-đạm,
Nước non xa mấy dặm đình.
Mai chiều trông đợi,
Tưởng bóng lại mơ hình.*

*Chiếc gối tương-tư lạnh-lẽo,
Vùng trăng xẻ nửa cợt chi mình ?
Ai có thấu ?
Nào-nùng hồn mộng,
Hò-hẹn khách ba-sinh.*

(?)

★
★ ★

Mộc-lan-hoa

ĐÊM VIẾNG MỒ BẠN GÁI

*Rầu rầu ngọn cỏ,
Mặt ngọc mình vàng vùi tại đó.
Tài sắc đâu rồi ?
Bạc mạng ngàn năm ối bạn ôi !
Tình duyên ngo-ngẩn,
Chiều thu ngọn cỏ gáy niềm hận.
Giọng dẽ thiết-tha,
Canh tàn ai oán khóc hồn hoa !*

(?)

Nga-mi-nương

KHÓC CON

*Con đi đâu ?
Mình cha sầu !
Bồi-hồi tâm trí đượm dòng châu.
Đời con khổn-nạn như vậy sao ?
Bên sông vừa rớt,*

Ai dè mau thác?

Ở trần chắc số con có phước,

Nhưng cũng giận thay con Tạo cơ-cầu.

Ói buồn-bã!

Con đi đâu?

(?)

★
★ ★

Ngũ-mỹ-nhân

ĐÊM THU TỈNH GIÁC

Rừng phong lá rụng như mưa bão,

Tỉnh giấc đêm thu não.

Trăng chênh sương lạnh nhận kêu dài.

Chạnh mối hoài giai,

Văng-vẳng tiếng đờn ai?

(?)

★
★ ★

Nhứt-tiến-mai

THU QUA

Gió vàng lác-dác tiếng thu qua,

Vừa tiếc xuân già,

Vừa nhớ xuân già!

Chén rượu mưa sầu phụ với hoa.

Mặt trời tà tà,

Bóng liễu tà tà.

*Cái thân phiêu-bạc khúc tỳ-bà,
Chân trời không xa,
Trước mặt mà xa.
Vàng vắt ngâm hồn chợt tỉnh ra.
Cảm người yêu ta,
Sầu người yêu ta!*

(?)

★
★ ★

Phá-tề-trận

TIẾC THU

*Bãi cát vẽ tranh cỏ trắng,
Bên sông ánh rắng chiều vàng.
Sườn núi lá rơi,
Chân mây nhận lạc.
Nghìn thu trải mấy tà-dương,
Tịnh dầu hoa nở ghen cho kiếp.
Đến kiếp phù-dung thiết đoạn-trường !
Tiếc thu, thu chẳng thương.*

(?)

KHÍ PHÁCH NHÀ TRẦN

*Dây dầy tỳ hưu trăm đội,
Thao thao hào khí muôn trùng.
Cướp giáo giữa dòng,
Đoạt cờ trong trận.*

*Cháy gan quyết một thư-hùng,
Lo sao đem cuộc thắng-bình lại.
Đột tiếng rền oai dậy núi sông,
Quán Hồ võ chày đông.*

(?)



Tây-giang-nguyệt

THAN VIỆC ĐỜI

*Cồn cồn tràng giang đông thệ thủy,
Lãng hoa đào tận anh-hùng.
Thị phi thành bại chuyển đầu không!
Thanh sơn y cựu tại,
Kỷ độ tịch dương hồng.
Bạch phát ngư tiều giang chữ thượng,
Quán khan thu nguyệt xuân phong.
Nhứt hồ trọc tửu hỉ tương phùng,
Cổ kim đa thiếu sự,
Đó phó tiểu đàm trung.*

(?)

Dịch nguyên-điệu

*Cuộn cuộn sông dài nước chảy xuôi,
Anh-hùng sóng dập cát vùi.
Dở hay chớp mắt việc qua rồi!
Non xanh trơ vẫn đó,
Trái mấy bóng chiều soi.*

Hai chú ngư tiều đầu trắng xóa,
Trăng trong gió mát ra mùi ;
Gặp nhau chén rượu chuyện trò vui.
Bao nhiêu việc kim cở,
Đem bỏ cuộc vui cười !

(?)

★
★ ★

Trường-đoản-cú

Nhật bất' lạc hề nguyệt trằng sanh,
Vân phiến phiến hề thủy linh linh !
Kinh niên hồ điệp phi bất khứ,
Lũy tuế đào hoa kết bất thành.
Nhật phiến thạch,
Sở châu tủng.
Viễn hữu dạm,
Cận hựu nùng.
Bất xuất môn đình tam ngũ bộ,
Quang tận giang sơn thiên vạn trùng.

NGỘ-DUNG

(Một đoạn trong bài ca
Đề Bức Sơn-Thủy)

Dịch theo nguyên-điệu

Thỏ không lặn hề ác không tà,
Mây pháp-phời hề nước tuôn ra !

*Bướm nọ quanh năm bay vẫn đó,
Đào kia trải tháng nở còn hoa.
Vàng đá trắng,
Khóm thông già.
Xa lợt-lạt,
Cận đậm-đà.
Không ra khỏi cửa năm ba bước,
Xem hết non sông muốn dậm xa.*

(?)

★
★ ★

Trường-tương-tư

TƯƠNG-TƯ

*Non một trùng,
Nước một trùng,
Một khối tương-tư kết một lòng.
Lời xưa ai nhớ không ?
Người cuối sông,
Người đầu sông !
Trời ghét tài hoa, ghét má hồng.
Kiếp này tu chữa xong.*

(?)

Vị-thủy đầu-can

NHẮN TÌNH

*Gió lạnh-lách trắng nhỏ đầu núi,
Thấy bóng trăng thêm tủi chữ duyên.*

Cùng ai đã hẹn bách niên.
Trăng thề còn đó, bạn hiền giờ đâu ?
Ngơ-ngẩn canh thâu,
Đôi hàng lụy ứa.
Bâng-khuáng tình cảnh,
Thồn-thức dạ thơ.
Non sóng một dãy nông sò,
Mắt xanh đã mỏi, trông chờ tin sương.
Tơ lòng vấn-vít tình ly-biệt,
Hồn điệp mơ-màng nỗi nhớ thương.

(?)

★
★ ★

Viên-lâm-hảo

CON TỪ-BIỆT

Nay con đi !
Cha mẹ chớ phiền ngại nỗi chi !
Nay con đi !
Sẽ trở về tức thì.
Chỉ mong sao song thân khang-khien,
Dưới thềm về lạy có khi.
Dưới thềm về lạy có khi !

★
★ ★

Xuân-quang-hảo

TRẬN BÃO TỐ

Trời phát gió,

Nổi ba đào.

Lần-lượt rồi ra trận bão tố.

Thời rát-rao.

Mưa đổ ngoài sân như suối,

Then gài, cửa đóng, hỏi ai ?

Giữa biển tràn luồng gió ngược xuôi,

Khéo làm tai !

KHÁNH-VÂN

NHỮNG ĐIỀU SẮP CHỮ

Đã nói góp tài-liệu, thì ở đây chúng tôi cũng đem vô một vài điều sắp chữ của tác-giả « rấn-mắt » đặt đề cho lạ mắt.

Điều chữ thập (1)

Đây

Anh

Gởi

Thiếp nhớ chàng Thơ dặng em hay,

Bỏ

Nghĩa

Này

(1) Đây anh gởi thơ dặng em hay,
Hay em dặng thơ bỏ nghĩa này.
Này nghĩa bỏ thơ chàng nhớ thiếp,
Thiếp nhớ chàng thơ gởi anh đây.

Điệu cái vòng lẫn-quần (1)

lòng ngo ngân đợi. Nhận về đông
gởi bạn tình chung một tấm
mây cánh

Điệu hình tam giác (2)

túi đoạn trường
Nương mây cánh

nghe tiếng nhận

-
- (1) NHẬN VỀ ĐÔNG GỞI BẠN TÌNH CHUNG,
Gởi bạn tình CHUNG MỘT TẤM LÒNG.
Chung một tấm LÒNG NGO-NGÂN ĐỢI,
Lòng ngo-ngân ĐỢI NHẬN VỀ ĐÔNG.

- (2) NƯƠNG MÂY CÁNH NHẬN TIẾNG NGHE THƯƠNG,
Nhận tiếng nghe thương: TÚI ĐOẠN TRƯỜNG.
TRƯỜNG ĐOẠN TÚI THƯƠNG NGHE TIẾNG NHẬN,
THƯƠNG NGHE TIẾNG NHẬN CÁNH MÂY NƯƠNG.
TỔ-PHANG

Điều hình thoi

XÓT NGƯỜI BẠC MẠNG

X ó t

Thương

Trăm nỗi

Ngàn đường.

Chút tình nặng,

Mối tơ vương.

Đằm - đìa giọt lệ,

Lai - láng sóng Tương.

Năm canh đau phở - phủ,

Sáu khắc khổ tâm trường.

Nỡ khiến tình duyên lỡ - dở,

Cũng vì thân phận lương-khương.

Xót kẻ hương-nhan cam dập liểu,

Thương người bạc-mạng phải vùi hương.

Thảm bấy bình rơi trâm gầy,

Sầu thay nát ngọc tan gương !

Hết trong lòng mơ - tưởng,

Phải chịu dạ tư - lương.

Cho hay phận bạc,

Cũng kiếp má-hương !

Xuôi duyên nợ.

Phải sám-thương,

Trăm nỗi

Ngàn đường.

X ó t

Thương !

PHÚ

Phú là một lối văn vãn để tả cảnh, tả tình, tả phong-tục. . .

Bài phú cũng như một bài thơ, có *phá*, *thừa*, *thực*, *luận*, *kết*.

Phá, trong bài phú, kêu là *vãn lung*, để tả đầu đề cho lung động.

Thừa, gọi là *vãn biện-nguyên*, để dẫn gốc-tích của đề ra.

Thực, gọi là *vãn thích-thực*, để tả hết ý-nghĩa của đầu đề.

Luận, gọi là *vãn phụ-diễn* để bàn thêm ý của đề.

Kết, gọi là *vãn nghị-luận*, để mà kết-thúc.

Một bài phú có nhiều đoạn. Mỗi đoạn có nhiều câu.

Mỗi đoạn mỗi vãn, gọi là *vãn phú*. Có nhiều cách hạ vãn :

Phóng vãn, muốn làm theo vãn nào, tùy ý mình ;

Hạn vãn, phải theo vãn nhứt-định của người ta ra cho mình, hay là của mình tự ra lấy, trước khi làm ;

Độc vắn, từ đầu chỉ cuối, dùng có một vắn ;

Liên vắn, vắn câu trên hạ xuống nửa câu dưới. Rồi vắn câu này hạ xuống giữa câu kế. Cứ thế liên chuyển đến cuối bài.

★
★ ★

Cách đặt. Mỗi vắn phú, trước phải đặt vài *bốn câu bốn chữ* gọi là câu *TỨ-TỰ*, hoặc theo điệu *binh trắc* đối nhau, thì hạ vắn cuối câu hai ; hoặc theo lối *liên-châu* nghĩa là chữ chót câu trên vắn với chữ chót câu dưới.

Kế đó, *vài bốn câu*, mỗi vế *sáu bảy chữ*, hoặc *tám chín chữ*, gọi là câu *SONG QUAN*, đối nhau.

Sau nữa *vài bốn câu*, mỗi câu hai vế, mỗi vế chia ra làm *hai* hay là *nhiều đoạn*, một đoạn ngắn, một đoạn dài, ngắn dài muốn đề trước sau tùy ý. Phải đối nhau, gọi là **CÁCH CỨ**.

Có khi không đặt câu **CÁCH CỨ**, thì lại đặt những câu dài, mỗi vế *ba đoạn*, mỗi đoạn dài vắn tùy thích, cũng đối nhau, gọi là câu **GỐI HẠC**.

Thí-dụ một câu *gối hạc* :

Khi dắc thể thì đất nắn nên bụi, nghe hơi khả xăm-xăm chen gót đến, đen tợ đàn ruồi ;

Lúc sa cơ thì rồng cũng như run, xem chiều hèn xanh-xanh rẽ tay ra, lạt như nước ốc.

(?)

(*Phú Thế-Tục*)

Trên đây là *dương-phú*, từ đời Đường bên Trung-Hoa, chế hạn luật, người ta dùng nhiều. Cũng còn nhiều lối phú khác, người ta ít dùng hơn, như lối *phú lữ-tự*, từ đầu chỉ cuối

mỗi câu dùng bốn chữ ; lối *thất-tự*, mỗi câu bảy chữ như lối *trường-thiên* ; lối *sở-từ* cứ mỗi câu năm sáu chữ, đệm một chữ *hề* ; lối *liu-thủy* văn xuôi không bó buộc số chữ số câu, như bài phú *Xích-Bích* của Tô-đông-Phạ, hay là bài *Qua Sông*, nguyên văn chữ Hán, thấy lược dịch trong *Việt-Hán văn-khảo* của cụ Phan-Kế-Binh.

Đây là một bài phú thí-dụ :

Tương-tư

Mây xâu mây liễu,

Gió ủ mặt hoa.

Mỗi tương-tư đã-dượi lúc canh gà,

Đường ân-ái mê-mang nơi dạ ngọc.

Duyên tơ-tóc ghe phen lửa-lọc,

Nợ hồng-nhan lắm lúc ước-ao.

Cầu ó nhiều nhịp thấp nhịp cao, duyên đã đẹp nợ đã trao, nào sợ kẻ dầm mưa nơi sương móc ;

Vườn hạnh sẵn nhánh ngang nhánh dọc, cây phải mùa huê phải tiết, há hờn chim luyện để lúc xuân tươi.

Bỉ-bàng thay ! tiếng nói tiếng cười, lan ấp phụng gió đưa hoa, đờn Tư-Mã đương ca, rượu chung-tình đầy dầy, giây phút rồi liền buộc cái sầu riêng ;

Ràng-riết khêu ! mỗi thắm mỗi phiền, thỏ dọi trắng hoa ngóng bướm, khúc Chiêu-Quán đương đượm, giấc hồ-diệp mơ-màng, năm canh chẵn giục hờn trong phận bạc.

Trách con Tào làm điều dục-ác, để nỗi thương trai thắm bắc gái sầu đông ;

Hòn ông Tư xe mỗi long-đong, kêu đoạn thăm kẻ
trông non người đợi biển.

Nhớ nổi bậu, đèn lụn tim canh sang chuyền, thơ-
thần ra vào :

Thương phận em, thơ nên vận tự nên câu, bằng-xãng
viết tả.

Trước kinh gởi phận bà thong-thả,
Sau ngõ thăm lệnh nhạc thanh-nhàn.
Duyên trăm năm dầu được rõ-ràng,
Vui một cửa thỏa lòng trông đợi.
Ít chữ đong nam vãng lợi,
Đôi câu luận-lý hòa hai.
Tỏ bày tình vẫn nghĩa dài,
Gắn chặt duyên Hồ nợ Hòn.

(?)

VĂN TẾ

Một bài đọc lúc tế người chết, để kể công-đức của người, để tỏ sự thương nhớ ; hoặc để tỏ thương tiếc một vật hay một nhân-vật ; hoặc để mĩa-mai sự-thế.

Văn tế làm theo lối *dường-phủ*, hoặc theo lối *lưu-thủy*, hoặc làm bằng *văn xuôi*.

Văn tế cũng *đối*, cũng có *vần*.

Thường thường thì dùng toàn *vần trắc*, ở cuối câu. Mà có khi thêm *vần ở giữa* câu. Có khi, *hạn vận* nghĩa là dùng mấy *vần* đã định trước như đã nói rồi trong 181. Lối ấy dễ thường khó, nên ít thấy dùng.

Thi-dụ :

Văn tế chú

(Vận : *tạ, giao, hiền*)

Hỡi ôi !

Vật đổi sao dời,

Trăng tàn hoa tạ.

Áng mây sầu mịt tỏa trời cao,

Trận gió thảm sóng xao biển cả.

*Cơ-cầu thay con tạo-hóa, cuộc tang-thương ủ mặt
son-hà ;*

*Thương tiếc bầy khách tài-hoa, cơn tử-biệt nảo lòng
thiên-hạ.*

Nhớ linh xưa !

Vốn người phong-nhã,

Vào bực thanh-tao.

*Trên dưới trước sau, danh tiếng lay thom làng mạc ;
Đông tây nam bắc, đường đời rộng bước xã-giao.*

*Tuy kẻ bề học-vấn chẳng bực tốt vôi, lưỡng trách
buổi giao-thời làm lỗ-dở văn-minh Âu Á ;*

*Mà kẻ mặt tài-ba được lời xuất chúng, dẫu gặp thời
tú-túng đã lầy-lùng danh nghĩa mảy râu.*

*Vả chẳng tài vẫn tùy người, chẳng đợi nho thâm học
bác ;*

Nên hễ người đã đứng mực, thì là chí lớn rộng cao.

*Nào phải mặt coi một miếng thịt làng bằng sàng thịt
chợ, hễ làm hương thì phụ-mẫu chi-dân, để lán-lý khổ tâm
thán-oán :*

*Mà là tay cầm một miếng khi đói bằng gói khi no,
có gặp dịp thì hào-hoa nghĩa-hiệp, nên hương-thôn cổ-võ
khen lao.*

Tuy chẳng phải hy-sanh cùng xã-hội,

Mà vẫn ra giúp ích cho đồng-bào.

*Lời lời ngọc chuốt vàng trau, dầu trên quan dưới dân,
tài Án-Tử vẫn hùng-hồn biện-luận ;*

*Môi môi buồm xuôi gió thuận, cứ đường ngay nẻo
thẳng, chốn nghị-trường từng hân-hạnh ra vào.*

Ngày thủ-tướng (1) hỏi chào, ai ai cũng gọi là vinh-hạnh.

Trận Liêm-Chiêu tranh-cạnh, ai ai mà chẳng biết vàng thau.

Mà hễ làm thì làm, làm chẳng thích phó-trương tự-đắc ;
Nếu có được thì được, được không cần tán-tụng hô-hào.

Tuy anh-hùng tạo thời-thế, nhưng cảnh-ngộ cơ-cầu, lắm cử-chỉ phải âm-thầm cẩn-thận ;

Bởi hữu-chỉ tất cánh-thành, nhờ tâm-can hảo-hòn, nhiều công-trình đã được sáng-lạn lâu-lâu.

Nào có phải vì quyền vì tước, mà cam mọt trán cúi đầu,
bươn-bả mưu cầu danh giả-dối ;

Ấy là duy hữu chí hữu tâm, nên đành hao công phải tội,
lọc-lựa chọn lấy tiếng thanh-cao.

Cùng xã-hội đã có công-lao, hòn đá nhỏ đã góp tài-ba
nghĩa-vụ ;

Với gia-quyển còn nhiều phận-sự, đám con thơ còn cần
hướng-dẫn luyện-đào.

Mới hôm nào rộn-rịp đón dâu, chén hoan lạc còn nồng
rượu trước ;

Biết bao giờ nung-niu ấm cháu, nỗi thương tâm để thăm
đời sau.

Mặt giai-lễ đã biết ai đâu, ngày lống-nữ không cha
chứng tỏ ;

Tuổi thơ-ấu thương cho em nọ, sự lập-thân chỉ mẹ lo-âu.

Người vẫn có câu : Con không cha như nhà không nóc ;

Đời thường hay khóc : Vợ mất chồng như áo mất bầu !

(1) Paul Raynaud.

Rồi lấy chi mà chở-che ngày hạ,
Rồi lấy chi mà ấm-áp đêm thâu.

Lại nhớ linh xưa !

Tuy hàng chủ bác,
Mà nghĩa tri-giao.
Chẳng lấy về-vai làm lớn,
Chẳng xem địa-vị là cao.

Nào những lúc mắt đau, cháu thỉnh-thoảng viếng thăm
ấm-lạnh ;

Nào những khi đàm-luận, chú ân-cần chuyện văn ngọc-
ngào.

Cũng có lúc luận về tứ thú,
Cũng có khi bàn chuyện ngũ-châu.

Cũng có lúc phê-bình cô-tích,
Cũng có khi đàm-tiểu tán-trào.

Duyên ăn nói làm sao ! như thể mật đường ngon-ngọt,
Tài hùng-hồn chẳng xiết, khác nào kèn sáo thanh-tao.
Nào phải giấc chiêm-bao, tai văng-vẳng còn nghe lời
cháu ngọc ;

Phải đầu cơn sáng-sốt, mắt sờ sờ dường thấy dạng ra
vào.

Nhưng hỡi ôi !

Vàng chìm ngọc nát,

Đất lở trời nghiêng.

Cỏ thảm hoa phiền, cảnh vật một màu cựu hận vơi ;
Trăng hờn gió tủi, nước mây mỗi vẻ nhuộm sầu riêng.

*Mắt ướt đầm lụy đổ liên-miên, cõi dương-thế tiễn đưa
trang tuấn-kiệt ;*

*Miệng đón hỏi cười reo thân-thiết, chốn âm-cung tiếp
rước khách tài-hiền.*

*Hay đoạn-tuyệt với trần-duyên, ngao-ngán cõi đê-hèn
ô-trước ;*

*Mà phản hồi nơi siêu-tục, an-nhàn chốn thanh-bạch
thiêng-liêng.*

*Kìa xã-hội đảo-điên, ghế nghị-viện lống chở người
thiên-cổ ;*

*Nọ giang-san cầm-tú, cảnh bồng-lai chực đón khách
cửu-tuyền.*

*Luống trách phạt trách duyên, duyên phạt xui chi tráo-
trở ;*

*Phải biết căn biết số, số căn sao khéo truan-chuyên !
Cảnh gia-quyển đảo-điên, cột cả rường cao ai chống-
chỏi ;*

Đoàn thê-nhi vô tội, tay mềm chun yếu bước cơ duyên.

Hỡi ôi !

Tìm đâu ra được người tuấn-kiệt ?

Tìm đâu ra được đấng tài-hiền ?

Còn đâu những trận hùng-hồn tranh-luận ?

Còn đâu những cuộc vấn-đáp nghị-viên ?

Còn đâu những lời vàng gieo ngọc ném ?

Còn đâu những lời đình dóng thép rền ?

Còn đâu những buổi luận-dàm thú-vị ?

Còn đâu những ngày thân-mật đoàn-viên ?

*Đã biết lẽ qui kỳ tự nhiên, người dầu thóc chó linh-
thần bất-hủ ;*

*Mà hềm câu tử-sinh kinh cụ, đời hay quên tuy sách
sử không quên.*

Máu chảy ruột mềm, thương tiếc cùng ai thỏ-thẻ ?

Ngày tàn bóng xế, tửu sầu họa chủ, chừng miên.

*Phải chi còn gặp-gỡ như buổi sanh-tiền, ắt có thể dãi
niềm tâm-sự ;*

*Phải chi được tới lui trong hồi thức ngủ, hỡi còn
mong bày tỏ căn-nguyên.*

*Lời thô-sơ tự xét để hèn, cháu chẳng được văn hay
chữ tốt ;*

*Nỗi thâm-thiết để thăm đau xót, cháu phải nhờ giấy
trắng mực đen.*

Thôi thôi !

Lẽ bạc lời hèn, giọt lệ nén hương xin tiễn chú ;

Quê xưa cảnh cũ, xe loan cánh hạc nhẹ qui tiên.

Hỡi ôi ! thương thay !

Hỡi ôi ! tiếc thay !

TỔ-PHANG kính bái

Bắc-Liêu, ngày 23 tháng 3 Tân-Ty

VĂN VĂN VÀ VĂN KHÔNG VĂN

Sau đây chúng tôi xin đem các chương này để nhắc lại những điều *thi-phú có văn cùng không văn*, của ta học theo Trung-Hoa thuở xưa kia.

Ở đây có đoạn chúng tôi không thể cắt nghĩa cho rành mạch. Chỉ bày ra sơ-lược, đem vào kho tài-liệu, ý muốn cho bạn đọc biết sơ qua, mà cũng cho đủ hết vậy thôi.



Minh. Là một bài ghi vào vật gì hay dán trên vách chỗ mình ngồi chơi ; để mình tự khuyên mình, hay để khuyên răn học trò, con cháu... hoặc để ghi công-đức của một ai quá vắng, hoặc để nhắc một sự tích...

Minh ghi chỗ ngồi của Thôi-Tử-Ngọc

Người xấu chớ nên nói,

Minh hay chớ nên khen.

Làm ân chó nên nhớ,
Chịu ân chó nên quên.
Đời khen không đủ mển,
Duy lấy nhân làm nền.
Chứa bụng rồi mới đong,
Gièm-pha có ngại gì ?
Đừng để danh quá thực,
Thánh ở trong ngu-si.
Giữ mình cho trong-trẻo,
Ánh sáng lộ tỷ-ty.
Mềm-mỏng được bền-dai,
Lão đem khoe mới kỳ.
Hằm-hằm nết kẻ hèn,
Khoan-hòa người lượng cả.
Nói cần ăn có chừng,
Biết vừa không tai vạ.
Cứ thể được mãi mãi,
Thơ-tho cùng hả dạ.

Dịch theo nguyên-diệu

(?)

★
★ ★

Trám. Là một bài đề răn mình hoặc răn người, cũng như bài *minh*. Song lối *trám* thì chỉ dùng câu bốn chữ thôi.

Xin chép ra đây một bài *trám* :

Cần ngôn

Lòng người khởi động,

Bởi nói mà ra.

Chớ nên nóng-nảy,

Bụng phải khoan-hòa.

Cái máy dầu lười,

Nên bay nên vạ.

Lành dữ nhục vinh,

Do tự dấy cả.

Mỏng môi bép-xếp,

Nhiều lời rườm-rà.

Nói ngang người cãi,

Nói trái ai tha.

Phải nên phép-lắc,

Chớ có sai-ngoạ.

TRÌNH-MINH-ĐẠO

Dịch nguyên văn

★

★ ★

Tán. Là bài văn đề vào bức tượng truyền-thần để ngợi-khen công-đức của người. Cũng có khi đề vào ảnh của mình, đề tả cái tánh-khí cảnh-ngộ của mình.

Lối văn *tán* cũng thường làm mỗi câu bốn chữ, nhưng có khi chẳng lẽ-lối nào, khi thì dùng một bài thơ, khi thì dùng vài câu thượng-lục hạ-bát. . .

Bài tán đề bức tượng Trình-Minh-Đạo (?)

*Xuân hào núi vững,
Sắc ngọt tiếng vàng.
Nguyên khí hội tụ,
Đức nền dung-quang.
Mây lành trời ấm,
Mưa thuận gió hòa.
Rồng bay ngói báu,
Đức thấm gần xa,*

(?)

Dịch theo nguyên điệu

*
* *

VĂN KHÔNG VĂN

*Văn không văn của ta có nhiều
lối, cũng có khuôn-khò phép-tắc
riêng, chứ không phải muốn*

viết sao cũng được.

Các lối ấy là *kinh-nghĩa, văn-sách, tứ-lục, đối-liễn*, đều thường dùng trong việc thi-cử của ta hồi xưa. Đọc qua ta mới biết xưa kia, thi-cử phải học xa, đọc rộng, mới nhứt khắc làm ra bài được.

*
* *

Kinh-nghĩa. Là thích nghĩa *kinh-truyện*. Thường trích một câu trong *kinh-truyện* làm đầu bài, người làm phải thay lời người xưa mà thích-giải cho rõ nghĩa.

Lối *kinh-nghĩa* thông-dụng nhứt là lối *bát-cô* (tám vế).

Đây là những đoạn của lối *bát-cổ* :

1. *Phá-đề*. Đề giải đầu-đề cho rõ ;
2. *Thừa-đề*. Đoạn này phải thay lời người xưa mà giải ;
3. *Khởi-giảng*. Nói khai mào đề giảng ý đầu-đề ;
4. *Khai-giảng*. Vào đề. Có hai vế đối nhau mở ý đầu-đề. Cuối đoạn này có một câu *hoàn-đề* để lấy lại câu đầu đề ;
5. *Trung-cổ*. Thích-thực đề giải rõ nghĩa đầu-đề, có hai vế đối nhau ;
6. *Hậu-cổ*. Đề nghị-luận cho rộng ý-nghĩa của đầu-đề. Có hai vế đối nhau ;
7. *Kết-cổ*. Tóm luận cũng có hai vế đối nhau ;
8. *Thúc-đề*. Cuối đoạn này phải có một câu đề thắt chặt.

Đây xin đơn-cử một bài *kinh-nghĩa* làm thí-dụ :

Mẹ khuyên con lúc về nhà chồng

ĐẦU BÀI :

Mày về nhà chồng, phải kính phải răn, chớ trái lời chồng (chữ kinh lễ: Vãng chi nhữ gia, tất kính tất giới, vô vi phu tử).

BÀI LÀM :

Câu phá : *Khuyên con giữ đạo làm dâu, bà già nghĩ đã đến lắm vậy.*

Câu thừa : *Phù con đại cái mang, lẽ xưa nay vốn thế. Khuyên con phải kính-trọng chồng, há chẳng phải đạo làm ru ?*

Khởi-giảng : Mẹ đưa con ra cửa, ý nghĩ rằng : trong phối-định ba giởng đạo cả, thật là muốn hóa chi theo ra ; mà hôn-nhân hai họ giao vui, hủ để một lời chi trách đến.

Câu lãnh-mạch : Mẹ đưa con ra, mẹ càng nghĩ lắm, con ạ !

Khai-giảng : (Về trên) Con, con mẹ, mà dáu, dáu người vậy. Hoặc lời ăn lời nói chi ra tuồng, lúc lành đồn xa, dữ đồn xa, ai bảo rằng con chi còn nhỏ :

(Về dưới) Dáu, dáu người, mà con, con mẹ vậy. Hoặc trong cửa trong nhà chi có chuyện, lúc yêu nên tốt, ghét nên xấu, rồi ra trách mẹ chi không răn.

Câu hoàn-đề : Về nhà chồng phải kính phải răn, chớ trái lời chồng con nhé !

Trung-cổ : (Về trên) Lúc ở nhà nhờ mẹ nhờ cha, về nhà chồng, nhờ chồng nhờ con nhé ! Khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời, chớ bắt chước người đời xô chân lỗ mũi chi lảng-nhãng. Nhủ này con ! nhủ này con ! Đi đến nơi về đến chốn, việc nhà việc cửa cho siêng-năng, hỏi thì nói gọi thì thưa, thờ mẹ thờ cha cho phải lẽ. Kính lấy đấy ! Răn lấy đấy ! Liệu học ăn học nói, học gói học mở, khi anh nó hoặc ra xô-xác chi lời, cũng tươi cũng đẹp, cũng vui cười, chớ như ai học thói nhà-ma, mà hoặc con cả con dế chi kè-lễ ;

(Về dưới) Lúc ở nhà là mẹ là con, về nhà chồng, là dáu là con nhé ! Khôn cho người dái (1) dạy cho người thương, chớ bắt chước người thế mặc áo qua đầu chi khùng-khỉnh. Nghe chưa con ? Nghe chưa con ? Ăn có nơi

(1) Trọng.

nằm có chỗ, lời ăn nết ở cho ra tuồng, gọi thì dạ bảo thì vưng, thờ mẹ thờ cha cho phải đạo. Kính vậy thay ! Răn vậy thay ! Chớ cậy khôn cậy khéo, cậy duyên cậy tài, khi anh nó hoặc nôi bằng-bằng chi sắc, thì lạy thì van, thì lễ phép, đừng học chi những tuồng dĩ-thỏa, mà hoặc dáy-mơ rẽ-má chi lồi thối.

Hậu-cổ : (Vế trên) Đòi có kẻ xem chồng như đĩa ăn đĩa ở, thậm đến điều, mảy tóc chi khinh, chẳng biết rằng, ngu-si chẳng thể chồng ta, dầu rằng khôn-khéo cũng ra chồng người. Chẳng suy chẳng nghĩ, lại ra điều cả vú lấp miệng em, sao chẳng biết xấu chàng hồ ai chi lý ! Mẹ khuyên con giữ đạo cang-thường, khôn hèn cũng chịu, hay dở cũng đành, chớ hoặc sanh vinh-vĩnh chi môi, khi anh nó giận quá sanh xằng, mẹ con ắt phải mắc bèo trôi chi tiếng :

(Vế dưới) Đòi có kẻ giận chồng mà đánh con đánh cái, thậm đến điều, mảy tao chi quá : chẳng biết rằng, khôn-ngoan cũng thể đàn bà, tuy rằng vụng-dại cũng là đàn ông. Bạ ăn bạ nói, lại ra điều múa rìu qua mắt thợ, sao chẳng biết già đòn non lẽ chi cơ ! Mẹ khuyên con giữ nết thảo-hiền, vọt roi cũng chịu, yêu thương cũng nhờ, chớ hoặc lộ xăm-xăm chi mặt, khi anh nó nói dai thêm chuyện, cha con ắt phải mang vớ cộc chi cười !

Kết-cổ : Con ôi ! Nhập gia tùy tục, mẹ nhủ cho đạo vợ chi thường : xuất giá lũng phu, con phải giữ nhà chồng chi phép.

Thúc-đề : Thôi mẹ về !

LÊ-QUÝ-ĐÔN

Văn-sách. Là một bài văn đáp. Đầu bài hỏi làm sao thì trong câu văn phải trả lời lại làm vậy. Văn-sách cũng là một lối ứng-thí xưa kia của ta. Đầu bài thường lấy những lời nói, hoặc công việc làm của cổ-nhơn, cùng các việc đương thời ra mà hỏi học trò.

Mỗi một văn-sách định hỏi về việc gì, thường nêu lên một câu gọi là *đề-án*, rồi ở dưới lược-lặt các lời nói của người xưa và các công việc trong lịch-sử hay là đương thời, mà có liên-lạc đến đề-mục ấy, ra mà hỏi.

Lúc làm bài văn đáp lại, thì cứ theo từng câu trong đầu bài mà trả lời lại. Phải biện-lý, phải dẫn chứng, phải giải-thích sao cho đúng cho gọn, cho khỏi thiếu ý mà cũng đừng thừa ý.

Làm một bài văn-sách coi cho được, thì phải có kiến-thức lịch-duyet, nên các lối văn ứng-thí của ta ngày xưa, có lối văn-sách là hữu-dụng hơn cả.

Đây là sơ-lược luật làm Văn-sách :

Trước hết phải đặt mấy chữ : *Đối sĩ văn* (Thưa tôi nghe...) hoặc *Thần đối văn* (Thần thưa thần nghe...) Tới đoạn mở bài, phải đặt câu : *Tư thừa sách vấn nhi lược trần chi* (Nay vưng lời sách hỏi, mà lược bày ra...) Đầu câu đáp, phải đặt hai chữ : *Thiết vị* (Trộm nghĩ rằng : ...) Cuối bài, lại viết mấy câu lễ lối này : *Sĩ-giả hạnh phùng thanh thế, tòng sự văn trường, quản kiến nhi tư, vị tri khả phủ, nguyện chấp sự kỳ trạch nhi tiến chi, sĩ cần đối* (Tôi đây, may gặp đời thanh, theo việc trường văn, kiến-thức hẹp-hòi như vậy, chưa biết có phải hay không, xin các quan coi việc kén lựa mà cất nhắc cho. Tôi cần thưa...)

Trong văn nôm ta, *văn-sách* thường lấy mấy câu ca-dao tục-ngữ mà làm đầu bài.

Đây là một bài *văn-sách* để làm thí-dụ :

CÂU HỎI :

Vấn : Lấy chồng cho đáng tằm chồng, bõ công trang-điểm má hồng răng đen.

Truyện rằng : *Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ.*

Kim khảo : *Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm, tăng kiến ư thiên vạn nữ-nhi chi nghị ; bất tri hà sở thử ư anh đồ, nhi quyền-luyến nhược thị ư !*

Thí vị trần chi, dĩ quan xuân hoài tình tự.

BÀI LÀM :

Thưa rằng :

Tôi là con gái, nghe nói : Sen-ngó đào-tơ, mong gặp hội nhơn-duyên chi phải lựa ;

Trai tài gái sắc, thật là duyên cầm-sắt chi tốt đôi (1).

Nay vưng lời sách hỏi.

Trộm nghĩ rằng :

Ngọc còn đợi giá,

Vàng chẳng lộn thau (2).

Má đỏ hây hây,

Răng đen rúc rúc.

Chẳng những dăm ư cô tú di nho chi thế,

(1) Có bản thêm : Chọn mặt gửi vàng, dầu ý ai cũng vậy.

(2) Có bản chép : Ròng bay còn đợi đám mây, bản bình trước còn đợi người võ-nghe.

Cũng chung tình ư chồng phụng vợ loan chi duyên.

Như cam ngọt với quả quít hôi, em cũng liệu, ba đồng một, một đồng đôi chi phải giá.

Hoa đào tươi quyết chẳng đem bán cho chủ lái buôn,
Cây gỗ lim chìm ắt không để chôn làm cọc giậu.

Nay vung lời sách hỏi,

Ý cũng nghĩ rằng :

Ruộng liền ao cả, chú nông kia chi phi nghĩa những
khoe giàu, song Vương-Khải Thạch-Sùng đã từng dấu phú,
cũng là trơ mắt ếch của đời người thế chi thu :

Nghiên ruộng bút cày, anh đồ nọ chi đa văn không nại
khó, nhi Mãi-Thần Mông-Chánh có nhẽ tràn bàn, cũng ắt
giương chánh phụng ư bĩ-cực thái-lai chi hội.

Nóng nhì sĩ nhứt,

Nhẽ ấy đã đành.

Vả chun lấm tay bùn, nông-giả nãi vũ-phu chi cục-kịch,
dĩ yếm thắm quần hồng là chi tha-thướt, chừng ấy mà mé
bồng tướng trống, sao cho cam mình ngọc để ngáu vày ;

Tai hiền mắt thánh, nho-giả nãi quân-lử chi thung-dung,
dĩ môi son má phấn chi bảnh-bao, chừng ấy mà sửa tú,
nâng khăn, thật mới đáng cây ngô-đồng cho phụng đậu (1)

(1) Có bản chép : Vầy có câu thơ rằng :

Gươm trời chi để tay phàm tuốt,

Búa nguyệt sao cho đũa tục mài.

Vả tiếng-tấm con gái,

Nết-na học trò.

Vậy nên, em nghĩ duyên em, em nghĩ tình em . . .

Chớ nghĩ rằng :

*Vàng bạc trăm ngàn lượng,
Mà hơn kinh-sử một đôi pho.*

Lại có câu rằng :

*Dịu-dàng tánh-hạnh,
Nết-na học trò.*

*Vậy nên em nghĩ duyên em, em nghĩ tình em, cho nên em
tưởng tới anh đồ chi sự-nghiệp.*

*Đèn xanh một ngọn, ánh tuyết chuyên-cần,
Quyển vàng mấy cuốn, cửa Khổng trông-nom.*

*Vả còn trong trần lụy, anh đồ là vị vũ chi giao-long, may
khoa thi mà danh chiếm bảng vàng, tức hôm nọ chi hàn-
nhô, hôm nay đà ông cử ông nghề chi dài-các.*

*Vì em nay duyên đeo lá thắm, thì trước voi anh sau
vồng thiếp cũng thỏa đời ư vồng giá chi nghinh-ngang.*

*Trúng thuở hàn-vi, anh đồ là ần sơn chi hổ báo, gặp vận
thái mà ơn vua sắc ngọc, tức ngày xưa chi hàn-sĩ, ngày
nay đủ quan tham quan thượng chi phong-lưu. Vả em nay
phận đẹp chỉ hồng, thì anh quan cả thiếp hầu bà, cũng
sướng kiếp ư ngựa xe chi đứng-đĩnh.*

*Dài lưng tốn vải, bấy giờ đã vồng dào áo gấm chi bánh-
bao ;*

*Ăn no lại nằm, bấy giờ đã ghé trúc giường đồng chi
chỉnh-chiện.*

*Như thế thì chồng quan sang, vợ hầu đẹp, ai chẳng khen ;
nhứt thế chi thần-tiên, danh-phận cả bổng-lộc nhiều, thế
mới thỏa tam sanh chi hương-hỏa ;*

Như thế thì ai chẳng muốn quyển-luyện mấy anh đồ ư ?

Chúng em nay, vừa độ trăng tròn, gặp tuần hoa nở, đây yếm trắng giặt hồ vĩa đi vĩa lại, chỉ mong anh nho-sĩ chi yếu-đương. Tiếng ong lữ ỉn uốn-éo trăm chiều, cũng mặc thể-gian chi mai-mĩa.

Nay cần thưa

LÊ-QUÍ-ĐÔN

*
* *

Tứ-lục. Lối *tứ-lục* tương tự như lối phú, nhưng không có vần.

Thường hay đặt câu cách cú, hoặc trên bốn dưới sáu, hoặc trên sáu dưới bốn ; bởi thế nên mới gọi là *tứ-lục*. Nhưng muốn đặt nhiều chữ hơn cũng được.

Văn *tứ-lục* thường dùng làm những bài *chiếu*, *sắc*, *biểu*.

Chiếu là lời vua thị lệnh. *Ấn-chiếu* là lời vua ban ra khi nào có khánh-hỉ, hoặc đề ra ân cho những người bị nạn, hay mắc tội. *Di-chiếu* là lời vua dặn lại lúc thăng-hà.

Chế-sắc là lời vua phong thưởng cho các quan hoặc bách-thần.

Biểu là lời thần-dân dựng lên cho vua. *Biểu-hạ* là lời mừng vua khi có khánh-tiết (nguyên-đán, vạ-thọ...). *Biểu-tạ* là lời tạ ơn vua khi được phong thưởng.

Lời *chiếu sắc* nghiêm-trang diễm-nhã, lời *biểu* khiêm-tốn thù-phụng.

Chiếu khuyến răn thần-dân lúc đầu năm

Chiếu rằng :

Trẫm nghe : Kinh Lễ có lời bố chánh về tháng giêng : Kinh Dịch có câu thần mạng ở quẻ Tốn.

*Bởi Thiên-đạo sanh sanh không hết, đông lại sang xuân :
Nền nhân-quản chăm-chút không quên, sau lo tự trước.
Vậy có câu sắc thiện nói ở trong Thuấn-diễn, phải kính
tùng việc từng giờ ;*

*Nay lời kinh-thế bày ở trong Cơ-trù, phải đem làm khuôn
làm phép.*

Kính nghĩ đấng Hoàng-Khảo Thế-Tổ Cao Hoàng-đế ta :

Thông-minh bảm tánh,

Trí-dông kiêm toàn.

*Đánh một trận nền nghiệp gian-nan, mao-việt mở cơ-đồ
vững-vắc ;*

*Mưu trăm năm lo đường nối dõi, thạch-quản đủ phép-
tắc rõ-ràng.*

Trăm nối nghiệp to, soi theo phép cũ.

Sớm chiều lo sợ, một lòng kính-cần ban đầu,

Công việc thi-hành, trăm mối kính lo cất nhắc.

*Nối chí lo việc là đạo hiếu, đương ghín từng ngày để lo
toan ;*

Ban ơn ra lệnh về mùa xuân, vậy tỏ lời nói để rắn bảo.

*Nào những kẻ thân-huân thạch-vọng, phải khuyên nhau
sửa nết để cùng hưởng tôn vinh ;*

*Nào các hàng nội ngoại trăm quan, phải gắng giữ chức
mình để cùng nên mọi việc.*

*Nhà quân-sĩ phải luyện-tập, nghề cho tinh sức cho mạnh,
lôi đình mới tỏ được oai-thinh ;*

*Đám nho-gia phải học-hành, học cho rộng nết cho thuần,
lương đồng mới làm nên tài-cán.*

Bọn nông-phu chớ-lỡ thời làm ruộng, đất chớ bỏ hoang, người đừng lười-nhác, phải khuyên nhau mà chăm việc cấy cày ;

Kẻ thường-dân đừng trái đạo làm người, chớ đừng đua đả, nét chớ gian-tà, phải bảo nhau mà coi đường lễ-ngĩa.

Đề mà tỏ cái công ninh-tập hai mươi năm về trước :

Đề mà gáy lầy cảnh thái-hòa ngàn muôn đời về sau

Than ôi !

Thiên-đạo đủ cả tứ thời, kìa như trời chuyển đất xoay, cơ trần mở đóng ;

Thiên-hạ hiệp về một mối, sẽ thấy sấm vang gió động, hóa tốt lưu hành.

Vậy từ các công-khánh đại-thần cho đến quan-quân. chúng-thứ đều phải khuyến gắng, để hưởng cái phước thái-bình, bảo khắp gần xa cho đều nghe biết.

PHAN-KẾ-BÍNH dịch

ĐỐI - LIỄN

Đối-liễn hay là *câu đối* là những câu chia ra làm hai vế, vế dưới phải đối với vế trên, vừa đối ý vừa đối chữ ; luôn cả bình trắc cũng phải đối nhau nữa. Xem chương *đối* trương 33.

*
* *

Các *lối đối-liễn*. Theo về hình-thức dài vắn, thì câu đối *bốn năm* chữ gọi là *câu tiêu đối* ; bảy chữ thì gọi là *câu đối thơ* ; còn câu đối dài, mỗi vế chia làm hai đoạn, một đoạn ngắn một đoạn dài thì gọi là *câu đối phú*.

Theo về ý-nghĩa thì có câu đối *tức-cảnh* đề vịnh cảnh, câu đối *chiết-tự* lấy ý trong hình chữ hay trong nghĩa của chữ để đối nhau ; câu *thuật-hoài* đề tỏ cái ý của mình ; câu đối *mừng* đề mừng các bậc tôn-trưởng, hay là đề tặng bà con anh em trong những cuộc vui mừng, trong những đám tiệc ; câu đối *viếng* đề tỏ lòng thương

tiếc người mất ; câu đối *thờ* đề tán-tụng công-đức tổ-tiên hay thần thánh... Lại cũng có khi người đặt câu đối đặt *câu câu-kỳ cho khó đối*, hay là có ý *mỉa-mai* châm-chích nhau chơi...

Sau đây chép một vài câu đối :

1. Chúng ta thông thường

Chồn đèn ăn cá cạn,

Kiến lửa cắn chim sâu.

Ngựa kim ăn cỏ chỉ,

Chó vá cắn thợ may.

Đêm đợi trăng lồng bóng trúc,

Ngày chờ gió thổi tin hoa.

Nước chảy cặc bần rung bầy bầy,

Gió đưa dài mít giãy lê lê.

Đi dất thịt đường trơn như mỡ,

Ngồi gốc da gió mát tận xương,

Nước trong lẻo lẻo cá ăn cá,

Trời nắng chang chang người trói người.

Của ông Cao-Bá-Quát, hồi ông còn đi học, thấy xe vua đi ngang, ông không tránh, bị bắt, nhờ làm câu đối trên được tha. . .

Có lời có hơn, hơn lời có ;

Không đi không phải, phải đi không.

*Giàu có thiếu gì tiền, đi một vài quan coi chẳng tiện ;
Sang không thì cũng bạc, kiếm năm ba chữ để làm
duyên.*

Tương truyền, người làm câu đối này thân-thích với một ông nhà giàu, nhà có đám gả con gái, tiệc-tùng lộng-lẫy, kẻ đưa người viếng, nào là tiền, nào là vật-dụng quý báu. . . Bạn của ông thì vậy mà ông lại nghèo, không có chi lễ cho xứng-đáng. Nhưng ông có ba cái chữ cũng khá khá. Ông đi đôi liễn, ông bạn ông quý hơn là tiền.

*Độc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thần thánh
phật tiên, nhưng khác tục ;*

*Hay tám ngàn tư (?) trời kệ, không quán thần phụ
tử, dểch ra người.*

Của ông thượng Nguyễn-công-Trừ làm kêu ngạo một ông sãi đã ra vẽ trên.

*Thấy xe thiên-cô xích đưa ra, không thân-thích lẽ
đâu khóc mướn ;*

*Tướng sự bách-niên dừng nghĩ lại, động can-tràng
nên phải thương vay.*

Của ông Cao-Bá-Quát đi chơi với một đám anh em, vừa đói bụng, mà trong túi không còn tiền, muốn kiếm ở đâu quen tạm bữa. Chẳng thấy đâu, may trước mắt có một nhà đương làm đám ma, ông mới rủ anh em men vào, ông cúng đôi liễn, đọc lên, kiếm được một bữa no.

*Mặc áo giáp, cài chữ đinh, mậu kỹ canh, khoe mình
răng qui :*

*Làm dĩ càn, đeo hột khảm, tổn lý đoài, khéo nói rằng
khôn.*

Câu sau của ông chiêu Hồ làm giễu bà Hồ-Xuân-Hương ;
bà ra câu trên.

*Ai công-hầu, ai khanh-lương, trong trần-ai, ai dễ
biết ai ;*

*Thế chiến-quốc, thế xuân-thu, gặp thời-thế, thế thời
phải thế.*

Câu dưới của ông Ngô-Thời-Nhiệm, câu trên của ông Đặng-Trần-Thường. Trương truyền hai ông làm quan một trào đời vua Tây-Sơn. Lúc đương thời, Thời-Nhiệm bực-đãi Trần-Thường. Sau Thường theo vua Gia-Long, đánh Bắc-Hà bắt được Thời-Nhiệm. Ông Trần-Thường nhớ chuyện xưa, ra câu đối làm khó Thời-Nhiệm trước rồi mới xử sau.

2. Có chữ Hán, mà lấy cả nghĩa Việt, đặt vào luôn :

Cái là tượng, tượng là voi, voi chầu cửa cái ;

Tu là hổ, hổ là cọp, cọp bắt thầy tu.

*Cáy dâm bụi, trước cửa chùa, gió thổi phật di phật
lại ;*

*Củ thủy tiên, để trong động, nước rơi thánh thót
thánh tha.*

*Trai Cỗ-Am, học trường Cỗ-Am, làm quan lớn vể-vang
thiên-cỗ ;*

*Gái Hà-Nội, bán hàng Hà-Nội, được lãi to vô số
hằng-hà.*

*Cô Sen mặc yếm hoa sen, định ở hồ sen, chờ người
quân-lữ ;*

*Cậu Quế mang giày cánh quế, trèo lên cung quế, bế
chị Hằng-Nga.*

Cây xương rồng, rồng đất rắn, long vằn hoản long ;

Quả dưa chuột, chuột thủng gang, thử chơi thì thử.

Ao thanh-trì, nước trong lẻo lẻo, cá lội ngắc-ngur ;

Sông Ngân-hà, sao bạc chan chan, vịt nằm ấm-áp.

*Đời đáng chán, nhưng không chán được đời, vào địa-
ngục để cứu người địa-ngục ;*

*Phật tức tâm, biết tu tâm là Phật, tạo thiện-nhân rồi
có quả thiện-nhân.*

3. Bằng chữ Hán, mà ai ai cũng đã đọc

Viên ngoại thanh tiêu, vô dâm dục tứ thời hữu dụng ;

Nguyệt trung đơn quế, vô thổ bồi bát tiết giai xuân.

Đồng trụ chỉ kim dài dĩ lục ;

Đằng giang tự cổ huyết di hồng.

Về đầu của vua Trung-Hoa ra, có ý làm nhục sứ ta là Nguyễn-Tuấn : « cột đồng tới ngày nay rêu đóng đã xanh », cột đồng của Mã-Viện qua đánh thắng quân ta, dựng ở Mê-Linh. Về sau của ông Nguyễn-Tuấn, có ý nói còn « huyết của người Trung-Hoa thua ta ở sông Đằng, chảy đổ sông từ đó tới giờ, mà nước sông vẫn còn đỏ ».

Ốc lậu nguyệt xuyên, hình như kê noãn, tam tam tứ tứ ;

*Giang trường phong lộng, thế tự long lân, điệp điệp
trùng trùng.*

Văn phi sơn thủy, vô kỳ tứ ;

Nhân bất phong sương, vị lão tài.

4. Một câu dùng văn chữ Việt, kết thành chữ Hán

*Bình bình tế ư tư sắc tứ,
Qui qui hắc ô hô huyền hồ.*

(Một người lính Việt-Nam đi Pháp lập được công trận, về quê được trọng thưởng. Bữa tiệc, ông Đỗ-khắc-Tuấn, người làng Nhân-Quế, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam, làm tặng).

5. Có chữ lái

*Cá đối nằm trong cối đá,
Cò lửa đứng trước cửa lò.*

(Cửa lò là tiếng lái của cò lửa, cũng như cối đá là tiếng lái của cá đối). Tiếc chữ lửa phải một âm với chữ đối!

*Chú vội bỏ đi dâu, bỏ vợ bỏ con, bỏ tiền bỏ bạc, bỏ
kép hát, bỏ thầy tăng, bỏ hết trần-ai trong một kiếp;*

*Cháu nay còn ở lại, còn trời còn đất, còn nước còn
non, còn anh-hùng, còn hào-kiệt, còn nhiều cơ-hội với năm
cháu.*

6. Hứng cảnh

*Hoa-cỏ nở ngoài sân, đẹp mắt khách-quan ưa đến ngõ;
Én-oanh cười trên trính, vui lòng quân-lữ dựng nên
nhà.*

*Nhà cửa dựng nên, hôm sớm ra vào càng đẹp dạ;
Cỏ hoa trồng sẵn, mai chiều trông ngắm cũng vui lòng.*

*Bồi đắp nền nhân, thỏa chí trượng-phu giữa đò-hội
kinh-dinh sự-nghiệp ;*

*Vun trồng cội đức, vui lòng quân-tử nơi phiên-ba
sáng-tạo gia-cư.*

7. Đề ngày Tết

*Ba vạn sáu ngàn ngày, góp lại chốc đà trăm bận Tết ;
Một năm mười hai tháng, ước chi đủ cả bốn mùa xuân.
Chiều ba mươi, nợ hỏi tít mù, co căng đập thẳng bàn
ra cửa ;*

*Sáng mồng một, rượu say túy-lúy, dơ tay bằng ông
phúc vào nhà.*

Tối ba mươi giờ căng, dụng nêu, ủa Tết !

Sáng mồng một, lắng tai nghe tiếng pháo, à xuân !

(Của ông Nguyễn-qui-Tân, tục gọi là ông thượng Cốc,
ông làm giùm cho một người mù).

Duyên với văn-chương nên dán chữ ;

Nợ gì trời đất phải trồng nêu.

CHIÊU LỖ

8. Đề cảnh bần

*Đến bữa chưa sẵn bữa, con trẻ khóc dường ong ;
Quá kỳ lại hẹn kỳ, nhà nợ đòi như ó.*

9. Đề tặng

*Tổ đức tôn công, dự khánh trường lưu hậu duệ ;
Thủy nguyên mộc bản, thốn thành khả báo tiền vu.
(Đề bàn thờ ông bà của N. A.)*

*Tuy ngang-dọc không hai, lánh nam-tử thường ira chịu
ý vợ :*

*Dầu hiền-lành có một, nét nữ-nhi hay làm cực lòng
chồng.*

N. A.

*Trong Nam ngoài Bắc đất nước một bầu chung, cây
đức vun-trồng thêm cảnh đẹp ;*

*Sông Nhị núi Nùng giang-san ngàn dặm cách, lòng từ
giễn-lạc tổ tình thân.*

(Của anh em đất ngàn năm văn vật đi, treo nhà hội-
quán Nam-Kỳ Tương-tế, ở Hà-Nội).

*Tuy vậy cũng bà già, vật đổi sao dời, gương vỡ nhưng
còn bia nước thủy ;*

*Dầu không tròn chú rề, keo tan bèo giạt, nghĩa dày
hàng nhớ đến hơi sơn.*

(Chàng rề thờ cha vợ bằng chữ *thời sơn*, thờ mẹ vợ
bằng chữ *thủy*. Mà cái gương soi, người ta cũng dùng thủy-ngân và nước sơn mà sơn ở sau.

Tương truyền có bà nhà giàu có một người con gái
một. Bà quý người hay chữ, nên bà ép con gả cho một
anh học trò nghèo. Con gái bà lẽ tất nhiên, không thương
chồng ; dầu ở với chồng có một đứa con, cũng bỏ chồng
đi theo một cậu con nhà giàu. Bà mẹ rầu buồn, nhuộm
bình chết. Anh rề nghèo mới đi câu liễn).

*Bất hạnh chi, nhi hạnh chi, quân-tử ố, phản vi quán-
tử ái ;*

*Kỳ ai dã, diệc ai dã, cố-nhơn thân, phi vị cố-nhơn
tình.*

(Của bà Trần-kim-Phụng làm giùm cho một bà vợ của một ông cai-tổng. Bà này trước có chồng cũng là cai-tổng, mà vì cơm chẳng lành canh chẳng ngon, nên phải bỏ ra đi. Nhưng ông chồng trước có một ông cha thương bà lắm: Nay ông cha chết, bà xin phép chồng sau, đi điếu ông cha 'chồng trước).

**10. Cũng dễ tặng, nhưng có tánh-cách
bao-biếm ; hay là dùng lời nói cho ăn
vào cảnh tượng**

*Thiếp kể từ lá thắm duyên xe, khi vận tia lúc con
đen, điều đại điều khôn nhờ bố đỡ ;*

*Chàng ở dưới tuổi vàng có biết, vợ má hồng con răng
trắng, tím gan tím ruột với trời xanh.*

(Của một thi-văn, không biết rõ tên, làm giùm cho một bà thờ chồng là thợ nhuộm).

*Tà quân quốc ư lưỡng-kỳ, nam tảo bắc trư, thử nhứt
niểu hùng nan dụng võ ;*

*Bảo lê dân ư Ngũ-Hiệp, tử qui sanh kỳ, kim triều chấp
phất hận vô văn.*

(Của một vị thi-văn đi đám ông Tổng-đốc Lộc).

*Chích bóng gương loan, một thắm một sâu, mười
bức tức ;*

Gãy con chèo quế, ba chìm ba nổi, sáu dinh-linh.

(Của Trần-Quy-Cáp làm giùm cho mười hai bà thờ chồng là lái ghe, đi chung một thuyền, bị đắm, chết một lượt).

Bảy năm trời then mắt hồng-nhan, dãi khách bốn phương, ở ở nhành mai ba bảy ;

Hai chục tuổi chen chơn bạc-mạng, thương người một kiếp, ối thôi rồi bến nước mười hai.

(Của một chị làng chơi, đi cho một người chị em đồng thuyền).

Lệ chua huyết mặ, chẳng ăn năn miệng ngọt tay cay, chỉ nói cỏi đời không biển đặng ;

Vàng vàng bạc trắng, những thấy rồi lòng đen mắt đỏ, há biết trên đầu có trời xanh.

(Lấy năm màu mà đối với năm vị).

Anh dề yến ngữ nghinh hoa trướng,

Phụng diễn loan trình tập ngọc sàng.

(Làm đi đám cưới một người bạn. Đọc ngược, thành) :

Sàng ngọc rạp-rình loan giỡn phụng ;

Trướng hoa nghiêng-ngửa yến dề anh.

Lãnh đánh oanh mình mình dính hành dinh đình tịnh thỉnh ;

Quan san nhận oán lan can hạng hán măn nhàn khan.

(Trên đánh núi chim oanh kêu, mình đi ngã tới ngã lui đặng dòm ngó, như người say rượu, lại dừng đi dừng lại, đặng mà nghe ; ả quan này con bạn trông, ai đứng lan can dòm xuống núi thì nắng, mà cũng cứ xem hoài).

Ông lão bán mây, cái da mái mái, muốn lấy gái đẹp, thả lòng mưa mây ;

*Cô nàng buồn cây, đôi má hồng hồng, mong được chồng
hiền, có nơi nhờ cây.*

(*Máy mái* là hai thứ cây cùng loại, chỉ khác nhau ở lá nhỏ lá to ; chữ *máy* nhắc lại hai lượt ; hai chữ *mái* với gái vần nhau ; *cây* với *hồng* cũng một loại, khác là trái cây nhỏ mà có nhựa dùng để tô giấy ; còn trái *hồng* lớn mà ăn được ; chữ *cây* cũng lặp lại hai lần, mà chữ *hồng* cũng một vần với chữ *chồng*).

Cung kiếm ra tay, thiên-hạ đồ dòn đôi mắt lại ;

Triều đình cử mục, anh-hùng chỉ có một người thối-

(Của ông Yên-Đồ làm điệu ông Bảng Long quan võ mà có một con mắt).

**Đây còn một câu đối dài nhứt,
mỗi vế có 148 chữ**

*Mạng ta tuổi Đinh-Dậu, năm nay ba chục, chừng nhi-
lập xem đã phải khoảng, nghĩ mình nay dầu đã lớn tay
đình ! vì thân này nửa kiếp đã hầu qua, phù-sinh ấy
khéo buồn-tênh thay mệnh nhĩ ! giận cái long-dong làm
lỡ phạm, không thanh danh cho lừng-lẫy áng bang-gia,
khư khư ôm vinh nhục những rằng trời, chết chôn kỹ
kẻ vất-vơ mà huyễn thế !*

*Người ta năm Bình-Dần, dầu tháng mồng hai, tiết
tân-xuân nay đã đến thì, mừng trời ấy mũi hần to bằng
thống ! như xuân thế một năm hầu để mấy, lạc thú kia nên
nào-nức với ai ơi ! sợ con sông-sọc kíp theo chân, đua thanh
sắc để nhỡn-nhờ nơi thành-thị, hần hần lấy tỉnh-tỉnh vui
với cảnh, sống chơi dai cho khùng-khẳng rạng trần gian !*

**12. Đây là những câu đối ể, sau này có người
đổi lại nghe cũng được cho**

Mượn nời không trả đòi lại trách ;

Lấy ấm thương siêu cãi lộn om.

Bà cử ở cử làm cử nên kiêng cử ;

Ông hàn ra hàng ăn hàng mắc thương-hàn.

TUỒNG CỔ

Tuồng cổ là một lối văn lấy tình hoặc trong lịch-sử, hoặc trong truyện cũ, đặt có hồi, diễn thành lời, để *thuật lại* một trường lịch-sử hay là đề nhắc lại một tích xưa.

Tuồng cổ của ta, trước kia đề phô sự học-thức của tác-giả : đó chỉ là một bộ truyện hay là một bộ tiểu-thuyết, để kể tiếp những chuyện đã xảy ra nhiều nơi, hoặc một lượt hoặc trước sau bao nhiêu năm trời cũng được.

Tuồng cổ của ta đặt không theo luật *tam nhất trí* của cổ-diễn phương Âu, nên đem ra diễn trên sân-khấu như một tấn kịch thì không thể nào được, vì nhiều màn nhiều cảnh lộn đi lộn lại lắm phiền-phức.

Nhưng mà tuồng cổ là những áng văn của tiền-bối lưu-truyền từ lâu, không có một chút mùi Âu-Tây, không lai giọng Trung-Hoa, viết theo tánh tình phong-tục người Việt, đáng lưu-truyền không nên bỏ, để cho người ngoài xem, biết rằng nước Việt ta cũng như ai, có một nền văn-hóa lắm đời-dào.

Câu văn tuồng cổ dùng đủ điệu : văn vắn, lục-bát, song-thất lục-bát, tứ-cú, bát-cú. Thường thì dùng toàn chữ Hán mà cũng có khi chen lộn với văn nôm.

Sau đây các điệu văn trong tuồng cổ của ta :

Giáo đầu. Tuồng cổ thường mở đầu bằng mấy câu chúc (1) gọi là giáo đầu. . . Thí-dụ Lý-Trọng-Thủy trong tuồng *Mao-y thần cung* : Dòng sông Hương độ-phu đồng-đảnh. Triền núi Ngự tiều-lão thánh-thời. Dõi Tây-Âu, nước Việt đua bơi. Theo Đông-Á con Rồng chen-chúc. Tỏi sanh nhà hậu-phúc, Lý-Trọng-Thủy danh xưng. Trung quân nức tiếng anh-hùng. Ái-quốc rõ danh liệt-sĩ.

Văn tấu. Tới khi văn thì có một lối chúc khác gọi là văn tấu (1).

Thí-dụ : Mừng đã phong văn khế hội. Toại thay long-phụng hòa-minh. Chúc Nam trào bách phúc tinh trắng, Nguyệt thiên-hạ tam đa điệp-kiến.

Nói lối. Có hai thứ nói lối : *lối xuân* và *lối ai*. *Lối xuân*, khi nào đào kép ra xưng tên, nói chuyện với nhau, hoặc nói một mình, còn *lối ai*, cũng kêu là *lối rịn*, khi nào nhớ mẹ cha anh em, chồng con hay là than-thở vận nghèo, buồn lo việc nước. Viết như nhau, chỉ khi nào hát thì giọng *xuân* vui, giọng *ai* buồn.

Thí-dụ lối xuân : *Địch-Thanh nói lối* : Phụng thánh-chỉ bình Nhung. Ngã Địch-Thanh nguyên-soái. Như ta, lỡ bước vì người Đình-Quý. Gá duyên tạm với Thoại-Ba. Trăng lầu hồng giục não lòng ta. Gió cổ quốc đưa sầu dạ mỗ.

(1) Tuồng cổ xưa kia đem ra hát để vua xem. Nên khởi đầu phải chúc-tụng, mà chừng văn cũng chúc-tụng.

Thí-dụ một *lối xuân* nữa : *Vợ Dữ-Nhượng* khuyên chồng, nói *lối* : Phu-quân ôi ! Thế nước đã tan một khắc. Sức người khó chống hai tay. Anh-hùng dầu có muốn trở xoay. Nghiệp Chúa cũng khôn bề đem lại !

Thí-dụ *lối ai*. *Phụng-Kiều* nhớ *Lý-Đán*, nói « *lối ai* » : Tinh-nhân ôi ! Từ thuở *Thông-Châu* cách biệt. Xiết bao đất khách linh-đình ! Trông mây lướng những ngân-ngơ tình. Hỏi nguyệt càng thêm lai-láng lụy. Thồn-thức nổi chung tình cựa ngãi. Ngõn-ngang lòng cố quốc tha hương. Hàm sầu cố cảnh tư-lương. Bão hận thống tâm trường thán, hồ !

Thí-dụ một *lối ai* nữa. *Bà Nguyệt-Kiều* nghe tin *Khương-Linh-Tá* chết, nói « *lối ai* » : Ngưỡng thán hồ thiên-địa. Hà tảo đoản nhưn mưu. Quả cơ-nghiệp Tề-Đô. Thị nhứt triều hưu hĩ, rồi !

Vãng. *Vãng* là *hát nam*. Người ta dùng chữ *vãng* có nghĩa là *đi*. Lúc đào kép biệt nhau, khi du-ngoạn, khi lánh tai-nạn . . . *Vãng* hay *nam* cũng như *lối*, chia ra *xuân* và *ai*. *Xuân* thì bi-đát mà hùng-hồn. *Ai* thì du-dương mà buồn thảm.

Nam *xuân* hay *nam ai* đều có một loại *lối* như nói trên mở đầu ; *xuân* thì vui, còn *ai* thì buồn, để làm nêu . .

Thí-dụ *nam xuân*. *Quan Hầu thất-thủ Hạ-Bì*, phò *nhị-tầu* qua *dầu Tào* *hát nam xuân*. Nói : Tuyên toàn quân tồn thập *nhị* đình. Phò *nhị-tầu* tấn kỳ xa thượng. *Nam xuân* : *Nhị-tầu* tấn kỳ xa thượng. Giã *Hạ-Bì* chỉ dặm *Hứa-Xương*. Lâu lâu tiết rạng dương gương. Thân tuy *Bắc-Ngụy* dạ hằng nhớ *Lưu*. Dầu rằng khác thửa đồng bào. Lời-thề buổi trước vườn *Đào* dâu ngoui !

Thí-dụ nam ai. *Thoại-Ba chạy theo Địch-Thanh hát nam ai.* Nói : Giận Lưu-Khánh tấm lòng bức-tức. Thương Nguyên-nhung tắc dạ bàn-hoàn. Thế-nữ, các con ! Khá gắng sức đặng san. Theo cùng người quá hải ! *Nam-ai* : Quá hải mau mau nhẹ bước. Dặm dẽ từ nước nước non non. Thờ chông đạo muốn vuông tròn. Dầu cho uống tuyết cũng ngon tấm lòng. Chỉ theo dặm liễu muôn trùng. Nghĩ ra thêm thắm thêm nồng mà thôi.

Nam biệt, nam dứt. Là biến-thể của *nam ai*, để hát khi kẻ đi người ở, có lúc nhất lúc khoan. Thí-dụ *nam biệt* : Bớ phu-quân ! Bớ ! Ớn qui Nam nhận hồi lãnh Bắc. Ngựa quày đầu ruột thắt từng cơn.

Nam chạy. Hát lúc gặp theo chông hoặc lúc chạy lánh nạn. . . Thí-dụ *nam chạy* : Vợ Trần-Nhứt-Chánh chạy theo chông hát *nam chạy*. Nêu : Mau mau chun bước vội-vàng. Chóng chóng gót đời hối-hả ! *Nam chạy* : Hối-hả theo người quân-tử. Kéo tấm lòng nhi-nữ hoài-nghi.

Lý qua ai. Dùng trong lúc hồn ma đưa người qua núi, lúc đào dật gấm, thêu áo, nhớ người thương. (Điều hát thì phải nói một loạt *lối ai*, xuống chữ *hồ* ! Rồi nêu một câu mở vĩ). Thí-dụ *Phụng-Kiều thêu áo, lý qua ai*. Nói : Cũng là thân tôi mọi. Cũng là phận má hồng. Dám trách bầy hóa-công. Ghen làm chi tài sắc ! Thôi thôi ! Phận bạc phải sao chịu vậy, âu là ! Chỉ kim chực cầm cho chủ-gia. *Lối ai* : Nhật mối chỉ ruột tấm chuyền chuyền. Lòn tròn kim dạ ngọc băng-khuàng. Nhớ tình-nhân cứu khúc kim châm. Tưởng phận thiếp song mâu lụy nhỏ, hồ ! *Ngâm* : Vòng trăng ai khéo xẻ làm đôi. Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.

Lý : Nhớ Tô-Huệ khi xưa chức cầm. Tội phận mình lệ
dẫm song mâu. *Nam ai* : Song mâu lụy nhỏ hai hàng.
Vì ai thiếp chịu trăm ngàn đắng cay. *Lý* : Chỉ ngũ sắc
thêu đôi phụng võ. Kim nhật đường kết cảnh long vân.
Nam ai : Long vân thiên cổ kỳ phùng. Còn tôi sao lại
vợ chồng cách phân ? *Lý* : Tài mạng đố xưa nay vẫn
thế. Khách má đào nhiều nổi truân-chuyên. *Nam ai* :
Trách ai rẽ túy chia uyên. Dây sấu đó cột chuỗi phiền
đây mang. . .

Một thí-dụ *lý qua ai* thứ nhì : *Phụng-Kiều* bởi *yến*
nói : Phận tôi đòi chủ dạy phải vâng. Trời giọng oán ca
xang mấy chặp, a ! *Ngâm* : Than thân trách phận dãi-
dầu. Trời già nữ khiến đề sầu cho tôi ! *Lý* : Trời
nữ khiến oan-ương chích bóng. Đắt lại sanh sen liễu
hai phang. Liễu vãn-vơ tại chốn triều-đàng. Sen lạnh-
lẻo trong miền thệ-thủy. Chàng hỡi chàng ham nơi phú
quý. Nữ quên lời biển hẹn non thề. Chàng chẳng bằng
ông Bá-lý-Hề. Phú diệt giao quý lại diệt thê. Phú
quý chẳng tử sanh mạc nại. Tầm phu-tướng thiên
san vạn hải. Khổ thân này gói vác nằm sương. . .
Nam ai : Buông lời vói hỏi tình quân. Còn thương
như cũ hay là lãng xao ? *Lý* : Áo tan tành một
thân một tấm. Thân lưu-lạc đạp tuyết dậm ngàn. Thành
Thông-Châu từ thuở cách chàng. Bị giặc-giã cho nên
thất lạc. Thà thác thiếp cam tâm tử-biệt. Thiếp vói
chàng ai nữ sanh ly. Thiếp nguyện cùng thiên chiếu địa
tri. Thông-Châu quận mặc dầu thương nhớ. Thiếp lặn
lội non Tàn biển Sở. Chàng Tấn-Hưng chàng hỡi có hay ?
Nam ai : Ấn châu-sa nay còn rạn rạn. Trách ai đành
phụ nghĩa sơ giao.

Hát bài đờn. Cũng một điệu vời *lý qua ai*, nhưng vô bằng mấy tòn xang, tòn xang. . . Tịch tang tôn, tòn tòn tang, táng táng tịch tòn tang, tòn tòn tang... *Nam ai* : Phụ-Vương ôi ! Nơi dũ-ly cha chịu bề lao khổ. Chốn cung son con trời khúc quán-huyền. Như con mà đờn đây, chẳng qua vì một chữ biến quyền đó thôi ! Chớ con cũng biết. *Lý* : Con nữ vui đờn trường phụng lâu tiên. Đề cha thăm lòng ưng lười thỏ. Tịch tang tòn, tôn tòn tang, tòn tòn tang, tịch táng tang tòn, tòn tòn tang, tòn tang... *Nam ai* : Phụ-vương ôi ! Quân thân ân cần một dạ. Dốc phen người nắm giá khóc măng. Sụt-sùi lệ nhỏ đôi hàng. Cung thương mấy bực đoạn tràng bấy nhiêu.

Xướng, bạch. Đặt theo lối thơ, thường thường dùng chữ Hán để cho đào võ, kếp võ hay tiên-ông tiên-nữ tỏ chí-khí anh-hùng, bày phép tiên huyền-diệu... *Thí-dụ Tiên xướng* : Thề triệt huy-hoàng, chiếu đầu quang. Luyện đờn hấp khí long nhan tiên. Thần ưng trạm trạm phi ngân lãng. Thừa yển linh tiêu đảo đàn tràng.

Thí-dụ Tam-Hữu bạch : Lưu-Bị : Tam phân đánh túc liệt can qua. Cái thế công danh độc ngã cà. *Quan-Công* : Vạn cổ trung cang huyền nhật nguyệt, nhứt xang, nghĩa khí quán càn khôn. *Trương-Phi* : Thịnh nhược cự lôi khu hồ báo. Oai như điển xiết tàu long xà.

Thí-dụ Cháu-Du bạch : Hoàn hành tứ hải chiếu trung đô. Đánh quán yêng hùng thế thượng vô. Đông quá luân môn oai lẫm lẫm, thân phi thiết giáp sáng cơ-đồ.

Oán. Một giọng với *xương* nhưng buồn hơn. Cũng đặt theo lối thi. Viết đề hát khi nào tỏ nỗi uất hận, lúc hay tin người thân chết, hoặc đương oán trách số phận...

Thí-dụ *Tây-Bá-Hầu ở trong dũ-lý biết con là Bá-Áp-Khảo ở ngoài chết.* Oán : Sầu vãn ám ám, thảm võ ưu ưu. Thành kỷ bất tri di quốc hận. Lâm ương nan sử vị thân mưu. Cốt táng thương đô dũ-lý bạch đầu vô tận lụy. Hồn quy thú lãnh cố bang thanh thảo bất thăng sầu.

Một thí-dụ oán nữa : *Túy-Kiều ở lâu xanh.* Oán : Hà ! Nhị phiên ky, nhị phiên nô. Phiếm bỉ trường giang thẳng bá chu. Thiên tri phủ, địa tri phủ. Thử thân thử nhứt hạn du du. Lưu khứ do hơn tự chủ. Hữu sanh mạc tác nữ nhi lưu.

Thán. Ngoài điệu oán kể trên, lối *thán* nghe như ai oán ai sầu viết đề hát khi nào nhớ cha mẹ chồng con, nhớ nhà nhớ nước. . .

Thí-dụ *Hồng-Ngọc thán.* Nói : Phụ thân ôi ! Phụ thân ôi ! Mộc dục tịnh, hề phong bất tức. Tử dục dưỡng, nhi thân bất tồn. Cha ôi ! Như con là : Hàm sầu non tọa kỷ tiền. Thực ngọc bất năng hạ yển, hà ! *Thán* : Sương sầu nan giải tự đàng lai. Hoài cảm phụ cừ tử giả nan. Cha ôi ! Như con cùng Địch-Hồ là : Thiết thạch thử tâm thiên địa bạch. Đoạn sầu di hữu kiếm phong nang.

Một thí-dụ nữa : *Tố-Võ thán.* Nói : Bệ-hạ ôi ! Như kẻ hạ thần là : Vọng Hồn Địa dầm tuôn lụy ngọc. Nhớ Ngô Quân chua xót lòng vàng. Mẹ ôi ! Thương từ-thân hieu-quạnh chốn gia-đàng. Mẹ có hay cho con mần-ri nay ẻ ?

Thảm ngộ-tử lao-lung nơi Hồ-Lỗ, đây mẹ à ! *Thán* : Thiên sử hà vi các biệt-ly. Hơn Hồ phân cách lỵ song thùy. Tá vấn thành cao thiên đoản đoản, vậy chớ ? Quân thần tái hội thị hà thì ?

Hát khách. Cũng kêu là loạn, hát bắc Có hai điệu : *Khách thi* và *khách phú*. Khách thi là hai câu bảy chữ, còn khách phú thì mỗi câu nhiều chữ hơn.

Thí-dụ *khách thi* : Phản mã hồi thành tựa điều phi. Cung thân triều nội đắc tường tri.

Một thí-dụ thứ nhì : Bá chiến bá thành giai bá thắng. Thanh danh vạn đại hiển kỳ công.

Thí-dụ *khách phú* : Tích nhựt Đào-Viên sanh tặc nguyệt, tử chi tặc nguyệt. Vu kiêm giáo mạng bỉ tranh đương, ngã bất tranh đương.

Một thí-dụ nữa : Rút trong tuồng Phó-Hội Châu-Du :

Châu-Du nói lối : . . . Hà nhân lập hậu thúc-hoàng ?
Khán kiến khô nô diện thượng ; lẫm lẫm tầm mi phụng
nhãn, đường đường xích diện lương tu. Xin Sứ-quân tỏ
thừa căn nguyên, trần danh tánh cho tôi tường bản mặt
nào ! *Lưu-Bị nói lối* : Đô-đốc không biết thiệt hay mất
răng ? Quan-Công chí thị, danh hiệu là Vân-Trường đó mà !
Châu-Du nói lối : Vân-Trường nào hay là Vân-Trường tiền
Bạch-Mã-Thành trăm Nhan-Lương tru Văn-Xử, quá ngũ
quan trăm lục tướng đó mà hay ! *Quan-Công nói* : Ngó
chánh thị, ngó chánh thị, ngã Vân-Trường, ngã Vân-Trường.
Loạn : Tiền Bạch-Mã-Thành dĩ trăm Nhan-Lương tru Văn-
Xử, quá ngũ quan trăm lục tướng, vị túc vị tài ! *Châu-
Du nói* : Dạ thưa, Tiền Bạch-Mã-Thành dĩ trăm Nhan-
Lương tru Văn-Xử, quá ngũ quan trăm lục tướng, mà
tướng-quân gọi không tài, vậy chớ trận mô mới tại cho ?

Quan-Công nói : Trận ni mới tài cho. *Loạn* : Thủ yểm thanh-long tam cổ, trăm Huỳnh-Cân chi tặc bối, thân thừa tuần mã dải nhứt bôi, sát tướng Huê-Hùng. *Châu-Du* nói : Húy a ! Ngã cam thất lễ thất lễ, miễn chấp tình Du tình Du. Bộ thần, chúc tửu lai ! *Loạn* : Cung thỉnh tướng quân đồng bả trản. Dữ ngô hiệp lực phá Tào-man. *Quan-Công* nói : Thừa Đô-đốc ! Tôi mà qua đến đây là. *Loạn* : Thân đáo Đông-Ngô kim vị xuất tài-năng đồng-dược, ngô tướng-quân hậu đãi, tú sở bôi, mặc cảm từ nan.

Khách tầu - mã và khách hờn. Theo điệu khách phú có khách tầu-mã, hát mau và giòn và khách hờn, hát giọng buồn và kéo dài khi sắp chết.

Thí-dụ *khách tầu-mã* : *Địch-Thanh* trốn Thoại-Ba, bị Thoại-ba rượt, *vừa chạy vừa hát khách tầu-mã* : Mã túc am trình tầu tận thiên trùng ký lộ. Hường mao ngộ thuận phi cùng vạn lý vân tiêu.

Thí-dụ hát *khách hờn* : Na-Tra lóc thịt, *nói lối* : Thất xích thiên lãng hưu hưu tướng. Nhứt xang bửu kiếm đoạn tình ly, hồ ! *Tán* : Phong ba phiến nộ đả lương tình. *Hát khách hờn* : (1) Phụng thiên lãng lụy hạ thâm tình (a). (2) Đoạn tình nhứt kiếm biệt song thân. Bất oán thiên hề bất vu nhân. (3) Đản ước phương danh thùy trúc bạch. Hà sấu cự cốt táng mông trần. (4) Thán giả thiên thương lụy đồ giang-san chi nguyệt. Ô hô tam xích hờn phi quan ngoại chi vân. (5) Ái a ! Khả lân khả lân, khả tích khốc. Càn-khôn chi tú khí, kham ta hồ nhứt nguyệt chiếu tình di. (6) Hườn kỳ cốt nhục, hườn kỳ mạng. Thủy lưu thanh bạch chỉ lưu danh. (7) Tiều-nhơn triêu mộ thường ân

(a) Câu 1 chỉ có một vế mà thôi.

oán. Quân-tử tồn vong mạc đảo khuynh. (8) Hỗn thiên
lãng hưu sát phạt. Càn-khôn-quyện bãi tung hoành. (9) Huy
đao tự bả ly tình kiếm. Tam xích hương hồn vãng ngọc-
cung.

Ngâm. Khi nhàn rảnh, trăng thanh vặc vặc, gió mát
hây hây, cảm xúc, uống vài chén rượu, ngâm mấy vận
thi. Thường dùng tứ-cú. (Ngâm giọng *xuân*).

Thí-dụ ngâm : Vợ chồng *Địch-Thanh* xem bông hoa
đua nở tại huê-viên, nói : Đã đẹp lòng quân-tử, xin cất
chén kim-bôi. Ngõ hết lúc bi bi, mà ngâm câu hảo-hiệp,
a ! *Ngâm* : Đơn Nam Tống Bắc nhứt chung tình. Thâm
siển bôi trung tửu bán khuynh. Tạo-hóa hữu tâm đề
túc trái. Cổ giao Ngưu nữ toại sơ minh.

Các điệu vừa kể là những điệu chánh ; ngoài ra còn
những điệu phụ-thuộc như sau :

Quán ban. Khi ra giặc thì có *quán ban*. Phàm ra
binh thì phải cho có nghĩa, nên đặt ra bài *quán ban*
để công bố danh nghĩa cuộc ra binh. Trung-Trắc Trung-
Nhị ra binh đánh Tô-Định là muốn phục lại nghiệp
hùng và trả thù cho Thi-Sách. Nên bài *quán ban* đặt
làm vậy : Trung cang huyền nhứt nguyệt, nhứt nguyệt.
Nghĩa khí quán càn-khôn, càn-khôn. Phục trùng quang
Giao-chỉ, Giao-chỉ. Sát Tô-Định bạo tàn, bạo tàn.

Hành binh cũng gọi là *bắt bài* là một bài đề cho
các tướng rập nhau hát lúc ra trận. *Hành binh* đi
đôi với *bắt bài*. Thí-dụ một bài *hành binh* : Kép hay
đào chánh đứng giữa, xướng lên : Tướng sĩ hay là nữ
binh ! Y ngã lệnh ! *Xướng* : Vạn đội hùng binh ! *Đồng*
bắt bài : Khóa mã đa, khoái phúc thâm thương kỳ. Phục

xâm tâu như phi. Bôn ba đồng được hề oai hô hàm cam lộ. Mã đề thiên san hề khinh khinh tâu. Phạt mộc gia tranh tâu vạn lý túc mã đề. Luông hành hộ bộ lẫm-liệt hề. Nhiệm khu tri bả thiết giáp. Đẳng đẳng xuất kỳ binh. Lẫm lẫm kỳ trận lẫm lẫm. *Khách*: Hiệp lực đẳng sơn cầm mạnh hổ. Đồng tâm quá hải đoạt thừa luông.

Bài phường. Có hai điệu, một điệu văn vắn, một điệu văn thi. Trong hai điệu đều nêu bằng lối *kêu com* rồi qua câu *phường*, kể sang *nam ai*, hoặc *nam xuân*.

Thí-dụ bài *phường*, *điệu văn vắn*. *Kêu com*: Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại, làm doan gặp doan, làm phước gặp phước, bố-thí cho kẻ bần-nhơn đồng tiền hột gạo, bớ ông bà cha mẹ.. *Phường*: Chôi hài gai, ty trần ai. Tay nường con gậy lưng quảy lẫm gai. Học đạo Như-Lai lánh miền trần-tục. Cảnh Thửu-lãnh thung thăng. Buổi gió trắng hưởng thanh-nhàn. *Nam xuân*: Thanh-nhàn đổ ai rõ thấu. Máy hành tàng chớ lậu co-quan. Kẻ qua người lại nhộn-nhàng. Lòng ta ta biết, dạ chàng chàng hay. Mảng lẫm dặm liễu ngàn mai, xa nơi Yên địa gần kề Ngụy bang...

Thí-dụ bài *phường* *điệu văn thi*: Nêu lối *kêu com* như trước. *Phường*: Bần khổ nào ai có xót thương. Than thân khóc tủi nỗi đoạn-trường. *Nam ai*: Nỗi đoạn-trường chàng than thiệp thổ. Bước phụng-trần diu đỡ lấy nhau. *Phường*: Kia hỡi thiên cao chẳng thấy sao? Gian-truân xiết nỗi nhỏ lụy sâu. *Nam ai*: Nhỏ lụy sâu lòng ta ta biết. Quản chi mình đạp tuyết dầm sương. *Phường*: Chìm biển trần-ại tắm tuyết sương. Than thân khóc tủi nỗi đoạn-

trường. *Nam ai* : Nổi đoàn-trường chàng đi theo nước.
Thiếp theo chàng nghĩa trước tình sau.

Lý quân canh. Quân canh đêm khuya thanh vắng, buồn ngủ *lý* đề thức. Thí-dụ *Lý quân canh* : ò ý a ! Vắng quan dám hỏi cô-hầu. Vú cau ăn với cạnh trầu được chẳng? Ò ý a ! Thuyền dọc tôi trái chiếu ngang. Đề anh nằm giữa đôi nàng đôi bên.

Bài diên. Thường viết văn thường, hoặc hai câu thi, hoặc một bài tứ-tuyệt. Thí-dụ *bài diên văn thường*. *Nếu* : Kia ma trêu trước cửa, nọ quỷ lộng sau hè. Bớ bây ơi ! Bớ bây ơi ! Tao sợ lắm, tao sợ lắm. Số là cha về âm-cảnh, mẹ lại diêm-quan. Bởi vậy cho nên, khóc lại than than rồi lại tủi. Con đang lắt-lẻo quanh co. Đây đã đến giang-đầu. Sao chẳng thấy con đò đò đưa? Làm cho tôi càng chờ càng đợi càng trưa buổi đò. Bớ bây ơi ! Con đò nó nói với tao làm vậy.

Ngừng thoàn. Cũng một điệu *bài diên*. Nêu bằng một bài tứ-cú, rồi vô bài. Hết bài đặt một câu nam. Thí-dụ *bài diên ngừng thoàn*. *Nếu* : Ngừng thoàn lần lựa miễn qua ngày. Chơn giả dầu ai khéo vẽ mây. Nhanh quế biển dời đua sắc gấm. Phong-lưu ví bằng kbach chương-đài. *Bài* : Đề thôi thoát thoát trở hài. Cây người bảo dẫn vài lời vân-vi. Nay đến ngày Quan-Âm giáng-hạ. Chúng tăng-đồ tua khá sấm sanh. Lãng-xăng vác trướng treo manh. Cù giăng bốn bực huệ doanh khắp tòa. *Nam xuân* : Khắp tòa chương chói lòa diêu đầu. Đốt mùi trầm thấu đến cung chương. *Bài* : Đặt bàn nhấc ghế phò-trương. Kê cầu tội phước người âu khôn lường. *Nam xuân* : Nghĩ thôi thế-sự nực cười. Gấm trong màu đạo mờ-hồ khôn

phân. *Bài* : Chốn dương trần người đều lắt-lẻo. Nét mờ-hồ quét sạch loài gian. Vẳng nghe suối chảy lao-xao. Kia nơi cồ-tích nọ chùa Phi-Lai. *Nam xuân* : Xang xê nhạc trở ai-hoài. Xem trong ấu-ức ngó ngoài nghẹn trôn. *Bài* : Lanh thanh hai chữ *dương thành*, lâm-dâm miệng vài vài lời vân-vi. . .

Độc thần-chú. Có mấy câu nêu, rồi mới vô bài. Thi-dụ. *Nếu* : Nam-mô A-Di-Đà Phật. Cấp cấp chiêu binh. La-Đường La-Sát bát-vạn thiêng-liêng. Tiền sai Lôi-Tướng, hậu khiến Lôi-Binh. Thính lệnh ngã sai, trừ tà sát quỷ. Là hỡi âm-binh ! *Bài* : Bất kỳ nhứt dạ, vô hạ tịch triêu. Kiếm ban mai chẳng dặng, ban chiều. Tầm buổi tối ví không thì buổi sáng. . .

Ru con. Bài đề hồn vợ về ru con. Thi-dụ. *Nếu* : Ru hời ru hỡi tình ru. Ru hời hời hời ! *Bài* : Ru con cho mau biết mách, tách tạch tang tòn. Ru con mau biết ném trôn, biết lật biết trôn. Hồ cống xang, xế cống hò. Ru con cho mau biết xỏm biết bò. Bò vô bò ra tốt nét tốt na kêu cha khóc mẹ. Ai thấy cũng thương... *Nam ai* : Thương tình con trẻ chít-chiu. Nhìn con thôi lại chín chiều ruột đau. . .

Lý mọi. Đặt hai câu lục-bát, xen ở giữa bài *vo*. Thi-dụ. *Bài* : Muôn năm chúc thọ Thánh-quân. Xiêm lên sửa trị ngại vàng đặt an. *Vo* : Rinn rinn rinn, vớ ! Rinn rịn rinn, vớ ! Táng hường rinn. Táng hường rinn. Rinn rinn rinn hường rinn, rinn rinn hường rinn. *Bài* : Tám châu năm nước hội Tần. Dấy binh ô-hợp quyết lòng chiến-tranh. *Vo* như trên. *Bài* : Thượng đời gây dữ hùng anh. Xuất sư đã tốt cang-thường lại xuê. *Vo* như trên. *Bài* : Ra cờ mùa giáp cao dày. Đẹp lòng chừ tướng bó tay xưng thần. . .

Bài thăng Bọt. Theo điệu hát bội, thăng Bọt là một thằng con quan, học chẳng ra hình, ngày thì tụ năm tụ bảy, rong dáo phố-phường, hiệp kẻ cô-đơn, bắt con gái đẹp. Bịt khăn nhiều đi giày tàu, mặc áo gấm cầm quạt lông, giọng nói trọ-trẻ ngược-ngạo xấc láo. Thí-dụ rút trong tuồng *Kim-Thạch Kỳ-Duyên* (Bùi-Hữu-Nghĩa). Cậu Ái-Lang chữ đặt. Cha tri-phủ quan sang. Như nhà cụ, cửa nhà chón-chở bạc vàng. Hầu thiếp nhớn-nhờ điều đỏ. Nói chi bạn hàng cũ. Muốn con gái nguyên. Cậu chơi hoài hoài. Hoang thiên hoang thiên chi hoang. Sướng để sướng để chi sướng. Tờ trẻ ! Điều đây đôi ba thăng cho vinh cường. Áo quần năm bảy sắc cho xuê-xang. Làm sao cho ra bọm nhà quan. Đói để chưng tuồng ve gái. Tờ trẻ khừ khừ a !

Hát khách thăng Bọt. Hát khách thường đặt toàn chữ Hán mà *hát khách thăng Bọt* thì toàn tiếng nôm. Thí-dụ *hát khách thăng Bọt mở trức* : Dáo phường phố mà chơi, xang xang xang cồng xang xê cồng, cồng xang xê cồng xang xê cồng, thôi thời chơi cùng cụ. Quân bầy theo hầu tao, troàn quân bầy theo hầu tao, thôi thời cho nhậm lệ tay chơn...

Thí-dụ *hát khách thăng Bọt mở bình* : Rượu bọt ngon, con gái tốt đẹp, xang xang xang cồng xang xê cồng cồng xang xê, cồng xang xê cồng, thôi thời giao phần cụ. Còn quả thăng trai khăn bằng xiêm chuỗi bụi mốc, thôi thời mặc ý bầy...

Niêu. Một bài cũng có nêu nói lối, rồi vô bài, trong bài có xen mấy chữ *ình tang nôn tình*, rồi qua nam xuân. Thí-dụ *Quan-Công thất-thủ Hạ-Bì, niên*. Nói lối : Ngồi xem Tứ đại Kỳ-thơ. Gấm trong Tam-Quốc nhiều người tương trung. Từ Ông thất-thủ Hạ-Bì. Ông phò nhĩ

tàu, Ông sang qua Tào. Đêm trường thương tưởng đại-ca. Ngày nhớ Tam-công Trương đệ. Đại-ca Tam đệ hà !
Bài : Từ Ông thất-thủ Hạ-Bi, Ông phò tình tang nôn tình nhị tàu Ông sang qua Tào. Từ Tào phong chức Đình-Hầu, Tào dung, tình tang nôn tình, mỹ-nữ mười người sớm khuya. Ba ngày đãi tiệc quỳnh-tương. Bảy ngày, tình tang nôn tình, lại đãi yến diên đêm dài. Nỗi thương nhị tàu than dài. No nao, tình tang nôn tình, thấy mặt phụng-hoàng Ngưu-Lang. Ông tô vách phấn chữ vàng, Ông phò, tình tang nôn tình, nhị tàu trở về Kinh-Châu. *Nam xuân* : Nực cười Tào-Tháo mưu sâu. Đã dung mỹ-nữ lại phong Đình-Hầu. *Bài* : Quân nhơn phi báo cung lâu, Tào theo, tình tang nôn tình, vội-vã Tào dung cầm-bào. Tào thôi chẳng tưởng sang giàu, Tào thương, tình tang nôn tình, nhơn đạo trung cang nghĩa thành. *Nam xuân* : Bao đành sắp cật trở lưng. Lên an vàng thưởng, xuống an bạc đền. *Bài* : Lao-xao suốt chảy tiếng đồn, Ông sang, tình tang nôn tình, ngũ ải thanh-long yếm đề. Hiệp huê thể-nữ đầy xe. Trảm xong, tình tang nôn tình, lục tướng trẩy sang Cồ-Thành. *Nam xuân* : Vội xem ác đã hầu chen. Bâng-khuâng nhớ tới Đào-Viên thề nguyện. *Bài* : Cùng nhau bạch mã tế thiên, hắc ngưu, tình tang nôn tình, tế địa tử sanh thế đồng.

Xướng, bạch. Đặt theo lối thơ, dùng toàn chữ Hán, để cho mỗi vai, ở trong buồng mới ra, hát. Các vai *tiền*, *dào*, *kép văn* thì *xướng* ; còn *dào võ* hay là *kép võ* thì *bạch*.

Thí-dụ :

Tiền xướng

*Thề triệt huy-hoàng, chiếu đầu quang,
Luyện đơn hấp khí, lộng tiền nhan.*

*Thần ung trạm trạm, phi ngân lãng,
Thừa yển linh tiêu, đảo đàn tràng.*

Túy-Kiều xướng

*Thâm quê tịch-mịch, chánh hoài xuân,
Băng ngọc hồn vô, bán điểm trần.
Thượng uyển danh huê khoa phú qui,
Đông tường điệp sứ ưỡng lao thần.*

Tiêu-Hóa-Long xướng

*Thần cung nhứt bả quải phò tang,
Thiên hạ anh-hùng mạc cảm đang,
Sử ngã cầm phạm kinh ngạc tầm tôn bắc hải,
Huy ngô bửu kiếm tề hưu viễn tịch nam san.*

Kép vô bạch

*Hoành hành tứ hải chiếu trung đô,
Đánh quán yêng hùng thế thượng vô.
Đông quá lương môn oai lẫm lẫm,
Thán phi thiết giáp sáng cơ đồ.*

★

★ ★

Bạch. Khi nào kể lại một chuyện đã xảy ra rồi, cũng kêu là *bạch* nữa. Đặt theo lối phú, toàn là chữ Hán.

Thí-dụ :

Đạm-Tiên bạch

*Thiếp hiệu Đạm-Tiên,
Tích nhựt nhưn gian xướng-nữ.*

Đến nay.

Thân ly trần tục,

Kim triều thiên-thượng nhân tiên.

Thưa nàng, thể nàng quên mà thôi chớ !

Lưu-thủy kiều biên,

Thị ngā tất hộ thể-thân chi xứ.

Còn như :

Đoạn-trường hội-lý,

Chánh ngộ bông-sơn dăng tịch chi niên.

Nào có phải ai ở mô ! Mà nàng phòng ngại !

Nễ ngā thị đồng thuyền,

Thiên tải chung tình không bão hận.

Cồ kim vô vị triệt,

Nhứt sanh bạc mạng vị kham liên.

★

★ ★

Oán. Khi nào đề tỏ nỗi uất-hận thi kêu là oán. Cũng hát một giọng như xướng ; cũng đặt theo điệu thơ, mà cũng toàn là chữ Hán.

Thí-dụ :

Túy-Kiều ở lầu xanh Bạc-Bà oán

Hà ! *Nhị phiến ky, nhị phiến nô !*

Phiếm bỉ trường giang thân bá chu.

Thiên tri phủ, địa tri phủ,

Thử thân thử nhật hận du du.

*Lưu khừ do hơn tự chủ,
Hữu sanh mạc tác nữ-nhi lưu.*

★
★ ★

Thán. Cũng một điệu với oán. Nhưng ở đây than thân trách phận.

Hồng-Ngọc viết :

Phụ thân hà ! Phụ thân ôi ! Mọc đục tịnh, hễ phong bất tức, tử đục dưỡng, nhi thân bất tồn ! Cha ôi ! Như con là, hàm sâu nan tọa kỷ tiền, thực ngọc bất năng hạ yển, hà !

Thán. *Sương sâu nan giải, tự dằng lai ; hoài cảm phụ cừ tử giả nan. Cha ôi ! Như con cùng Địch-Hồ là : Thiết thạch thử tâm thiên địa bạch, đoạn sâu di hữu kiếm phong nang.*

Thí-dụ thứ nhì :

Tô-Võ viết :

Bệ-hạ ôi ! Như kẻ hạ thần là, vọng Hôn-địa dầm tuôn lụy ngọc, nhớ Ngô-quân chua xót lòng vàng.

Mẹ ôi ! Thương tử-thần, hieu-quạnh chốn gia-dàng, mẹ có hay cho con mần ri nay ẻ, phẩm ngu-tử, lao-lung nơi hồ-lồ, đây mẹ hà !

Thán. *Thiên sử hà vi các biệt ly, Hôn Hồ phân cách lụy song thù. Tá vấn thành cao thiên đoán đoán, vậy chớ, quân thần tái hội thị hà thì ?*

Nói lối. Là nói chuyện với nhau. Mỗi câu đặt từ bốn chữ tới bảy chữ. Chữ cuối câu hai một vần với chữ cuối

câu ba ; còn câu tư tiếp thì hạ vần trắc, một vần với câu năm.

Thí-dụ :

Túy-Kiều nói lời

*Trăng già sao cắc có ?
Gió trẻ khéo thày lay.
Trai thẽ chàng thiệt phải mặt trai,
Gái như thiệp khở chò phận gái, à !
Thân phận nghĩ đi nghĩ lại,
Nhơn duyên tưởng tới tưởng lui.
Người mà đến thế thì thôi,
Ta biết có nên chi chẳng ? Á !
Chỉ đở biết trời có vấn,
Mối sầu xui thiệp lại vương.
Lòng rối tơ đã rộn trăm đường,
Ấu là ! Tay cất bút ngụ đề một luật.*

*
* *

Văn. Khi đưa nhau, khi đi du-ngoạn, nói dứt câu lối, thì có hai câu *văn*. Câu *văn* thì lấy một hay là hai chữ chót câu lối cuối, xuống đôi ba câu *lục-bát*.

Thí-dụ :

Kim-Trọng viết :

*Noi theo cựu lộ đời chơn,
Ta kíp Lam-kiều bắt mặt, thôi !*

Văn viết :

*Bắt mặt noi theo đàng cũ,
Khách hồng-quần may tổ âm-hao,
Cho hay sắc bất ba đào,
Dấu rằng vàng đá anh-hào cũng xiêu.
Dò-la bóng ác xế chiều,
Bằng chừng chốn cũ Lam-kiều đến nơi.*

★

★ ★

Hát khách. Gặp lúc cao hứng, hay là ra binh đi đánh giặc, hoặc thưởng cảnh, thì dùng lối *hát khách*, đặt theo lối phú, toàn là chữ Hán.

Thi-dụ :

Kép hát khách

*Hoa phụ tòng biên, di hữu trượng-phu tri ngã khổ,
Giá lân trước bạn, chỉ di quân-tử thức ngô cam,
Hề bất thức ngô cam. . .*

★

★ ★

Khách phú. Cũng là một điệu *hát khách* nhưng thông-thả hơn, như tiên hạ san. . .

Tuồng hát bội ta có mấy câu *khách phú* để làm kiêu, như *Na-Tra lóc thịt*, *Phó-hội Giang-Đông*. . .

Thi-dụ : Một câu *khách phú*.

(Phải nhớ trước câu *khách phú* có một *câu nêu*) :

Điều quang dấu hướng chỉ nhưt do do,

Thiết tân thiên niệm Di-Đà tận siêu thăng.

Đấu hướng, đấu hướng, trực khinh khinh, trực khinh khinh, lưỡng đề binh, đối quang-mịch, ta Bồ-Tát, nhiệm sắc quan, niệm bốn ba, sắc niệm bốn ba.

Khách phú

Tùng xuất vân xa,

Tam thập lục thiên toàn phú quý.

Phiêu phi diệu thời, bác phang thập chưởng, tận siêu thăng.

Phàm nhân trận trung nan thức đắc, hoặc ngu hoặc trí.

Mê tân thế thượng khởi vô tri,

Thị giả thị chơn.

↓

★ ★

Loạn. Cũng một điệu hát khách, nhưng có ngắn, có chẵn. Khi nào hai người nói chuyện hay là rầy-rà với nhau. Dùng lối thơ hay là lối phú. Cũng dùng chữ Hán.

Tư-Đồ loạn đức Diêu-Thuyền

Nễ chỉ thị yêu-kiều chi chất,

Hà cảm dương tập nhược tư dâm ?

Hay là dùng để bỏ ý câu nói, thí-dụ :

Thúc-Sanh loạn từ-giã Hoạn-Thơ về Lâm-Tri

*Nhứt tải thu thu vạn lý trình,
Lâm-Tri hồi thủ mã đề khinh.
Thảm lai nguyên sự, vô tiêu tức,
Hảo nhĩ hoa tiền chỉ cựu minh.*

*
* *

Hát tầu-mã. Khi chạy giặc, khi đề binh ra trận, nghĩa là mỗi khi nào hăng-hái thì *hát tầu-mã*, hát mau, gấp. Cũng dùng lối phú, đặt toàn là chữ Hán.

Thi-dụ :

Thượng-Sư-Đồ hát tầu-mã rước Ngũ-Thiệu phu-nhơn

*Bá vạn hùng binh lai tấn chi, tróc tha Giã-thị nguyên
phần thi.*

*
* *

Sơ-lược, còn nhiều điệu nữa : như đọc thơ, gọi là *ngâm*. Thầy rùa mới ra, thì *bắt-bài*. Quân bằm lại một chuyện gì, gọi là *báo*. Quân sắp đi đánh giặc, dàn trận ra hát, gọi là *đám-ban*.

PHẦN II

THI-TẬP

TỔNG-QUAN.

Thi-phủ xưa, chúng tôi tưởng đã in hết phần nhiều. Bởi vậy thi-phủ xưa, chúng tôi chép vô đây rất ít. Chúng tôi chỉ chép những bài mà chúng tôi tưởng chừng như đã in rất ít hay là chưa in lần nào. Chúng tôi không dám nói chép ròn những thi-phủ hoàn-toàn; chúng tôi chỉ muốn lưu-truyền một vài bài có tánh-cách kỷ-niệm đối với chúng tôi, để bạn đọc cùng biết.

Những bài thi-phủ chúng tôi chép đây, có bài lời văn hùng-hồn, ý-tú mới-mẻ. Mà cũng có bài ý-tú cũ-kỹ, không hợp với thời hiện-tại. Nhưng mà chúng tôi tưởng những văn thơ của các bậc tiền-bối của chúng ta, chúng ta không nên bỏ qua. Vì luật tiến-hóa, chúng ta không làm theo ý muốn của các ngài; mà về sự dạy-bảo khuyên-răn, về mặt tài-liệu, thì không phải là vô bổ hết thảy.

Một điều cần-thiết, chúng tôi nên bày ra đây, cho bạn đọc biết, là không sao khỏi sơ thất nhiều. Chúng tôi xin bạn đọc tha thứ cho. Tác-giả của chúng ta, thường khi, không để bút-tích lại. Phần nhiều là truyền-tụng lẫn nhau, thành-thử không sao tránh khỏi nỗi « tam sao thất bổn ».

Chúng tôi mong các bạn xét cho và như biết rõ, đính-chánh giùm.

LỤC - BÁT

Cảm-thuật

Trời Nam vận mở lâu dài,
Ra binh trị đến năm ngoài ba trăm. (1)
Đời an trên dưới ca-ngâm,
Sĩ say đạo vị, nông ham cày bừa.
Thừa binh trải mấy năm dư,
Đua-bơi điều đỏ, lái-xài (?) ở ăn.
Thói bôn (2) tục mị khôn ngăn,
Những quen dật-lạc không hay (?) nghèo-nàn.
Nhà suy chủ nhọc ghe đàng,
Mọi hoang con ngốc nghinh-ngang như thường.

(1) Ý nói tiên-vương Nguyễn Hoàng-Thái-Tổ, lên làm chúa hồi Lê, đến bây giờ thì được hơn ba trăm năm.

(2) Bôn cạnh là bắt chước nhau.

Ai đời trăm bịnh chẳng thương,
Đám chày lại hát, đám tang lại cười.
Nực cười thế-sự đời đời,
Thân nhà phụ-rẫy, thỉnh mời quỉ nao. (1)
Ngán cho đưa đại cầu cao,
Kéo hùm thọc đít, dựa rào khoe sang.
Bây giờ mới biết tứ ngoan,
Buồng mình lại rước đưa hoang soạn sành.
Chó gian cũng sủa người lành,
Nào dè phải khỉ dòm hành đã lâu.
Học chi những thói bắc cầu, (2)
Không đuôi ngược cẳng hai đầu như nhau.
Máu nào máu chẳng thương ru,
Nữ nào làm mủ làm u hại mình ?
Mụ chàng thầy trọc rập-rình,
Lạ chi đồng cốt một tình xưa nay !
Nước trong ngã giọt bóng cây,
Dầu ngay dầu vạy có đi đằng nào,
Ồ-ào sóng vỗ trong ao.
Vẩy-vùng cho lấm dể xao khỏi bờ.
Đố ai che mắt vải thưa,
Che mình gương sáng, che mưa rồ dày.
Rừng còi thanh tịnh còn sai, (3)

(1) Lời tục thường nói : Phật trong nhà không cúng, đi cúng Thích-Ca ngoài đường.

(2) Người ta thường nói cầu có đầu không có đuôi.

(3) Sài-lang, thú dữ.

Chậm chơn vạy đã, chớ đi mang nghèo.

Bao lăm đu rút của treo,

E ăn chẳng đặng lại gieo đến mình.

Người sao quên trọng tưởng mình,

Một thù biết sợ, không kinh ngàn thù.

Trách ai cạn chẳng nghĩ sâu,

Yêu dẫu chưa dễ, yêu đâu dân mình.

Ngay dầu rủ thác một mình,

Song còn tử ấm thê vinh rõ-ràng.

Gian, thần họa đến họ-hàng,

Hồ trong tiên-tổ lụy đàn thê-nhi.

Khéo làm những thói gà ri,

Cối xay ăn bần bôi mảy đá nhau.

Họa cò, quạ cũng thương âu, (1)

Cá ăn thịt cá bụng đâu cho đành.

Lẽ thì thấy ngặt liêu mình,

Sa hằm sụp đá tâm tình ra chi. (2)

Xuống lý làm mặt tiền chì, (3)

Nước nghèo nhắm mắt, nhà suy nghiêng mảy.

Du sanh ngời vạy khoanh tay,

E khi nắng giỗ có vì là ai.

Hại người dốc giữ của đời,

Khi người hại lại, của rồi nhà hoang.

(1) Cò mắc bẫy, quạ thấy còn thương thay !

(2) Có ý nói thấy người ta mắc nạn, ra liêu mình cứu người mới phải, nỡ nào lại đào hằm thêm cho người ta sa, để đá cho người ta vấp.

(3) Tiền bằng chì thì mặt lý lý, làm thế nào cũng không sáng được,

Nên hư tốt xấu muốn tường,
Coi xưa thì rõ soi gương thì rành.
Phải chăng đạo chẳng xa mình ? (1)
Minh ưa ai ghét, nên mình ghét ai.
Còn non còn nước còn dài,
Có vay có trả có ai có mình. (2)
Vui buồn ai cũng như mình,
Ta cười người khóc như tình vậy sao ?
Khi nào chúng hiệp thì la (?)
Đến nay hiệp chúng tài ba tài mười.
E cho con tạo đời đời,
Thù người chưa mấy, bằng người thù ta.
Xưa nay khắc bạc nên nhà,
Của tiền sớm hết, oan-gia còn dành. (3)
Tay chàm khéo rửa cũng xanh,
Đại rồi năn-nỉ ai binh đặng nào.
Yếu như chớ chạy cầu cao,
Chớ trèo núi dốc mang nghèo phải chơi.
Mưa khỏe mạnh gió sắc mai,
Đào sâu khó lấp, xa vời dễ xiêu.
Thấy to mà then những điều,

(1) Có chữ : Đạo bất viễn nhân...

(2) Có câu : Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, cao phi viễn tẩu dã nan tàng.

(3) Có câu : Khắc bạc thành gia, lý vô cửu hưởng ; luân thường quai ngộ, lập kiến tiêu vong, nghĩa là : xưa nay hễ ai nhờ khắc bạc mà làm nên cửa nhà, thì của ấy đã mất sớm thì chớ mà lại còn oan-gia nhiều nữa là khác nữa.

Kẻ ưa nhuộm biếc, người ưa (?) nhuộm vàng.
Than rằng : cái ngã ba đàng,
Bắc qua cũng tiện, nam sang cũng rời.
Nước còn lững-đứng chưa xuôi,
Mặc ai chèo tới chèo lui thì chèo.
Nước ngược giục-giặc thâm chiều,
Nhiều bơi cũng khá ít chèo lại trôi.

PHAN-LƯƠNG-KHÊ

Thế phát qui-y

Phen này cạo tóc đi tu,
Tụng kinh độc-lập ở chùa Duy-Tân.
Đêm ngày khấn vái ân-cần,
Cầu cho ích quốc lợi dân mới là.
Tu sao mở trí dân nhà,
Tu sao cho đặng nước ta phú-cường.
Lòng thành thắp một tuần hương,
Nam-mô Phật-Tổ Hồng-Bàng chứng tri.
Ngày nay đệ-tử qui-y,
Nắng mưa chẳng quản, công thi một hai.
Chắp tay lạy bốn phương trời,
Xin trời phò hộ con người nước tôi.
Lòng tôi tưởng đứng trông ngời,
Trông sao cho đặng giống-nòi vẻ-vang.
· Nào là tin-nữ thiện-nam,
Nào là con cái thập phang độ cùng,
Ai tu xin quyết một lòng.

SONG-THẮT LỤC-BÁT

Mình với bóng

Đêm lờ-lững, mình cùng trời đứng,
Mình hỏi trời, trời lững làm thinh.

Trên trăng dưới nước giữa mình,
Thôi thì với bóng, tự-tình vân-vi.

Khen cho bóng thật tay lạnh-lợi,
Chưa dứt câu, đã mở miệng rồi :

« Còn ai như nghĩa ông tôi !

Khi đi khi đứng khi ngồi theo ông.

Sao ông vẫn hình-dung buồn-bã ?

Khiến tôi cùng rầu-rã vì ông.

Điều chi uất-ức ở trong,
Xin ông tỏ hết nỗi lòng tôi nghe».

«—Ừ, muốn nói, nhưng e đêm vắng,
Lời quá dài thêm bận lòng người.

Lạ-lùng cho mù bà trời,
Thình-lình để rớt một người là ông.
Oả một tiếng non sông nức-nẻ,
Nòi Rồng-Tiên thêm kẻ một người.
Sáng đôi mắt, tỏ đôi tai,
Khuôn thân bầy thước khá dài khá to.
Đầu óc cũng tròn vo sâu hoáy,
Râu mày xem đáng thấy nam-nhi,
Mỹ-Âu đất há chật gì ?
Tinh-cờ sinh ở Trung-Kỳ Việt-Nam.
Sao chẳng điếc, chẳng câm cho rảnh ?
Sao hay mạng, hay gánh hoài hoài ?
Chân không sao muốn đá trời ?
Tay không sao muốn lấp đời đời non ?
Lưỡi khua mõ chẳng mòn sao nhỉ ?
Ruột quây tơ chẳng biết vì sao ?
Gân đồng xương sắt thế nào ?
Đành cho muôn đạn bắn vào bia thân.
Sao mãi mãi phong-trần không đã ?
Mà gan vàng dạ đá trơ-trơ ?
Nghĩ chi nghĩ vẩn nghĩ vơ ?
Nghĩ mình mình lố ngằn-ngờ tháng ngày.
Chẳng ích gì sao hay làm mãi ?
Làm mãi sao chẳng cái gì thành ?
Tại ai ? Hay tội tại mình ?
Tại mình hay cũng sự tình tại ai ? »

Bóng nghe hỏi thử dài và nói :
« — Kể đầu đuôi, thưa tội tại ông !
Miếng đời độc ngọt gian nồng.
Sao ai lừa-gạt mà ông nghe liều ?
Ông xem-xét càng nhiều hờ-hững,
Việc trăm năm những tưởng rày mai.
Lòng ai ông tưởng như ai,
Biết đâu rắn rít hươu nai đầy đồng.
Người lạnh dạ, ông càng (?) sưa bụng,
Trước bầy ma phun giọng phật-linh.
Ngu sao chúng trọc mình thanh,
Cuồng sao chúng túy, mình tỉnh mà gì ?
Ông chẳng thấy đời này danh-giá,
Chẳng hơn gì xe ngựa lâu-đài.
No cơm ấm áo là rồi,
Ai còn nghĩ đến việc ngoài thân-gia.
Dầu lịch-sử ông cha thầy kệ,
Nhục hay vinh, họ kể gì đâu.
Việc gì ông cứ bo-bo ?
Trong thiên-hạ kẻ rất ngu ai bằng.
Ông thử dặt nàng Trăng xuống hỏi,
Xem như lời tôi nói phải chăng ? »
Nghe lời lòng lại dạn lòng, (?)
Rằng xe trước đồ còn hòng xe sau.
Bóng hời bóng giùm nhau tỉnh rồn,
Còn sau vầy với bạn tâm tri.
Vầng trăng vừa ăn non tây.

Chinh-phụ dạ-tĩnh

Đêm gió thổi bức màn phân-phất,
Giác chiêm-bao vơ-vắt canh trường.

Trăng khuya chiếu lọt đầu giường,
Bừng con mắt dậy lưng càng ngằn-ngờ.

Cảnh đơn-chiếc chi ngờ đến nỗi,
Sầu biệt-ly khôn nói nên lời.

Sắt cầm duyên mới hòa vui,
Quan-sơn phúc đã chia-phôi gánh tình.

Ngoài ải tía sương kinh tuyết phủ,
Chốn buồng điều phấn ố hương phai.

Hương phai phấn ố bao nài,
Tuyết sương thương kẻ cõi ngoài xông-pha.

Vườn xuân quạnh màu hoa ngo-ngác,
Lòng thiếp nay mơ-mát dường bao.

Sa-tràng vắng bật âm-hao,
Cổ lai chinh-chiến được bao người về ?

Dòng nước chảy bên khe róc-rách,
Lòng thiếp nay nghìn mạch sầu tuôn.

Trông theo con mắt lưng mòn,
Vọng-phu đài dựng mà còn chưa nên.

Tối lại tối ngời nhìn bóng muộn,
Đêm rồi đêm thức lụn canh tà.

Tuyết vời hải giác thiên nha,
Chàng đi có thấu nỗi nhà này chẳng ?

Tơ bỏ rối nhện giăng khung dệt,

Đàn chùng dây loan kết phím sầu.
Đầy sân lá rụng một màu,
Bên thềm cỏ loạn dưới lầu rêu in.
Tình khuê-phụ muôn nghìn ngao-ngán,
Ruột còn tằm đòi đoạn tơ vương.
Ai xui thiếp phải xa chàng,
Chiếu-chắn chênh-lệch loan hàng lẻ-loi.
Hoa rã cánh hoa trôi mặt nước,
Nguyệt mờ gương nguyệt gác đầu non.
Thân mai thiếp một hao mòn,
Mặt hoa thiếp biếng tô son điểm hồng.
Nhìn dương-liễu bên sông xanh biếc,
Mảnh lòng xuân chẳng xiết bi thương.
Đại chi tham quả ẩn vàng,
Nước non nghìn dặm để chàng đi xa.
Kiếp phù thế ngựa qua cửa sổ,
Chàng bấy nay lao khổ từng chinh.
Còn gì nữa cái xuân-xanh,
Còn gì nữa cuộc ân-tình đôi ta.
Ước đồng mộng để ba thu lạnh,
Triu vai sầu thiếp gánh làm sao.
Mong chàng sớm giữ chinh-bào,
Buồng lan xuân ấm, song đào hương đưa.
Ngày vắng đợi thư ngư đã vắng,
Đêm dài mang tin nhận càng thưa.
Đòi phen muốn học người xưa,
Dệt đem tấm gấm dâng đưa bộ rờng.

Tàu thương-khách bênh-bồng cửa bể,
Thuyền ngư-nhân gấp-nghe đầu sông.

Ngậm-ngùi mặt nước xa trông,
Khói xông dạ ngọc lửa đun gan vàng.
Khi ngồi tựa đài-trang thơ-thần,
Bỗng ào ào một trận gió đưa.

Chạnh niềm thương kẻ kiếm cò,
Xa-xuôi muôn dặm bao giờ quy lại ?

Khi dạo bước đình mai chán-ngán,
Bỗng rào rào mấy hạt mưa sa.

Chạnh lòng thương kẻ quan-hà,
Ruồi dong mấy độ bao mà nghỉ-ngoi.

Một cái nhện sa nơi trước mặt,
Báo tin gì đâu chắc tin vui.

Những từ muôn dặm chia phui,
Nắng sương từng đã đổi dời mấy phen.

Chàng lặn-đạn ngoài miền quan-tái,
Thiếp lạnh-lùng trong mái khuê-vi.

Phong-lưu cũng lựa thiếu-thì,
Ngậm-ngùi kẻ ở người đi lữ-làng.

Chiếc lá rụng bay ngang tường bắc,
Mối tương-tư vẫn-vật chẳng khuây.

Nghĩ chàng chinh viễn bấy nay,
Khải-hồi âu hãn có ngày gặp nhau.

Duyên kết-phát trời đầu nữ phụ,
Nguyện đồng-tâm ấp-ủ đình-ninh.

Sắt-son ghi một chữ tình,
Trăm năm âu hẳn xuân-xanh còn dài.
Thân bờ-liều dám nài sương tuyết,
Nợ trúc-mai xin quyết đá vàng.
Dốc bề giữ đạo tào-khang,
Tử-sinh âu phải cùng chàng thủy-chung,
Rồi có lúc mây rồng tái-hội,
Sẽ cùng nhau giải nổi hàn-huyên.
Vui-vầy bỏ lúc truân-chuyên,
Tóc-tơ xe lại nối nguyên trăm năm.

TRÚC-KHÊ

Ngư

Kia ai lánh tục ở đây ?
Vui lòng ngoại vật rã tai trong đời.
Vốn ngư-phủ là người mến cảnh,
Một con thuyền động-dãnh bên giang.
Tay chài miệng lưới xinh-xoang,
Dòng kia vũng nợ phong-quang mặc dầu.
Tôm với cá ơn giàu lộc nước,
Bữa ăn nào mua chác chi ai.
Thung-dung cần trúc áo toại,
Chẳng cần ai chuộng chẳng đời thú ư.
Kính một tiếng trắng vừa lỗ mọc,
Tay đỡ chèo, nhấn khúc ca-xang.
Một chèo dầu dọc dầu ngang,
Cơn chơi đào Động, cơn sang sông Phần.

Biết mấy lần sương pha nắng giại,
Hội công-danh nào đoái chút đầu.

Đầy thuyền phong nguyệt góp thâu,
Láng diềng non nước tới đâu là nhà.

(?)

Tiêu

Thành-thời là thú tiêu-phu,
Hay vui thú màu nên nhẹ công-danh.
Non xanh đời chốn hữu-tình,
Búa trắng riu gió, mặc mình phong-quang.

Tùng chóng dậy giải sương che gió,
Hôm chóng về trông thỏ mọc sơ.

Thói quen dầu-dãi nắng mưa.
Nào hay tước lộc thể cơ Tần, Tùy.
Dầu ai hỏi lấy chi độ nhựt,
Dám thừa rằng : gió mát trăng thanh.

Lộc tự nhiên, để ai tranh,
Hoa mai là bạn, lều tranh ấy tiêu.

(?)

Canh

Lại có kẻ quen miền ngoại côi,
Vốn bình sanh ưa thói nông-phu.

Cày mây cước gió ngao-du,
Tháng ngày vui thuở Đường-Ngư thái-bình.
Chỉ mừng đặng nhơn-sanh quý-thích,
Đông-đánh cày nhớ khách họ Y.

Một vùng sắn-dã hi hi,
Cũng ngày lánh Kiệt, cũng ngày về Ân.
Thú đã dặng an thân chẳng lụy,
Nếp tẻ dành mùa tới để xem.
Ruộng Châu nội Võ tốt thêm,
Mưa nhuận muôn khóm xanh um lạ-lùng.
Trăm thức lúa xủ bông đác-đác,
Góp thâu về lưu-loát đòi nơi.
Bốn dân muôn họ vậy vui,
Khẩn cù kích-nhượng ca chơi khúc lành.
Ngoài thế-sự biếng tranh nhơn ngã,
Đặng thú vui đàn đã an thân.
Rung-rung chẳng bợn tục trần,
Nam-dương có thuở ba lần dừng xe.

(?)

Mục

Lại có kẻ quen nghề là mục,
Ơn cao dày dưỡng-dục sớm khuya.
Nghêu-ngao bãi nọ gành kia,
Vo-ve tiếng địch đòi khi hứng thừa.
Tùng gọi gió tắm mưa đòi trận.
Lá đội đầu cật vấn áo toi.
Chòi tranh chiếu đất màn trời,
Nghêu-ngao thánng lụn chơi-bời ngày qua.
Tay gõ sừng dặng ca Nịnh-thích,
Nói chuyện xưa dẫn tích Sào Đo,

Êm mình năm cật ngáy pho,
Giắc thối lại tỉnh, nào lo-lãng gì !
Chốn đào đã đường đi lối lại,
Đã từng quen mà phải hỏi ai !
Tháng ngày thông-thả dong chơi,
Mặc ai thành-thị, mặc ai giang-hồ.
Tứ thú ấy nên đồ tranh vẽ,
Lúc đi nhàn ngắm-ngẫm mà coi.
Rày nhân ca vịnh ngâm chơi,
Biết trong tứ thú thanh-thời thay là !

(?)

Đằng-Vương-Các Tự (1)

Quận Nam-Xương Hồng-Đô phủ mới,
Dực-Chấn chia tiếp với Hành-Lư.
Lượn ba sông, suốt năm hồ,
Kinh-Man Âu-Việt cõi bờ thẳng dong.
Vật hoa-mỹ trời chung của báu,
Vẻ gươm xông Ngưu, Đầu hai phần.

(1) Tự Đằng-Vương-Các bằng chữ Hán của Vương-Bột làm. Tích như vậy : Gác Đằng-Vương nguyên của Nguyên-Anh, con vua Cao-Tôn nhà Đường, cho dựng ở mé sông Tầm-Dương.

Sau Diêm-Bá-Dư ra làm đô-đốc Hồng-Châu thế cho Nguyên-Anh đặt tiệc ở gác Đằng-Vương, sai Ngô-Tử-Chương sắp đặt làm bài tự để khoe mình. Trong khi yến-ẩm, đưa viết mực ra. Khách còn tự khiêm, chưa ai dám nhận, thì có Vương-Bột, mới 19 tuổi, đi thăm phụ-thân cũng đương dự tiệc, nhận lãnh giấy bút, không ngần ngại, xuống tay làm một hơi, xong bài, đưa trình quan đô-đốc. Các quan cùng xúm đọc, ai nấy cũng ngạc-nhiên, khi thấy bài phú thiệt hay.

Đất thiêng hẳn có người thần,
Giường mời Từ-Trĩ, họ Trần riêng treo.
Sương mù kín bày theo hùng-trấn,
Sao sáng giăng, xen đứng anh-tài.
Giữa vùng di hạ chen vai,
Đông tây chủ khách tuyệt vời hào-hoa.
Diêm đô-đốc gươm xa tới đóng,
Vũ tân-châu xe đóng tiệc vầy,
Mười tuần bạn hữu như mây,
Đón đưa nghìn dặm chạt bày cao-nhân.
Giao phượng múa : từ văn Mạnh-sĩ,
Điện sương kinh, uy-vệ Vương-quân.
Tiện đường lệnh tể gia-thân,
Trẻ thơ may được dự phần thịnh duyên.
Tiết tháng chín trời chen thu-mộ,
Nước đầm trong, non ứa bóng chiều.
Trên đường xe ngựa dập-diu,
Trải xem phong cảnh quanh theo động gò.
Chợt đã đến nền xưa đế-tử,
Bước chân lên quán cũ người tiên.
Ngang lâu từng núi mây chen,
Dưới lâu ngọn nước vô biên vượt dòng.
Bóng phù hạc, vầy-vùng bên bãi,
Hàng quế lan bày giải trong cung.
Tựa xà mở cửa buồng trong,
Non ngàn thăm tít, nước vùng mệnh-mang.

Làng chen-chúc, đỉnh chuông sau trước.

Bến mê-toi, long tước cò treo.

Mống tan mưa rạng về chiều,

Cò theo ráng lặn, nước đều trời thu.

Chiều ngư hát vang hồ Bành-lãi,

Rét (?) nhận kinh âm bãi Hành-dương,

Biết bao ngâm hứng phi cuồng,

Gió dờn hơi mát, mây nhường giọng ca.

Vườn Kỳ-trúc chén pha Bành-Trạch,

Bến Nghiệp-hoa bút sánh Lâm-Xuyên.

Nhị nan tứ mỹ vẹn-tuyền,

Dầu lòng ngang-ngửa phi nguyên vui chơi.

Khuôn cao rộng, đất trời vẫn đó,

Cảnh vô cùng, võ-trụ còn đây.

Hết vui buồn lại theo tay,

Doanh hư là số, xưa nay là gì.

Trường-an khuất lối kẻ dưới ác,

Ngô-hội xa đường gác ngàn mây.

Miền nam thế đất sâu cay,

Đoái trông miền bắc sao xây ngất trời.

Cách non ải thương người thất-lộ,

Gặp nước bèo cùng lũ tha-hương

Bao giờ trông thấy cửa vàng ?

Lệnh vời tuyên-thất mơ-màng đến bao ?

Than ôi nhẽ ! Vận sao chìm nổi ?

Nhịn mạng-đồ nhiều nổi xót-xa !

Phùng-Đường (1) mấy chốc tuổi già,
Số kỳ Lý-Quảng (2) ai mà đã phong.
Truất Giả-Nghị (3) há không vua giỏi,
Đày Lương-Hồng (4) há lỗi thời hay !
An bản quân-tử xưa nay,
Mấy người thông đạt hiểu ngay mệnh trời.
Gan dầu bạc già đời càng rỏi,
Chi mây xanh khôn đổi khi cùng.
Suối tham uống cũng sạch trong,
Rạch khô ở cũng vui lòng như xưa.
Xa bắc-hải gió đưa khi tới,
Mất đông-ngu thu lại tang du.
Mạnh-Thường (5) bảo quốc khu khu,
Học chi Nguyễn-Tịch (6) cùng đồ khóc than.
Thân ba thước ngót tuần đôi chục,
Đường thỉnh anh khôn học Chung-Quân (7).

(1) Phùng-Đường, người đời Hôn, đầu bạc mà còn làm quan lang. Sau nhờ gặp Văn-đế biết đến, mới được phong làm Xa-kị đô-úy.

(2) Lý-Quảng làm quan đến chức Thái-thú đời Hôn Võ-đế, không được phong hầu, bèn từ chức, về núi săn cọp làm kế sanh-nhai.

(3) Giả-Nghị, đời Hôn Văn-đế bị gièm-pha mà phải bị truất ra ở Trường-Sa.

(4) Lương-Hồng, làm quan đời Ngụy Võ-đế, bị nịnh-thần gièm-pha mà phải đày ra Bắc-hải.

(5) Mạnh-Thường tự là Bá-Châu làm Thái-thú Hiệp-Phổ, đời Hôn Thuận-đế, muốn thăng chức mà không được.

(6) Nguyễn-Tịch đời Tấn, học giỏi, nhưng tánh tình rất phóng-dang, thường đóng cửa xem sách một mình, hoặc đi chơi phiếm, tới chỗ cùng đường, thì ngồi mà than khóc một hồi rồi mới chịu trở về.

(7) Chung-Quân mới 20 tuổi, xin vua nhà Hôn một sợi dây giày để ra bắt vua Việt. Thỉnh anh : xin dây giày.

Chí mong ném bút theo quân (1).
Ước-ao Tôn-Xác (2) cười lần gió khơi.
Bỏ trâm hốt mảy đời thăm-thăm,
Vâng thần-hôn muôn dặm xa xa.
Dám đâu cây báu Tà-gia, (3)
Xóm thơm họ Mạch chẳng qua cũng gần.
Một ngày nọ qua sân Lý-đối, (4)
Nhớ hôm nay được tới Long-môn. (5)
Lãng-vân (6) Dương-Ý bồn-chồn,
Chung-Kỳ đã gặp khúc đờn thẹn chi.
Than thẳng-địa ít khi lại nổi,
Tiếc thịnh-duyên không rời được lâu.
Lan-đình (7) ngày trước giờ đâu ?
Kìa nơi Tử-Trạch (8) nghìn sau khôn còn.

(1) Ban-Siêu đời Hán bỏ nghề văn, quăng bút ra đầu quân, sau làm tướng.

(2) Tôn-Xác đời Nam Bắc-Tống thường nói muốn cỡi gió vượt muôn dặm sóng.

(3) Tà-Huyền có tài học rộng ; hồi còn nhỏ có chí muốn được như chi-lan ngọc-thọ nẩy-nở ở sân nhà mà thôi.

(4) Lý-Bá-Ngư, con đức Khổng-Tử, đi qua sân thì ngài kêu lại dạy lễ.

(5) Lý-Uy đời Hán, tài cao học rộng, thường hay rước thi-gia hàn-mặc. Ai được tiếp thì xem như được tới cửa rồng.

(6) Dương-Đắc-Ý nghe Tư-Mã Tương-Như tài giỏi, mà không được gặp thì trong bụng bồn-chồn. Sau vì bài phú Lãng-vân của Tương-Như tiến lên vua Hán Võ-đế, mới gặp nhau được.

(7) Lan-đình là chỗ Vương-Hy-Chi tụ-hợp văn-sĩ để làm thơ chơi.

(8) Tử-Trạch là vườn kim-cốc của Thạch-Sùng.

Lời tặng biệt vâng ơn tiệc mở,
Phú đẳng cao mong ở người trên.

Lòng thành mấy chữ dựng lên,
Bốn vắn gọi có một thiên giải bày :
Gác Đẳng cao ngắt bến sông đây,
Múa hát hồ im loan ngọc thay.
Cột vẽ mây nam bay buổi sớm,
Rèm châu chiều cuốn hạt mưa tây.
Lơ-lửng mây vườn mặt nước chơi,
Mấy phen vật đổi với sao đời.
Con vua trên gác giờ đâu tá ?
Ngọn nước bên tường vẫn chảy xuôi.

TRẦN-TUẤN-KHẢI dịch

Ai-tu vãn

Gió hiu-hắt phòng tiêu lạnh-lẽo,
Trước thềm lan hoa héo don don.
Cầu Tiên khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm-thăm, bóng loan rầu-rầu.
Nổi lai-lịch dễ hầu than-thở,
Trách nhơn duyên mờ-lỡ có sao ?
Sầu-sầu thăm-thăm xiết bao,
Sầu đầy dạt bề, thăm cao ngắt trời.
Từ cớ thăm trở với cõi bắc,
Nghĩa tôn-phù vắng-vặc bóng dương,
Rút dây vưng mạng phụ-hoàng,
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu-qui.

Trăm ngàn dặm, quản chi non nước,
Chữ nghi-gia mừng được phải duyên.

Sang yêu muôn đội ơn trên,
Rõ-ràng vẻ thúy, nổi chen tiếng cầm.

Lượng che-chở, vụng lằm nào kẻ,
Phận đình-ninh, cặn-kẽ mọi lời.

Dầu rằng non nước biển đời,
Nguồn tình ắt chẳng chút vui đâu là.

Lòng đùm-bọc thương hoa đoái cõi,
Khắp tôn-thận cùng đội ơn sang.

Miếu-đường còn dấu chưng thường,
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh-xanh.

Nhờ hồng-phúc, đôi cảnh hoè quế,
Đượm hơi sương, dây rế cùng tươi.

Non Nam lần chúc tuổi trời,
Dâng câu Thiên-bảo bày lời Hoa-phong.

Những ao-ước chập-chồng tuổi hạc,
Nguyên trăm năm ngô được vậy vui.

Nào hay sông cạn bể vùi.

Lòng trời tráo-trở, vận người biệt-ly!

Từ tháng hạ mưa hè trái tiết,
Xót mình rờng mỗi-một chẳng yên.

Xiết bao kinh sợ lo phiền,

Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.

Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước,
Phương-pháp nào đổi được cùng chăng?

Ngán thay máy Tạo đất bằng,
Bóng mây thoát đã ngắt chùng xe loan.

Cuộc tụ-tán bi-hoan kíp bấy !

Kẻ sum vầy đã mấy năm nay.

Linh-đình chút phận bèo mây,
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu ?

Trần-trọc luống đêm thâu ngày tối,

Biết cậy ai dập nổi bi-thương ?

Trông-mong luống những mơ-màng,
Mơ-hồ bằng mộng, bàng-hoàng như say.

Khi trận gió hoa bay thấp-thoảng,

Ngõ hương trời bằng-lãng còn đâu.

Vội-vàng sửa áo lên chầu,

Thương ôi ! Quạnh-quẽ trước lầu nhện giăng.

Khi bóng trăng lá in lấp-lánh,

Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.

Vội-vàng dạo bước tới nơi,

Thương ôi ! Vắng-vẻ giữa trời sương sa.

Tưởng phong-thề xót-xa đòi đoạn,

Mặt rỗng sao cách-gián lâu nay.

Có ai chốn ấy về đây ?

Nguồn cơn xin ngõ cho hay được đành.

Nẻo u-minh khéo chia đôi ngã,

Nghĩ đòi phen nồng-nã đòi phen.

Kiếp này chưa trọn chữ duyên,

Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương.

Nghe trước có đứng vương Thang-Võ,
Công-nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao.

Mà nay áo vải cò đào,

Giúp dân dựng nước biết bao công-trình !

Nghe rành-rạng trước vua Nghiêu-Thuấn.

Công-đức dày ngụ-vận càng lâu.

Mà nay lượng cả ơn sâu,

Móc mưa rưới khắp chín châu đượm nhuần.

Công đường ấy, mà nhân đường ấy !

Cõi thọ sao hẹp bấy Hóa-Công ?

Rộng cho chuộc được tuổi rồng,

Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi người.

Buồn thay nhẽ ! sương rơi gió lọt,

Cảnh điêu-hiụ thánh-thót châu sa.

Tưởng lời di-chúc thiết-tha,

Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê !

Buồn thay nhẽ ! xuân về hoa ở,

Mối sầu riêng ai gỡ cho xong ?

Quyết liều mong vẹn chữ tông,

Trên rường nào ngại, giữa dòng nào e.

Còn trứng nước thương vì đôi chút,

Chữ tình thâm chưa thoát được đi.

Vậy nên nấn-ná đòi khi,

Hình tuy còn ở, phách thì đã theo...

Theo buổi trước ngụ đèo Bồng-đảo

Theo buổi sau ngụ nẻo sông Ngân.

Theo xa thôi lại theo gần,
Theo phen điện quế, theo làn nguồn hoa...
Đương theo, bỗng tiếng gà sức tỉnh,
Đau-đớn thay ! Ấy cảnh chiêm-bao !
Mơ-màng thêm nỗi khát-khao,
Ngọc-kính chốn ấy, ngày nào tới nơi ?
Trưởng thôi lại bồi-hồi trong dạ,
Nguyễn đồng-sanh sao đã kịp phai ?
Xưa sao sớm hỏi khuya bày,
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc-tơ.
Giờ sao bỗng thờ-ơ lạng-lẽ ?
Tình cô-đơn, ai kể xét đâu ?
Xưa sao gang tấc gần châu,
Trước sân phong-nguyệt, trên lầu sinh-ca.
Giờ sao bỗng cách xa đôi cõi,
Tin hàn-huyên khôn hỏi thăm linh.
Nửa cung gãy phím cầm lạnh,
Nỗi con côi-cút, nỗi mình bơ-vơ.
Nghĩ nông-nỗi ngần-ngờ đòi lúc.
Tiếng tử-qui thêm giục lòng thương.
Nào người thay ! Cảnh tiên-hương.
Dạ thường quanh-quất, mắt thường ngóng trông.
Trông mái đông, lá buồm xuôi ngược,
Thấy minh-mông những nước cùng mây.
Đông rồi thì lại trông tây,
Thấy non ngân-ngất, thấy cây rườm-rà.

Trông nam, thấy nhạn sa lác-đác,
Trông bắc, thì ngàn bạc màu sương.

No trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khời thăm, biết đường nào đi ?
Cậy ai có phép gì tới đó,
Dung vật thường, xin ngõ lòng trung :

Này gương là của Hán-cung,
Ơn trên xưa đã soi chung đời ngày.

Duyên hảo-hợp xót rày nên lẽ,
Bụng ai-hoài vợi ghẽ vì đâu ?

Xin đưa gương ấy về châu,
Ngõ soi cho tỏ gót đầu mong ơn.

Tưởng linh-sảng nhơn-nhơn còn dấu,
Nỗi sanh cơ có thấu cho không ?

Cung xanh đương tuổi ấu-xung,
Di-mưu sau nữ quên lòng đoái thương ?
Gót lân-chỉ mấy hàng lẫm-chẫm,
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai.

U-ơ ra trước hương-đài,
Tưởng quang-cảnh ấy chua cay đường nào !

Trong sáu viện ố đào ủ liễu,
Xác ve gầy lỏng-lẻo xiêm nghề.

Long-đong xa cách hương quê,
Mong theo : làm lối ! mong về : tủi duyên !
Dưới bệ ngọc, hàng-uyên vò-vỡ,
Cất chân tay thương xót xiết chi.

Hang sâu nghe tiếng thương bi,
Kẻ sơ còn thể hưởng gì người thân.
Cảnh ly-biệt nhiều phần bát-ngát,
Mạch sầu tuôn ai tát cho vơi ?

Càng trông càng một xa vơi,
Tắc lòng thăm-thiết, chín trời biết chẳng ?
Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi,
Gương Hằng-Nga đã bụi màu trong.

Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,
Thiên-duyên lạnh-lẽo, đêm đông biên-hà.

Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn,
Cánh hải-đường đã quện giọt sương.

Trông chim, càng dễ đoạn-trường,
Uyên-ương chích bóng, phượng-hoàng lẻ đôi.

Cảnh nào cũng ngùi-ngùi cảnh ấy,
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu ?

Phút giây bãi bể nương dâu,
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao ?

Chữ tình nghĩa, trời cao đất rộng,
Nỗi đoạn trường còn sống còn đau.

Mấy lời tâm-sự trước sau.
Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.

NGỌC-HÂN Công-chúa (1)

(1) Bà là vợ vua Quang-Trung. Bài này bà làm sau khi an-táng vua xong rồi.

Nỗi lòng cùng ai

Đã biết vương lưới tình là khổ,

Lại đem thân tự bó lấy mình.

Trời cao biển rộng thình-thình,
Lưới tình bủa hết lấy mình vào trong.

Sông Ngân-hơn một lòng mong nhớ,

Nhịp cầu Ô bao độ bàng-hoàng.

Lạnh-lùng trường phụng màn loan,
Xa-xuôi xin hỏi lòng chàng dường bao ?

Vườn ngự-uyển ngăn-rào anh én,

Động bích-đào rón-rén hơi oanh.

Oanh ca chim hót trên cành,

Nguồn đào động bích một mình ngẩn-ngơ.

Thu thăm-đạm đông mờ lạnh-lẽo,

Oán chúa đông muốn gheo lòng ta.

Hãng-hò nắng sớm chiều tà,

Giọt sương rơi nặng cành hoa nã-nề.

Vò chín khúc ruột tê đứt nối,

Giấc Vu-san bối-rối đêm ngày.

Một thân vò-vỡ chờ ai ?

Chàng Ngưu, ả Chức trời đầy phải cam.

Cân tài sắc tay phạm há bén,

So phím loan để kém hào-hoa.

Câu thơ giọng phú cùng hòa,

Lòng đây ý đó đậm-đà như nhau.

Cuộc dẫu bề mặc dầu thay đổi,

Lòng dạn lòng thắt mối dây oan.

Nắm tay vào cảnh đoạn-tràng,
Thân tằm quyết báo muôn vàn nghĩa dẫu.
Ngấm bầy cuộc phù-du trên thế,
Sớm tươi vui chiều lệ rơi tàn.

Phải chăng thân phận hồng-nhan ?
Cùng hòa một hội một đảng như nhau ?
Thà chẳng gặp buổi đầu cho rảnh,
Mặc cho mình ấm lạnh cũng cam.
Trời già độc-địa tay làm,
Vây-vò cho hết xác phàm mới ưng.
Mùi tân khổ đã từng nếm trải.
Bịnh phong-lưu dầu-dãi tuyết sương.
Cờ đời liễu-lĩnh một trường,
Thử coi máy Tạo đo lường là bao ?

Hựu thi

Thân tằm dẫu nệ rút nguồn tơ,
Nhấn-nhủ này ai chớ hững-hờ.
Kết dải đồng tâm dây thắt mắt,
Gìn gương minh cảnh bóng lờ-mờ.
Đã trao chút phận mong-manh chỉ,
Xin hãy cầm cân lẳng-lặng tờ.
Cội cả từng-quân che đỡ mát,
Mưa đừng bạt gió lá bơ-vơ.

HỒN - HỢP

Thi-ca liên-hành

(Viết giùm Hậu-Nghệ dâng gửi cho Hằng-Nga)

Mợ Hằng ơi hỡi ! Mợ Hằng ơi !
Nhớ mợ cho nên viết mấy lời.
Một mảnh hoa tiên nhờ gió cuốn,
Vài hàng lạo-thảo mợ xem chơi.
Bấy lâu cách trở đôi nơi,
Yêu nhau góc bể chơn trời nhớ nhau.
Nhớ nhau tầm-tã dòng châu,
Sầu nào độ được mối sầu này chẳng ?
Có thấu lòng nhau hỡi mợ Hằng ?
Mạch sầu chan-chứa biết cho chẳng ?
Sao không đoái tưởng tình loan-phụng ?
Trái mấy ngàn thu chẳng nói-nặng ?

Cùng nhau chưa kịp đăi-đăng,
Nỡ nào lên ở cung trăng cho đành ?
Phận sao phận khéo mỏng-manh,
Đề ai dứt mối tơ mảnh cho đành ?
Trộm thuốc trường-sanh quyết phũ-phàng,
Còn chi là cái nghĩa tào-khang ?
Trên cung cười cợt cùng mây gió,
Trần-giới riêng ai cảnh đoạ-tràng.
Tơ tình trăm mối ngồn-ngang,
Trách duyên sao khéo bẽ-bàng mấy duyên !
Ba sanh đề lẽ lời nguyên,
Trương loan đề giấc cô-miên lạnh-lùng.
Cùng ai san-sẻ mối sầu chung,
Chiếc bóng tàn canh lưỡng não-nồng.
Ướm hỏi xa-xôi ai có thấu,
Tơ lòng đòi đoạ rối lung-lung.
Thấu chẳng hay chẳng thấu cùng ?
Viết bao nhiêu lưỡng sượng-sùng bấy nhiêu.
Tờ hoa mực ít tình nhiều,
Mong ai sớm bắc ô-kiều bến ngân.

THẠCH-ÁNH-HỒNG

Vấn nguyệt

Tuyết thu dạ thiên quang vấn tịnh,
Chốn lữ-đình giấc-tĩnh canh khuya.
Tai nghe vắng-vắng bốn bề,
Hằng-Nga vắng-vặc trái kẻ quê lan.

Thấy trăng thêm chạnh lòng vàng,
Ngâm câu vấn nguyệt độ ngang vời Trời.

Hỏi di Nguyệt : « Mấy lời sau trước,
Duyên cớ sao mà được thảnh-thơi ? »

Nguyệt rằng : « Vật đổi sao dời,
Thần này trời để cho người soi chung.
Làm cho mỗi-một anh-hùng,
Ngàn thu sương tuyết một lòng thanh-quang ».

Hỏi di Nguyệt : « Có đàng lên tới ?
Chốn thiềm-cung phỏng độ bao xa ? »

Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta,
Có cây đan-quế ấy là chị em.

Anh-hùng thử tới mà xem.
Kìa gương ngọc thổ, nọ rèm thủy-tinh ».

Hỏi di Nguyệt : « Có tình chẳng tá ?
Chớ niên-hoa phỏng đã dường bao ? »

Nguyệt rằng : « Chút phận tơ đào,
Càng lên càng tỏ càng cao càng tròn.

Mảnh gương vắng-vặc chưa mòn,
Bao nhiêu tình đầu là con cái nhà ».

Hỏi di Nguyệt : Hằng-Nga mấy tuổi ?
Cứ ngày rằm đến tối thì ra ».

Nguyệt rằng : « Trong cõi người ta,
Minh minh trường dạ ai hòa biết ai.

Vậy nên mở mắt soi đời,
Biết nơi nham-hiêm, biết loài tà-gian ».

Nghe Nguyệt nói lòng càng yêu Nguyệt,
Biết lòng ta Nguyệt có yêu chẳng?

Thử lên cho tới cung trăng,
Kết duyên cho được chị Hằng mới tha.

Một trăng với một mình ta.
Biết nhau giữa lúc canh ba, điểm tùng !

Thong-thả Nguyệt ướm lòng lại hỏi :
« Cõi trần-gian là cõi làm sao ?

Cuộc đời xem tựa chiêm-bao,
Công-hầu khanh-tướng xôn-xao trong vòng.

Tranh nhau vì chút hơi đồng,
Giết nhau vì miếng đỉnh-chung của trời.

Nguyệt lại hỏi tới người quân-tử,
Buổi vân-lôi hai chữ kinh-luân ».

Ta rằng : « Có đứng thánh-thần,
Ra tay giúp nước cầm cân trị bành.

Những tưởng trực lợi ham danh,
Chẳng qua như chuyện lạnh-chanh du-phù

Nguyệt lại hỏi : « Rừng nhu mấy kẻ,
Vin ra tay bẻ quế trường-an ».

Ta rằng . « Cá bễ chim ngàn,
Đời nào chẳng có phụng-hoàng, kinh-ngư »

Ta hỏi Nguyệt, Nguyệt ngờ ngờ-ngẩn,
Nguyệt hỏi ta, ta ngẩn ngẩn-ngờ.

Cành hoa trước gió phất-phơ,
Hiu-hiu gió thổi hương đưa ngạt-ngào.

Canh càng thâm, nguyệt càng cao,
Nguyệt ta, ta Nguyệt, biết bao nhiêu tình.

Mấy câu ngâm chốn lữ-đình,
Có ai biết Nguyệt biết mình cho chẳng ?

(?)

Ngư tiêu canh mục tranh luận

NGƯ

Trăm năm là bấy nhiêu lâu,
Chi bằng một chiếc một bầu thung-dung.
Nhiều khi thỏa chí anh-hùng,
Nghinh-ngang trên nước bạn cùng gió trắng.
Ngư rằng một sợi tay phẫn,
Đường-đường thao-lược, hoảng-hoảng tơ xe.
Nghiêng trên cật gối, ngoài be,
Dòng riu-riu chảy ro-re tợ đờn.
Có ai mà dám lờn-mơn,
Quyền trời lộc nước chi sờn của kho.
Buồm nào bọc gió hơn mo,
Bao nhiêu miệng cá không đo cũng bằng.
Cơn buồn nhắc tích Nghiêm-Lãng,
Lúc say mượn kẻ thế đặng cho mình.
Trên nước nghinh-ngang thú rất màu,
Khỏe thị chài kéo, mệt ngồi câu.

Phao tuôn phới nhẹ xem đòi chỗ,
Giềng mối đang cầm dễ tóm râu.
Mấy trận mang sao dầm tuyết nguyệt,
Nhiều khi nháng chớp chói trời u.
Đường qua sông Vị bao nhiêu dặm,
Gió mát trăng thanh rượu một bầu.

TIÊU

Rừng nhu ngày tháng giữ gìn,
Công hầu lắm thuở giúp mình thừa-ura.
Tiêu rằng : chải gió tắm mưa,
Càn-khôn tay xách gió lừa nẻo gai.
Cang-thường nhắm nặng hai vai,
Một bầu rượu thánh một bài thi xưa.
Chào én sớm, hỏi nhận trưa,
Cội tòng trái cật giắc vừa đôi pho.
Màn trời chiếu đất quạt mo,
Hết say lại tỉnh nào lo-lắng gì.

Vác búa ghe phen tỉnh quá ngàn,
Nhắm chừng vừa gánh cũng say càn.
Chấp ca một chấp xem văn võ,
Kinh đoạn vài hồi nhóng các quan.
Kho đụn sẵn dành bên Túy-lãnh,
Cơm tiền hằng chứa chốn Lâm-san.
Màn trời chiếu đất khen tay thợ,
Quạt gió đèn trăng chẳng ngại đàng.

CANH

Chữ rằng nông vụ tấn thi,
Ngựa xe rần-rộ kinh-kỳ chi hơn.
Cò bay thẳng cánh không sòn,
Hứng sương đua nở dờn dờn lá xanh.
Canh rằng : mặc lượng hai anh,
Thung-dung một cõi trời dành muôn xe.
Mãn xuân rồi lại sang hè,
Nhắm chừng nước láng bờ đê ngăn lằn.
Vui chung tứ thú tứ dân,
Có vùng trắng bạc, có vùng trời xanh.
Dắt voi ra trận tập-tành,
Đãi kỳ như lệnh xuất hành chấm công.
Trung thâm vừa thấy chỗ công,
Đẹp mà nở mặt anh-hùng rất xuê.
Vẳng nghe tiếng hạc bay kè,
Hay là lệnh thánh rước về Bồng-lai !

Giỏi nghiệp nông-phu *đẽ có ai ?* (1)
Thú quen từng trải một nghề cày.
Ra tay kèm-chế nơi đường vậy,
Nối gót giữ-gìn sửa vạc ngay.
Mấy khúc quanh co lòng chẳng ngại,
Mặc tình thả ví dỏ cùng hay.

(1) Có bản chép : THẾ PHẢI VẦY.

Nửa ngày rửa sạch chơn bùn lấm,
Đất Thuần còn dành sẵn mãi đây.

MỤC

Tảo-thìn vừa lúc bình-minh,
Đại cơm bầu nước thượng-trình lên an.
Ngựa voi đưa đón chậi dàng,
Mục rằng : vui thú lâm-san non tòng.
Đánh cờ tướng, vạ cũng bong,
Thạch-bàn phủ sạch đề phòng giấc trưa.
Khi nguyệt lặn, lúc sao thưa,
Vượn ưa thồi sáo, suối ưa khảy đàn.
Quần gai áo bả chi sơn,
Đầu cài lược gió, kết rơm làm hài.
Muôn đời xem thấy cũng say,
Bạn cùng cảm-thú hôm mai vui-vầy,

Vì nghĩa chưa thương kẻ chút công,
Ra chẵn một lũ thả ngoài đồng.
Én cò tiếp rước khi trưa-trật,
Thỏ mọp đương chờ lúc rặng đông.
Cụm liễu giả tàn ngồi hứng mát,
Nhành dương làm phất quét mò-hong.
Ít ai tưởng tới người Sào Hứa,
Kêu nó kêu thẳng tự mấy ông.

Tứ dân

ÔNG CHÀI

Sóng mặc dòng sông,
Gió mặc dòng sông,
Sóng gió thình-thoang vững chiếc bông (1).
Vài sợi búa, ít cần chong.
Cá mú đi đâu mỗi mắt trông ?
Ngày hạ khính-khảm ba chén cúc,
Đêm thu leo-lét một ngàn phong (2).

ÔNG TIÊU

Cao bước gập-gình,
Thấp bước gập-gình.
Cao thấp mong chi khóm đá chinh.
Sẵn búa cាំ, mặc cây kinh !
Ngang dọc nào ai cản sức mình.
Đọc sách hằng mê câu hữu lý, (3)
Coi cờ lại động nước đa tình (4).
Rừng non nghề cũ, trời đất rộng thình.

(1) Cái mũi ghe ám-chỉ chiếc ghe.

(2) Cây bàng hay mọc theo mé sông đến đêm đom-đóm thường đậu trên, ở dưới ghe ngó lên thấy như ngàn ngọn đèn.

(3) Tịch Châu-Mãi-Thần hồi còn hàn-vi đi đốn củi mà treo sách trên đầu gióng vừa đi vừa đọc.

(4) Tịch Ngô-Xáng xách búa vào rừng đốn củi, gặp tiên. Hai ông tiên đương đánh cờ, Ngô-Xáng mới ngồi lại coi, lấy búa lót đất. Chừng hai ông tiên thôi đánh cờ, Ngô-Xáng coi lại cán búa mục hồi đời nào. Tiện đây nói ở trên trời, một giây phút bằng dưới ta mấy trăm năm.

NGƯỜI CÀY RUỘNG

Vỡ đất ngang trời,
Khuấy nước đục trời.
Một lưỡi cày tuông giữa đám chơi.
Nắng che nón, lạnh mang cời.
Lúa thóc lo cho đủ vơi đời.
Gay gắt non đơm màu cỏ loạn,
Kề vai ác xé bóng cây đời.
Mưa Thương còn đời, ruộng Lịch còn vơi.

THẰNG CHẶN TRÂU

Vinh ! cái làm sao ?
Nhục ! cái làm sao ?
Vinh nhục thằng chẵn có biết nào !
Cỏ xanh nội, nước đầy ao.
Voi ngựa đừng cho lẫn gót vào.
Con bóng đứng nhìn mây núi loạn,
Lưng trâu ngồi vững gió non xao.
Gõ sừng inh-ôi, thổi sáo tiêu-tao.

Tứ thú

NGU

Ngồi sông Vị xưa ông Khương-Thượng,
Dựa thạch-bàn tám mươi tuổi còn vinh.
Chỉ như tôi nay,
Nẻo lợi-danh chán biết muôn ngàn,

Điều thế-sạ nhơn-tình thậm khó.
Mà hễ,
Đèn có khêu mới tỏ,
Người có học mới hay.
Hay nhưng mà,
Bước thang mây một nấc ngàn ngày,
Đàng phú-quí lắm cay lắm đắng.
Nghĩ vậy nên chi bằng :

Nghêu-ngao trời nước khỏi lo rầu,
Nay vịnh mai doi cũng mặc dầu.
Cần trúc đốc ngư phường phú-quí,
Thuyền cây nguyện lánh nẻo công-hầu.
Bãi gành sớm nhấp tôm vài chục,
Trăng gió chiều ưa rượu một bầu.
Mượn chỉ Nghiêm-Lăng cần Lữ-Vọng,
Khỏe quơ chài lưới, mệt ngồi câu.

TIÊU

Buồn dựa chốn non sơn thủy hừng,
Thấy chiếc ghe ngư-lão ngồi câu.
Nghĩ đàng danh mấy bực công-hầu,
Suy nẻo lợi lắm nơi nong-nả.
Khó cha chả !
Ví như ông Châu-Mãi-Thần nghề xem cũng khá,
Vai thì giống, miệng thì đọc, tay thì cầm sách.
Ra không ai cấm,

Vào chẳng ai ngăn.

Chốn phiến-ba ai dầu có lãng-xãng.

Ta bắt chước về ngoại cán búa.

Thôi thì,

Chim kêu vượn hú họa tay tiều.

Biết mặt non sông, gọi đủ điều.

Trưa gánh ngâm-nga vai gióng củi,

Sớm toan hồng-hỏ thúc lưng kiều.

Rừng Châu đã sẵn cây còn bộn,

Nghiệp Thạch nào lo của ấy nhiều.

Xe giá ví nghinh phong tề-tướng,

Tấm lòng chẳng động ! có bao nhiêu ?

CANH

Trời xanh muôn vật,

Đâu đó có ngăn.

Phần lợi-danh danh-lợi từ nơi.

Ai cũng dốc đua-tranh với thế.

Bởi cho nên,

Cuộc trần-tục càng ngày càng tệ,

Bước bôn-chôn đành phế cho rời.

Bữa thung-dung mặc đứng mặc ngồi,

Ngày hữu sự tự làm tự chẳng.

Ví như ra làm quan thời,

Trăm việc nước giăng tay đuổi cẳng,

Lo điều này, gánh điều kia, vác điều nọ ;

Ồi thôi ! chi cho mệt trí khôn !

Sao bằng :

Quanh lẩn nghề canh lúa ruộng ban,
Màng chi lương Thuấn lộc nhà Thang.
Cầm cày chơi với bầy trâu nghĩa,
Gieo mạ vui cùng lũ gái ngoan.
Trời sớm kêu công ngoai cán cuốc,
Giờ trưa hối bạn trở lưng nhàn.
Vi chi cái thú thung-dung đấy ?
Mưa thuận trời êm mặc ngồn-ngang.

MỤC

Đầu đội trời chơn đạp đất,
Mấy ai thoát khỏi ngoai vòng âu.
Chạy đi đâu, mà trốn đi đâu ?
Kia nam-nhơn lo vẽ phận mày râu,
Nợ nữ-tử giữ-gìn thân bồ-liễu.
Sạ trần-thế thấy thì cũng hiểu,
Đọa phong-trần khó liệu cho đoan.
Nghĩ xưa kia mấy vị thất thời quan,
Nương từ thú vui đàng thông-thả.
Hèn khỏi nhọc lo ;
Rượu cúc mấy bầu ai dám nói,
Thơ hay trăm bức mấy người đang ?
Nếu vậy thời :

Danh phận vui ai mưa chác sầu,
Ngửa-nghiêng ngày tháng một bày trâu.
Ngâm thi Sào Hứa noi gương trước,
Lánh cuộc trắng hoa cái buổi đầu.
Chả đếm Thang Nghiêu danh tuổi trẻ,
Nào lo Kiệt Trụ sống còn lâu.
Bôn-chôn nhượng cái phần lao-lách,
Cho bạn nhà nho bước ngọc lâu.

(?)

HÁT Ử ĐÀO

Biết đủ với đời

Nhứt sự bất tri nho sử sĩ,
Công thương hay mà nông cồ cũng hay.
Trong cuộc đời nào ai dở ai hay ;
Thả ra mới biết kẻ gầy người béo.
Nhà nho hủ tướng mình là khôn-khéo,
Đem văn-chương mà ráo-réo với đời.
Năm ba câu bất cồ toi-bời,
Trừ cử-nghiệp sự ngoài chi chẳng biết.
Ai sanh-tồn, ai cạnh-tranh, ai thắng ưu, ai bại liệt ?
Trong địa-cầu nào biết những ai ai ?
Chữ duy-tân gác bỏ ngoài tai,
Nhưng tập-tận đua tài nô-lệ.

Thi rằng :

Đản ngôn vũ-trụ giai ngộ sự,

Mạc bả giang-sơn thuộc bỉ cương.

Nếu ai mà có chí cải-lương,

Thì phải tự-cường ầu mới được.

Sá kể chi vài trăm năm có những trước,

Nghĩa đồng-bào xin hãy hiệp-quần chơi !

Khi nên trời cũng chịu người.

PHAN-SÀO-NAM

Hải-ngoại huyết-thơ

Ngồi gắm lại năm châu trên trái đất,

Biển văn-minh dồi-dập giữa phong-trào.

Kia ai, người thi khôn, nước thi mạnh, đất thi rộng,
của thi nhiều,

Trời đất lẽ riêng yêu vì một cõi.

Sao ta cứ đã-man quen thói,

Xách thân nô mà lòn-lỏi dưới cường-quyền ?

Hú ba hồn mấy chú thiếu niên :

Vì ép-lực mới gắng nên động-lực !

Tri-não tiệm-tùng tân học đắc,

Phương-châm tu-tự nhiệt thành lai.

Dắt tay nhau lên chốn võ-đài,

Cho rõ mặt nhọn-tài trong Á-Hải.

Ai thắng ưu ta đành liệt bại,

Nắm dân-quyền lồi lại giữ phương đồng.
Tạo thời mới gọi anh-hùng.

PHAN-SÀO-NAM

Nhàn

Công-danh chi bằng ăn vớ ngủ?
Gấm cuộc đời biết đủ cũng nên thôi.
Trải mấy năm phần nước trau giồi,
Mùi vống lọng đã từng chơi mấy lúc.

Vậy có câu thi rằng :

*An phận thân vô nhục,
Tri cơ tâm tự nhàn.*

Mượn thi-thơ mà làm cuộc bồng tang,
Thong-thả cảnh thầy Nhan thi Lý-Bạch.
Nước Trà-Khúc rửa màu trần cũng sạch,
Núi Đảnh-sơn nào khác cảnh Bồng-lai.
Chốn thị-thành xe ngựa mặc ai,
Hủ-hỉ vợ là mai, con là cúc.
Nước suối chảy theo dòng trong đục,
Tiếng chim kêu hòa vận xàng-xê.
Tuy chưa Sào, Hứa, Di, Tề,
Song cũng thoát khỏi vòng kèm-tỏa.
Nẻo họa-phước như Tái-Ông thất mã,
Tròng trắng xanh, mặc thế khen chê.
Này này theo dõi Bá-Lý-Hề !

Nhàn

Năm Ất-tị tuổi vừa bốn chín,
Nhắm tóc râu đã diềm hoa râu.
Nắm gương soi ngắm-nghĩ lại cười thắm,
Nhỏ rồi lớn, lớn rồi già, già trởi kệ !
Hột thóc nổi chìm trong đáy bể,
Cánh chim bay liệng dưới trời cao.
Gấm từ đây cho đến năm mươi, sáu mươi, bảy
tám chín mười mười,
Già một kiếp cũng ngang-tàng cho mảu kiếp.

Vậy có câu thi rằng :

*Nhập thế-cuộc bất khả vô công-nghiệp.
Xuất mảu-hoài tiên thị hữu quán thân.*

Rửa nhưng mà,

Lúc thiếu-niên đã lỡ bước thanh-vân,
Khi lão-cảnh phải cam bề bạch-bổ.
Nơi nhà bạc kinh thường đã đủ, có vợ có con có
đầy có tớ ;
Cuộc tề-gia là chữ tiêu kinh-luân.
Gặp ngày xuân rượu thịt một đôi tuần,
Mình giục-giặc với mình, chơi nghe cũng thú.
Buồn dựa ghế ngâm thi cho vợ ngủ,
Say thấp đèn đánh kiệu với con chơi.
Tề-gia này đã đủ thú vui,
Lựa là phải nam bắc xanh vàng chọ mệu xác,
Đường thế-sự mặc ai đòi chác,

Nghĩ không tài chẳng dám bôn-chôn.
Khoanh tay một giắc hoành-môn.

(?)

Thú phong-lưu

Giang-sơn bất thiếu tài-hoa khách, (1)

Mỗi một người một cách phong-hoa ;

Rượu Lưu-Linh, thơ Lý-Bạch, cờ Đế-Thích, đàn
Bá-Nha,

Đủ tứ-thú mới là tài-tử.

Chơi thì chơi, chẳng chơi thì chớ,

Đã chơi thì chơi cho lịch đất long trời.

Tiếng thị-phi gác đề ngoài tai,

Trên cỡi thế mấy người là tri-kỷ ?

Thời-nhân bất giải thanh-thiên ý, (2)

Không sử thân tâm bán dạ phiền. (3)

Khách tài-tinh gặp lúc thanh-niên,

Mùi thế-vị được bao nhiêu là lãi đấy.

Đệ nhất phong-lưu là thế ấy,

Hỡi ai ôi ! chơi lấy kéo hoài.

Chữ rằng : *xuân bất lái lai.*

(?)

(1) Người tài-hoa dưới trần không phải ít.

(2) Người đời không rõ ý trời.

(3) Đừng để nửa đêm buồn lòng.

Thú rượu

Đánh ba chén rượu, khoan tay giãc,
Ngâm một câu thơ, vỗ bụng cười.
Cái công-danh là cái nợ đời,
Đường thần-lý cát-nhân chi đã vội.
Giắt lỏng giang-sơn vào nửa túi,
Rót nghiêng phong-nguyệt cạn lưng bầu.
Cảnh cùng thông ai có bận chi đâu,
Mùi tiêu sái với trần-gian dễ mấy.

Hữu danh nhân phú-quí, (1)

Vô sự tiểu thần-tiên. (2)

Đừng anh-hùng yên phận lạc thiên,
So trời đất cũng nhất ban xuân-ý.
Khi lãng-miếu đã đành công-danh ấy,
Lúc yên-hà khước thị xuất nhân-gian.
Hành tàng bất nhị kỳ-quan, (3)
Cõi đời mở mặt giang-san thái-hòa.
Còn xuân may lại còn hoa.

Núi trắng

Cao sơn nhất phiến nguyệt,

Đã chơi trăng cho phải biết tình trăng.

(1) Có tiếng nhân là giàu.

(2) Không có chuyện gì bận lòng, thì là một ông thần tiên nhỏ.

(3) Lúc hiện ra giúp nước, lúc ẩn, cũng như một, cứ chỉ không thay đổi.

Sơn chi thọ đối nguyệt chi hằng,
Sơn có nguyệt càng thêm cảnh sắc.

Nguyệt quải hàm sơn thi bán bức, (1)
Sơn hàm minh nguyệt tửu thiên tôn. (2)

Trăng chưa già, núi hãy còn non,
Núi chưa khuyết, trăng vẫn tròn với núi.
Rượu một bầu, thơ ngâm một túi,
Góp gió trăng làm bạn với non sông.
Núi kia tạc để chữ đồng,
Trăng kia nhớ mặt anh-hùng này chẳng?
Xinh thay kia núi nọ trăng!

DƯƠNG-KHUÊ

Tương-tư

Song hồ nửa khép,
Chén tiễn đưa còn chếp bên môi.
Vị ái-tình ghi lại đã rồi,
Mùi cay-đắng ngọt bụi đủ cả.
Vành trăng khuyết soi chung thiên-hạ,
Mà riêng ai chích nửa gối đầu.
Bệnh Vĩ-Sanh chớ trách ôm cầu,
Hồn Trang-Tử đừng ché mộng điệp.
Quán hữu hợp trung kính,
Thiếp hữu cầm thượng huyền.

(1) Trăng gác sườn non, còn thơ thì nửa bức.

(2) Non lộ dạng gương nga, rượu ngàn bầu.

Câu đình-ninh hò-hẹn buổi tàn niên,
Rằng: vật đổi sao dời dám lỗi.
Tơ nguyệt-lão xin đừng thất rối,
Thử buộc vào cho tài-tử giai-nhân.
Đề chi tan hợp bao lần !

MỘNG-HOÀ

THƠ ĐƯƠNG-LUẬT

Khách-địa tư-gia

Óng óng nhận kêu thu,
Trời xanh lẫn một màu.
Nước non nhìn cảnh lạ,
Cây cỏ chạnh lòng sầu.
Một gánh đồ-thơ đó,
Ngàn trùng xứ-sở đâu ?
Chữ nhàn ai bán rẻ,
Trăm lượng cũng nên câu.

Bổ-Chánh NGUYỄN-THÔNG

Điếu Phan-Lương-Khê

Non nước tan-tành hệ bởi đâu ?
Ầm-ầm sóng bủa cửa Ngao-Châu. (1)

(1) Có bản chép : Dầu dầu mây bạc côi Ngao-Châu.

Ba triều công-cán đôi hàng sớ,
Sáu tỉnh cang-thường một gánh trâu.
Trạm bắc ngày chờ tin điệp vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh-sanh chín chữ (1) lòng son tạc,
Trời đất từ rày bật gió thu.

ĐỒ CHIỀU

Thán đạo

Ba vua năm đế dấu vừa qua,
Nổi đạo trời rao đức Thánh ta.
Hai chữ cang-thường dẫn các nước,
Một câu trung-hiếu dựng muôn nhà.
Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.
Căm bậy lòng như mong thối bạc,
Trời gần chẳng gánh, gánh trời xa.

ĐỒ CHIỀU

Thán đời

Người xưa nay trót đứng xem chơi,
Nào muốn cừu chi cái chuyện đời.
Phụng Thuấn lân Nghiêu từng trước nết,
Hươu Tần rắn Hồn thối sau đời.

(1) Hải nhại thơ thánh Phan-Lương-Khê chi cừu.

Thánh-hiền đề tiếng vài pho sách,
Tạo-hóa theo mình mấy tác hơi.
Trong cuộc phù-sinh ai cũng thế,
Rằng hay rằng dở chẳng qua trời.

ĐỒ CHIỀU

Thán cuộc

Đạo trời nào phải ở đâu xa,
Gội tẩm lòng mình khá thấy ra.
Theo nghĩa hời đừng làm phản nước,
Có non đâu nỡ bỏ tình nhà.
Xưa nay đều chọn đường trung-hiếu,
Sách vở còn biên lẽ chánh tà.
Năm phạm rừng nhu sấn-sóc lấy,
Ấy là mùi đạo ở mình ta.

ĐỒ CHIỀU

Cảm hoài

Giang-san ba tỉnh hãy còn đây,
Trời đất ai xui tới (1) nổi này ?
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,
Mây tuôn đen kịch khói tàu bay.
Xăng-văng thềm tỉnh thương đòi chỗ,
Khấp-khởi riêng lo biết những ngày.

(1) Có bản chép : Trời đất xui chi đến. . .

Miệng cộp hàm rồng chưa để chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thày-lay.

Thày-lay lại muốn chuốc (1) danh nhờ,
Ai mượn mình lo việc bá-vơ.

Trẻ đại giếng sâu lòng chẳng nở, (2)

Đàng xa ngày tối tuổi không chờ.

Áo xiêm chán thấy xăn tay thợ,

Xe ngựa nào toan gỡ nước cò.

Rủi rủi may may đâu đã chắc,

Nhệ chi nặng bắc (3) hãy tai ngờ.

Tai ngờ mắt lấp buổi tan-tàn,

Nghĩ sự đời thêm hồ việc mình.

Nghi-ngút tro tàn dân đạo ngãi,

Lờ-mờ bụi đóng cửa trâm-anh.

Hai bên vai gánh ba giềng nặng,

Trăm tạ chuông treo một sợi mảnh.

Trâu ngựa dầu kêu kêu cũng chịu, (4)

Thân còn chẳng kể kể gì danh.

Kể gì danh-phận lúc tan-hoang,

Biển rộng trời cao nghĩ lại càng.

(1) Thày-lay lại chác lấy. . .

(2) Do câu sách : « Kiểu như tử tượng nhập ư tỉnh, tất bất nhãn chi tâm động ». Thấy con nít bất kỳ của nhà ai, bò gần miệng giếng, thì ai ai cũng chạy a lại bồng, sợ nó té xuống giếng.

(3) Có bản chép : Miệng lẫn lưỡi mỗi hay. . .

(4) Có bản chép : Trâu ngựa dầu kêu chi cũng mặc.

Lên núi bắt hùm chưa để lão,
Vào sông đánh cá há rằng oan ?
Người trương mắt ngạo đôi tròng bạc,
Kẻ ứa gan trung bẫy lá vàng.
Chiu-chít thương bày gà mất mẹ,
Cũng là găng-gỗ dám khoe-khoang.
Khoe-khoang sức giỏi cậy tài khôn,
Bán dặng khua môi cũng một phần.
Tơ vắn cánh ruồi (1) kinh trí nhện.
Gió đưa oai cọp khiếp hơi (2) chồn.
Siêng lo há đợi cơm kè miệng,
Vụng tính nào dè nước đến trôn.
Hay dở chuyện trò còn lắm lối, (3)
Múa-men khuyển hã chớ bôn-chôn.
Hã chớ bôn-chôn việc cửa nhà,
Sau này còn ngại (4) nổi đường xa.
Ma đường cơn ngặt lung hai trẻ, (5)
Trời mỗn lòng thương-xót một già.

(1) Tơ vắn cánh chuồng . . .

(2) Gió đưa hơi cọp khiếp oai . . .

(3) Rối-rắm.

(4) Nghĩ.

(5) Tục nói người ta gần chết thì có NHỊ THỤ ĐỒNG TỬ ha
đứa kem nó giục chết cho mau.

Lái đã vững-vàng con sóng lượn,
Ổ toan ràng-rịt buổi (1) mưa sa.
Ở đời chưa dễ quên đời đặng,
Tính thiệt so hơn cũng gọi là.

Cũng gọi là người ắt phải lo,
Tùng hay chịu khó mới nên trò. (2)
Bạc minh-mông biển cầu toan bắc,
Xanh mịt-mù trời thước rắp đo. (3)
Nước ngược chống lên thuyền một chiếc, (4)
Gác cao bó lại sách trăm pho.
Lòng nầy dầu hỏi mà không hỏi,
Lặng xét thăm soi đã biết cho. (5)

Đã biết cho chưa hỏi những người !
Khuyên đừng tích hận chớ chê cười.
Vi dầu vật ấy còn roi dẫu,
Bao quản thân nầy chịu dễ người.
Trăng giữa ba thu mây cũng tỏ,
Hoa trong chín hạ nắng còn tươi.

(1) Do câu : « Cặp thiên chi vị vô, triết bí tang thổ, trừ mâu dũ hộ ». Trời chưa mưa thì chim đã xuống gốc cây tha đất trét cửa ổ cho kín, mưa không ướt vô trong.

Có bản chép : Thoi toan đang dẹt lúc mưa sa.

(2) Do câu : « Khốn nhứt sự, tăng nhứt trí ». Có khốn một việc rồi thì biết khôn thêm một điều.

(3) Bắc cầu qua biển, lấy thước đo lòng người. . . là chuyện khó.

(4) Có bản chép : Bàn rộng tính qua cò mấy nước.

(5) Lặng xét là trời đất. Thăm soi là quỷ thần.

Khó lòng mình biết lòng mình khó,
Lòn-lỏi công tình kẻ mấy mươi.

Kề mấy mươi năm nước lã vắn, (1)
Rắn dài heo (2) lòn thế khôn ngăn. (3)
Bốn đời chung đội ơn nuôi-dưỡng,
Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn.
Hết sức người theo trời chẳng kịp, (4)
Hoài công chim lấp biển khôn bằng. (5)
Cho hay đã vậy thôi thì chớ, (6)
Nhắm mắt đưa chơn lối đạo hằng.

Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay,
Lối đạo sao cho đáng mặt thầy.
Đất quét đã đành bia lỗ miệng,
Chén tràn e nổi trở bàn tay.
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,
Mắt trắng xem trời cánh khó bay.

(1) Nước ta.

(2) Bản Võ-Sâm chép: Voi...

(3) Có chữ: Trường xà cự thi. Có bản chép: Trời đà xui vậy thế khôn ngăn.

(4) Tích Khóa-Phu chạy đua với mặt trời, tới tối theo cũng không kịp.

(5) Tích vua Huỳnh-Đế, (có chỗ nói) con vua tên là Huỳnh-Đế, lội qua sông bị chết đuối. Chết rồi oán con sông ấy, hóa ra chim Tinh-Vệ tha đá tính lấp cho cạn biển.

(6) Có bản chép: Phải sao chịu vậy thôi thì chớ.

Chỉ muốn ngày nào cho đặng loại,
Giang-san ba tỉnh hãy còn đây !

TÔN-THỌ-TƯỜNG

Họa

Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
Chẳng đã nên ta phải thế này.
Bến-Nghé quản bao cơn lửa cháy,
Cồn-Rồng dầu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở,
Bủa lưới săn nai (1) cũng có ngày,
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khí,
Lòng ta sắt đá, há lung-lay.

Lung-lay lòng sắt đã mang nhờ,
Chẳng xét phận mình khéo nói vơ.
Người trí mắng lo danh chẳng chối,
Đưa ngu luống sợ tuổi không chờ.
Bài hòa đã sẵn in tay thợ.
Việc đánh hơn thua giống cuộc cờ.
Chưa trả thù nhà đền nợ nước,
Dám đâu mắt lấp lại tai ngơ.

Tai ngơ sao được lúc tan-tành,
Luống biết trách người chẳng trách mình.

(1) Có bản chép : CHEO.

Đến thể còn khoe danh đạo-nghĩa,
Nhu vậy cũng gọi cửa trâm-anh.
Khe sâu vụng tính vụng thuyền nhỏ,
Chuông nặng to gan buộc chỉ mảnh.
Thân có ắt danh tua phải có,
Khuyên người ái trọng cái thân-danh.

Thân-danh chẳng kể thật thằng hoang,
Đốt sấp nên tro lụy chẳng càn. (1)
Hai cửa trâm-anh xô sấp ngửa,
Một nhà danh-giáo xáo tan-hoang. (2)
Con buôn khắp-khởi chưa từng ngọc,
Người khó xằng-vặng mới gặp vàng.
Thương kẻ đồng văn nên phải nhắc,
Để ta đâu dám tiếng khoe-khoang.

Khoe-khoang việc phải mới rằng khôn,
Kẻ vay người ngay há một phần.
Hồng dẫu hư lông đâu sợ sê,
Hùm như thất thế dễ thua chồn.
Người Nhan (?) há sợ dao kè lưỡi,
Họ Khuất (?) nào lo nước đến tròn.
Tháy-máy gặp thời ta sẽ động,
Muốn nên việc lớn chờ bôn-chồn.

(1) Có câu : « Lạp chúc thành khô, lụy thì càn », nghĩa là : Sấp đốt thành tro, lụy mới khô.

(2) Hai vắn HOANG? Chúng tôi không biết có đúng như vậy không?

Bôn-chôn cũng bởi bạn vì nhà,
Dám trách người xưa chẳng tính xa.
Hăm-hở hãy đang hăng sức trẻ,
Chiu lòn e cũng môn hơi già.
Mồi thom cá quí câu không nhảy,
Cung yếu chim cao bắn chẳng sa.
Đáy giếng trông trời trương mắt ếch,
Làm người như vậy cũng rằng là. . .

Rằng là người tri cũng xa lo.
Nhuần-nhã kinh-luân mới phải trò.
Ngay vậy nể ra cho biết mực,
Thấp cao trông thấy há rằng đo.
Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,
Niếp Tống vừa đầy sách nửa pho.
Chuốc miệng khen người nên cắc-có,
Đạo trời ghét vậy há soi cho.

Soi cho cũng biết ấy là người,
Chẳng tiếc thân-danh lưỡng sợ cười.
Ba cỡi may dầu in lại cũ,
Đôi trông trông đã thấy không người.
Ngọc lạnh nhiều vit coi không lịch,
Thợ vụng ít màu nhuộm chẳng tươi.
Đưa đại trót già đời cũng đại,
Lựa là tuổi mới một đôi mươi.

Một đôi mươi uổng tính xằng-vằng,
Đất lở ai mà dễ dám ngăn.
Nong-nả dốc vun nền đạo-nghĩa,
Xổn-xang nào tưởng việc làm ăn.
Thương người vì nước ngồi không vững,
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.
Gió xướng mới hay cây cỏ cứng,
Đổi theo người trước giữ năm hằng.
Năm hằng vốn thiệt thảo cùng ngay,
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.
Gặp lúc chẳng may nên ngậm miệng,
Chờ khi tháy-máy sẽ ra tay.
Nổi chìm mặc thể tình dày mỏng,
Cao thấp dầu ta sức nhẩy bay.
Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ,
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.

CỬ TRỊ

Cảm hoài

Cõi Nam chung hưởng hội thăng-bình,
Trời đất gây nên cuộc chiến-tranh.
Xe ngựa nhộn-nhàng xe ngựa khách,
Nước non vun quén nước non mình.
Những trang dụng-thể đành ngơ mặt,
Mấy kẻ trung-quân nữ phụ tình.
Bao thuở đem về cơ nhứt-thống,
Ngàn thu bia tạc đứng trung-trình.

Trung-trình dốc trọn đạo tôi dân,
Nạn khổ xưa nay biết mấy lần.
Ở Hớn đành lòng phò lộn Hớn,
Oán Tần ra sức đuổi hươu Tần.
Nhìn Nam chạnh tủi cảnh hoa ủ,
Ngó Bắc ngùi thương đám bạch vân.
Cái nợ tang-bồng than-thở phận.
Đành đem dập dĩa giữa phong-trần.

Phong-trần lắm lúc lũng sâu riêng.
Biết mượn tay ai gỡ mối phiền.
Áo mũ ba đời ơn rất trọng,
Bình qua một cuộc nghĩa chưa tuyền.
Trớ-trêu con tạo lòng đa xảo,
Tráo-trở anh-hùng buổi thiếu-niên.
Phấp-phới bụi hồng đã trải dẫu,
Tấm trình chịu uốn thú hàn-huyên.

Hàn-huyên nghĩ phận lũng bàng-khuâng,
Tình cảnh xem qua lệ ngập-ngừng.
Roi vọt dứt dòng chưa phải vận,
Dây oan rối mối hãy lo chùng.
Nỡ nghe tiếng loạn đem tai rửa,
Đành thấy thẳng gian để mắt trừng.
Mấy mặt anh-hùng sao nép dẫu,
Vạc nghiêng há dám một tay nung ?

Tay nung há dám một mình đây,
Kẻ bắc người nam bán dạ này.
Thế-sự băng-xăng cò túng nước,
Nhân-tình tráo-chác gió rung cây.
Giao hòa bởi sóng mưu-mô cạn,
Cắt đất nên kiêm chí lực dày.
Ướm hỏi những người trên cõi Việt,
Tấm lòng thiết-thạch há như vầy ?

Như vầy trung-nghĩa bấy lâu nay,
Dầu những người xưa cũng sánh tày.
Trướng vải lai-rai con gió thổi,
Cảnh thu liu-hắt hột mưa bay.
Sông sâu sóng ngã thuyền câu đập,
Đồng rộng hùm sa lữ chó vầy.
Kìa nước nọ non cò cuộc thế,
Đầy voi tròn khuyết có sai rầy :

Sai rầy cũng bởi cuộc phân băng,
Quỉ dự nhờn vì lúc ái tăng.
Gió bụi trăm chiều quen mặt cũ,
Đá bia một tiết giữ lòng bằng.
Hòn-Nghê gọi chút tình mây nước,
Bến-Nghê buồn riêng phận cỏ sông.
Cung-kiếm cầm-thi cam hồ phận.
Sao cho tỏ rạng bực tài-năng.

Tài năng chỉ đó khéo trên người !
Cái phận nam nhi lưỡng nực cười.
Ngược đậu xuôi đi hềm thế nước,
Sâu dầm cạn vén thuận tình đời.
Quan-san dậm thẳng đường liền bước,
Tùng-cúc vườn xưa cảnh nhớ người.
Tạo-hóa một bầu xoay khí vận,
Đông qua xuân lại trở màu tươi.

Màu tươi sắc tốt dám se-sua,
Giàu cũng không khoe khó chẳng dua.
Mấy kỷ tuyết sương bền chí trẻ,
Chín từng mưa móc gọi ơn vua.
Thủy lưu xa rỗi ngoài ngàn dặm,
Tòng bá cao xây giữa bốn mùa.
Lời sáng nét cao tùy thuở biển,
Mặc người lười múa lại môi khoa.

Môi khoa khéo học dạng cầu vinh,
Tiêu trưởng cơ trời dễ dám khinh.
Ấn hồ xa ban miền bắc khuyết,
Cờ chiên an dẹp mé nam mình.
Trăm năm bởi gặp khi nguy-biến,
Bốn biển chưa gây cuộc diễm-tình.
Nhà nước một may xoay vận thời,
Cõi Nam chung hưởng hội thăng-bình.

Hà-Âm mộ cảnh

Mịt-mịt mây giăng kéo tối dầm,
Đau lòng thuở nọ cảnh Hà-Âm. (1)
Đống xương vô-định sương phau trắng,
Vũng máu phi-thường cỏ nhuộm thâm.
Gió trốt dật-dờ nơi chiến-lũy,
Đèn trời leo-lét dậm u-lâm.
Nôm-na xin mượn vài câu điệu,
Dắng-dỏi đêm trường tiếng dế ngâm.

BÙI-HỮU-NGHĨA

Cảm hoài

Tò-te kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai dạ xót xa.
Uốn khúc sông Rừng mù-mịt khói,
Vắng hoe (?) thành phụng ủ-sầu hoa.
Tan nhà cảm nỗi câu ly-hận,
Cắt đất thương thay cuộc giãng-hòa.
Gió bụi đời cơn xiêu ngã cỏ,
Ngậm cười hết nói nỗi oan ta.

CỬ TRỊ

Cảm thuật

Mối tơ ai gỡ lúc này xong,
Một dãy trời nam biết mấy trùng.

(1) Ở Kinh Vĩnh-Tế vùng làng Vĩnh-Thông bây giờ.

Kẻ ứa gan trung giương mắt ngó,
Người liều dạ sắt múa tay không.
Thảm bầy trung-nghĩa theo tro bụi,
Hoài của giang-san trút biển sông.
Ơn nước nợ nhà đành có thuở,
Biết bao giờ đợi, biết bao trông.

CỬ TRI (?)

Hữu sở tư

Kia non kia nước nợ lâu dài,
Kia khách trông thu cảnh mấy mươi.
Sông đợi người xa tình xoắn-xít,
Cây che làng cũ mắt chơi-vơi.
Đàn ve dăng-dỏi hòa cung nguyệt,
Chữ nhạt lãng-nhãng viết giấy trời.
Mượn chén khuây-khoa trăng với gió,
Nào ai có biết nỗi xa-xuôi.

QUÌ-VIÊN

Cảm hoài

Mưa rồi thì tạnh, hạ rồi thu,
Trông máy tuần-hườn đã biết đâu.
Nước giận điều chi sông cáu mặt,
Núi trông ai đó đá ngong đầu.
Gió trắng chưa dễ xây trời đất,
Bờ bãi bao giờ xáo bề đầu.

Nghe nói năm trăm, chừ quá bốn,
Sông Hà ngoảnh lại hỏi bao lâu?

QUI-VIÊN

Hải- ạn vãng-vọng

Sóng lượn hè nam, ác liệng tây,
Thợ trời đâu vẽ cảnh chiều này?
Sông lo đất thiếu bồi thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây.
Tiều quảy gió xuân vài gánh nặng,
Ngư chài bóng xế một thuyền đầy.
Bên gành thấy khách nôn qua lại,
Chim núi đi về hãy lựa cây.

QUI-VIÊN

Cây đèn sáp

Một thân đứng sừng giữa đàng dài,
Đèn sáp sanh làm phận dẻo-dai.
Thẳng rặng tim son soi mấy tấc,
Lăn tròn sáp trắng biết bao ngoài.
Cháy đầu bao quản cơn tằm-tối,
Nóng ruột vì chưng phận sáng soi.
Hé cửa trách ai cho gió lọt,
Canh trường nhỏ giọt tỏ cùng ai?

PHAN-CHÂU-TRINH

Thúy-Kiểu hầu rượu Hồ-Tôn-Hiển

Tiếng sấm ân tình bốn mặt ran,
Tướng-quân chi tiếc cánh huê tàn.
Đôi hàng nước mắt đôi lần sóng,
Nửa đám ma chông nửa tiệc quan.
Tổng-đốc ví thương thân bạc phận,
Tiền-Đường chưa chắc mộ hồng nhan.
Trơ-trơ nắm đất bờ sông nọ,
Hồn có xa nghe mấy giọng đàn ?

TẢN-ĐÀ

Vịnh nhà dột

Lều tiện ba gian trái nắng sương,
Thấy trời dòm xuống biết trời thương.
Dồi-dào đã được nhờ ơn nước,
Sáng-lạng càng thêm tỏ bóng gương.
Đêm có ả Hằng kề kệ vách,
Ngày thêm di gió quạt bên giường.
Lại còn một vẻ thanh quang nữa,
Ngọc-lộ đầy mâm để uống thường.

(?)

Viếng quê

Danh-lợi đua chen nghĩ cũng thừa,
Ngậm-ngùi trở gót lại quê xưa.
Mồ-phần tổ-phụ rêu mờ đóng,
Di-tích nhà-huyên gió thoảng đưa.

Cụm trúc ngoài sân bao lá úa,
Hàng cau bên ngõ lấm cây thưa.
Trước sau lối cũ nhìn thêm tủi,
Ba thảo mười ơn dạ chữa vữa.

THƯỜNG-TIÊN

2-11-1943

Ngày xuân nhớ bạn

Non nước từ khi cách bạn vàng,
Đến nay thắm-thoát đã xuân sang.
Đầu cành đón gió hoa đang thắm,
Bên gối mơ ai mộng chữa tàn.
Cửa sổ ngựa qua thoi nhứt-nguyệt,
Cõi lòng đá tạc tấm dung-nhan.
Ngàn trùng biết có ai mong nhớ,
Một mảnh tình riêng gửi mấy hàng.

TỔ-PHANG

Nhớ bạn

Ăn làm sao, nói làm sao ?
Bây giờ sông rộng trời cao.
Chàng thì muôn dặm mờ mây khói,
Thiếp luống năm canh ủ liểu đào.
Lai-láng lệ tình dòng nước chảy,
Mỏi-mòn dạ thổ bóng trăng cao.
Đăm đăm ngày tháng lòng thương nhớ,
Chàng hỡi, chàng ơi ! ở chốn nào ?

BĂNG-TÂM Nữ-sĩ

Nhớ ai

Dứt tiếng ly-ca ném chén vàng,
Bồi-hồi từ-giã đất Tuyên-Quang.
Biết tìm đâu thấy người trong mộng,
Khéo nảo lòng thay cảnh dọc hàng.
Cây cỏ ba đông trời cố-quốc,
Nước non muôn dặm bóng tà-dương.
Xanh xanh sông nọ bao nhiêu khúc,
Một khúc xa nhau một đoạn-trường.

Ta một phương trời khách một phương,
Đôi lòng ai giắt sợi tơ vương.
Không quen-thuộc đã thành dan-díu,
Có biệt-ly đành phải nhớ thương.
On nặng chưa đền cho đất nước,
Tình riêng tạm gởi với văn-chương.
Thăm nhau muốn mượn đường trong mộng,
Núi Tản sông Lô mấy dặm trường.

Người bến sông Lô kẻ chợ Bờ,
Nhìn nhau chẳng thấy ruột và tơ.
Chiếc thân đất khách ta buồn lắm,
Giấc mộng đêm trường khách tỉnh chưa ?
Lầm trước đã đành ra thế ấy,
Đường xa sớm liệu tự bây giờ.

Mông-mênh bốn bề ai tri-kỷ,
Canh vắng đèn tàn tiếng gió mưa.

HOÀNG-KIỆM-THU

Khóc bạn

Hiu-hắt bên ngoài ngọn gió đông,
Tờ mây nhẩn gửi bạn non Bồng.
Vá trời anh hẹn thân hồ-hải,
Năm đất ai vui kiếp kiếm-cung.
Non nước còn mơ hồn nghĩa-hiệp,
Giống nòi thêm nặng gánh tồn vong.
Nhớ anh em chạnh buồn thân-thế,
Lai-láng năm canh ứa giọt hồng.

BĂNG-TÂM Nữ-sĩ

Điếu ông đốc Tông

Thương ôi ! người ngọc ở Bình-Đông,
Lớn nhỏ trong làng thấy mến trông.
Biết đạo khác phe còn mắt tục,
Dạy dân giữ vẹn tấm lòng công.
Đẳng danh vừa rạng bề nhà cửa,
Vi nước riêng đền nợ núi sông.
Một trận trái gan trời đất thấy,
So xưa nào thẹn tiếng anh-hùng.

Anh-hùng thà thác chẳng đầu Tây,
Một giấc sa-trường phận cũng may.

Viên đạn nghịch-thần treo trước mặt,
Lưỡi gươm địch-khái nắm trong tay.
Đầu tang ba tháng trời riêng đội,
Lòng giận ngàn thu đất nổi dày.
Tiết mới một sông ra đặt trum,
Cái xên, con rã nghĩ thương thay !

Thương thay tạo-vật khuấy người ta,
Nam đổi làm Tây chánh lại tà.
Trống nghĩa bảo-an theo sấm rập,
Cờ thù công-tử guộng mây qua.
Én vào nhà khác toan nào kịp,
Hươu thác tay ai vọi hỡi xa !
Trong số nên hư từng trước mắt,
Người ôi ! Trời vậy tính sao ra !

Sao ra nhảy lọt giữa vòng danh,
Son đóng chưa khô ấn đốc-bình.
Đuốc gió nhẹ xao đường thủy-thạch,
Cỏ hoa ngùi động cửa trâm-anh.
Trên giồng lửa cháy cờ tam sắc,
Dưới gảnh đèn lơ bản thất tinh.
Dấu khiến nghe can vùng đất hiểm,
Chờ trời nào đến tuổi vong-linh.

Vong-linh sớm gặp buổi đời suy,
Trăm nét cân đo ít lỗi nghĩ.

Bóng bọt hình-hài vừa lở thấy,
Ngút mây phú quới bỗng tan đi.
Sanh năm mươi tuổi ăn chơi mấy,
Quan bảy tám ngày sương ich chi ?
E nổi dạ-đài quan lớn hỏi,
Cớ sao xếu-mếu cỡi Ba-Tri ?

Ba-Tri từ vắng tiếng hơi chàng,
Gió thấm mưa sầu khá kiệt than.
Vườn luống trông xuân huê ủ-dột,
Ruộng riêng buồn chủ lúa khô-khan.
Bầy ma bất hạnh duồng làm nghiệt,
Lũ chó vô cô cũng mắc nàn.
Người ấy vì ai ra cớ ấy ?
Chạnh lòng trăm họ khóc quan Phan. (1)

Quan Phan thác trọn chữ trung-thần,
Ôm tiết như người cũng nghĩa dân.
Làng để đành theo ông hữu-đạo,
Cỡi phạm hồ ngó lũ vô-quân.
Lòng son xin có hai vừng tạc,
Giồng-Gạch thà không một tấm thân.
Ai khiến cuộc hòa ra cuộc chiến,
Người qua An-Lái luống băng-khuâng.

(1) Phan-Thạch-Giản.

Bâng-khuâng ngày xé cả than trời,
Ai đồ cho người gánh nạn đời.
Ném mặt Cối-Kê đầu chẳng giận,
Cắp dùi Bác-Lăng há răng chơi !
Một sòng cung-kiếm rời vay trả,
Sáu ải tang-thương mặc đời đời.
Thôi ! mắt cũng cam, còn cũng khổ,
Nay Kim mai Tống thẹn làm người.

Làm người trung-nghĩa đáng bla son,
Đứng giữa càn-khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đền rồi ơn đất nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.
Tinh-thần hai chữ phau sương tuyết,
Khí-phách ngàn thu lở núi non.
Gấm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ,
Lòng đây tưởng đó mất như còn.

Như còn chẳng gọi thế rằng cô,
Cái chuyện huê vi trước vẽ đồ.
Sở hời trót ghi cừu họ Ngũ,
Hơn đâu khỏi trả hận thẳng Nô.
Vàng tơ sử mã đời đường sử,
Búa vót kinh luân lấp dấu hồ.
Ngày khác xa thơ về một mối,
Danh thơm người tới cõi hoàng-đô.

ĐỒ CHIỀU

(Tú-tài Nguyễn-Trọng-Phủ)

Điều quan lớn Định

Trong Nam tên họ nổi như cồn,
Mấy trận Gò-Công có tiếng đồn.
Dấu đạn hơi rêm tàu xích-diện,
Hơi gươm thêm rạng thể huỳnh-môn.
Ngọn cờ ứng-nghĩa trời chưa bẻ,
Cái ấn binh Tây đất vội chôn.
Nữ khiến anh-hùng rơi giọt lụy.
Lâm-dâm ba chữ điều linh-hồn.

Linh-hồn nay đã tách theo thần,
Sáu tỉnh còn roi dấu tướng-quân.
Mực sớ lãnh-binh lờ mắt giặc,
Sơn bằng ứng-nghĩa thắm lòng dân.
Giúp đời dốc trọn ơn nam-tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch-thần.
Ốc ngõ tướng tinh rày trở mặt,
Giúp xong nhà nước buổi gian-truân.

Gian-truân kẻ xiết bấy nhiều lần,
Vi nước đành trao một tấm thân.
Nghe chốn Lý-Nhơn người sáng-sốt,
Nhìn con Đa-Phước kiềng băng-khuàng.
Bát cơm Kê-Lữ chi sờn buổi,
Mảnh áo Mông-Nhung chẳng nệ phần.
Chỉ dốc ra tay nâng vạc ngã,
Trước sau cho trọn chữ quân-thần.

Quân-thần còn gánh nặng hai vai,
Lỡ-dở công-trình hệ bởi ai.
Trăm đăm mộ-binh vầy lớn nhỏ,
Một gò cô-lũy chống hôm mai.
Lương tiền nhà ruộng ba mùa trước.
Thuốc đạn ghe buôn bốn biển ngoài.
May rủi phải chẳng trời cũng biết,
Một tay chống-chối mấy năm dài.

Năm dài những mảng ngóng tin vua,
Nhìn-nhận thềm toan lẽ đặng thua.
U-kế năm hằng còn chỗ đoái,
Ngô-tôn trăm chước đợi ngày đua.
Bày lòng thần-tử vài lời sớ,
Giữ mối giang-san mấy điệu bùa.
Phải đặng tuổi trời cho mượn số,
Cuộc này ngay vậy có phân-bua.

Phân-bua trời đất biết cho lòng,
Công việc đâu đâu cũng muốn xong.
Cam nổi nhà nghiêng lăm chống cột,
Nài bao bóng xế luống day đồng.
Đồng-Nai, Chợ Mỹ lo nhiều phía,
Bến-Nghé, Sài-Gòn kể mấy đông.
Dấu biết dùng binh nhờ đất hiểm,
Chặng đành xa bỏ cõi Gò-Công.

Gò-Công binh giáp ngó rành-ràng,
Đoái bắc trông nam luống thở-than.
Trên trại Đồn-Đòn huê khóc chủ,
Dưới vòm Bao Ngược sóng kêu quan.
Mây giăng truông Cốc đường quân vắng,
Trăng xế gò Rùa tiếng đầu tan.
Mấy dặm non sông đều xứng-vững,
Nạn dân ách nước dễ ai toan.

Ai toan cho thấu máy trời sâu,
Sự thể nghe thôi đá lắc đầu.
Giặc cỏ om-sòm mưa lại nhóm,
Bình sương lác-đác nắng liền thâu.
Cờ lau đã xếp trên Giồng-Cát,
Trống sấm còn gầm dưới Cửa-Khâu.
Kiềng ấy những mơ người ấy lại,
Hội này nào thấy tướng-quân đâu ?

Tướng-quân đâu hỡi có hay chăng ?
Sáu ải cơ-đồ nửa đã ngăn.
Cám nổi kiến ong ra sức đẹp,
Quản bao sâu một chịu lời nhăng.
Đá kêu rêu mọc bia Dương-Nghiệp,
Cỏ úa hoa tàn mả Lý-Lăng.
Thôi vậy thì vậy thôi cũng vậy,
Anh-hùng đến thế dễ ai giần.

Đề ai giản-thúc lối sau này.
Trời hỡi chưa cho vội đánh Tây.
Thà buổi trường-sa da ngựa bọc,
Khỏi nơi đạo-chích tiếng muông rày.
Lục-Lâm mấy chặng huê sầu bạn,
Thủy-Hủ vì đâu nhận rẽ bầy.
Hay vậy cỡi Biên dung vó ký,
Náu-nương chờ vận có đâu vầy.

Đâu vầy sấm chớp nổ thình-linh,
Gió hạc thêm buồn mấy đạo binh.
Ngựa trạm xãng-vãng miền Bắc-Khuyết,
Xe nhung ngựa-ngần cỡi Tây-Ninh,
Bài văn phá Lỗ cò chưa tế,
Tấm bảng phong-thần gió đã kinh.
Trong cuộc còn nhiều trang tướng-tá,
Lời nguyên trung-nghĩa há làm thình.

Làm thình hồ đứng giữa hai ngôi,
Ném mật từ đây khó nổi ngôi.
Mũi giáo Thi-Tàng đừng đề sét,
Lưỡi gươm Dụ-Nhượng phải toan giồi.
Đánh Kim chi sá thẳng Lưu-Dự,
Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi.
Ứng-hộ nước Nam về một mối,
Ngàn năm miếu tặng rạng công tôi.

Cung oán thi

I

Thọ trời giéo-giắt ý khôn lường,
Rúng-rẫy hồng-nhan phận lạ đường. (1)
Điện quế há rằng như-nhuốc phấn,
Cung châu nữ đề thẹn-thường gương. (2)
Lót chẵn thúy-võ năm canh gió,
Dựa gối san-hô hỗn vách sương.
Thỏ-thẻ sự mình thêm thắc-mắc,
Hồng-nhan chìm nổi cũng là thường. (3)

II

Sầu thu chưa dứt lại sầu xuân,
Một gánh sầu treo nặng mấy cân.
Mặt ủ-ê hoa xàu thức ngọc,
Má sùi-sụt phấn ứa da ngân,
Phòng tiêu riêng kẻ hơi dương tối,
Điện quế dầu ai vẽ nguyệt ngàn.
Bối-rối nổi mình thêm bối-rối,
Tủi-trăm chiều lại tiếc muôn phần.

-
- (1) Có bản chép : Thọ trời dàu-dắt khéo trăm đường.
Dong ruổi hồng...
(2) » Điện quế há rằng phai lợt phấn,
Cung đường nữ...
(3) » Ngạo-ngán nổi mình thêm thắc-mắc,
Thuyền-quyên con tạo ghét-ghen thường.

III

Trông sa bao nả án đài-gương ? (1)
Gang-tắc dường như mấy dặm trường.
Thu tới u-ơ con én trắng, (2)
Đông về gầy-guộc đóa mai vàng.
Nã-nồng đêm hạ ve kêu nguyệt,
Man-mác trời xuân nhạt khóc sương. (3)
Phong-cảnh ghẹo người sao khéo bấy,
Đòi phen giéo-giắt mối sầu vương. (4)

IV

Lã-chã mưa sa để khóc thềm, (5)
Sầu ngày chưa dứt lại sầu đêm.
Mưa tan-tác liễu trôi ngàn mặt, (6)
Móc võ-vàng ve tạt bức rèm.
Mặn chẳng sương đeo mà ủ-dột, (7)
Đào không nắng tấp cũng dun mềm.
Mối sầu này biết ai mà tỏ,
Có tỏ cho chăng một bóng thềm ?

-
- (1) Có bản chép : Phòng tiêu bao nả cách chiêu-vương ?
(2) » Xuân tới u-ơ...
(3) » Đều-hiu đêm hạ quyên, gào nguyệt,
Chích-mác lòng thu...
(4) » Khéo chi thêu-dệt mối sầu trường ?
(5) » Ông-ôi tai nghe để kể thềm,
(6) » Mây tan-tác liễu...
Mình võ-vàng ve lỏng bắc xiêm.
(7) » Hạnh chẳng sương gieo...
Đào không gió tấp cũng tơi mềm.

V

Gang tắc đường xa cách mấy vôi, (1)
Song the quạnh-quẽ cánh hoa rơi.
Đêm thanh nương gối chiêm-bao vẫn, (2)
Ngày bạc buông rèm nước mắt rơi.
Kim đạo lâu trang sao vắng tiếng ?
Thơ ngâm dòng ngự khó nên lời. (3)
Quần bao nồng lạt đành vì phận, (4)
Phận đề phong-thịnh ngộ đến ngoài.

VI

Võ-võ phòng tiêu bấy những nay,
Gành khơi khôn giải mạch sầu này. (5)
Trăng kê trước giai màn còn xử, (6)
Hoa nở bên tường mắt biếng khuây.
Ngao-ngán trăm chiều cười nửa miệng, (7)
Héo-don chín khúc ủ đôi mày.

-
- (1) Có bản chép : Gang tắc đèn phong cách...
(2) » Canh tàn nương...
Xuân muộn buông rèm nước mắt rơi.
(3) » Cầm trời lâu tây...
Thơ đề dòng ngự...
(4) » A Hồ nông-nối là duong ấy,
Còn tiếng tỳ-bà lọt đến nơi.
(5) » Dòng câu dễ tả mạch sầu này.
(6) » Trăng kê trước giai tình khôn giải,
Hoa nở bên thềm dạ biếng khuây.
(7) » Ngao-ngán trăm chiều...
Ngán-ngơ chín...

Trông gương mình lại yêu mình bấy,
Còn thức thừa-ua cũng có ngày. (1)

VII

Xuân-xanh bắt tái tháng ngày mau, (2)
Bề ái nguồn ân đề những đầu.
Mấy tiếng nỉ-non đờn cách bực, (3)
Một đôi riu-rít yến bên lầu.
Trời gần rạng tỏ hoa oi-ả; (4)
Bóng ngã về hôm liễu rĩ-rầu.
Con nhện có chi sa trước mặt,
Hay là Hồ lại đã sang Châu. (5)

VIII

Một mình đêm vắng lại ngày thâu,
Có thấy chi vui, thấy những sầu.
Bụi lấp bã gương chùi đã biếng,
Tuyết lồng chăn thúy nhấp vào lầu.
Thẹn lòng với nước không gieo lá,
Phải kiếp cùng dê lựa rắc đầu.

-
- (1) Có bản chép : Trông gương mình lưỡng yêu mình nhỉ !
Mong được thừa ân cũng có ngày.
- (2) » Xuân-xanh tiếc nhẽ tháng...
Bề ái nguồn sầu những tránh đầu ?
- (3) » Mấy tiếng nỉ-non đờn cách vách,
- (4) » Đêm hè gần sáng hoa buồn-bã,
Bóng ác về hôm liễu ủ đầu.
- (5) » Hay là Hồ-sứ đã sang châu.

Trẻ mọn con hầu chưa đẹp ý, (1)
Hương hoa cấp-nấp chắc gì đâu?

IX

Được chăng là một tiếng vương-nhân,
Lần-lựa thời-giới hoại chữ xuân.
Kim ngọc biếng xang tay bãi-hoải,
Cờ tiên càng nghĩ nước bần-thần.
Câu thơ đề oán không ai họa,
Chén rượu ngân sâu có kẻ ngần.
Nào phải lâu đài phong-cảnh lịch,
Bởi lòng cay-đắng chạnh muôn phần.

X

Trẻ thơ gấp tính nổi giàu sang, (2)
Duyên phận chung-chính khéo ngõ-ngang.
Khúc phụng nhảm tai, luồng chỉ ngọc,
Vẻ loan nháy mắt, ngại kim vàng.
Trước về gác tía thời nên giá,
Lan nở hang sâu cũng luống hương.
Nồng lạt mà chi thôi cũng thế,
Không người ghen-ghét có người thương.

XI

Hiu-hắt chồi khô quạt bức màn,
Chạnh lòng xúc cảnh lặng bao đàn.

(1) Có bản chép : Trẻ nhỏ con hầu dầu quyến-luyến.

(2) « Trẻ thơ rộn-rực nổi giàu sang,
Duyên phận bơ-thờ dạ ngõn-ngang.

Cùng đường mới biết là đường ấy,
Càng nghĩ càng thêm chất-chứa phiền.

XVI

Những rằng mượn-mỡ chút làm khuây,
Mượn-mỡ càng thêm oán hận đầy.
Kim mảnh dây dù ngang-ngửa điệu,
Cò thua nước túng vất-vơ tay.
Miệng ngâm thơ cảnh tỉnh dài vắng,
Mắt ngóng tin người dạ tỉnh say.
Những khách hồng-nhan nhiều kẻ thế,
Nhưng chưa ai đến nỗi niềm này.

XVII

Nỗi nợ đường kia nghĩ cũng rầu,
Hết ngày vắng-vẻ lại đêm thâu.
Nghien vừa mở đã mềm gan đá,
Mực ướm mài đã lộn hột châu.
Tay chép chữ chơn ra chữ thảo,
Miệng ngâm thơ cảnh hóa thơ sầu.
Cũng mong mượn thế mà khuây-khỏa,
Mượn thế mà khuây-khỏa được đâu.

XVIII

Đòi cơn nắng tấp với mưa sa,
Quá tiếc xuân-xanh thắm-thoát là !

Cay-đẳng thảng ngày đành thế ấy,
Ngọt bùi khuya sớm thấy đâu mà !
Xót người xuân mộng hồn hoa ủ,
Chạnh kẻ thu cao mái tóc pha.
Vi kiếp sau này còn má phấn,
Ngàn vàng chác cũng chẳng cùng hoa.

XIX

Gối loan trần-trọc trót năm canh,
Có khắc nào khuây nổi thảm đoanh.
Bóng chích ngằn-ngờ ban tối vắng, (1)
Đèn tàn âm-ỷ buổi đêm thanh.
Dập-diu gheo mắt loan giao cánh,
Tơi-tả trêu người liễu xử mệnh.
Thét nước sáu cung đà mấy mặt,
Nỡ nào ngờ lấp ngọc liên-thành. (2)

XX

Má hồng giọt ngọc đượm chan đầy,
Một tấm lòng thơ dễ kẻ hay.
Trăm lúc soi gương trăm lúc tủi,
Mấy lần trông nguyệt mấy lần say.

(1) Có bản chép : Bóng chích tỏ mờ ban tối vắng,
Đèn tàn khêu cạn lúc đêm thanh.

(2) « Nỡ nào rẽ-rúng ngọc...

Ngập-ngừng luống thẹn duyên phai thắm.
Lã-chã riêng buồn phận chẳng may.
Dựa gối san-hô nằm chẳng nhấp,
Đành rành canh điếm tiếng chuông chày.

XXI

Gót sen từ thuở dạo cung mây,
Chất-chứa sàu treo một gánh đầy.
Ngao-ngán thêm buồn duyên chích-mác,
Bâng-khuâng luống ngại phận chua cay.
Ngày thơ-lhăn tính bề hơn thiệt,
Đêm ngằn-ngơ sàu giấc tỉnh say.
Phiên thứ tiết là lần lựa vậy,
Kẻ sao trót thánng kẻ lâu ngày ?

XXII

Trên đài hiu-hắt ngọn đèn hoa,
Gang tấc xem bằng mấy dặm xa.
Một kiếp đã đành rằng dễ vậy,
Chín trùng có thấu đến chẳng là ?
Ởi tai ngán nổi đàn ve khảy,
Tạn mặt buồn tanh cái nhện sa.
Vi biết thân này chi khó bấy,
Quyền-môn chen-chút chẳng bằng tà...

XXIII

Cũng thì má phấn cũng lưng ong,
Kẻ ấm-nồng sao kẻ lạnh-lùng ?
Cung quế há rằng đeo phận bạc,
Phòng tiêu nữ để lạnh hơi đồng !
Giọt rơi luống trót năm canh nguyệt,
Đoạn thắm riêng đau chín khúc lòng.
Gang tắc khó toan bề tấn thối,
Trêu người cân mịch hỏi thiên-công ! (1)

XXIV

Trước ốc huỳnh-hôn đứng vẫn-vơ,
Thêm ngao-ngán cảnh chạnh lòng thơ,
Hải hoa chơn bước chiều tha-thiết,
Mắt phụng trông chừng luống ngẩn-ngờ.
Trướng bạc những khi hơi bích lọt,
Nhà vàng bao thuở thỏa ân thừa.
Am-thần luống chịu mình u-bế,
Đừng trách đời Đường hạn chẳng mưa.

ÔN-NHƯ-HẦU

(1) Có bản chép :

Cũng là má phấn cũng lưng ong,
Kẻ ấm-êm sao kẻ lạnh-lùng ?
Cuộc số vì đâu xui đến nỗi,
Tầm duyên hay bởi lẫn vào trong.
Gương lồng bóng quế soi đường bạc,
Gió lọt phòng tiêu lạnh tợ đồng.
Đèn chực mấy thu đèn đã cạn,
Thêm dầu nào tỏ khách long-đong.

Không chông trông bông-lông

Dĩ đề vi vận,
Áp mỗi câu có :

Thượng cầm, hạ thú, giang ngư.

*Phụng giao chẳng gặp hồ mình không?
Hồng nhận kinh gan vượn chập-chông.
Phận các lóc-lăn đau dạ thổ,
Cánh bàng ngào-ngạt lượn lòng trông.
Loan cầm cù-cửa khôn mang nợ,
Bào sẻ linh-dinh chẳng lộc bông.
Chờ khách lương-nhân heo-hắt phiện,
Oan-ương chim ấy khó lừa lông.*

KIM-XUYẾN

Tàn Thu

I

Ngày một qua ngày thoáng bóng câu,
Gió vàng thổi lụn mấy ngày thu.
Trắng lồng đáy nước sông nhẵn mặt,
Mây quần sườn non núi bạc đầu.
Thắc-mắc niềm riêng bao nỗi hận,
Chập-chờn mộng dở mấy hồi đau.
Túi thơ bầu nước, chung cao thấp,
Cùng với non sông trút gánh sầu.

II

Gánh sào trút mãi trút không vơi,
Đổi cảnh tàn thu lữ khóc cười.
Gió sớm mưa chiều thêm tịch-mịch,
Cúc già lá cối rụng tươi-bời.
Đau lòng thêm quạnh yên kêu mỗi,
Nhớ nước canh dài quốc mỗn hơi.
Trăng bạc gió vàng mong có thuở,
Năm hồ bốn biển cánh buồm vơi.

THANH-LIÊN

11-1955

MỸ-VĂN THI-TẬP

(Trích-lục)

Ở đây chúng tôi xin phụ-lục một ít bài của bà Trần-Ngọc-An tự Song-Thanh và của chúng tôi, rút trong Mỹ-Văn Thi-Tập sắp xuất-bản.

Vọng phu thạch

(Họa vận bài của Tôn-Thọ-Tường)

Nhìn con chạnh tủi lệ sầu đông,
Hóa đá tro hình dạng ngóng trông.
Đêm hừng sương chan đầu diềm bạc,
Ngày phơi nắng rắng má tô hồng.
Gió lay những đọi thuyền ai ghé,
Trăng giọi nào dè bến nước không.
Dâu biển chi sòn gan sắt đá,
Khư-khư một dạ chẳng hai chông.

SONG-THANH

Tự cảm

Un-đức lòng ta tựa núi Nùng,
Tha hồ bão-tổ gió lay tung.
Bá tòng chẳng nại nơi sương tuyết,
Dương liễu đâu chê chốn bầy bùn.
Đã biết thợ trời hay cắc-cờ,
Mong gì người thế được thung-dung.
Chỉ than số phận sanh thời loạn,
Ơi hỡi ! Cao-xanh có thấu cùng ?

SONG-THANH

1944

Mộng cảnh Tiên

Mơ mộng hồn du tận cảnh Bồng,
Hoa tiên rục-rỡ ánh phương đông.
Tòng cao chắt-ngắt tàn xanh biếc,
Suối chảy ro-re nước trắng trong.
Khấp-khởi đừng nghe truyền đạo cả,
Im-lìm ngồi tịnh luyện huyền không.
Tưởng đâu rửa sạch mùi trần-tục,
Tĩnh giấc Nam-Kha dạ nã-nòng.

SONG-THANH

1944

Cuộc cờ

Cuộc cờ càng gãm, chốt nên ra, (1)
Sĩ tượng đừng rời mức khảm xa.

(1) Chữ càng không đúng chánh-tả.

Tướng đỏ cần gay giăng pháo thủ,
Binh đen chấn-chỉnh ủi xe qua.
Liều thân tổn sức vùi tên đạn,
Vì nước ly tình giúp trảo nha
Vó ngựa khôn ngưng phi tấn mãi,
Cung đoài trời khúc khải-hoàn ca. (1)

SONG-THANH

1948

Con thằn-lằn

Có kẻ kêu con, kẻ gọi thằn, (2)
Đeo trường dựa cửa bắt mồi ăn.
Mình khoe gấm vóc màu tươi đẹp,
Mắt cần hoa lê tác bé măng.
Đêm mắng giao canh buông lưới chắt,
Ngày lo đếm khắc chép môi nhần.
Lầu son các tia từng lui tới,
Đấu phú thua người phải cần răng.

SONG-THANH

1948

Tặng đức ông chồng

Nhân sanh thất thập cổ lai hy,
Mừng cụ ! Nhưng tôi biết tặng gì ?
Có quả tim vàng e cũ-kỹ,
Dầu lẫn tóc bạc vẫn tinh-vi.

(1) Có tên bảy quân cờ và tám que bát-quái.

(2) Chữ thằn không đúng chánh-tả.

Bút nghiên nhượng để tay kỳ lão,
Thi tửu vui cùng bạn cố tri.
Non nước mong sao tròn nghĩa-vụ,
Song song dài thọ bách niên kỳ.

SONG-THANH

1959

Họa một bài tặng

Nghĩa bạn vui chơi đến thảo đàn,
Văn hoa khéo dệt giống chi lan.
Cành diêu gió phất trăm vắn đẹp,
Bút trở hương bay mấy dặm tràng.
Món nợ phong-lưu âu phải trả,
Con đường danh-lợi chẳng buồn mang.
Xuôi theo dòng bích trượng buồm Phạm,
Một túi đồ-thơ nặng mấy vắn.

SONG-THANH

Tặng Bạch-Liên

Quân-tử vang danh khắp ngũ hồ,
Lò cử un-đúc phấn sương tô.
Da in vẽ tuyết hình tha-thướt,
Cánh nhuộm màu ngân sắc diễm-phô.
Trình bạch mặc dầu tơ vương-lίου,
Thị-phi trời kệ tiếng ngậy-ngô.

Dấu chơn đã trải nơi bùn lấm,
Nhụy thắm hương nồng chẳng nhiễm ô.

SONG-THANH

Xuân về thưởng trăng

Thượng nguyệt một đêm xuân,
Tính ra đã mấy lần.
Mây ngàn da bạc trắng,
Thỏ nội mặt trong ngần.
Rượu nhấp khôn lường chén,
Thơ ngâm khéo lựa vần.
Canh trường ta đối cảnh,
Luyện cảnh mển xuân trần.

D. H.

Rằm tháng Giêng năm Ất-Dậu

Thưởng trăng non

Một mảnh trăng non, một góc trời,
Làm gương thiên hạ luận đầy voi.
Này vành lược ngọc cài mây nội,
Nọ chiếc cung gà nhắm biển khơi.
Đầy-đặn nhờ ai soi rạng thế,
Nhỏ-nhen dựa chị học xem đời.
Khi tròn khi khuyết khi mờ tỏ,
Mờ tỏ nhưng lòng vẫn thanh-thời !

D. H.

Một buổi sớm mai đợi bắc Hàm-Luông

Sáng nào đứng đợi bắc Hàm-Luông,
Nhìn cảnh bình-minh vẻ lạ thường.
Mây bạc thay hình vành ửng đỏ,
Dòng ngân dợn sóng vẫy màu dương.
Thuyền câu vài chiếc lườn xao nước,
Cây bến một vừng lá đượm sương.
Mực kém màu sơ khôn tả được,
Bức tranh vân-câu đẹp trăm đường.

D. H.

Tản-cư cảm tác

Lịnh trước rao truyền phải tản-cư,
Hôm sau thuyền tách bến từ từ.
Gia-đình một gánh mang theo đấy,
Sự-nghiệp ngàn cân để lại chừ.
Nợ nước chưa đền, thân khác thế...
Chữ nhàn tạm gác, dạ dường như...
Ra đi chẳng quản đường gai-gốc,
Ngoảnh lại non sông ruột rối như.

D. H.

Mồng 5 tháng 11 năm Ất-Dậu
ở chợ Thom

Lãng ngâm (1)

Cơ trời sắp đặt đã từ lâu,
Đặc thốt màng chi, lựa phải cầu.

(1) Mượn vận của một bài tụng.

Cái quốc lo kêu thương nổi nước,
Thân tâm chỉ biết báo ơn dâu.
Mưa lũn tiết hạ sông nhãn mặt,
Sương bủa mùa đông núi điểm đầu.
Muôn việc hóa-công đều định trước,
Tuồng đời người thế mưa lo âu

D. H.

Rằm tháng Chạp năm Ất-Dậu

Năm Canh-Dần (1950) ông D. H. sang Pháp dưỡng bệnh ba tháng. Bà S. T. ở lại nhà hiu-quạnh. Em út Đạn Diêu muốn cho bà đỡ buồn, xúm nhau ghẹo bà cho bà vui. D. H. mới có mấy bài :

Cảm đề

Trời Tây nhớ vợ dạ buồn	Ê
Đi chẳng ngay hàng tợ kếp	B
Tắm suối tô bùn hơn loại	S
Ăn bò uống sữa quá thẳng	T
Nay xem điện thánh đầu rằng	H
Mai ngắm hoa người chẳng phải	D
Bài bạc vui tay vừa chút	X
Liệu chừng chẳng sợ vỡ bờ	Đ

Cảm tác

(Điệu đảo chữ)

Thương chồng giữ đạo đáng chồng thương,
Thường thấy từ xưa, chuyện thấy thường.

Chẳng biết sao cười, ai biết chẳng ?
Dường bao đáng ghét, trẻ bao dường !
Nắng chan rõ mặt tình chan nắng,
Gương rạng soi lòng tiết rạng gương.
Nghĩa nặng trăm năm còn rạng nghĩa,
Hương-Diên ngàn dặm thắm Diên-Hương.

Nhớ bạn Diêu-Trì

(Lối thuận-nghịch đọc)

Ngàn xa khách nhắc hội Diêu-Đàn,
Kính cần xin cầu chữ vạn an.
Bàn ngọc thú vui câu tửu hứng,
Cảnh tiên gương đẹp nước cờ tàn.
Làng thơ dưới gió theo khêu chuyện,
Hội chủ trên đây nhớ kẻ hàng.
Phang với Lệ em cùng quý bạn, (1)
Đàn Diêu hội nhắc khách xa ngàn.

Còn nước còn non

(Điệu đảo chữ)

Còn nước còn non, vạn nước còn,
Non gìn vạn nước, nước gìn non.
Nước trong chẳng thẹn lòng trong nước,
Son sắt chi sòn dạ sắt son.

(1) Tố-Phang, Lệ-Tâm...

Hẹn biển thề non non biển hẹn,
Tròn trăng lồng bóng bóng trăng tròn.
Đổi thay dòng nước, ai thay đổi,
Còn nước còn non, vận nước còn !

D. H.

Năm Mậu-Tuất

Canh thâu mơ Thanh-Hương

Tơ lòng bối-rối khó niềm phong,
Trần-trọc canh thâu một góc phòng.
Mãi nhớ môi đào tươi vẻ thắm,
Còn say khóe hạnh ửng màu hồng.
Rồi mơ trướng liễu trắng lồng bóng,
Lại mộng rùng hàn bút trở bông.
Nợ trước duyên sau tình thoát tục,
Gà diềng eo-óc sắc hườn không !

D. H.

1959

Tôi đau mắt

Ngờ tai thế-sự bấy lâu nay,
Bít mắt còn thêm mấy bữa rày !
Có phải nghiêng trông mà phát cáu,
Nên đành bịt mí khỏi thành ngáy.
Thầy băng vợ bó vừa yên tịnh,
Anh viếng em thăm lại quấy rày.

Chán-ngán sao đời, nhàm vật đổi,
Màn là buông rủ mộng vàng say !

D. H.

1959

Xuân cảm

Thuận-ngịch ngâm. Đọc vận hai chiều.

Mỗi câu đều có một tên hoa

Xuân về *cúc* nở ươm hồn thơ,
Hạ bút *liên* đề, chữ dệt thư.
Xuân ửng cánh hồng hoa động *ngọc*,
Tiệc bày sân *thọ* cảnh nên thơ.
Xuân nồng vị thú vui vườn *hạnh*,
Huệ nở mùi *hương* đượm lối thơ.
Xuân *phấn* điểm nhà an nước thanh,
Xuân *đào* tiếp vận chuyển nguồn thơ.

D. H.

Xuân Canh-Tý

THƠ MỚI

Muốn cho đầy đủ, nên chúng tôi đem vô đây, những điều mà người ta thường gọi là THƠ MỚI.

THƠ MỚI thành-hành có trên bốn chục năm nay, do một nhóm người trẻ tuổi du Âu học thành nghề, về nước lúc bấy giờ bày ra. Các thi-sĩ đó muốn thoát khỏi khuôn-khô số câu, số chữ và đối-đáp của Thơ Xưa, mới bắt chước ghép vần theo thơ Pháp, giữ số câu không hạn định, bày ra số chữ cũng không hạn định, đề dễ tỏ ý-tưởng mới, cho rõ cho rộng.

A.— Nhà làm thơ cũ, trong khi cân nhắc từng chữ, đề cho câu văn được bóng-bẩy, những chữ đối-đáp cho cân xứng, như :

*« Non nước còn mơ hồn nghĩa hiệp,
Giống nòi thêm nặng gánh tồn vong ».*

Thi nhà làm thơ mới cân nhắc những chữ đó đề diễn cho rõ cái ý, đề tả cho đúng sự rung-động linh-hồn của mình.

Nói thì THƠ MỚI, chớ như đem ra phân-tách kỹ-càng thì ta sẽ thấy THƠ MỚI tương-tợ CA KHÚC đã nói trước kia.

THƠ MỚI, như vừa nói trên đây, không có đối như Thơ Đường ; số chữ trong mỗi câu và số câu không hạn định, nhưng có VĂN, có ĐIỀU.

SỐ CÂU THƠ MỚI không phải mỗi hàng đều tám câu như Thơ Đường. Mỗi bài ít nhất là bốn câu, mà nhiều nữa thì bao nhiêu cũng được. Có bài chia ra từ đoạn, mỗi đoạn bốn câu, như sau :

Lá run

Có ai thấy đầu cành chiếc lá run lầy-bầy ?
Trước trận gió chiều đông lạnh-lẽo phẩy qua.
Có ai thấy khi giọt sương đêm gieo nặng đài hoa ?
Chiếc lá bỗng rùng mình run-rẩy.

Nhưng có một vật giống như lá ấy,
Mà người ta không được thấy bao giờ.
Là tấm thân tàn của kẻ nghèo xác-xơ,
Vì đói, rét, nên run lầy-bầy !

THANH-CHÂU

Hoặc có đoạn năm câu, đoạn bốn câu, như :

Hồn phiêu-lưu

Khi ta thấy đàn chim tung cánh,
Cùng nhau bay về nơi không định.

Thì lòng ta phơi-phời muốn phiêu-lưu,
Như chim kia giông ruổi trên trời cao.
Tìm cái thú mênh-mang xa rộng.
Khi ta thấy chiếc thuyền bay trên sóng,
Cánh buồm xuôi theo gió chốn mù khơi.
Thì lòng ta cũng man-mác chơi-vơi,
Ta cũng muốn như cánh buồm phiêu-bạc.
Vời mây trôi nhuộm màu non nước khác,
Lẹ-làng đi, đi mãi, chẳng khi về.
Ta muốn tâm-hồn bát-ngát mê-ly,
Bay tới cảnh mịt-mùng trong mộng tưởng.
Vi ta muốn, than ôi ! Ta muốn hưởng,
Những giây phút đắm-thắm không thường,
Của cuộc đời trôi nổi bốn phương.

.

Cô V. N. HỒNG-BÍCH (Ninh-Bình)

4-1935

Hoặc có đoạn bốn câu, đoạn năm câu, đoạn ba câu, như :

Trăng rằm

Mái tranh lướt-thướt ánh trăng rằm,
Bụi tre vui-vẻ hát ri-rằm.
Nhưng vì sao lòng ta buồn-bã ?
Mỗi khi ta thấy ánh trăng rằm.
Đêm nay ánh trăng rằm êm-ả,
Điểm màu biếc non sông buồn-bã.

Nhưng trăng rằm đẹp-đẽ thâm-trầm,
Sao chẳng khiến lòng ta êm-ả ?

Trăng rằm tung ánh sáng âm-thầm,
Xuống non sông lặng-lẽ thâm-trầm.
Trước cảnh đẹp, sao ta buồn-bã ?
Và lòng ta thồn-thức âm-thầm.

HUY-THÔNG

10-1933

SỐ CHỮ

Số câu thi vậy, mà số chữ cũng tự-do.
Có khi một câu có ba chữ, hoặc bốn,
năm, sáu, bảy, tới mười hai, mười sáu
chữ, nhiều ít lẫn-lộn nhau, như :

Thí-dụ, một bài trong có những câu ba chữ, câu bốn
và những câu tám chữ và câu sáu chữ :

Tiếng trúc tuyệt vời

.

Ánh chiều thu,

Lướt mặt hồ thu.

Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biển.

Rạng lau già xao-xác tiếng reo khô.

Như khua động nổi nhớ nhung thương tiếc,

Trong lòng người đứng bên hồ.

THẾ-LỮ

Một thí-dụ trong có câu mười hai chữ, mười chữ,
chín chữ, tám chữ, bảy chữ, năm chữ :

Mĩa-mai

Rũ bụi mờ trắng áo, tôi ngoảnh trông lại quăng
đường đời,

Sống với người ta chừng hăm sáu năm thôi !

Mà tôi thấy mình đã nhiều tuổi lắm.

Có lẽ vì bao nhiêu vị cay-đắng,

Bao nhiêu điều gian-truân,

Với bao nhiêu chông gai trên bước phong-trần.

THẾ-LỮ

Một thí-dụ trong có một câu mười sáu chữ :

Cậu bé bán báo

Tôi chỉ là một trẻ con bán báo,

Khắp phố-phường chân sáo nhảy tung-tăng.

.

Vẫn khùng-khỉnh coi đời bằng nửa mắt.

Tôi chẳng biết chi là phờ-phĩnh, là cúi luồn, là khắt-
khe, là quay-quắt.

Chẳng nhờ ai, nên tôi chẳng khuất-phục ai !

Đó là những bài, trong có một lượt, những câu bốn, năm, sáu, bảy, tám. . . mười, mười hai, mười sáu chữ. Nhiều khi toàn bài là mỗi câu bốn chữ, như :

Bạn đã làm gì ?

Bạn đã làm gì ?
Trong ngày qua ấy ?
Không ghi lên giấy ?
Chút kỷ-niệm chi.

Bạn đã làm gì ?
Trong năm vừa mãn.
Lần trong ký-vãng,
Có gì đáng ghi ?

Ô kia ! Sao bạn
Khóe lệ long-lanh ?
Bạn ngồi ngắm bóng,
Tiếc mái đầu xanh !

VĂN-BÁ

1953

Đây là mỗi câu năm chữ :

Say

(Tặng những người say lý-tưởng)

Ai đi ngoài đường vắng ?
Trong giờ phút giới-nghiêm.
Gót giày nện nặng nạng,
Vang phổ-xá im-lìm.

Ấy đồ-đệ Lưu-Linh,
Mùi rượu bay nồng-nặc.

Canh tàn quên giờ khắc,
Mãi chén chú chén anh.
Đâu đây tiếng súng nổ,
Gót giày vãn nện vang.
Đàn chó tung giận sủa,
Họ vãn bước hiên-ngang.

VĂN-BÁ
1953

Đây thí-dụ mỗi câu sáu chữ :

Tết là gì ?

Là những ngày vui cực-điểm,
Của giống con rồng cháu tiên.
Mà riêng cho hạng lắm tiền,
Xa-xí thi nhau đài-điểm.

Là những ngày lo nhần-nhó,
Của phần nhiều người Việt-Nam.
Mà khổ nhưt bọn nghèo-nàn,
Lo chạy có khi sấn vó.

.

Đây là thí-dụ mỗi câu bảy chữ :

Rạng đông rời

Ở chân trời, trăng đã lặn rồi,
Tiếng gà văng-vẳng eo-óc gáy.
Trời sắp sáng rồi, thiếu-nữ ôi !
Trời sắp sáng rồi, mau đứng dậy !

Gió nhanh nhẹ-nhẹ quét đánh đời,
Và uốn cong ngọn tre tha-thuột.
Bờ suối, cùng ta, thiếu-nữ ôi !
Bờ suối, cùng ta, mau dạo bước !

Chim liú-lo từ-giã cây đời,
Và vắng mình bay theo gió mát.
Chúng ta cất giọng, thiếu-nữ ôi !
Chúng ta cất giọng, lạnh-lãnh hát.

Ve trên cành đập cánh liên hồi,
Bảo ta rằng đời vui-vẻ lắm,
Trong vòng tình-ái, thiếu-nữ ôi !
Trong vòng tình-ái, mau say-đắm !

HUY-THÔNG

Sau đây thí-dụ mỗi câu tám chữ :

Tình băng-khuâng

Trời xanh dịu, sợi mây hồng vơ-vẩn,
Trên bờ sông, cô em đương thơ-thần.
Đứng lặng nhìn mặt nước chiếc thuyền trôi.
Vời ánh chiều thu bầm tím chân trời,
Cô buồn ! Mà vì đâu cô chẳng biết.
Có lẽ bao nỗi âm-thầm tha-thiết,
Bấy lâu nay ẩn kín một bên lòng.
Rồi bỗng nhưng, nhân một phút hư không,

Trước cảnh rộng mịt-mùng nơi sông nước,
Đã khiến cho tâm-tinh cô man-mác.

(?)

VẬN Thơ Mời số câu số chữ đặt nhiều ít không sao. Còn Vận thì vẫn có luôn. Vận ở cuối câu. Có khi đặt-biệt Vận Bình từ đầu tới cuối. Thí-dụ :

Văn-chầu Quan Lớn Ma-Men

Dân chúng tôi vọng bái khấu đầu,
Dâng tiến văn chầu Quan Lớn Ma-Men.
Đức ông ngài lừng-lấy oai-quyền,
Ngài sung trọng chức ở trên thiên-đình.
Đồ-đệ ngài xưa có cụ Lưu-Linh,
Mà nay, nước Việt có tiên-sinh Tản-Đà
.

(?)

Nhưng mà thường thì hai vận bình, hai vận trắc liên tiếp nhau, câu 1 vần với câu 2, câu 3 vần với câu 4 vần tiếp. Thí-dụ :

Tình và cảnh

Tiếng chim kêu trong ánh sáng bình-minh,
Véo-von riu-rit ở trên cảnh.

Làm rộn-rã giấc mơ lòng thiếu-nữ.
Tôi đứng dậy tới bên hiên tựa cửa,
Mà thả tầm đôi mắt tận chân mây,
Đề tâm-hồn quên những nỗi chua cay.

(?)

Có khi câu 1 vần với câu 3, câu 2 vần với câu 4
(Vần tréo). Thí-dụ :

Giấc mơ trong mộng

Bình-minh tấm lòng hoa vừa chớm nở,
Giọt sương hồng man-mác cỏ xanh cao.
Niềm nhân thế màu xuân đương hớn-hở,
Ngát hương trinh mơn-mởn đóa anh đào.

(?)

Trong điệu này có khi dùng một vận bình mà thôi. Như :

Trước cái chết

Trước cái chết tôi sẽ cười sung-sướng,
Hồn nhẹ-nhàng phủ sạch nợ trần-gian.
Mà lúc sống tôi đã từng đau khổ,
Bao oán sầu theo vương-vít vương mang.
Mảnh tim mấy lần tuôn máu đỏ,
Tiến âm-thầm người mộng xuống đò ngang.
Những lúc ấy hồn tôi như ngắt lịm,
Muốn ngày nào được chết giải tình oan.

Thơ PHƯỢNG HỒNG

Có khi câu 1 vần với câu 4, và câu 2 vần với câu 3 (Vần ôm). Thí-dụ :

Oán ra cửa phòng

(Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng)

ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM

.

Chiều thu lạnh, vừng kim-ô mây phủ,
Bụi sương mờ nhẹ tỏa khắp không-gian.
Ngày chưa đi, đêm đã đến vội-vàng,
Gió vi-vút thêm đau lòng chinh-phụ.

Phòng khuê lạnh, dưới đèn con cô-quả,
Làn đốt tay cách-biệt bốn thu qua.
Chàng lên yên trong một buổi chiều tà,
Lệ sầu giọt trên má hồng lã-chã.

Có khi làm theo Sonnet của Âu-Tây, hai đoạn đầu mỗi đoạn bốn câu, vần ôm 1 với 4, câu 2 vần với câu 3 ; hai đoạn chót mỗi đoạn ba câu, hai câu đầu đoạn trước vần liên tiếp ; câu 3 chót đoạn trước vần với câu 2 đoạn chót ; còn câu 1 đoạn chót vần với câu 3 cuối. Như sau :

NGUYỄN-DU

Giữa đám núi cao trên Hồng-lãnh,
Lô-xô và tha-thuột bóng chiều.
Lục-xục trong thung-lũng tiêu-diêu,
Lạc-loài một túp lều thanh-tĩnh.

Nguyễn-Du trước cửa đương ngâm vịnh,
Bỗng hồn thơ bay bổng như diều.
Cụ vừa đọc hết chuyện cô Kiều,
Một gái thanh-lâu đời Gia-Tĩnh.

Trước án thư, dưới ngọn đèn dầu,
Nguyễn-Du ngồi mài thổi mực tàu.
Chữ thẩn-lhót phủ đầy giấy trắng.

Rồi, khi trời đông điềm ánh vàng,
Tóc râu bạc xóa, nhưng trán phẳng,
Cụ thấy lòng khoả-khoái, nhẹ-nhàng.

HUY-THÔNG

ÂM ĐIỆU Thơ Mới vẫn có âm điệu, đọc nghe
cũng êm tai. Bình trắc theo âm điệu
Thơ Cũ một phần nào, nhưng những
chỗ nghỉ và chỗ xuống câu khác với Thơ Cũ.

Em thấy chàng yêu mới nhớ ra,
Tên em lạ đẹp bạn em là :
Bao nhiêu cảnh-tượng muôn hình sắc,
Ánh sáng non sông mây cỏ hoa.

(?)

Tại lá vàng

Cuối thu, gió lạnh, cây rung-động,
Ta thấy toi-bời lá vàng rụng.

Mà ta thương cây trụ cành trơ,
Mùa đông rét mướt đứng lơ-thơ.

Ta lại thường cầu xin im gió,
Cho lá còn, cho cây đỡ khổ.
Nhưng gió im mà lá khi vàng,
Vẫn rơi như trút khắp trong làng.

Vậy thì cây ơi! Không tại gió,
Mà tại rằng lá kia đã úa.
Nên dầu gió chẳng thổi toi-bời,
Tan-tác khi vàng, lá vẫn rơi!

NGUYỄN-VĂN-KIỆN

10-1933

Buồn không cội-rễ

- 8 Giữa cảnh gấm hoa trong vườn khuê-các,
9 Lòng chẳng hiểu chi là gian-lao luân-lạc.
7 Bình-tĩnh trong thời khắc đi qua.
8 Như gió đưa mây, thông-thả yên hòa,
8 Giữa chốn đình-viên dịu-dàng đầm-ấm,
8 Cùng với những người thân yêu đầm-thấm,
9 Không biết nghèo, không lúc khổ, không ngày lo,
9 Cuộc đời xuân như điệu hát, như lời ru.
9 Nhưng tôi vẫn buồn hoài, buồn vô căn-cớ,
7 Tôi không tiếc, không thương, không nhớ.
8 Không tìm ai, cũng chẳng đợi trông ai,
0 Thế mà sao : Chim đua ca, nắng lướt hiên ngoài,

8 Vời gió động vườn hoa trắng bóng dài,
9 Đòi phen khiến cho tôi ngậm-ngùi tê-tái.
9 Thế mà sao, sống trong giữa cảnh gia-đình,
10 Tôi vẫn như đi trên bãi sa-mạc mông-mênh.
8 Trông đây đó, lòng băng-khuâng trơ-trọi,
8 Và nhẩn gió, nhẩn mây tôi buồn hỏi,
8 Người xa-xuôi có ai thấu cho nhau ?
8 Mà bảo giùm duyên-cớ bởi vì đâu ?

Việt-nữ

HOÀNG-HƯƠNG-BÌNH

11-1933

Bóng nhận lưng trời

6 Kìa lá rụng, kìa sương gieo !
9 Ngày thu qua như theo gió, thoảng đưa vèo !
8 Cảnh trời đất đã lạt màu rục-rỡ.
9 Và sắp chìm đắm trong những ngày mưa gió.
5 Trên những góc lầu cao,
10 Người ta đã nghe thấy những đàn nhận xạc-xào.
7 Như rủ nhau đi tìm nơi khác,
5 Tươi cười và ấm-áp.
6 Thế rồi, một buổi chiều kia,
6 Cùng nhau cất cánh bay đi !
7 Ta còn nhớ, tựa bên cửa sổ,
7 Nàng nhìn theo bóng nhận lưng trời,
7 Như mơ-màng, nàng sẽ mỉm cười.

- 8 Và sẽ gọi : Hỡi đàn chim hờn-hở,
6 Ước gì ta có cánh bay !
8 Để theo các người trên bước đường mây !
5 Đi tìm nơi vui-vẻ.
7 Vì ta chẳng thích nhìn những ngày
4 Gió mưa buồn tẻ !

NGUYỄN-VĂN-KIỆT

1-1934

Nắng hè

Hàng cây yếu nghiêng mình vờn mặt nước,
Nước rung-rinh lay-động bóng hàng cây.
Ánh nắng vàng trên cỏ cao tha-thướt,
Vài cành hoa bay !

Bóng mây trôi trên cánh đồng bát-ngát,
Xóm làng xa mơ-mộng tận chơn trời.
Nơi xa bay muôn tiếng buồn man-mác,
Êm-ái chơi-vơi.

Ao sen trong, tan hình cô thôn-nữ,
Cô đưa chân đùa nước bên cầu tre.
Làn không-khí, chập-chờn liu-diu ngủ,
Trong buổi trưa hè.

Giọng gáy xa như gọi buồn xa tới,
Dưới gốc da, hai thằng bé chẵn trâu.
Nâng tiếng hát lên trời cao vời-vọi,
Xinh ngắt một màu !

Gió nhẹ qua đưa làn hương nồng ngát,
Hơi nóng reo trên cảnh rữ-ràng tươi.
Theo nắng lan trong bầu trời trong vắt,
Ngao-ngán lòng người.

TƯỜNG-BÁCH

Cứ sống, cứ đi

Cây hỏi chim : Anh hay
Hết đó lại đến đây.
Vui gì tiêu ngày tháng ?
Chim hỏi cây : Xuân qua,
Lột chì hết nhẵn hoa,
Sao chị không thấy chán ?

Chim nói : Thời giờ đi,
Tôi mặc, chẳng biết chi !
Lượn chơi xem bốn bề . . .
Cây nói : Hết mùa đông,
Tôi lại nhuộm má hồng,
Xuân, xuân tôi vẫn thế !

Chim bảo : Dưới gầm trời,
Tôi chọn lấy một nơi.
Nhặt cánh, lông . . . xây tổ,
Kiếm vợ rồi sanh con,
Giữ cho giống-nòi còn,
Đời con như đời bố !

Cây bảo : Tôi nuôi hoa,
Hoa tàn lại nở ra.
Lá xanh thay lá úa,
Đời biến-đổi bao lần !
Tôi cứ cười với xuân,
Sao chẳng hiểu gì nữa.

HÀ-TAM-THÁI

3-1934

Hồ Than-Thở

Cảnh thiên-nhiên đâu bằng hồ Than-Thở,
Khắp bốn bề chón-chở núi non cao.
Ngàn thông reo, nằng-nặng tiếng mưa rào,
Hòa nhịp tiếng thi-thào muôn đợt sóng.
Nước trong veo chiều hôm thông ngã bóng,
Mặt trời hồng mê-mải tắm quên đi.
Cổ ái-ân ôm mặt nước thăm-thì,
Nước âu-yếm vỗ-về bờ cỏ mượt...
Trên lá khô xạc-xào cơn gió lướt,
Tưởng nai vàng lạc bước đến đâu đây.

VĂN-BÁ

1952

PHÚ

Bình Ngô, Đại-cáo

(Dịch Phú)

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân, Quân điều-phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, Vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương-vực đã chia, Phong-tục Bắc-Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc-lập. Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng-cứ một phương. Dầu cường nhược có lúc khác nhau, Song hào-kiệt đời nào cũng có. Vậy nên : Lưu-Cung sợ oai mất vía, Triệu-Tiết nghe tiếng giết mình. Cửa Hàm-Tử giết tươi Toa-Đô, Sông Bạch-Đằng bắt sống Ô-Mã. Xét xem cổ-tích, Đủ có minh-trung. Vừa rồi : Vì nhà Hồ chánh-sự phiền hà, Để trong nước nhân-dân oán-hận. Quân cuồng Minh đã thừa tứ-ngược, Bọn gian-tà bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-làn, Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-va. Chước đối đủ muôn ngàn khoé ác, chứa ngót hai mươi năm ; Bại nhân nghĩa nát cả càn-khôn, nặng khoa-liếm xét

không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu ; Nào hồ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim sả. Tàn hại bẫy côn-trùng thảo-mộc, Nheo-nhóc thay quan quả điêu liên. Kẻ há miệng đưa nhe răng, máu mỡ bẫy no-nê chưa chán ; Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa. Nặng-nề về những nỗi phu-phen, Bất bớ mắt cả nghề canh-cửi. Độc ác thay trúc rừng không ghi hết tội, Như bần thay nước biển không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, Ai bảo thần dân nhịn được. Ta đây : Núi Lam-Sơn dấy nghĩa, Chốn hoang-dã nương mình. Ngắm non sông căm nỗi thế thù, Thề sống chết cùng quân nghịch-tặc. Đau lòng nhưc óc, chốc là mười mấy nắng mưa, Ném mật nằm gai há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược-thao suy-xét đã tinh ; Ngắm trước đến nay, lẽ hưng phế dẫn-đo càng kỹ. Những trần-trọc trong cơn mộng-mị, Chỉ bản-khoản một nỗi chờ-hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, Chính lúc quân thù đương mạnh. Lại ngặt vì : Tuấn-kiệt như sao buổi sớm, Nhân-tài như lá mùa thu. Việc bôn-tàu thiếu kẻ đỡ đầu, Nơi duy ác thiếu người bàn-bạc. Đồi phen vùng-vẫy, những đầm đầm con mắt đục đông ; Máy thuở đợi chờ, luống dang-dăng cỗ xe hư tả. Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mặt-mờ như kẻ vọng dương ; Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vả như khi chứng tịch. Phần thì giận hung-đồ ngang dọc, Phần thì lo quốc-bộ khó-khẩn. Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần, Khi Khôi-huyện quân không một đội. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiến thiên ma, Cho nên ta cố-gắng gan bền, chấp hết cả nhất sanh thập tử. Múa đầu gậy ngọn cờ phát-phối, Ngóng vân nghề bốn cõi đan hồ. Mở tiệc quân chén rượu ngọt-ngào, Khắp tướng sĩ một lòng

phụ-tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi, Quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn. Mới hay : Dùng đại-nghĩa để thắng hung-tàn, Lấy chí nhân mà thay cường-bạo. Trận Bồ-Đằng sấm vang sét dậy, Miền Trà-Lân trúc phá tro bay. Sĩ-khí đã hăng, Quân thanh càng mạnh. Trần-Tri Sơn-Thọ mất vía chạy tan. Phương-Chính Quý-An tìm đường trốn-tránh. Đánh Tây-Kinh phá tan thế giặc, Lấy Đông-Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-Kiều máu chảy thành sông, Bến Tụy-Động xác đầy ngoài nội. Trần-Hiệp đã thiệt mạng, Lý-Lương lại phơi thây. Vương-Thông hết cấp lo-lường, Mã-Anh không đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính làm sao ; Ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất ; Tướng nó phải thay lòng đổi dạ, hiền lẽ tới lui. Ngờ đâu còn kiếm thế tìm phương, gây mầm tội nghiệt ; Cây mình là phải, chỉ quen đồ vạ cho người ; Tham công một thời, chẳng bỏ bày trò nhe-nhuốc. Đến nỗi đưa trẻ ranh như Tuyên-Đức, nhằm võ không thôi, Lại sai đồ nhút-nhát như Thạch, Thăng đem dầu lửa cháy. Năm Đinh-Mùi tháng chín, Liễu-Thăng từ Khâu-Ôn tiến sang, Mộc-Thạnh tự Vân-Nam tiến đến. Ta đã điều binh giữ hiểm, đề ngăn lối Bắc-quân ; Ta lại sai tướng chặn ngang, đề tuyệt đường lương-đạo. Mười tám, Liễu-Thăng thua ở Chi-Lăng, Hai mươi, Liễu-Thăng chết ở Mã-Yên. Hai mươi lăm, Lương-Minh trận vong, Hai mươi tám, Lý-Khánh tự vận. Lưỡi đao ta đương sắc, Ngọn giáo giặc phải lụi. Lại thêm : Quân bốn mặt vây thành, Hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc ; Sĩ tốt ra oai thì hổ, Thần thú đủ mặt trảo nha. Groom mài đá, đá núi cũng mòn ; Voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kinh ngạc, Đánh hai trận tan-tác chim muông. Con gió trút sạch lá khô, Tờ kiến hồng

sự toang đê cũ. Thôi-Tụ phải qui mà xin lỗi, Hoàng-Phúc tự trối đê ra hàng. Lạng-giang, Lạng-son thây chết đầy đường, Xương-giang, Bình-Than máu trôi đỏ nước. Gớm-ghe thay! sắc phong vân cũng đổi, Thảm-đạm thay! sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân-Nam nghẽn ở Lê-Hoa, sợ mà mất mật, Quân Mộc-Thạnh tan chung Cần-Trạm, chạy đê thoát thân. Suối máu Lành-Câu nước sông rên-rĩ, Thành xương Đan-Xá cỏ nội đầm-đia. Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn chạy, Các thành cùng-khẩu còi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc đem về, nó đã vấy đuôi phục tội, Thề lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã-Kỳ, Phương-Chính cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển chưa thôi trống ngực; Vương-Thông, Mã-Anh phát cho vài ngàn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đồ mờ hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, ngổ lòng thú phục; Ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ-ngơi. Thế mới là mưu-kế thật khôn, Vả lại suốt xưa nay chưa có. Giang-san ta từ đây mở mặt, Xà-tắc từ đây vững nền. Nhật nguyệt, hối mà lại minh, cần-khôn bĩ mà lại thời. Nền vạn thế xây nên chẵn-chẵn, Thẹn ngàn thu rửa sạch lâu-lâu. Thế là nhờ trời đất khôn thiêng che-chở cho nước ta vậy! Than ôi! Vấy-vùng một mảnh hung-y, nên công đại định, phẳng-lặng bốn bề thái-võ, mở hội vĩnh thanh. Báo-cáo xa gần, Ngổ cùng nghe biết.

Gia-Định hoài-cổ vịnh

Phủ Gia-Định, phủ Gia-Định! Nhà đủ người no chốn chốn;

Xứ Sài-Gòn, xứ Sài-Gòn! Ở ăn vui thú nơi nơi.

Lạc-thồ nhóm bốn dân, sĩ nông công thương; ngư tiều canh độc;

Qui-thành xây tám cửa, càn khảm cấn chấn tổn lý
khôn đoài.

Lợi đất thình-thình, xóm Vườn Mít,

Bình trời vọi-vọi, núi Mô-Xoài.

Đông-đảo thay phượng Mỹ-Hội,

Sum-nghiêm bầy làng Tân-Khai.

Ngói liễn đuôi lân, phố thương-khách tòa ngang tòa
dọc ;

Hiên sè cánh én, nhà quan dân hàng vắn hàng dài.

Gái nha-nhuốc tay vòng tay niềng,

Trai xinh-xang chơn hơn chơn hài.

Dù, võng nghinh-ngang chợ Điều-Khiên ;

Quan, quân rậm-rật cầu Khâm-Sai.

Vào Chợ-Quán, ra Bến-Nghé,

Xuống hà-Bè, lên Đồng-Nai.

Coi ngoài rạch Bà-Nghé, dòng trắng hây-hây tờ quyển
trái ;

Ngó bên giồng Ông-Tổ, cây xanh mịt-mịt lá chàm-rai.

Dưới Bến-Nghé, hát lẳng-lơ, giọng con đò, giọng con
rời ;

Trên tàu-voi ca khùng-khỉnh, tiếng thẳng mục, tiếng
thẳng nài.

Cây da Thẳng Mọi, coi bán đủ thuốc xiêm, cau mứt ;

Cái cầu Cao-Man, thấy làm nguyên cột vấp ván trai.

Trên cây Da-Còm, nở đề ông già gùi đội ;

Dưới đường Cầu-Khắc, chi cho con trẻ lạc-loài.

Đường Nước-nhỉ chảy tiu-tiu, người thương-khách lại
qua hóng mát ;

Quán Nước-lên dòng dợn-dợn, khách bộ-hành tắm
giặt nghĩ-ngoi.

Kho Cầm-Thảo chứa thuế vua, mạch nước sữa dân ai
dám đá ;

Chùa Kim-Chương làm tôi Phật, trương chùa muối mặn
sãi trường chay.

Trong làng Cây-Gõ nhà bèn rường cột,

Ngoài chợ Cây-Vông giậu cặm gốc gai.

Nhắm Kinh-Mới như chỉ giăng đường đất,

Đi Chợ-Hôm vừa tối sập mặt trời.

Chùa Cầm-Đệm nên nghiêm, rục-rục thầy sãi nằm
nệm gấm ;

Xóm Hoa-nương đua nở, dày-dày coi khách bẻ nhụy
người.

Ngoài Chợ-Lớn thình-thình, góp nhóp đủ loài cây vật
biển ;

Trên Cầu-Quan lộ-lộ, lại qua nhiều chú đội cật cai.

Giếng Chùa Bà, nhuộm mạch cam-tuyền, trai gái thầy
thỏa tình khát vọng ;

Cầu Ông-Thuông, đường quan lộ, lớn bé đều phi-
chi qui lai.

Chói chói bầy chùa ông Quan-Đế, nền trung-nghĩa cao
danh ngàn thuở ;

Thắm-thắm thay miếu đức Thánh-nhơn, mối tư-vấn
dựng để muôn đời.

Coi chùa ông Bồn đầu-công, dám quên chữ ngọn
rau tác đất ;

Thấy miếu công-thần chư-vị, chạnh nhớ câu niêm chúa nghĩa tôi.

Kẻ lâm-dâm vái bà chúa Thai-sanh, xin mẹ tròn con vuông, chẳng đặng trai thi đặng gái ;

Người kí-cúc lại chùa bà Mã-Hậu, xin thuận buồm xuôi gió, đi đến chốn về đến nơi.

Cắc-cờ chợ lò rèn, nghe chạc-chạc nhà Ban đánh búa ;
Lạ-lùng xóm Lò Gốm, chun vò-vò Bàn-Cổ xây trời,
Khỏi lo bề lằm-nhằm dầm sương, rong vát người đi chợ Sỏi ;

Hằng thấy kẻ hùng-hào xóc ốc, nông-nàn kẻ ở Lò Vôi.

Cứng-cỏi bấy thứ đờn-bà xứ Gò-Vấp ;

Thanh-tao thay ông huề-thượng chùa Cây Mai.

Giếng Hàng-xáo mức lao-xao, kẻ chở thuyền người chuyên bộ ;

Xóm Cối-xay làm lặc-chạc, chông đục họng vợ trở tay.

Trong cầu Đường chuốt ngọt ngọt-ngon, đủ đường cát, đường hạ, đường phèn, đường phôi ;

Ngoài xóm Bột phong tô trắng dĩa, những bột mì, bột lọc, bột đậu, bột khoai.

Đồn Tập-Trận rộng thình-thình, coi lúp-xúp hồng bằng Thái-Nguyên-dã ;

Gò Mô-Súng cao vọi-vọi, nhắm sâm-si mĩa tợ Vọng-vân-đài.

Chốn thí-trường rầy-rầy nho-phong, đều phỉ chí học hồng, một thuở bằng vàng lăm chiếm ;

Nhà Quốc-học dầy-dầy sĩ-tử, gắng gia công đặng hỏa, mười năm đèn sách giời mài.

Cầu Cây-Gỗ trái-trái, ốt gấm hồ-ngươi cầu ông Bình ;
Quán Cao-lầu vọi-vọi, đành thay mắc cỡ quán bà Gai.
Trước phường-phố bày hàng bày hóa,
Sau nhà quê trồng bắp trồng khoai.

Đồn tiếng Nam-Châu thì đã phải, ghe đen mũi, ghe
vàng mũi, vào ra coi lòn nước ;

Người phương đông qua lại bán buôn, tàu xanh mang,
tàu đỏ mang, hàng hóa ngất trời.

Trọ-trẹ ở dưới sông, quân Huế kéo neo hò hố hội ;
Xí-xô inh đường cái, khách già rao kẹo ôi ôi ôi !

Dãy thầy bói nhóm bên đàng, thấy gieo tiền hào sách
hào đơn, lời kỳ-cục quẻ rằng linh quẻ ;

Bọn quân phường ngồi dưới cội, nghe đồ sửa hời
khoan hời nhật, giọng oan-ương hơi thiệt tổn hơi.

Lũ tây-dương da trắng bạc, mồm giọt-giọt miệng xich-
xác, hình vóc khác, giống thần-quí, thần-ma, thần-sát, con
bung rồ te-te chạy vát ;

Quân ô-rồ mặt đen thui, thề lợ nổi đầu quần riết,
miệng trớt môi, in thiên-bồng, thiên-tướng, thiên-lôi, thẳng
cầm chèo hất-hất đứng coi.

Lính nghèo ngoài cửa kéo chổng khu, tội báo tham
vui chơi con thõa ;

Trùm ruộng trong ghe xui mất cửa, cũng vì vác mặt
ngó cái doi.

Nhiều nhà giàu một lạ một lũng, giàu có kẻ đến ngàn
đến vẹo ;

Mấy ai khó cho bần cho tiện, khó sạch không và đất
và dùi.

Chống-chống phòng-quan ca-xương ;

Nhà nhà lịch-lãm an nơi.

Lũ bảy đoàn ba, rật-rật thấy bạn mai khách trước ;

Kẻ qua người lại, rần-rần nghe lạc ngựa chuông voi.

Muốn nói không hay vừa hết ;

Muốn nghe không hay vừa thôi.

Vả tới nay :

Học còn vẫn học,

Tài vốn thừa tài.

Mắt xem thấy dân phong vật phụ,

Tình thừa ưa xúc cảnh hứng hoài.

Góp-nhóp những lời quê tiếng kịch,

Nói-nắm nên khúc vẫn câu dài.

Cơn vui thì xếp lại,

Khi buồn dở coi chơi.

(?)

Hoài-cổ tự-thuật phú

Sanh đất Việt-Nam,

Nhờ ơn Nguyễn-Chúa.

Dòng quan tây vốn chẳng nhiều tiền,

Nhà đình-úy vốn còn cao ngỗ.

Sang hèn bởi phận, biếng xem văn Hàn-Dũ (1) tống cùng ;

Giàu khó ở trời, lo đọc sách Đào-Châu Trí-Phú. (2)

Tưởng con thơ thỏ-thẻ vượt râu,

Nghe kẻ lớn dặn-dò chuyện cũ.

Người bán thịt nướng mình hàng phố, lộc vua thưởng quyết từ ;

Kẻ mang toi đồn củi mùa hè, vàng ai rơi chẳng ngó.

Khen thờ chúa đường Tô (3) mới phải, đất chiêm cừ uống tuyệt chần dê ;

Cười muu thần như Lữ bao đành, vườn Tần-Cối núp cây làm chó.

(1) Hàn-Dũ đời Đường Huyền-Tông có dựng lời sớ chê đạo Phật. Vua Đường đương mê đạo Phật nổi giận, đày ra xứ Triều-Tiên. Có câu : Nhứt phong triều tấu cứu trùng thiên, Tịch biếm Triều-Dương lộ bát thiên, (một tờ biểu sớ mai dựng đến cứu trùng, tới lại bị đày ra đất Triều-Tiên xa tám ngàn dặm).

(2) Đào-Châu tên là Phạm-Lãi, đời Chiến-Quốc, làm quân-sư nước Việt giúp vua mười năm trả được thù nước Ngô. Phạm-Lãi biết vua Việt Câu-Tiến được rồi, không nên giúp nữa, nên khi phá Ngô rồi không trở về trào, bắt Tây-Thi bỏ xuống ghe, rồi cùng đi dạo Ngũ hồ.

(3) Tịch Tô-Vô đời Hón-Vô-Đế, đi sứ nước Hung-Nô. Chúa Hung-Nô là Thuyền-Vu muốn cho Tô-Vô về đầu, mới sai Lý-Lãng và Vệ-Luật cũng là tôi nhà Hón mà đã về đầu Hung-Nô rồi, ra dụ. Tô-Vô không khứng. Thuyền-Vu nổi giận, biểu đem bỏ Tô-Vô vô hang đá, không cho ăn uống ba ngày cho chết. Tô-Vô vượt hột sương trên ngực cờ uống cho thấm giọng. Nhờ vậy qua ba ngày mà Tô-Vô không chết. Thuyền-Vu cho là người thần, không dám làm hại nữa. Đày ra ải bắc chần dê, dạy rằng : « Chừng nào dê đực đẻ mới tha về ». Tô-Vô ở chần dê 19 năm, sau nhờ Hung-Nô hòa với Hón, Hón-Vô-Đế xin cho Tô-Vô, được trở về.

Lại năng phô những kẻ hiền xưa,

Nếu nói đến đường còn hãy đó.

Tin thành bấy lời văn Hàn-Dũ, (1) linh nên linh con cá ngọc phải đời ;

Nghĩa khi thay ngọn đuốc Văn-Trường, tắt chẳng tắt thuở vẫn ô lại lối. (2)

Rằng mấy kẻ biết nhân biết nghĩa, muôn đời sau tiếng hãy thơm-tho ;

Những phô người chẳng hiểu chẳng trung, ngàn năm dưới người còn khạc nhổ.

Ngọc có giồi giống nọ mới nên,

Tri chớ cậy mình kia đã đủ.

Hoắc-Tử-Mạnh (3) lỗi vì chẳng học, đời đường đó chớ làm ;

(1) Tích Hàn-Dũ làm lời hịch đốt bỏ xuống sông, chỗ có con cá sấu hay ăn người, xin nó dời chỗ khác, thì cá sấu dời ra biển bắc.

(2) Tích Quan-Vân-Trường thất-thủ Hạ-Bì qua ở cùng Tào-Tháo với hai người chị dâu là vợ Lưu-Bị. Đêm tối Tào-Tháo có ý để cho ba chị em ở một chỗ, mong rằng tôi chúa sẽ loạn nhau, định cầm Quan-Công ở lại đầu Tào. Nhưng mà Quan-Công đốt đuốc, cầm đọc sách, mặt trời mọc mới tắt đuốc.

(3) Hoắc-Tử-Mạnh tự là Hoắc-Quang, đời Hán-Võ-Đế, làm quan Đại-tư-mã tướng-quân. Vua Võ-Đế gần thăng-hà thì ký-thác đông-cung là Chiêu-Đế cho Tử-Mạnh. Không bao lâu, vua Chiêu-Đế băng, không con nối. Hoắc-Quang mới ra đất Xương-Ấp rước Quang-Vương về tôn làm vua. Vua này trị vì không vừa lòng Hoắc-Quang thì Hoắc-Quang lập mưu biểu vua quì xuống mà nghe lời hiếu-dụ bà Thái-hậu, rồi lột mão cởi áo đuổi vua về Xương-Ấp, mà lập vua khác. Nhà sử chép Hoắc-Quang : «BẤT HỌC VÔ THUẬT, BẤT NĂNG DĨ ĐẠO SỰ QUÂN». Nghĩa là không học nên không trí-thuật, thờ vua chẳng phải đạo, dầu gặp vua hiền hữu khả vì chi quân đi nữa, thì Hoắc-Quang cũng không tài vương tá.

Đồng-Quản-Xuyên (1) tài đã nên nho, trời có sao nữ phụ.

Dầu sang giàu mà nét khéo Công-Tôn, (2)

Thà chùng-choảng mà thói què Trường-Nhụ. (3)

Mở quyển Thương-thơ đọc đến, chắt lưỡi thường khen
gã Phó-Nham ; (4)

Xem thiên Lỗ-luận hầu thôi, đổ mặt lại giận người
Triệu-Phổ. (5)

Lời Cao-hậu hãy còn rành-rạnh, dấu để lại ba thiên ;
Đạo nhơn-thần lỗi hãy bề bề, ai rằng thông nửa bộ.

(1) Đồng-Trọng-Thơ người quận Quảng-Xuyên có dựng cho vua Võ-Đế ba bộ sách kêu là THIÊN-NHƠN TAM SÁCH. Vua khen hay mà không dùng, chỉ cho ra làm quan ở đất Giang-Đô.

(2) Công-Tôn-Hoàng làm quan đến chức tam-công đời Hán-Võ-Đế. Quan lớn lộc lớn, mà trong nhà màn cháng đều dùng bằng vải, ý ở xảo-trá đối đời.

(3) Trường-Nhụ tự là Cấp-Ấm cũng làm quan một triều với Công-Tôn-Hoàng mà tánh ở ngay thẳng không hay tư-vị. THỐI QUÊ là lời của Lữ-Đông khen Cấp-Ấm là THUẦN-PHÁP CHI SĨ.

(4) Sách Thương-Thơ chép : Phó-nham là Phó-Duyệt đời nhà Thương vua Cao-Tông, ở ẩn cày ruộng nơi đất Bản-Trúc. Vua Cao-Tông nằm chiêm-bao thấy người mách bảo cho một tội hiền. Sáng ra vua Cao-Tông mới tìm đến Bản-Trúc rước Phó-Duyệt về giúp nước.

(5) Cao-Hậu là mẹ của hai vua Tống, Thái-Tổ và Thái-Tông. Dạy Triệu-Phổ làm THƠ SON KHOẢN SẮT để vào CŨI KIM-ĐĂNG, hai vua cùng Triệu-Phổ đồng ký tên chịu, hễ Thái-Tổ thăng hà, thì để ngôi lại cho em là Thái-Tông. Chừng Thái-Tông chết thì để ngôi lại cho con vua anh rồi chừng con vua anh chết thì để ngôi lại cho con vua em, cứ tuổi lớn thì làm vua không để ngôi lại cho ấu-quân mà mất nước như đời Hậu-Châu. Thái-Tổ thăng-hà thì Thái-Tông lên làm vua như lời ước. Mà chừng Thái-Tông muốn nhường ngôi lại cho cháu, (bà Cao-Hậu đã mất rồi), thì Triệu-Phổ lại xin với Thái-Tông hãy truyền ngôi lại cho con, viện lẽ rằng : « Vua trước đã lỡ-lầm, vua sau không nên lầm theo ».

Khen là khen luận liệt rất tương,

Giận là giận hiểu trung chẳng có.

Lý-Khắc (1) năm điều luận-tương, nếu nói ra thì lỗ tai
thoảng-thoảng muốn nghe ;

Khổng-Minh hai biểu xuất-sur, nếu đọc đến thì nước
mắt rờng rờng lại nhỏ.

Việc Quản-Trọng, (2) Tăng-Tây thừa chẳng làm :

Kim Tư-Mã, (3) Văn-Quân song còn mộ.

Ca chính khí (4) vàng bền trác-trác, trái trời xanh hãy
chép sử xanh ;

Non Thú-Dương giá lạnh nhân-nhân, (5) phú vắn đỏ
mặc soi lòng đỏ.

Người lá-lay có chốn cất về,

Học lai-láng không nơi đình đỗ.

(1) Lý-Khắc, đời Chiến-Quốc làm tôi Ngụy-văn-Hầu. Vua muốn đặt
quan tướng mà trong hai người, Ngụy-Thành và Địch-Huỳnh không biết
phải lựa người nào. Vua mới phú cho Lý-Khắc. Lý-Khắc đặt Ngụy-Thành.
Địch-Huỳnh tới cái lễ thì Lý-Khắc lấy năm điều cư-xử tại làm sao mà đặt
Ngụy-Thành, làm Địch-Huỳnh phải phục.

(2) Quản-Trọng giúp Tề-Huân-Công làm Bá chủ-hầu, mà đức
Khổng-Tử lại chê đạo làm bá. Học trò đức Khổng-Tử là Tăng-Tử chê
việc làm của Quản-Trọng, không chịu làm theo.

(3) Tư-Mã Tương-Như tự là Trường-Khanh đồn khúc PHỤNG-
CẦU-HOÀNG hay lắm. Nàng Trác-Văn-Quân, góa chồng mà còn nhỏ
tuổi, nghe mộ tiếng đồn, đem trốn theo. Sau hai người lấy làm vợ chồng.

(4) Ca chính-khí, bài ca của Văn-Thiên-Tường soạn.

(5) Bá-Di Thúc-Tề can vua Võ-Vương không được, lên núi Thú-
Dương, ban đầu ăn rau vi, sau nhịn đói mà chết chớ không chịu nhìn sự
phạt nhà Châu của Võ-Vương là phải đạo.

Chúng tuy mạnh mười muôn không chống, hơn đã hai ngang ; (1)

Đạo rất màu ba thánh (2) đôi truyền, khẩu thôi một số. (3)

Gấm chuyện xưa cho đến chuyện nay.

Lấy lời kia mà suy lời nọ.

Vậy bèn :

Vượt chốn vân-quan,

Đừng nơi tuyết-lộ.

Đường tuy xa ngàn dặm, mơ-màng giấc điệp Trang-Châu ; (4)

Nguyệt vừa thuở ba canh, khắc-khoảnh tiếng chim Đổ-Vũ. (5)

Lúa không, nào có trâu nhen,

Rơm cách, chi hầu vách trở. (6)

(1) Hơn đã hai ngang : chữ thiên là Trời.

(2) Ba thánh : NGHIÊU, THUẤN, VÕ. Doãn chấp quyết trung nghĩa là : Bền giữ một đạo trung.

(3) Khẩu thôi một số : là chữ Trung.

(4) Trang-Châu tên là Trang-Tử đời nhà Châu ở ẩn. Có thuật, khi ngủ muốn đi chơi ngoài ngàn dặm thì hóa ra bướm bay đi.

(5) Đổ-Vũ, Đổ-Quyên là con quốc. Tịch vua Thục-Đế lấy vợ Biết-Linh để nước lại cho Biết-Linh. Sau Biết-Linh bạc đãi. Thục-Đế ra đi, tiếc nước, chết hóa ra con chim quốc, đêm đêm kêu thâm-thiết.

(6) Lúa để trong bồ kín, trâu làm sao mà ăn được.

Rơm mà để cách vách, thì ai trở vách cho trâu đói nó ăn.

Hai câu này có ý nói có tài mà không ai tiến cử thì không làm gì được.

Ngày một bữa khi rau khi cháo, hình hạc thất-thơ ;
Áo trăm mảnh tấm dọc tấm ngang, cánh thuận (1)
cú rữ.

Bếp dầm-dề vắng khói, thêm cho nhiều giống muối-
mòng ;

Nhà trống-lông thấy sao, khôn nổi đỡ cơn mưa gió.

Luận danh tuy đã khác xưa,

Gấm thật đường còn bằng cũ.

Mèo ghét hay ỉa bếp, biếng nuôi mèo để gạo chuột ăn ;

Trộm vắng chẳng rình nhà, hết lo trộm cửa không
thên xỏ.

Biết như chẳng, chẳng như biết, biếng nói vì buồn ;

Lời khác việc, việc khác lời, bó khôn bởi khó.

Cũng chẳng rằng ăn núi mà giấu beo,

Cũng chẳng phải núp cây mà chờ thỏ. (2)

Rắn lộn rỗng, rỗng lộn rắn, thuở hãy giấu vi ; (3)

Nô đường Kí, Kí đường Nô, khi chưa mở vó.

Nghĩa còn lầm, vu ngữ là dương,

Chữ chưa hiểu, bừu xem rằng hồ.

(1) Con chim thuận-bôn.

(2) Hàn-Phi đời Tống, người làm ruộng, ngày kia thấy con thỏ chạy
va đầu vô gốc cây chết. Từ đó về sau anh ta không làm ruộng nữa. Chỉ
ngồi dưới gốc cây, chờ thỏ chạy va đầu vào cây chết mà lượm. Ấm-chỉ
mấy người khờ dại thấy chuyện gì xảy ra một lần tưởng sẽ có như vậy hoài.

(3) Con rắn con rỗng hồi còn nhỏ chưa có vây có sừng, thì giống nhau,
không làm sao mà phân-biệt được con nào là rỗng, con nào là rắn. Cũng
như ngựa Kí ngựa Nô hai thứ ngựa mà một thì hay còn một thì dở, mà
khi mình chưa thấy nó chạy thì không làm sao biết được con nào hay con
nào dở.

Tài-đức hãy chưa con Phó-Duyệt, dám đầu nong-nả điều canh ;

Trí mưu chưa bạn tác Tử-Phòng, (1) hồ nổi so lemụn đũa.

Có phen gặp khách khua chuông,

Ươm hỏi những lời mắt-mỏ.

Đời lần kẻ Hòn Đường Triệu Tống, hệ ở trời hay hệ ở người ;

Vận đời Ngu Hạ Thương Châu, nguyên ư lý hay nguyên ư số ?

Thuấn giúp Nghiêu, Hứa lại lánh Nghiêu, (2)

Di gián Võ, Lữ sao phò Võ. (3)

Kẻ ngự tặc kẻ chẳng ngự tặc, lờ-lạc khôn phân ;

Người can vua kẻ chẳng can vua, (4) mờ-hồ khó tỏ.

Kìa Khổng Mạnh (5) sức là hiền-thánh, đạo muốn đắc thành ;

(1) Tử-Phòng tên là Trương-Lương, người mưu-thần của vua Hồn-Cao-Tổ. Bái-Công nghe lời Lý-Dị-Cơ cắt ấn phong lục-quốc. Vua đương ăn cơm, kẻ Trương-Lương vào. Vua mới nói chuyện lại cho Trương-Lương nghe. Trương-Lương nói không nên, mượn đũa vua đương cầm, vẽ trên bàn tám lý không nên, vua coi rồi nghe theo.

(2) Vua Nghiêu muốn truyền ngôi lại cho Hứa-Do mà Hứa-Do không muốn. Mà sau ông Thuấn lại chịu nghe theo vua Nghiêu ?

(3) Bá-Dì can vua Võ, còn Lữ-Vọng thì phò vua Võ.

(4) Nước Tấn mượn đường nước Ngu sang đánh nước Quách, Cung-Di-Kỳ và Bá-Lý-Hề đều làm quan đại-phu cho nước Ngu, mà Di-Kỳ thì can vua, mà Bá-Lý-Hề thì không can.

(5) Khổng-Tử, Mạnh-Tử muốn cho đạo mình đắc hành, đi qua đi lại nước Tề nước Lương hoài, mà sao không gặp chúa.

Nọ Tề Lương luống những châu-lưu, thì sao bắt ngộ ?

Dân Lạc-Áp (1) bấy chày còn cảm, hay là đức nhớ Văn,

Cung Hàm-Dương một phút nên trò, bõ chi trời khiến Võ.

Đã nhớ Văn sao tới Tần-Hoàng ?

Đã khiến Võ sao về Hón-Tổ.

Hay là nhà Châu không sĩ, cứ vì đâu xa triệt đông thiên ; (2)

Hay là trào Tống thiếu hiền, cho nên nổi Huy Khâm nam độ.

Thấy lời hỏi có chí-khi cao,

Cóc đặng khá kiêng trẻ nhỏ.

(1) Lạc-Áp là chỗ vua Huệ-Công ở. Sau Huệ-Công phong cho hai người con, một người ở đất Bối kêu là Tây-Châu, một người ở đất Huệ-Hồ kêu là Đông-Châu. Đến đời Tần, vua Chiêu-Vương đòi đô vua Đông-Châu qua ở một chỗ với vua Tây-Châu, thì dân trốn về theo. Đời Tần vua Trang-Vương năm đầu, vua Đông-Châu vì nhớ đức vua Văn-vương nhà Châu khi trước, mới bỏ xứ mà qua bắc mưu với chư-hầu đánh Tần.

Hàm-Dương là nơi cung-thất nhà Tần, Hạng-Võ đốt cháy ba tháng chưa tắt.

Trời khiến Võ, là lời bàn của Triệu-Tiết-Hàn nói Tần hung dữ nên trời mượn tay Hạng-Võ đốt cung thất, phá lãng mộ nhà Tần đặng trả thù cho thiên hạ ; trời đã nhớ Văn-Vương sao đến Tần-Thĩ-Hoàng nhà Châu lại mất ? Đã khiến Hạng-Võ, mà sao lại để Bái-Công lấy nước Tần ?

(2) Nhà Châu đóng đô tại Tân-Kỳ, sau bị mọi lần phải dời về phía đông. Như vậy có phải là tại nhà Châu không người hiền hay sao ? Còn như vua Huy-Tông, vua Khâm-Tông nhà Tống bị Kim lấn mà phải dời đô qua phía nam, thì có phải là tại nhà Tống không có tướng tài hay sao ?

Suy đi nghiệm lại, bỗng rơi châu không nổi trao
lời ;

Thở vắn than dài, bèn nương gối giả đò buồn ngủ.

Làm vô tình nào khác cỏ cây,

Dốc học đạo cho nên gắng-gồ,

Xử kỷ sức còn thấy cạn, dốc trau-giời tánh hãy
vốn quê ;

Khuông vuông trí đã biết xa, từng áy-náy ơn chi
nữ phụ.

Lửa dầu hừng mới biết tuổi vàng,

Gió dầu cứng mới hay sức cỏ.

Dốc vẹn một niềm trung-hiếu, lòng nọ nắn-nắn ;

Đã ngoài hai chữ vinh khô, (1) trời kia lộ-lộ.

Số là thấy sông đã sâu, mưa hãy lụt, chạnh dạ
bàng-hoàng ;

Vậy nên trông trời chóng rạng, nguyệt mau tan,
bèn lúc đác khờ khạc làm phú (?)

(?)

Thiên-vấn phú

Trời sao mệnh-mông ? Này tôi hỏi ông :

Nước Việt-Nam tôi một góc Á-Đông.

Dân vật vẫn con trời thấy,

Cỏ cây cũng đội trời chung.

Ai vất nên hình chữ ếch (S),

Ai ban chơ hiệu con Rồng ?

(1) Vinh khô : kỳ sanh giả vinh, kỳ tử giả khô : sống thì tươi, chết thì khô.

Chẳng mừng mọi, sao kêu bằng Lạc,

Chẳng cánh lông, sao gọi bằng Hồng ?

Sao vất dài hơn bốn ngàn năm, chết chẳng chết, sống
chẳng sống ;

Sao so với năm châu muôn nước, có chẳng có, không
chẳng không ?

Mở pho dân-tộc tuyên-thư, họ dân tôi sao lộn-nhộn
chẳng vàng chẳng trắng ;

Xem bức địa-đồ thế-giới, sắc nước tôi sao lem-nhem
chẳng lục chẳng hồng ?

Vấn từng nghe thiên-đạo chí công, há lẽ cường phù
nhược úc ;

Vấn cũng biết thiên-ân phổ-biến, vì sao bỉ sắc tư
phong ?

Tôi quá nghi ông,

Này tôi xin kể :

Sử cũ nước tôi,

Nhiều trương sứt mẻ.

Thục-An-Dương có đức gì mà vương ?

Triệu-úy-Đà có công gì mà đế ?

Sao lờ-mờ sử Việt, trên hai ngàn năm xưa ;

Mà tên họ người Nam, không một trương đếm xía.

Tới Trưng-Trắc bắt đầu dựng nước, thiệt tổ-tiên tôi
đó, sao ông quá ác, chẳng cho bà vạn đại xưng vương ?

Kìa Mã-Viện thạo ngón cướp người, mà thù-địch tôi
kia, sao ông bất nhân, đành giúp nó nhứt thì đắc thế ?

Núi Tản sông Lô mây nghịt nghịt tức-tối vì ai !

Cấm-Khê Lãng-Bạc máu rùng rùng, thảm thương sao
nhẽ !

Lại như :

Sự Lý Trần Lê,

Máu pha giọt mực.

Thú-lịnh Hán mười thằng chín ác, sao ông còn chấp
cánh cho hùm ;

Đô-hộ Đường ba bị chín quai, sao ông lại mở đường
đưa giặc ?

Lý-Thường-Kiệt nhiều phen đánh Tống, rất có công
cùng chủng-tộc, thì sao thân bách-chiến ông đành cho
chịu cung hình ;

Ngô-Vương-Quyền độc-lập thoát Tàu, nên tịnh-thọ với
san-hà, vì sao mới sáu năm ông vội bắt về thiên-quốc ?

Tám đời Lý vua tôi thầy tớ, chung vai gánh non sông
bốn mặt, lẽ đáng thương cho trọn, sao thành-linh giáng
mụ Lý-Chiêu-Hoàng ?

Một nhà Trần ông cháu cha con, rập lùa beo cọt
trăm bầy, há đề giống nào lại, sao các-cờ sanh thằng
Trần-Ích-Tắc ?

Quý hóa thay Trần-Bình-Trọng, hăng-hái thề làm Nam-
quĩ, ông sao chẳng tiếc nữ cho giết dưới dao Nguyên ;

Tàn ác thay giặc Thoát-Hoan, lăm-le giết sạch Nam-
nhơn, ông sao quá thương cho nó sống về đất Bắc ?

Mấy ngàn quân trung thành với chúa, bên tay đề « Sát
Thát » vẫn phục-tùng mạng ông đó, sao ông để Mã-Nhị
Lộ-Xích bằm xẻo sưng tay ;

Mấy trăm vạn tức giận vì thù, đầy ruột nặng chứa
bình Ngô há trái lệnh đạo ông đâu, sao dung Trương-
Phụ Liễu-Thăng vậy bừa phỉ sức ?

Phục-Trần kia những tuồng xỏ lá, chắc ông đư biết,
sao ông lại chịu theo lòng giặc, cha con Hồ thầy nhét
miệng kinh ;

Tồn-Lê kia những lũ bẻ măng, há ông dờ say, sao
ông đành dày-đọa người mình, vua tôi Việt hồn đau
tiếng quốc.

Tôn-Sĩ-Nghị thiệt tay gian-xảo, đáng xương chôn đất
Việt, sao ông cho nách xéo khỏi Nam-Quan ;

Nguyễn-Quang-Trung thiệt đứng anh-hùng, nên bia tạc
trời Nam, sao ông nữ vu oan bằng Tây-tặc ?

Tôi dám xin ông,

Trả lời cho sáng.

Ngôi ông vẫn cao cao,

Đức ông vẫn rạng rạng.

Có lẽ ông quá già chẳng nở, gương nhật tinh hồ
loạn thị-phi ;

Những mong ông cải-cách chóng chur, oai lời điện
phân-minh hình thưởng.

Non nước ấy vẫn còn non nước cũ, bao tá thánh-
hiền hào-kiệt, xin ông nay mở lượng tài-bồi ;

Đồng-bào tôi cũng như đồng-bào ai, thấy là con cháu
chất-chiu, nhờ ông được rộng đường lai-vãng.

Đợi đợi chờ chờ,

Năm năm tháng tháng.

Phú đánh me

Thả phò :

Phú dữ quới thị nhơn chi sở dục, bắt dĩ kỳ đạo
đắc chi bắt xử dã, (1)

Bần dữ tiện thị nhơn chi sở ố, bắt dĩ kỳ đạo đắc
chi bắt xử dã. (2)

Nhứt sanh hiệp mạng chung tu hữ, (3)

Vạn sự tùng thiên mạc cưỡng cầu.

Giàu mà bắt nghĩa bắt nhân, tám mươi kiếp quân
tham tính lặn,

Giàu mà không ăn không mặc, ba mươi đời thăng
mọi giữ tiền.

Ngày sửa-sang rắp chốn phiên-ly (4), ngựa lữ đạo-tặc
nó xoi tường khoét vách ;

Đêm trần-trọc không an chăm-tịch (5), sợ dòng Tào-
Mãng nó dòm-giỏ ngó oi.

(1) Phú dữ quới thị . . . Sự giàu sang người đều ham muốn. Nếu
chẳng noi theo đường đạo-đức mà làm, mà có thể làm giàu được, thì ai lại
không làm.

(2) Bần dữ tiện . . . Sự nghèo hèn người người đều ghét. Nếu noi
theo đường đạo-đức mà chịu nghèo, thì ai lại đi chịu hay sao ?

(3) Nhứt sanh hiệp mạng . . . Trọn một đời người thì do theo mạng
vận. Số mình đã định giàu hay nghèo thì sau rồi cũng phải có vậy . . .

(4) Rắp chốn phiên-ly : Lo rào mấy chỗ trống hàng rào.

(5) Chăm tịch, chiếu gối. Chỉ nói ngủ không an giấc.

Có phải là :

Phú quý úy nhơn thiên-hạ hữu,

Bần cùng tứ chí thế-gian vô. (1)

Nói đi nói lại, nói sự chi cho hết sự thị-phi ;

Luận tới luận lui, luận nghề chi cho bằng nghề đánh bạc.

Chén da-bò khui ra mấy hậu, giữa chiến-trường tận mặt Càn-Long ;

Con cò bạc lấy xuất-hành, cô chú tổng trở tay Khấu-Chuẩn. (2)

Xi màn chộ, ngẫu màn áp, cuộc dinh hư một chiếc đũa xơ ;

Xám xình cọt, lượng xình thầu, cơ thắng bại mấy đồng tiền mốc.

Tản cứ dọc-ngang dưới chiếu, máy hành-tàng ai dễ thua ai ;

Bằng cao lẳng-liu trong trường, bề lợi-hại thế nào hay thế.

(1) Phú quý úy nhơn . . . Giàu thì phải sợ người ta, trong thế-gian thường có như vậy. Còn nghèo mà nghinh-ngang trong thế-gian ít người được vậy.

(2) Khấu-Chuẩn làm tể-tướng nhà Tống. Có việc gấp mà vua không thấy Khấu-Chuẩn vào chầu, cho nội-thị tới đòi, thì thấy Khấu-Chuẩn còn đứng đánh bạc với người nhà.

Trúng nò táo, kẻ thừa thầy người bầm cậu, bắt diệc
lạc hồ ; (1)

Thua vài xừ, vay bạc tháng đợ tiền ngày, ta hà cập
hỉ. (2)

Mới biết, đắc chi dị, tặc thất chi dị, (3)

Đéo hỏa, sanh giả không, hề tử giả không !

Thôi thôi !

Giàu giờ ngộ khó giờ mùi, trang hào-kiệt dễ luận câu
thành bại ;

Kẻ nói tỳ người nói sừu, chí nam-nhi lo trả nợ phong-
lưu.

Không cố đất thế vườn, sợ mang chữ tiều-nhân hoài
hồ, (4)

Còn bán con đợ vợ, mừng đặng câu hiếu-tử sự thân.

Mựa rằng thua mà sanh thối ngược xuôi, vậy chớ Gia-
Cát mấy trả Kinh-Châu lại cho Công-Cần ?

Mựa rằng thua mà sanh lòng trộm cướp, sao có Vô-Kỵ
đi trộm hồ-phù sang cứu Triệu-Quân. (5)

(1) Bắt diệc lạc hồ : há chẳng vui sao ?

(2) Ta hà cập hỉ : than-thở đã muộn rồi.

(3) Đắc chi dị . . . Được dễ thì mất cũng dễ.

Hồi sanh ra hai tay không, chùng chết rồi cũng hai tay không . . .

(4) Hoài thổ : quyến-luyến vương đất vương nhà của mình.

(5) Vô-Kỵ hiệu là Tín-Lãng-Quân ăn cắp ti-phù qua cứu nước
Triệu.

Cho hay :

Đại-hiền kinh thể phương năng biến, (1)

Quân-tử tri cơ thiện xử quyền.

Vậy chớ :

Nào ai chứa mà ăn xâu thầy Tử-Lộ, cho nên thầy mặc áo tẻ bào ;

Nào ai hốt mà ăn của ông Không-Khâu, cho nên ông ăn cơm sơ phạn ?

Tuy là bữa no bữa đói, Bình phùng thời cũng mặt đẽ-sư ; (2)

Tuy là áo cấp quần cùn, Duyệt ngộ vận cũng nên tay vương-tá. (3)

Vậy có thơ rằng :

Đông bá kinh sương nại, (4)

Xuân phong đoái võ khai.

Càn sanh hề khôn dục,

Bĩ cực tắc thời lai.

Đắc thất giai do mạng,

Cùng thông dĩ định bài. (5)

(1) Đại-hiền . . . bực đại-hiền giúp đời có khi cũng phải tráo-chác ; còn người quân-tử thấy cơ-hội thì biết tùng quyền.

(2) Bình là Trần-Bình, bày nhiều mưu cho Hồn-Bái-Công.

(3) Duyệt là Phó-Duyệt, tòi đại tài của vua Hạ-Võ.

(4) Đông bá . . . cây tòng cây bá tánh cứng-cỏi, qua mùa đông không điều tàn. Đến xuân thì lại nảy chồi đâm lá.

(5) Cùng thông, nên hư trời đất đã sắp-đặt sẵn rồi.

Nhơn sanh quý thích chí,
Tuế nguyệt hảo tương thôi. (1)

NHIÊU-HỌC DƯƠNG-NGỌC-QUA

Khí-phụ từ

Khúc phụng-hoàng thanh-thót,

Dây cầm-sắt rỉ-ra.

Chiều hồng nghe nhận trở,

Mừng yến thấy anh ca.

Người sao may dường ấy, trăm năm hẹn đến già,

Kẻ sao rủi dường kia, nửa đời nên biến cả?

Trùng gà gởi ác coi,

Ô-thước cho cru bả.

Nằm ngó quanh, nằm hỏi chính phân,

Trách đôi lứa, giận thay duyên dở.

Xuân bơ-vơ đã hết tưởng Nguyễn-lang, (2)

Sắc phai-lợt đã không trông Trương-Xưởng. (3)

Trách lòng chàng sao không như trước, nữ quên lời giao ước, nữ phá bình hồng-tước, nữ xô cầu ô-thước cho đành ;

(1) Tuế nguyệt . . . năm tháng nó xô tuổi người mau già.

(2) Nguyễn-Lang : Nguyễn-Triệu hồi trước lạc bước đến động Đào-nguyên.

(3) Trương-Xưởng cưng vợ lắm. Mỗi bữa sớm mai thì bốn thân vè chun mày cho vợ.

Khiến thân thiếp mình chẳng thấy thương, biếng
ngâm thơ Trang-Khương, (1) biếng soi gương Nhạc-
Xương, (2) biếng đỡ trượng oan-ương vậy lẳng.

Nhắc thăm càng thêm sầu,

Nhắc phiền càng thêm nảo.

Lạnh-lùng nửa gối cô phòng,

Chích túi một câu giai lão.

Chưa cam đà thấy khổ,

Chưa oán đà thấy oan.

Tráo-chác một câu tan-hiệp,

Khiến nên đôi chữ biệt-ly.

Thời nào khi giá hỡi chưa tan, xe lung-lẳng như
trái hòa lang, cầm dằng-dối trời khúc phụng-hoàng, châm
chén nhận hây hây mà rước thiếp, hai họ mừng nhau
như ong luồng trên gió ;

Thời nào thuở xuân vừa chánh tiết, trai thanh-
tân như nhánh mai trước, gái nhỡn-nhờ như bông thược-
độc, đập sỏi-sành lẻo-đẻo mà theo chàng, một nhà hiệp
như cá mừng đặng nước.

(1) Trang-Khương là vợ Tề Trang-Vương làm thơ hay lắm.

(2) Nhạc-Xương, công chúa nước Trần, vợ của phò-mã Trần-Đức-
Ngôn. Tần đến lúc bị nhà Tùy đánh phá, đương lúc ly-loạn, công-chúa mới
bỏ hai miếng kiếng ; phân nửa giao-cho chồng, còn phân nửa thì giữ lấy. Đến
sau Dương-Tô trả công-chúa lại cho Trần-Đức-Ngôn, vợ chồng hội-hiệp
mới đem hai miếng kiếng ráp lại, gọi là PHÁ CẢNH TRÙNG VI.

Cầm tay hện tử-sanh khế-huột,
Giao mặt thề địa-cửu thiên-trường.

Yêu thương rất đổi yêu thương,
Thâm hậu quá chừng thâm hậu.

Khi tắm gió, khi chải mưa, từng ăn cay, từng uống
khô ; những trứng tròn niêm đào thổ, nào hay cá vừa
vào giỏ bỗng quên nơm ;

Khi phỏng trán, khi cháy mày, hằng lười-thuôi,
hằng lay-thay ; những dè an phận đấng cay, nào dè thổ
đặng về tay mà phụ chó.

Thẹn-thù với con ong sánh cặp,
Hỗ-hang cùng cái bướm nên đôi.
Năm canh luống những năm canh khô,
Muôn việc đều không một việc vui.

Thảm nhãn mày, hôi đượm trán, khó làm lơ khôn
làm lảng, lơ-lảng làm bao quản, kia hỡi người ngư
phụ bạn vàng ;

Sầu bán ruột, tức tràn hông, hết nỗi đợi rồi nỗi
trông, trông đợi luống ngó mông, tẻ hỡi khách vong ân
bạc nghĩa.

Chẳng còn qua lại cầu Ngân-hiến,
Nỗi nữa xa-xuôi tuổi Võ-lăng

Thề nửa gối bạn năm canh, cơm lần giảm, bịnh lần
sanh, chẳng tưởng dẫu béo trôi nổi, riêng than chích bá
linh-đinh ;

Thề trăm năm phỉ một nháy, thơ biếng ngâm, đờn
biếng khảy, chín chiều áo lục nung-niu, chạnh tưởng
trương vàng phụ-rây.

Sao mà đề, sao mà bỏ, nói cho thiệp tử với anh em ;
Nổi nên phân, nổi nên rẽ, cam chịu vậy dám lời
năn-nỉ.

Hồ-hang phận xa lia,

Chín trách hơn giận dữ.

Trời tuôn mây tối cru man-mác,

Buồn thức trắng khuya luống chốc-mòng.

Kia là gió, nọ là trăng, từ đông tây giáng thẳng, ần
đâu mà chẳng thính, vì đâu ai chẳng vắng, người sao mà
dường ấy, lòng tráo-chác không ngần ;

Kia là thần, nọ là quỷ, điều thiện ác xét dư, phước ai
mà có tư, họa ai mà có vị, phận sao đến thế ni, phận
lưng-chùng quá ngán.

Thiếp dám hỏi chàng, đầu chưa bạc, tóc chưa bạc,
mà tình mong bạc, bạc làm răng bạc trắng như vôi ;

Chàng phân cùng thiệp, mái còn xanh, tóc còn xanh,
tuổi hỡi còn xanh, xanh như vậy xanh lia như bích.

Nữ thấy rẽ rau phong già xấu, mà hèm sữa ngon rau
vị ;

Nữ thấy nguồn sông kinh hóa trực, mà hèm sữa
dòng sông Vị.

Thôi thôi ! Ăn hết kê tình hết kê, hai chữ ân tình
đà hết kê, ngậm miếng cơm như thể ngậm bùn ;

Duyên biếng rằng phận biếng rằng, ba sanh duyên
phận một đắng chẳng, rau đố ngon sao bằng rau tể.

Nò ta ai chớ qua, đò ta ai chớ dờ, bếp ta ai chớ vào, phòng ta ai chớ ở, mưa lời đối trá nói chẳng ai nghe, nói nghe cũng dờ ;

Duyên may ai nấy nhờ, dù tay ai nấy giờ, cò tay ai nấy phất, ruộng nhà ai nấy cày, đừng tiếng phỉnh-phờ nghĩ luống ngàn-ngờ, nghĩ càng thêm đặng.

Đã biết bấy chừ hờn ai đặng,

Hờn nhăng vì bởi phận không ngừa.

Phận bạc thì thôi, dễ dám than van bà nguyệt,

Trời xanh khiến vậy, há rằng dám trách ông tơ.

(?)

Bức thơ vợ gởi cho chồng

Biệt-ly ới hỡi ! Duyên nợ đành phai.

Bức hồi-văn thêu dệt vì ai, ngâm chinh-phụ thử than với đó.

Kể từ thuở trao lời gấn bó, bến Mỹ-Tho ngàn dặm tách buồm lan ;

Xót ghe phen chịu nỗi gian-nan, chợ Bàn-Thạch một mình như khúc gỗ.

Nhà giữa chợ tuy rằng vô eo, song hãy còn thiếu ruột thiếu gan ;

Thiếp ở đây chẳng có chồng ngoan, làm sao đặng nên hình nên dáng ?

Thiếp cũng quyết trăm năm gánh vác, lo cho chàng mà tính cũng cho chàng ;

Chàng chẳng hề một chút yêu đàng, đối mặc nó mà no đầu mặc nó.

Chang nói ra khôn tường dạ đở, nói ra thì thẩu đến tim đen.

Một mình lo khi tối mắt tắt đèn, em đại, 'cháu lại hèn, đã không kẻ lòng tin dạ cây ;

Hai nữa sợ khi vang mình sốt mầy, con không, chông chẳng thấy, biết lấy ai đỡ xuống bông lên.

Não-nùng thay hai chữ ân-tình !

Ngao-ngán bấy một dây duyên nợ.

Ngày qua lại thấy những người chông vợ, sực nghĩ mình lụy nhỏ chứa-chan ;

Đêm nghĩ-ngơi ôm gối chiếc mơ-màng, riêng tủi phận lòng đau quặn thắt.

Phải chi anh đi lính binh man-di, binh khấu-tặc, đánh thành đông, xô lũy bắc, mà mang câu ly-hương khứ lý cũng ưng tình ;

Phải chi anh làm quan tại biên-quận, tại triều-đình, sớm việc thuế, chiều việc binh, mà chịu chữ vị-Quốc vong-gia cho đáng kiếp.

Phải chi em lang-tâm thất-tiết, bởi vậy nên xấu hổ phải bôn-chôn ;

Phải chi em ác-khẩu ngoa-ngôn, cực chẳng đã nheùn-ngùn nên cất gói.

Nghĩ lại thiệt không chỗ nói, có sao nên nổi ra đi ?

Vì ai xui phượng cách loan ly, vì ai khiến nhận nam yển bắc ?

Sao chẳng tưởng thề non hẹn nước, nói cùng nhau sống gửi nạc thác gửi xương ;

Đến bây giờ giục ngựa buông cương, coi ra thể đặng nhánh lê chê nhánh lụy.

Dầu anh đặng sớm bình chè, tối bình rượu, cũng nhớ khi nước lã khuấy nên hồ ;

Dầu anh đặng mai mở nhiều chiều mở sô, cũng nhớ thuở xé vai mà vá vạt.

Anh tới đó ngựa xe rần-rạt, chúng cũng kêu một gã vong-thê ;

Thiếp ở đây quần áo phủ-phê, người cũng gọi một con khí-phụ.

Phải chi thiếp gái trai đều đủ, chông có vong còn cậy chút con ;

Cái này em thân-phận thon-von, chông đã phụ biết ai gửi xác.

Bởi vậy nên xóp ve mình hạc,

Bởi vậy nên nhẩn-nhủ thơ nhàn.

Từ năm trên thuyền thiếp quá giang, kể hết mọi đàng, mà chàng chẳng một phen qui-phản ;

Đến thàng trước thuyền chàng quá-vãng, tin ra đòi đoạn, mà chàng không một chuyến phản-hồi.

Mặc chàng dầu tình bạc như vôi, đây thiếp cũng lòng son giữ mực.

Bằng nay thiếp nhẩn-nhe tin-tức, cố khuyên chàng nôn-nức đô-hồi ;

Như phen này chàng chẳng nghe lời, nguyên phen khác chàng đừng lấy thiếp.

VĂN - TẾ

Điều Lục-tĩnh sĩ-dân văn

Hỡi ôi !

Tủi phận biên-manh,

Căm loài gian-tặc !

Ngoài sáu tỉnh hãy ngợi câu án đồ, dân nhờ vua đặng
lẽ sống vui ;

Trong một phang sao mắc chữ lục trầm, người vì nước
rủ nhau chết ngặt.

Nhờ linh xưa !

Tiếng đồn trung-nghĩa đến xa,

Thói giữ cang-thường làm chắc.

Từ thuở Tây qua cướp đất, xung tân-trào gây nợ oán-
cừu ;

Chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cụu-chúa mang lời
phản-trắc.

Các bực sĩ nông công cồ, liền mang tai với súng song-tâm ;

Mấy nơi tổng lý xã thôn, đều mắc hại cùng cờ tam sắc.

Bọn tam-giáo quen theo đường cũ, riêng than bất hạnh lâm nghèo ;

Bầy cứu-lưu cứ giữ nghề xưa, thăm túi vô cô chịu cực.
Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo ;
Tội chẳng tha con nít đờn bà, đốt nhà bắt vật.

Kề mười mấy năm trời khốn-khó, bị khảo bị tù bị đày
bị giết, trẻ già nghe nào xiết đếm tên ;

Đem ba tấc hơi mỗn bỏ liều, hoặc sông hoặc biển hoặc
núi hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước mắt.

Khá thương thay !

Dân sa nước lửa chày ngày,

Giặc ép mỡ dầu hết sức.

Đành những kẻ cha thù anh oán, nhảy vòng báo ứng
đã cam ;

Cực cho người vợ yếu con cô, gây đoạn thảm sầu không
dứt.

Man-mác trăm chiều tâm-sự, sống những lo trả nợ cho
đời ;

Phui-pha một mảnh hình-hài, thác rồi bỏ làm phân cho
đất.

Nghĩ nỗi anh-hùng nạn nước, bãi khô lâu nào mấy kẻ
khóc-than !

Tưởng câu danh-lợi luân đời, trường quỷ lụy mặc dầu
ai nào-nức.

Thời !

Lòng nghĩa-dân thảo với ngô-quân,
Tiếng nghịch-đảng lỗi cùng địch-vực.

Gần Côn-Nôn xa Đại-Hải, máu thây trôi-nổi ai nhìn ?
Hàng cai-đội bực quân-cơ, xương thịt rã-rời ai cắt ;
Sống thời chịu tuyết sương trời một góc, khó đem sừng
ngựa hện qui-kỳ ;

Thác rồi theo mưa ngút biển muôn trùng, khôn mượn
thơ nhân đem tin-tức.

Thấp-thoáng hồn hoa bóng quế, lòng cố-hương gửi lại
bóng trăng thu ;

Bơ-vơ nước quỉ non ma, hơi âm-sát về theo luồng
gió bắc.

Như vậy thời !

Số dẫu theo sáu nẻo luân-hồi,

Khi sao đề trăm năm ức-uất.

Trời Gia-Định ngày chiều rạng ráng, âm-hồn theo con
bóng ác dật-dờ ;

Đất Biên-Hòa đêm vắng sao lờ, oan-quỉ nhóm ngọn
đèn thần heo-hắt.

An-Hà quận đương khi bạch trù, gió cây vụt thổi, cát
bụi bay, con trời dật bên thành ;

Sông Trường-Giang mỗi lúc huỳnh-hôn, khói nước
xông mù, lửa đóm nháng, binh ma chèo dưới vực.

Ôi!

Nhìn mấy chặng cò lau trống sấm, mĩa-mai trận
nghĩa gởi binh-tình ;

Thảm đòi ngàn ngựa gió xe mây, mừng-tượng vong-
linh về chiến-luật.

Người lạc phách theo miền giang-hải, cung ngao lâu
thần, đành một câu thân-thế phù trầm ;

Kẻ du hồn ở cõi sơn-lâm, lữ kiến đồn ong, còn bốn
chữ âm-dung phưởng-phất.

Trời đất ôi!

Sống muốn cho an,

Thác sao rằng bức.

Dẫu sớm thấy ngọn cò diều-phạt, phận thần-dân đầu
chẳng toan còn ;

Chưa kịp nghe tiếng trống an-nhương, nghĩa quân-phụ
nào dè thác mắt.

Hoặc là sợ như đất triều Tần mộ Sở, cuộc can-qua
sống ở cũng ghe mình ;

Hoặc là lo như trời nam Tống bắc Kim, đường binh-
cách thác đi cho khuất mặt.

Tiếc non nước ấy, non dân đường ấy, gây sự này nào
thấy phép tây-oan ;

Biết cha mẹ đâu, tộc loại ở đâu, chạnh tình đó mới ra
ơn diều-truất.

Tuy uồng mạng, hãy chờ khi sách mạng, sẵn vòng
quả-báo vắn-vương ;

Song oan hồn, chưa có kẻ chiêu-hồn, khiến tấm linh-
bài bức-tức.

Nhớ phận áo cơm đất nước, trọn mấy năm ngóng cổ
trông quan ;

So bề mờ-mả ông cha, còn hơn đũa dành lòng theo
giặc.

Đến nay !

Cám cảnh nam-trung,

Trách lòng tạo-vật.

Vi như Vĩ-Sanh đời Đông-Tấn, nay đánh Hồ mai đẹp
Yết, thời phơi gan trong đám tinh-chuyên ;

Nào phải dân ở cõi Ô-Yên, sớm đầu Hạ tối đầu Liêu,
mà trây máu bên đường Kinh-Cức.

Phải trời cho mượn cán huyền phá Lỗ, Trương tướng-
quân còn cuộc nghĩa-binh ;

Ít người đặng xem tấm bảng phong-thần, Phan học-sĩ
hết lòng mưu-quốc.

Muôn dặm giang-san triều thánh đó, giang-san còn hơi
thánh hầy còn ;

Ngàn năm hồn-phách nạn dân này, hồn-phách mất
tiếng dân nào mất.

Dấu đặng ơn nhuần khô-cốt, cơn trị-bình mới thấy
đạo vương ;

Muốn cho phép với linh-hồn, buổi ly-loạn khôn cầu
kinh Phật.

Ôi !

Trời xuống nản quỷ trắng mấy năm,

Người uống giận sỏi vàng lấm bụi.

Kiêng Nam-thờ phơi màu huê-thảo, động tinh oan,
nửa úa nửa tươi ;

Cõi Tây-thiên treo bức vân-hà, kết hơi oán, chặng
thưa chặng nhật.

Ngày gió thổi lao-xao tin dã-mã, thoát nhóm thoát tan,
thoạt lui thoạt tới, như tuồng bán dạng tinh-linh ;

Đêm trăng lờ giéo-giắt, tiếng đề-quyên, dường hờn
dường mến, dường khóc dường than, đòi đoạn tỏ tình oan-
khuất.

Xưa nghe có bến sông Vị-thủy, lấy lễ nhơn-đầu tế đảng
hồn oan ;

Nay biết đâu bãi cát Trường-Sa, mượn của âm-phủ độ
bè quỷ úc.

Đốt lọn nhang trần, trời đất chứng, chút gọi là làm lễ
vãng-vong ;

Đọc bài văn-tế, quỷ thần soi, xin hộ đó theo đường
âm-chất.

ĐỒ CHIỀU

Văn-tế vong hồn mộ nghĩa

Súng giặc đất rền,

Lòng dân trời tỏ.

Mười năm công võ ruộng, xưa ắt còn, danh nổi như
phao ;

Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất, tiếng vang như mõ.

Nhớ linh xưa !

Cui-cút làm ăn,

Riêng lo nghèo khó.

Chưa quen cung ngựa, đua tới trường nhung ;

Chỉ biết ruộng trâu, ở theo làng hộ.

Việc cuốc việc cày việc bừa việc cấy, tay vốn quen làm ;

Tập khiên tập súng tập mác tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong-hạc phập-phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa ;

Mùi tinh-chiên vấy-vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bông-bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan ;

Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ.

Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu ;

Hai vàng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó.

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình ;

Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hồ.

Khá thương thay !

Vốn chẳng phải quân cơ quân vệ, theo dòng ở lính diễu-binh ;

Chẳng qua là dân ấp dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu-mộ.

Mười tám ban võ-nghệ, nào đợi tập-rèn ;

Chín chục trận binh thư, không chờ bày-bố.

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang tấu
bầu ngòi ;

Trong tay cầm một ngọn tầm vong, chi nài sắm dao
tu nón gỗ.

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong
nhà dạy đạo kia ;

Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém
rót đầu quan hai nọ.

Chi nhọc quan quân, giống trống kỳ trống giục, đạp
rào lướt tới coi giặc cũng như không ;

Nào sợ thằng Tây, bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa
xong vào liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang người chém ngược, làm cho ma-tà
ma-ni hồn kinh ;

Bọn hè trước lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc tàu đồng
súng nổ.

Những lăm lòng nghĩa sau dùng,

Đâu biết xác phạm tội bỏ.

Một chắc sa-trường rằng chữ hạnh, nào hay da ngựa
bọc thầy ;

Trăm năm âm-phủ ấy chữ qui, nào đợi gươm hùm
treo mộ.

Đoái sông Cần-Giộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng ;

Nhìn chợ Trường-Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.

Chẳng phải án cướp án gian-đày tới, mà vi-binh đánh
giặc cho cam tâm ;

Vốn không giữ thành giữ lũy bỏ đi, mà hiệu-lực theo
quân cho đáng số.

Nhưng nghĩ rằng :

Tắc đất ngọn rau ơn chúa, tài-bồi cho nước nhà ta ;

Bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.

Vì ai khiến quan-quân khó-nhọc, ăn tuyết nằm sương ;

Vì ai xui đồn-lũy tan-tành, tiêu mưa ngã gió.

Sống làm chi theo quân tả-đạo, quảng vùa hương, xô hàn độc, thấy lại thêm buồn ;

Sống làm chi ở linh ma-tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hồ.

Thà thác mà đặng câu địch-khái, về theo tổ-phụ cũng vinh ;

Hơn là còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man-di rất khổ.

Ôi thôi thôi !

Chùa Lão Ngô năm canh ưng đóng lạnh, tấm lòng son gởi lại bóng trăng rằm ;

Đồn Tây-Dương một khắc đặng trả hồn, túi phận bạc trôi theo dòng nước đổ.

Đau-đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo-lét trong lều ;

Não-nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật-dờ trước ngõ.

Ôi !

Một trận khói tan,

Ngàn năm tiết rữa.

Binh tướng nó hãy đóng sông Bến-Nghé, làm bốn phía mây đen ;

Ông cha ta còn ở đất Đồng-Nai, ai cứu đặng một phương con đỏ ?

Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen ;

Thác mà ưng đình miếu đề thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ.

Sống đánh giặc mà thác cũng đánh giặc, linh-hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;

Sống thờ vua thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã đành rành, một chữ ảm đủ đền công đó.

Nước mắt anh-hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên-dân ;

Cây hương nghĩa-sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ.

Hỡi ôi !

Có linh xin hưởng !

ĐỒ CHIỀU

Văn-tế điều Trương-Công-Định (1)

Hỡi ôi !

Giặc cỏ bò lan,

Tướng quân mắc hại.

(1) Tục kêu là quan lớn Định, kháng-cự kịch-liệt với quân Pháp ở Gò Công, không may chưa thành công đã mất sớm.

Ngọn khói Tây-bang đống đỏ, cỏi Biên còn trống đánh
sơn-lâm ;

Bóng sao võ-khúc về đâu, đêm thu vắng tiếng canh
đinh trại.

Nhớ tướng-quân xưa !

Gặp thuở bình-cư,

Làm người chí-đại.

Từ thuở ở hàng viên-lữ, pháp binh trăm trận đã lâu ;

Đến khi ra quân đồn-diền, võ-nghệ mấy ban cũng trải.

Lối đánh giặc, tới theo Quan Tổng Trường-thi Mô-súng,
trọn mấy năm ra sức tranh tiên ;

Lúc cuộc tan, về ở Tân-Hòa đắp lũy đồn binh, giữ một
góc bày lòng địch khái.

Chợt thấy cánh buồm lai-sứ, việc giảng hòa những
tưởng rằng xong ;

Đã đành tấm giấy tỵ-phong, phận thần-tử há đâu dám
cãi.

Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên-tử chiếu, đón ngăn
mấy dặm mã-tiền ;

Theo bụng dân phải chịu tướng-quân phù, gánh vác
một vai khôn-ngoại.

Gồm ba tỉnh dựng cờ phấn-nghĩa, sĩ-phu lắm kẻ vui
theo ;

Tóm muôn dân gầy sỏ mộ-binh, luật-lệnh nào ai dám
trái.

Vấn thời nhờ tham-biện, thương-biện, giúp các cơ bàn-bạc
nhung-công ;

Võ thời dùng tổng-binh, đốc-binh, coi mấy đạo sửa-sang
khí-giải.

Khá thương ôi !

Tiền vàng ơn chúa, trót đã rõ-ràng ;

Ấu bạc mưu binh, nào còn trẽ-nải.

Chí lăm đốc cờ xuê lộ-bổ, chói sắc giữa trào ;

Ai muốn đem gươm báu can-tương, chôn hơi ngoài ải.

Há chẳng thấy ?

Sức giặc Lang-Sa,

Nhiều phương quỷ-quái.

Giăng dưới nước tàu đồng tàu sắt, súng nổ quá bấp
rang ;

Kéo trên bờ ma-ni ma-tà, đạn bắn như mưa vãi.

Dầu những đại-đồn thuở trước, cũng khó toan đề
trừng ngàn cân ;

Hướng chi cô-lũy ngày nay, đâu dám chắc treo màn
một dãy.

Nhưng vậy mà !

Vi nước tắm thân đã nấy, còn mất cũng cam ;

Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.

Rạch-Lá Gò-Công mấy trận, người thấy đã kinh ;

Cửa-Khâu Trại-Cá các nơi, ai nghe chẳng hãi.

Nào nhọc sức họ tào biên sỏ, lương tiền nhà ruộng,
cho một câu háo-nghĩa lạc-quyên ;

Nào nhọc quan võ khố bình cân, thuốc đạn ghe
buôn, quyền bốn chữ giang-thương đạo-tải.

Núi đất nửa năm ngăn giặc, nào thành đồng lũy sắt
các nơi ;

Giáo tre ngàn dặm đánh Tây, là ngựa giáp xe nhung
mấy cái.

Ói !

Chí dốc đem về non nước cũ, ghe phen hoạn-nạn,
cây thương phá Lỗ chưa lia ;

Nào hay trở lại cảnh quê xưa, nhắm mắt lâm-chung,
tấm bảng phong-thần vội oải.

Chạnh lòng quân-sĩ, thương quan tướng, nhắc quan
tướng, chiu-chít như gà ;

Bực trí nhơn-dân, giận thẳng tà, mắng thẳng tà, om-
sòm như nhái.

Ói !

Sự-thế hỡi bên Hồ bên Hớn, bao giờ về một mối
xa-thơ ?

Phong-cương còn nửa Tống nửa Liêu, đâu nữ hại
một tay tướng-soái.

Nào phải kẻ táng sư đầu giặc, mà đề nhục miếu
đường ;

Nào phải người kêu chiếu đánh phiên, mà gây thù
biên-tái.

Hoặc là chuộng một lời hòa-nghị; giận nam-phiên phải bắt Nhạc-Phi về ;

Hoặc là lo trăm họ hoành-la, hờn u-địa chẳng cho Dương-Nghiệp lại.

Vì ai khiến dứa chia khăn xé; nhìn giang-san ba tỉnh luống thêm buồn ;

Biết thuở nào cớ phất trống rung, hỡi nhật-nguyệt hai vầng sao chẳng đoái ?

Còn chi nữa, cỗi cô-thể riêng than người khóc tượng, nhắm mắt rồi, may rủi một trường không ;

Thôi đã đành, bóng tà-dương gấm-ghé kẻ day đồng, quày gót lại, hơn thua trăm trận bãi.

Ôi !

Làm ra cớ ấy, tạo-hóa ghét nhau chi ?

Nhắc đến đoạn nào, anh-hùng, rơi lụy mãi.

Cuộc trung-nghĩa hai năm làm đại-tướng, nhọc-nhăn vì nước, nào hờn tiếng thị tiếng phi ;

Cõi An-hà một chức chịu lãnh-binh, lây-lắt theo thời, chưa chắc đâu thành đâu bại.

Khóc là khóc nước nhà cơn bán-loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nôi ;

Than là than, bờ cỗi lúc qua-phân, ngày tháng trông vua, ngư-ngần một phương tờ đại.

Tướng-quân còn đó, các nơi đạo-tặc thầy kiêng-dè ;

Tướng-quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa-binh thêm bãi-xái.

Nào đã đặng mấy hồi nơi thích-ly, màn hùm che mặt
tăng xuê ;

Thà chẳng may một giấc chốn trường-sa, da ngựa bọc
thây mới phải.

Ôi !

Trời Bến-Nghé mây-mưa sùi-sụt, thương đứng anh-hùng
gặp lúc gian-truân ;

Đất Gò-Công cây cỏ ủ-ê, cảm niềm thần-tử hết lòng
arung-ái.

Xưa còn làm tướng, đốc rạng giời hai chữ Bình Tây ;

Nay thác theo thần, xin đừng hộ một câu phúc-thái.

ĐỒ CHIỀU

**Sĩ-nhơn điếu mỹ-nữ phối hải-tân
ngư-ông vãn**

Hỡi ôi !

Vàng lộn cùng thau,

Ngọc lăm với đá !

Kén khách mà không gặp khách, nghĩa vuông tròn
chương đến phận nữ-nhi :

Trao duyên lại lỡ mối duyên, thấy đôi lứa ngán cho
người thiên-hạ.

Phận đã đành song còn chút chưa đành ;

Nín cũng dở nói ra càng thêm dở !

Nhớ tánh-hạnh cô :

Dựa bực nữ-trung,

Vốn người lịch-sạ.

Lưng eo vú giảnh, ngọc chuốt vàng trau ;

Má phấn răng đen, miệng cười hoa nở.

Tưởng lúc chơi đình dạo quán, nhớn-nhờ yếm điều
đãi thắm, nét chơi bởi say mặt-khách tài-hoa ;

Tùng phen đi chợ về quê, lân-la điếu thuốc phong trầu,
lời đưa-đầy xiêu lòng người danh-giá.

Ngoài phong-lưu mỗi việc đủ rồi,

Trong khuê-khôn trăm điều trải cả.

Phụng-dưỡng treo gương hiếu-kính, phận trinh-nhàn
thay mặt nam-nhi ;

Cửi-canh cứ mực kiệm-cần, bề công-tắc nên trang thực-
nữ.

Người kiết-sĩ gần xa nào-nức, đều nhộn-nhàng bản cá
trông sao ;

Kẻ giai-nhơn ong bướm xôn-xao, toan lãng-liú đề thi
ném quả.

Nhà phú hậu ao liền ruộng mẫu, những mong-mỏi
duyên ưa phận đẹp, bảy năm tròn chờ đợi nước non sông ;

Khách văn-chương tai thánh mắt hiền, những ước-ao
gái sắc trai tài, đôi thánng chẵn đi về tin nhận cá.

Dấu lòng kia hay nghĩ hay suy,

Thì cũng phải là đôi là lứa.

Phải phận nữa kết duyên người nhứt-sĩ, may-mắn
rồng mây gặp hội, ắt chồng loan vợ phụng sum vầy ;

Ép duyên chẳng chấp mối kẻ nhi-nông, sớm trưa trâu
ruộng cày bừa, cùng đụn lúa kho tiền chón-chở.

Những bàn thế-sự thiệt hơn,

Chưa biết mối duyên hay nợ.

Những tưởng ông tơ rèn-tập đó, bực bố-kinh đành
lựa chốn trăm-anh ;

Nào hay con tạo ghét-ghen gì, người thành-thị đưa
vào miền biển giả.

Giai-tế hình-dung xem cũng khá, tóc rẽ tre da đồng
điều, phỏng chừng trong một áng mây người ni ;

Tần-lang tuổi-tác đã bao nhiêu, hột cau giống nước
trà hãm, ước đâu độ năm tuần thêm lẻ nữa.

Trăm cài lược giắt, tưởng công-trình đòi đoạn chua-
cay ;

Nón gõ quai mây, thấy bình dạng thêm chiều buồn-bã.

Cửa bến nước mười hai là phận, trong gia-đạo
chưa có người lo-lắng, sao cô chẳng tính cho gần-gũi,
nữ đề mẹ già tuổi-tác, lấy ai khi mưa dầu nắng lửa, gió
kép sương đơn ;

Hạt quả mai ba bảy còn xuân, ngoài hương-thôn
cũng có kẻ yêu-vị, sao cô chẳng nghĩ đến nguồn cơn,
nữ đưa thân-phận liễu-bồ, gieo vào nơi nước bích rêu
xanh, cát vùi sóng vỗ.

Hay là vì bởi mẹ già lẫn quyết, dạ những tham mớ
tôm mớ cá, qua lại xôi nhiều ngậm miệng, ép ường
duyên cô nông-nỗ thế, nặng tiền tài mà nhẹ gánh tình
thâm ;

Hay là vì mối lái đèo-bồng, miệng phỉnh rằng có của có con, nói phô mật rót vào tai, dỗ-dành phận gái ngằn-ngor tình, già nhân-sự mà thoát quyền tạo-hóa.

Hay là cô muốn thử mùi đời mặn lạt, chẳng quản nổi đồng chua nước mặn, thú sanh-nhai ngày tháng đủ no ;

Hay là cô muốn dò dạ thế cạn sâu, nên tham nơi sào lớn chèo dài, câu thích chí sớm khuya nghiêng-ngả.

Nài mai ép trước can-cớ vì ai ?

Chê mỏng tham dày nung-niu lắm nả.

Muốn xích-thăng ước trăm năm có lẽ, phải chi một ngày mà chẳng luận thiệt hơn ;

Phận hồng-nhan hai mươi bốn tuổi tròn, chưa bẩy tội nữ đem thân mà đày-đọa.

Ôi !

Hồng ngâm khỉ vọc, liễu ủ đào phai ;

Mình ngọc ngâu vầy, huê tàn phấn rã.

Lúc vãng-sinh đi qua miền thành-thị, cảm cảnh bấy duyên nài phận ép, cảnh sầu như cây cỏ héo dầu-dầu ;

Buổi vu-qui về đến chốn vịnh doi, ngàn thay cho vợ trẻ chồng già, vật chào khách cá cua cười rả-rả.

Mây Thuận-hải khi tan khi hợp, xót lòng cô bèo-bọt nước-non xa ;

Nước thủy-triều cơn ngược cơn xuôi, thương phận gái nổi-chìm quê-quán lạ.

Mong lấy nợ duyên than với gió, gió qua cửa biển,
đang phát-phơ thêm giục cơn buồn ;

Men đem số phận hỏi bà trăng, trăng chống đầu
non, chiều lơ-láo khôn soi tấc dạ.

Toan việc lẽ thời trả lẽ, duyên phong-nhã chẳng
vuông tròn như trước, thì cũng đã cam vừa miệng cá,
khôn đưa mối chỉ rẽ làm hai ;

Tính rằng duyên lại phụ duyên, tình gối-chăn không
êm-ấm như xưa, thời làm chi ván đã đóng thuyền, khó
bẻ chữ đồng chia lấy nửa.

Ồi thôi thôi !

Mai cười với gió xiết nỗi phàn-nàn,

Nguyệt ám vì mây khôn bề than-thờ.

Huê lưu động-khâu ung trường tại, phận hồng-nhan
bao quản bước truân-chuyên ;

Thủy đáo như-giang định bất hồi, cửa xuân tỏa tha
hồ ai khép mở.

Tơ một bức không vương người bạch-diện, nợ tình
chi mà nói, nói nữa làm chi ;

Giấy ba hàng đưa diếu chị hồng-nhan, đã đành lỡ thì
thôi, thôi đành chịu lỡ.

Ai tai !

Thượng hưởng ! (1)

(?)

(1) Tương truyền bài này của một cậu học trò thương một cô thiếu-nữ ở Hà-Tĩnh. Tưởng trăm năm lửa bén duyên nồng, nào hay mẹ cô bắt gả cô cho một ông ngư-ông có tuổi mà có tiền. Cậu hay đặng, làm bài văn-tế này, gửi cho cô. Dường như cô đọc rồi không bao lâu cô tự-tử mà thác.

Tế sống bạn thua me vẫn

Cháu ôi !

Ruộng hóa tan-tành,

Đèn chong leo-lét !

Vận trời đất giúp khi phú-quì, chồng cũng khôn vợ
cũng giỏi, nghiệp Vương Đào đồ sộ chi nhường ;

Miền chợ quê bỗng chút hoang-vu, ma nào chỉ quỷ nào
lôi, của Sùng Khải sạch trơn như quét.

Nhớ linh nay !

Quê ở Gò-Công,

Khách chơi Quán-Ếch.

Học biết lân-kinh mã-sử, còn sút kẻ thí trên ;

Tài hay họa-phụng đồ-nha, chi thua người khóa khuyết.

Con vợ đôi ba đủ, bề sĩ-ngoạn rất xinh ghê !

Tuổi tác bốn mươi dư, nổi vận-thời đương đỏ hoét.

Năm lợn thàng hùm vừa thấp-thoảng, chí nho-văn
đắm tọc đã thò-lò ;

Đầu ruồi dạ cháu lưỡng mong-manh, trường đồ-bác
sợ ai phòng nhút-nhát.

Làm cho ra bọm hổ-kha (1) tay tà-ấu, chống rương xe
tuôn lúa vựa, đánh xám phần (2) bỗng chút lọt nò ; (3)

(1) Hổ-kha : (Tiếng Triều-Châu) Tay giỏi.

(2) Đánh xám phần : (Tiếng Triều-Châu) Mè mới ra yêu, mình đánh
tài-mến tam, tản tọc tượng.

(3) Nò (Tiếng Triều-Châu) : Ba cửa tam túc lượng, mình trúng hết,
rừ ra cửa yêu mình thua.

Cũng đánh liều quơ xóm dưới bờ làng trên, vay bạc tháng hồi tiền ngày, mẹ *xí thẹo* (1) ai dè sứt kẹt.

Thương hại ! Ăn chẳng ngon nằm chẳng ngủ, áo cũng rách quần cũng rách, rách mà đành phận rách, đặt *khai-chu* (2) đặng trông tới tháng lương ;

Ôi này ! Con hết tưởng vợ hết trông, tiền cũng không lúi cũng không, không thì trời kệ không, sửa *mỏ khệu* (3) chỉ chừng dây đất xết.

Cá trắng đôi khi lánh nam chạy bắc, dẽ dám than ông Bồn không thương ;

Nước đông hà lúc hết trường rồi tiêu, đâu lại trách Như-Lai có ghét !

Ôi !

Cỏ yếu bụi nương,

Mây che gió vệt.

Nghĩ lúc này lưng túc có ai thương,

Còn chi nữa làm yêu mà bạn nhểc !

Ăn phong-lưu nghĩ lại rất chua le,

Nợ oan-trái lo thôi đặng ghét.

Những ngõ uốn vi vẽ cạp, cho hơn người vô sở dụng tâm ;

Nào hay đón gió hoàn mèo, lại mắc phải vị chi bất tiết.

Ngán nổi khả-phong rất thảm, hết quần thoi khôn nép củi, cảm mẹ già dựa cửa ngóng bờ-vơ ;

Trong thời quỵện-nhĩ mỗi khuê, giúp miếng cá đỡ lá rau, thương vợ yếu trong màn lời tốt-tét.

(1) Mẹ ra yêu, rồi tam, rồi yêu.

(2) Đánh in chun trước, nghĩa là : tam yêu túc, tam yêu túc. . .

(3) Sửa mỏ : Sửa dầu đánh cửa này cửa kia.

Lê lấy gai, thịt thắm thêm đau ;

Tuôn như nước, dòng xanh khôn nhét.

Rượu ba chén tỉnh hồn người cụu-khế, tin chẳng
tin Bàng-Đức lời răn ;

Vấn một bài tế sống bạn thua me, sợ chẳng sợ công-ty
nhà « xéc ».

(?)

Vấn vợ thợ rèn tế chồng (1)

Hỡi ôi !

Tạo-hóa xây vắn,

Thợ trời thay đổi !

Lời sắt-đinh căn-dẫn cỡi trăm năm,

Kiếp tro bụi phan-phui người một lối.

Nhớ linh xưa !

Mài nét thiệt hơn,

Rèn lòng chẳng đổi !

Ở chẳng làm cay làm ngắt, đắp-đổi ngày hai ;

Nói ra có thép có gang, xù-xi năm tối,

Minh nương dưới bệ, kẻ gươm dao theo cậy sức giời
mài ;

Tay dựng một lò, người cày-cuốc thấy nhờ ơn rèn
thời.

Cân sắt tài từ lúc, lời nói như rựa chém xuống đất,
hẹn với đều già ;

Ra gan dạ con người, việc làm như lửa đỏ trên đầu,
chết không kịp trở.

(1) Bài này dụng ý chỗ dùng những chữ về rèn đập. . .

Ôi !

Mẻ hết chỗ mài,

Gãy không thể nối.

Đành trao cán nặng cho ai,

Mà bỏ xác phàm bồng vôi !

Nghề rèn đập ai cặp, kèm với bạn, gang vừa sôi mà
sắt bồng tan liền ;

Nghiệp trau-giồi ai chỉ vẽ cho con, lửa mới bén mà
than đành tắt hổi !

Thảm-thiết bấy mấy đời tiện-tặn, chịu ăn hoài dao
lọt hơn chín mươi năm ;

Não-nùng thay chút phận rủi-ro, như tan mất lưỡi
cày cựa trăm ngàn nối.

Gang chẳng đập nhồi mà nát, thương là thương tác
xuân-xanh đương bén tợ gương trường ;

Sắt nào trau giữa cho trơn, xót là xót mảnh phận
bạc đành vùi theo thép nguội.

Dao oan-nghiệt khéo mài chỉ quá bén, cắt đứt tóc tơ ;

Lửa biệt-ly chưa nguội lại hùng lên, đốt lòng gan phổi.

Ôi thôi thôi !

Khóa gãy chia rơi,

Búa tà đe dội.

Mới đó mà cán đành bỏ lưỡi, phận lao-đao chi xiết
nối sàu riêng ;

Từ đây mà nén nợ xa khâu, bề cặp-nảy biết bao giờ
gặp mối.

Hôm nay hãy lò than un dát đỏ, ngọn lửa hương
thêm nóng ruột trăm chiều ;

Ngày mai vừa lát cuộc đắp mồ xanh, nắm đất cỏ đã
chôn tình một khối.

Thương thay !

Xin hưởng.

(?)

Ăn thịt chó vẫn

Hỡi ôi !

Cũn vắng muông ngao,

Trống buồn sấm cỏ.

Sống một bữa cũng thương một bữa, thương là thương
vì đã mến đây ;

Đứt nửa dây mà tiếc ẻ nửa dây, tiếc là tiếc ai xui
mất đó !

Nhớ gấu xưa !

Hơi-hám lệ-làng,

Hình-thù xó-ró.

Đói kiếm ăn hay đứng chàng-ràng ;

Lạnh vào bếp hay ngồi chò-hỏ.

Độ thiên-thai nơi đấu cung càn ;

Đồ địa-đạo nhờ hơi thuộc thỏ.

Tiếng uân-oản nơi thành Đường-chúa, năm dầu dầu
mà liệt-quốc nhất qua ;

Hơi ngàn-ngừ nơi chốn Thục-ba, sữa quấu quấu khi
thái-dương đương lỗ.

Tài đồng-độc chi nhường Sở-Khoảng, thức năm canh má kẻ chánh thiết lòng ưa ;

Sức hùng-hạo chẳng kém Hằng-Lư, trùng đôi mắt thẳng gian lơ tay mó.

Nào những thuở lướt bụi bờ sẵn thỏ lệ, bắt dặng hơi mà chí-khí hỡi hung-hăng ;

Đến bây giờ nằm chèn-quệt thể heo quay, nhìn mất máu mặt đà nhần-nhó.

Ồi !

Đuôi uốn khúc rồng,

Lung cong hình thỏ.

Chú Chích tiếc nhãn mày,

Ông Phàn thêm ráo cồ.

Thôi rời chùm xương thịt phách dỗi lò than ;

Còn chi sắc vẹn vẫn hồn theo bãi gió.

Sống chẳng nài muôn cụm rừng xanh ;

Thác chi sá một chòm lửa đỏ.

Mới khi hồm ngóng cổ cò cong lưng rái, chạy ào ào há miệng bặm môi ;

Đến bây giờ trợn mắt độc túm giò nai, nằm thiếp thiếp nhãn răng nhieu mỏ.

Cám thuở sống, đòn thì tươi, com thì hằm, ở trên đời nhiều kẻ dề-duôi ;

Thương khi về, thịt cũng béo, hơi cũng thơm, ngon lỗ miệng nhiều người hỏi dọ.

Công-trình 'mấy thuở, nữ ném quăng cho thịt thúi
gan hôi ;

Nuôi-nấng bấy lâu, phải tiểu-biểu những khúc đời
dĩa ló.

Ồi thôi thôi !

Làng xóm trẻ già,

Anh em lớn nhỏ !

Phải ra tay áo cùng nhau ;

Chơ hết sức hết lòng với nó.

Lột trái dứa, đâm củ nghệ, lễ tống-chung rượu lạt
cặp vài ve ;

Mặn dĩa muối, lạt chén tương, dùng an-táng rau
thơm thêm ít bó.

May lão sãi đem cho gói ớt, cũng độ siêu với chúng
cho bò ;

Vái linh-hồn trực vãng cầu tiêu, xin thác hóa đừng
làm kiếp chó !

(?)

VĂN TẬP-DANH

Mấy bài sau này kể ra thì không phải là tuyệt tác, nhưng mà chúng tôi chép ra đây để góp tài-liệu về một lối văn không phải là không thú-vị cho người chuyên về nghề.

Về các thứ bánh

Mấy tay phong-tinh huê-nguyệt,

Thì sẵn có bánh *trung-thu*.

Mấy kẻ phật tu, *bóng sen* thơm ngát.

Ai mà hảo ngọt thì có *bánh cam*

Những kẻ nhát gan này là *bánh tét*.

Còn như *bánh ếch* để mấy ông câu.

Hủ lậu xưa nay thì ưa *bánh tổ*.

Mấy tay háo võ, *bánh thuẫn* sẵn-sàng.

Các thứ *bánh bàn*, kính chư chấp bút.

Ai năng thống-phúc nên dụng *bánh gừng*.

Những *bánh ếch trần*, cu-li chia lấy.
Kẻ nào trông rẫy lại sẵn *bánh khoai*.
Mấy kẻ hay say, *bánh men* rất quý.
Đây là *bao chỉ* để các thợ may.
Má phấn mấy tay thì ưa *bánh dĩa*.
Những tay làm lửa sẵn có *bánh phồng*.
Bánh kẹp bánh công để cho đạo-tặc.
Lại như *quai vạc*, đạo chớp nên ăn.
Ai bị thoát-giang thì ăn *bánh lột*.
Trôi nước rất ngọt để kẻ thợ chài.
Dầm mưa hoài hoài thì ăn *bánh ướt*.
Bất toại vô phước lại sẵn *bánh bò*.
Những kẻ năng ho phải ăn *tai yến*.
Ai ham trông kiếng có *bánh bông lan*.
Còn như *bánh trắng* (?) cho bọn trai tơ.
Mấy ả giang-hồ, *bánh bèo* sẵn đó.
Ai mà mặt rỗ, kia *bánh chôm chôm*.
Mấy chú tạ sơn, *bánh bao* khá nich.
Những tay bán thịt, *da lợn* sẵn dành.
Còn trẻ *bánh canh* cho ba chú lính.
Chủ-nhơn « *Lục-Tĩnh* » thì có *bánh in*.
Đầu bếp mấy anh phải ăn *bánh rế*.
Đây là *bánh nghệ*, mấy chị nằm nơi.
Kẻ dệt lụa tơ, *bánh tầm* sẵn đề.
Còn như *bánh quế*, mấy đấng y-sanh.
Tộc mạch mấy anh nên ăn *bánh hời*.

Hễ là thầy 'bói, ăn đỡ *bánh qui*.
Mấy ổ *bánh mì* cho người nho-nhã.
Quảng-Đông mấy gà ăn *bánh cà-na*.
Béo thịt thẳng da thì ăn *bánh ú*.
Rộng đồng mấy chú *nhũ đệ* sẵn đây.
Phật-giáo mấy thầy xin *thâu bánh cúng*.
Phận tôi lúng-túng, *trái viết* tôi giành.
Ai có *lanh-chanh* tôi cho *bánh khọt*.

(?)

Về các thứ cá

Cá voi cá ngựa, cá rựa cá đao.
Ức sào *bánh lái*, lẳng hải cá sơn.
Lớn hơn thác lác, cá ngát *dây tho*.
Cá rô cá sặt, cá sặt cá tra.
Mề gà dải áo, cá cháo cá com,
Cá mơn cá mớn, (?) sặt *bướm chốt hoa*.
Cá xà cá mập, cá tớp cá sông,
Cá hồng chim điệp, cá ép cá hoa.
Bóng dứa bóng xệ, cá bẹ học trò.
Cá vồ cá dục, cá nục lù-đu.
Cá thu trên lá, bạc má bạc đầu.
Lưỡi trâu hồng chó, lò có *lành canh*.
Chim sành cá biết, cá giết cá mè.
Cá trê cá lóc, cá nóc *thời lòi*.
Chia vôi *cơm lạt*, bóng cát bóng kèo.
Chim heo cá chết, cá ét cá *chuồn*.

Cá đường cá chẻm, vồ đém sặt rằn.
Mòi đường bóng mú, tra hu tra vinh.
Cá kinh cá gộc, cá cốc cá chày.
Cá dầy cá đuối, cá đối cá kim.
Cá chim bon được, cá nược cá người.
Cá bui cá cúi, cá nhái bã trầu.
Cá nàu cá dảnh, hủng hình toi bời.
Cá khoai óc mít, cá tích nạng hai.
Cá cày cá cháy, cá gáy cá ngân.
Trà bần cá nái, nóc nói cá hô.
Cá ngữ mang rổ, cá sủ cá cam.
Cá còm cá dứa, cá hổ cá lẳng.
Cá cấn cá viễn, rô biển lẹp xơ.
Cá bò chim rằn, cá phươn rông rông.
Trên bông trao tráo, cá sọ cá nhồng.
Lòng tong mộc tích, úc phịch trèn bầu.
Bông sao bông trắng, càn trắng xanh kỳ.
Cá he cá mại, mặt quỉ cá linh.
Cá chình ốc gạo, thu áo cá kè.
Cá ve lẹp mẫu, từ mẫu thia thia.
Cá bè trèn mỗ, đuôi ó bè chan.
Nóc vàng cá rói, cá lủi con cù.
Rô lờ tra đấu, chạch lấu nhám cào.
Tra dầu cá nhám, úc núm cá leo.
Cá thiều cá suốt, cá chốt cá phèn.
Cá diền cá lúc, con mực con mau.

Chim cu cá huột, sọc sọc cá lằm.
Cá rằm cá thiều, nhám quéo chim gian.
Cá ong cá quít, cá kết thiều nôi.
Bong voi út hoát, cá chạch cá mòi.

(?)

Về quả

Thứ nhứt đầu đàng là *trái thù-đủ*.
Cắt ra những mú thiết là *mít-ướt*.
Mình như gà xước, vốn thiết *trái thơm*.
Cái đầu chôm bôm là *trái bắp nấu*.
Rủ nhau làm xấu là *cà dái dề*.
Ngứa gãi quá ghê là *trái mắt mèo*.
Khoanh tay lo nghèo là *trái bần ôi*.
Sông sâu chẳng lội là *trái măng cầu*.
Chẳng biết nằng đầu thiết là *trái chủ*.
Ngồi mà cử sự là *trái dả hôi*.
Giống trắng như vôi là *trái lựu bạch*.
Trong bụng óc ách là *trái dứa xiêm*.
Đề lâu thâm kim là *trái chuối sứ*.
Tùng tam tụ tứ là *trái dưa gang*,
Ở đất mên-man là *trái bí rợ*.
Mẹ sai đi chợ vốn thiết *trái dâu*,
Ở dưới ao sâu là *trái bóng sùng*.
Giống không nên cúng là *trái chuối già*,
Bên Tàu đem qua là *hồng với nhãn*.

Cái hột chan-nhân là trái sầu dầu,
Con mắt bò-hâu là trái trao trao.
Nhiều con nhiều cháu, vốn thiệt trái sung,
Nhỏ mà cay hung là trái ớt hiểm.
Đánh cầu cầu liêm vốn thiệt trái me,
Nặng mà không che là trái rau má,
Chun chà tay cắt vốn thiệt trái chanh,
Nhỏ mà làm anh là dào lộn hột.
Chặt đầu mà lột là trái bưởi chua,
Bán chẳng ai mua là trái cứt quạ.
No lòng phỉ dạ là trái chuối cơm,
Xắt dề chôm-bôm thiệt là trái khế.
Tôm thịt nấu thể là trái khở quạ,
Ăn ỉa không ra là trái chuối hột.

(7)

Ngự đời

(Mỗi câu có một vị thuốc bắc)

Cắm thay loài mộc-tặc,
Giận bầy đảng vô-vi.
Bạc tiền lữ nó dương-qui,
Vong ngài quên ơn bổi-mẫu.
Quán-tử sao không sợ xấu,
Nữ-trinh chẳng biết xét thân.
Hơi trâm-hương ai chẳng muốn gần,
Lòng cam-thảo người nào chẳng dụng.

Tiếc thay người *quán-chúng*,
Uổng cho mấy kẻ *khuyết-minh*.
Đạo quân-vương *thực-đoạn* vong tình,
Niềm *phụ-tử* nữ nào bội nghĩa.
Xưa *tồ-phụ* mở-mang *thực-địa*,
Nay cháu con cách mặt *thiên-môn*.
Khen những loài *bạch-khẩu* rằng khôn,
Đua tòng đảng *tây-hoa* rằng giỏi.
Bán-hạ mê theo làm mọi,
Sanh-cương bắt nạp khừ trừ.
Cõi *kỳ-nam* cả nghiệp xui hư,
Lo *thần-khúc* ngày sau khó ở.
Nhơn-sám hỡi xa xuôi khôn đỡ,
Cam-loại thương dân chúng chịu nghèo.
Sài-hồ ngày tháng làm eo,
Binh-lang lại năm chày thấy vắng.
Trống lịnh *xa-tiền* mở trận,
Đêm ngày trông đợi *phòng-phong*.
Chữ dạ này *hậu-phác* rèn lòng,
Trông cho thấy *huỳnh-kỳ* trở mặt.
Xin thánh-tổ hốt thang *từ-vật*,
Thiếu vị chi làm tế *thập-toàn*.
Sau *dại-hồi*, thiên-hạ dân an,
Loài *bạch-khẩu* làm ma *kinh-giái*.
Đề những *sà-sàng* đảng *dại*,
Không tìm phương *sinh-địa* lánh thân.

Dấu lên trời *kiết-cánh* nan phân,
Trên mặt đất trơ trơ *chỉ-xác*.

(?)

Thơ của thầy thuốc gửi cho tình-nhân

(Mỗi câu có một hay là hai vị thuốc bắc)

I

Bán-hạ từ-cô đời gót,
Liên-kiều quán-tử co tay.
Lời *nhơn-ngôn* *chỉ-thiết* lòng này,
Tình *cam-thảo* *quyết-minh* dạ đó.
Thực-địa ngựa già quen ngõ,
Hoài-son con én lạc đàn.
Kiến-sâu ở lại *Cần-giang*,
Kiết-cánh đó về *Xóm-Củi*.
Vườn *tử-uyên* đừng cho lấm bụi,
Đất *thung-dung* há để bùn lầy.

Thiết là :

Một mình thương gió nhớ mây,
Thương người người có thương đây chút nào ?
Trách ai thả lý gieo đào,
Lấp dòng lá thắm ngăn rào chim xanh.

II

Đôi lời tỏ vơi bạn *kim-anh*,
Nữ phụ *a-giao* mới chỉ *mành*.

Cam-toại há đành lòng *thục-đoạn*,
Huyền-minh xin nhủ chút *lưu-hành*.
Lời nguyên ta phú có *oai-linh*,
Tiếng hẹn cũ đành phân *liên-nhục*.
Cửa *mạch-môn* khôn than cùng *thần-khúc*,
Sông *thủy-ngân* khó hẹn với *ma-hoàng*.
Sầu tây phượng-phất gió *bạch-dàng*,
Thảm bắc ngậm-ngùi hoa *xích-thược*.
Cù-mạch đó đà toan lánh bước,
Châu-sa đây ôm lấy khối tình.
Giận *ma-nhân* đem lối chẳng *linh*,
Trách *quỉ-tiến* gởi lời khôn *thấu*.
Thảo-quả dạ hằng nhớ *bậu*,
Bạc-hà lòng ấy ở ai.
Dư-lương từ lúc chia hai,
Khiếm-thiệt nhớ cơn lẽ *một*.
Phòng-kỷ chẳng mai thì *mốt*,
Hiệp-hoan không sớm thì *chiều*.
Qua-lâu tin cá nổi *điều*,
Trinh-nữ thơ nhàn *khán* quá.

(?)

Thơ của thợ may gởi cho tình-nhân

Sơ-lược tạm hàng thơ lá,
Thêu-thùa gởi bức hồi-vấn.
Đường kim giữ mối năm hằng,
Sợi chỉ gìn câu bốn đức.

Cắt-cửa lòng đây buồn-bực,
Luông-tuồng dạ đó đừng sai.
Bao đành *báu* nọ chia hai,
Cũng dốc *thần* kia đâu sống.
Hồ-hẹn có non cao biển rộng,
Đình-ninh nguyên trời cả đất dày.

Ấy là :

Gin vàng giữ ngọc cho hay,
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời !

Tiền đây nhủ lại đôi lời,
Dầu mòn bia đá chi rời lòng đây.

Buồn bực phòng *thêu* với rỏ *may*,
Chỉ non thề nước *vạch* lòng này.
Tắc gan dường thề *kim* châm-chích,
Kéo cánh song loan gượng giả *khuây*.
Vạch từ *đàng* thiệp chịu *đẳng* cay,
Đo *thước* *tắc* chàng *đừng* *bạc*-bèo.
Nhuần nét trắng *chẳng* lòng *trêu* *bẹo*,
Vạt màu *thâm* không *dạ* *lẳng*-lơ.
Nút xa *khuy* *luống* *những* *đợi* *chờ*,
Vai cách *vạt* càng *thêm* *buồn*-bã.
Lai-láng *dòng* *châu* *tầm*-tã,
Lưng với *giọt* *lụy* *đằm*-đĩa.
Một *minh* *lăn*-*lộn* *canh* *khuya*,
Chích bóng *chần*-*chờ* *ngày* *lụn*.
Thưa *nhật* *mấy* *hàng* *khéo* *vụng*,
Xiên-*quang* *it* *chữ* *dở* *hay*.

Tướng kim-lang cách biệt những ngày,
Sầu chỉ rối gỡ lần ra mối.
Lủi-thủi trông mai đến tối,
Đuợm nhuần từ hạ lại đông.
Áo-nã thay trong lối cặp vợ chồng,
Khẳng-khít bấy ngoài giếng ba đôi lứa.
Hốt mở sao bằng chọn-lựa,
Kéo tri là thói đơn sai.
Thành thán đôi chữ vẫn dài,
Chàng-khiu ít lời cần ký.

(?)

Về đánh đề (1)

Thái-bình (2) cất bút âu ca,
Cổ-nhơn là hiệu tả ra vài hàng.

Những người giàu có muôn ngàn.

Chớ tham hữu-lợi (3) quên đàng vinh-sanh. (4)

(1) Đề 36 con, cũng kêu là « Đề cổ-nhơn » của người khách đem qua bày ra cho chúng ta từ xưa. Lúc bấy giờ thua tiền thua của không biết là bao nhiêu. Đánh một đồng, trúng ba chục đồng. Như vậy cái đã lãi hơn, tay con, sáu con rồi ! Nhưng mà chưa hết đâu. Cái còn lãi tay con cách này nữa, là tay con đánh trước đem nạp quyền cho cái, rồi cái xổ sau. Nói thì không coi quyền mình trước, mà ở ngoài ai biết cho đặng. Thành thử mấy người đánh lớn không khi nào thấy trúng một lần.

(2) Thái-bình : con rồng nằm.

(3) Hữu-lợi : con voi.

(4) Vinh-sanh : con ngựa.

Mấy tay *bản-quế* (1) *thanh-vân*, (?) (2)
Bàn thè *chỉ-đắc* (3) rành rành *hỏa-quan*. (4)
Hai bên bốn phố bạn hàng,
Hết vàng hết chuỗi kiếm *đàng thương-chiều*. (5)
Thất tình còm cháu bỏ liều,
Giang-từ (6) bước xuống quên *đàng* (?) mây mưa.
Dập-diu kẻ én người anh, (?)
Vạn-kim (7) hết cửa ra danh *tam-hòe*. (8)
Năng năng ai nói chẳng nghe,
Quyết đánh *tất-đắc* (9) ai dè *chí-cao*. (10)
Hiệp-đồng (11) mới xô lao-xao,
Nguyệt-bửu (12) *nguồn-kiết* (13) chiêm-bao rõ-ràng.
Ai dè nó xô *hỏa-quan*, (4)
Ồi thôi đốt hết mấy trang giấy tiền.

-
- (1) Bản-quế : con ốc.
(2) Thanh-vân : con hạc.
(3) Chỉ-đắc : con mèo rừng.
(4) Hỏa-quan : con rùa.
(5) Thương-chiều : con én.
(6) Giang-từ : con rồng bay.
(7) Vạn-kim : con rắn.
(8) Tam-hòe : con khí.
(9) Tất-đắc : con chuột.
(10) Chí-cao : con trùn.
(11) Hiệp-đồng : con bò éau.
(12) Nguyệt-bửu : con thỏ.
(13) Nguồn-kiết : con nai.

Đặt bàn tràu rượu rót liền,
Lâm-dâm miệng vái một đề (?) *thiên-thân*. (1)
Người bàn *an-sĩ* (2) *chiếm-khôi*, (?) (3)
Quang-minh (4) *tỉnh-lợi* (5) thôi rồi *thiên-lươn*. (6)
Đi lên đi xuống dầm đường,
Hết quần hết áo ra đường *phước-tôn*. (7)
Những người bạc cất tiền chôn,
Phùng-xuân (8) *cẩn-ngọc* (9) mấy con chẳng chừa..
Mang tiền thẳng chỉ một bè,
Nội đa ngoại thiếu lộn về tay không.
Khôn-son (10) *chánh-thuận* (11) cũng không.
Xõ ra *kiết-phẩm* (12) chẳng trông lấy tiền.
Hai bên bồn phố chớ phiền,
Đề này chẳng trúng ta nguyên đề mai.

-
- (1) Thiên-thân : con mèo nhà.
(2) An-sĩ : con chồn.
(3) Chiếm-khôi : con cá trắng.
(4) Quang-minh : con ngựa.
(5) Tỉnh-lợi : con cá đen.
(6) Thiên-lươn : con lươn.
(7) Phước-tôn : con chó.
(8) Phùng-xuân : con công.
(9) Cẩn-ngọc : con bướm.
(10) Khôn-son : con cọp.
(11) Chánh-thuận : con heo.
(12) Kiết-phẩm : con dê.

Thầy đề nó xỏ thiệt tài,
Mậu-lâm (1) nguơn-quới (2) nào ai trúng gì ?
Thầy đề nó xỏ dị kỳ.
Người đều thua hết cũng vì thanh-nguơn. (3)
Hết trông hiệp-hải (4) nhựt-son, (5)
Minh-châu (6) cũng mất, hán-vân (7) cũng là.
Cửu-quan (8) là ó bắt gà,
Chiêm-bao thấy chắc, hết nhà không hay.
Nghề chơi gẫm cũng khéo bày,
Tham vui chịu lặn, biết tay anh-hùng.
Sao không xét lẽ cho cùng,
Nói ra lại sợ mất lòng người ta.

(?)

-
- (1) Mậu-lâm : con ong.
(2) Nguơn-quới : con tôm.
(3) Thanh-nguơn (?) Thanh-tuyền : con nhện.
(4) Hiệp-hải : con ếch.
(5) Nhựt-son : con gà.
(6) Minh-châu : con rít.
(7) Hán-vân : con trâu.
(8) Cửu-quan : con ó.

VĂN XUÔI

Bài văn xuôi sau đây, đáng lẽ thì không đem vào mục Thi-Tập này. Nhưng mà chúng tôi thấy giảng-luận đúng, mà lời-lẽ lại êm, nên chúng tôi đem vào đây để góp tài-liệu.

Tông-giang dật-sĩ phu-phụ khích-khuyến từ (Tuồng)

Sĩ viết : Kiếm vương-hầu thắt túi Khương-Nha, giấu
đề lòng ta ta biết ta. Trái thế riêng chơi cho đủ cuộc,
lịch là chiều rượu sớm mai trà. Thôi ! Công đâu mà buồn
giận cuộc đời, cũng chẳng phải khoe-khoang thịnh-giá.
Thành sàu dụng tửu-bình lạc phá, tiết muện xang cầm-
sắt ca hoan ! Chi cho bằng vui một thú nhàn, thích chí
đông trà xuân tửu.

Nữ viết : Quái ẻ ! Vui chi lắm vậy nà ! Cá gà cờ bạc
giỡn đàn bà ! Cái gương Thương-đế còn treo đấy ! Tửu
sắc say vui mất nước nhà. Thiếp dám khuyên quân-tử
bớt bớt thói rượu trà, kim tử gia đa lũy, thì bất nhục
khanh sĩ gia.

Sĩ viết : Chữ phụ-nhơn nan hóa, nói những việc đàn-bà. Biết đâu rằng tá vận vương-gia, khéo nhấp-nháng như đèn kia chấu nhảy.

Nữ viết : Học đã biết một câu thích chí, tài chưa bì trang họ Lý, mà vui ngâm thơ thưởng nguyệt tánh nhàn. Đức anh chưa dám sánh ông Nhan, ửng lạc đạo vong bản cho đáng. Nào phải thuở thái-bình hành-lạc, hội quần-anh mà vui bực tài-tình. Chẳng phải thời loạn cực sanh vong, riêng hồ-hải độc xuân oai-lệnh. Những Võ-Trụ tướng chàng là phận-sự, chi ưu-dân thì giỏi thao-lược kinh-luân. Trọng là chúa qui là dân, cơn nghiêng-ngửa phải nong vai mà gánh-vác. Có sự nghiệp mới đứng cùng trời đất, không công-danh thẹn với cỏ cây. Trăm năm một hội sum vầy, lẽ cho phải ra tài mà tế-hội.

Sĩ viết : Thôi cũng đã biết, lựa chi phải nặng lời. Đất sanh ta có chí bốn phương, trời dọc-ngang vui tám thú. Cảnh người lạ lạ quen quen, lạ quen biết đủ quả nên tục tình xuôi ngược. Sông Hoài-kinh ngược ngược xuôi xuôi, xuôi ngược trái Hoài-kinh trong đục. Cay cay đắng đắng, cay đắng nếm đủ mùi chánh-khi. Trong trời đất đâu chẳng sự-nghiệp, nhưng mà ta để tấm lòng riêng. Đạo trời thương hải tang điền, phép nước hưng vong trị loạn. Đạo trời mặc lấy trời làm trời trọng, cứu dân vua đã sẵn có vua. Nghĩ nào mà luận lẽ hơn thua, cho đỡ thần cấu oán.

Nữ viết : Thưa quân-tử học đã biết thiên-kinh vạn-quyện, oán nhơn-gian luận lý luận quyền : Đạo thiên-hạ dĩ hà tiên hậu ?

Sĩ viết : Như tam-sanh hữu-hạnh, quân thần tương ngộ dĩ vi tiên. Còn những lúc thiếu-niên, từng vị ngộ dĩ Cang thường vi trọng.

Nữ viết : Luận lý dĩ cương thường vi trọng, luận quyền bất khả nhứt tinh. Muốn cho chàng cứu tộc được thân vinh, rõ phận thiếp bá niên trao duyên phận. Phải chi chàng tánh lẩn, thiếp cũng nguyện ra tài. Đôi sách dựng vào chốn kim-giai, thệ quét sạch một đoàn giặc quí.

Sĩ viết : Ừa ! Đòn bà khua lỗ miệng, nói chẳng sợ mang tai. Mãn triều-giai thực lộc, lẽ đâu chẳng có ai !

Nữ viết : Có ai ai cũng như ai ! Phải có đã trừ an loài xử-lỗ ! Phải chẳng đã thái-bình thổ võ, hết còn ngang-dọc việt trùng ba. Từ cõi biên cho đến sông Gia, nhen lửa mọi đốt nhằm phương chánh-sĩ. Thuở tạo-hóa đắp nền cương kỷ, chôn xương dân đà vực hóa nên còn. Miếu trung-thần dấu cũ hãy còn, gương tiết-nghĩa bóng xưa treo rạng. Hễ anh-hùng bao quản, trước là trả nợ quân-thần. Danh dầu khô mà nghĩa cũng vinh, mặc dầu xây Tạo-hóa thẳng-bình. Thân nào hậu mà tình nào lại bạc ? Kiến nghĩa ninh cam đồng bất vi, tử cuộc anh-hùng sanh hữu-hạnh.

Sĩ viết : Mấy ai đặng hản trọng lương sách ! Trào-đình người đông chi thượng kinh. Dựng mật-sở cứu an trăm họ, tưởng mình phạm ra cỏ ; ơn quốc-cự cứu ta. Mật-sở dựng vào chốn kim-tòa, mới dóm đặng trào-đình gia hương sắc. Bán dân thân ngọc bạch, mãi quốc dĩ cầu vinh. Trái túi tham che đậy chúng dân lành, giời bút kính tan-tành văn nghĩa chí. Hòa thân cam chỗ ấy, quan tham quan thượng rất phong-tru. Chinh-chiến chẳng thâm cừ, thầy cử thầy nghe nên đài-các. Nhà binh treo con vác, cửa tướng xếp mâu-ma. Bởi vậy nên anh-hùng tám cõi hỡi chưa ra, hào-kiệt bốn phương còn đóng cửa. Gươm trung thần máu như chưa rửa, chí yêu dân giời thao-lược pháo tuông. Nghĩ bao xiết nỗi cơn buồn, thôi trí

sự thiếu thời phiền-não thiếu ; thức ngon đa xử thị-phi đa. Chi bằng rượu thịt vui thú nhà, ngày ba buổi vui trong trời đất.

Nữ viết : Thưa quân-tử : Tích giả đế-vương, nhà Hạ nhà Thương, nhà Châu, đời Hồn, đời Đường, đời Tống. Đời nào không mưu-thần lương-dũng, cũng có khi trệ loạn hưng vong. Trái túi tham nên gỡ rồi không xong, cùng ông Thuấn ông Nha ông Lượng, chú Tín chú Phi chú Qui. Nước nào không danh-sĩ mà lạng ngạch tiêu đầu. Người riêng thú kẻ ngụ câu, chờ gặp mỗi vương-hầu, ra an-ban tá-trị. Ấy là trang thượng-trí, thiếp mới dám kể bì. Lúc trà rượu thiếu chi, thiếp vốn không dám ghét.

Sĩ viết : Ngon gian phú quý huê khai lộ, chỉ thượng công-danh thế thượng âu. Mặc ai vui về bực vương-hầu, sẵn rượu rót uống năm ba chén !

Nữ viết : Ngọc giá điêu trang tàn ngọc giá, cầm tinh trường đoản cầm tinh. Mặc ai vui tửu điểm trà đình, thế thời thế luận câu phu xướng.

Sĩ viết : Oái ẻ ! Còn những bực danh-gia, biết nhiều điều khuy-khích. Nhưng mà học đủ trang xử nữ, đâu biết mạng bá vương ? Luận như đế Thuấn dĩ hóa dân, tranh vương tranh bá. Mặc ai làm sự nghiệp có vua Nghiêu khai rạng. Như đời Tam-quốc xưng hùng là Lưu-Bị. Hưng nghĩa phá Đông-Ngô Bắc-Ngụy, hội đào-viên huỳnh-độ quân-thần. Cuộc chiến-tranh thiên-hạ phân-vân, cầu hiền dặng ông Gia-Cát-Lượng. Tài vương-tá đề-binh khiên-tướng, mấy mươi năm nào nhưt thống san-hà ? Có phải tại do ư số mạng chăng ? Nghĩ thế tình quá ngán, như Khương-Thượng tá Châu. Bảy mươi đư mới hé túi công

hầu, bị Đát-Kỷ trốn qua đầu Châu-Võ. Trời bạc sanh ra hiền ngộ, thuở đời Tống Kim xâm. Mấy anh em Nhạc-thị đồng tâm, xuống hội thi ngao đầu cướp bảng. Văn võ thần cấu oán, nịnh tặc tướng cừ thù. Lưỡi Tần-gia gian-ác sàm vua nhưng mà danh Nhạc-tướng trinh trung, thờ vua chẳng hai lòng, làm kiều-chiếu tàn gia thọ hại. Lúc đầu vui danh nghĩa, Nhạc sau cũng trừ Kim. Cuộc cửu-huờn ngọc nổi vàng chim, danh Nhạc-thị sông non còn Tống sử. Nghĩ như tình bạc sự, như Cao-tổ phạt Tần. Đồng Hạng-Võ, diếu dân, cơ trời duy Hớn tộ. Cao-tổ nhập Tần-cung tức-vị, ước pháp tam chương phân như tam kiệt; công ngũ tải kinh-dinh thành đế-nghiệp. Nghĩa quân-thần chi tiết, bị nghi quân nên Tin tử tại phu-nhân. Nào dám oán nào là ơn trượng lương đồ thoát tục.

Hiền-thần như Nhơn-Quý, tá Đường-trào cang kỹ rạng Tiết-gia. Phạt bắc, chinh đông tướng công cao lộc hưởng ngàn chung. Cơ tạo-hóa bằng xây khuynh biến. Nhứt phu-nhân Võ-thị đoạt quyền, tru họ Tiết trăm người chôn một lỗ. Sốt vài thằng nhỏ nhỏ trả thù cha sau khôi phục lại cho Đường-trào, tiết như vậy muôn đời là tiết quý.

Ấy ẻ ! Hỏa ân thạch trung trầm thủy-đề, thiên niên bất tuyệt. Nhứt cư thiên thượng chiếu nhơn-gian vạn cổ vô cùng. Có trần-ai lưu-lạc mới anh-hùng, cơn ra mặt giúp ngôi trào càng trượng. E mầy hay nói bần, nừa lại bần chơn tao. Phận qua là bá cứng tòng cao, lo cho bậu đào thơ liễu yếu !

Nữ viết : Thưa quân-tử ! Vợ chồng tướng trăm năm chi diệu. Đề cho thiếp nương theo phận hạc cứu dân

đen. Anh chớ đổi lòng đen, danh thiệt thủy tiết chung
nhi thủy. Lộc thiên chung danh tiết, cũng vinh chung.
Khuyên anh bền chặt tấm lòng, gương cũ Tống-Hoảng
đành phải ố.

Sĩ viết : Húy a ! Các đường anh chưa chém cỏ, thấy
trời xanh bởi gió đưa mây. Trăm năm một hội sum
vầy, ta ta phải mở cửa theo bốn phương tài-sĩ. Giữ
vừa hương qua lạy bậu cho có tình, mang traps tới đế-
kinh dựng thượng-sách. (*Nam xướng*) Mang traps tới đế-
kinh dựng thượng-sách, đình-ninh lòng kim-thạch nào
quên. Công danh muốn đắp cao nền, nợ vua trước trả
sau đền nghĩa thâm.

Nữ viết : Kim quân-tử phò kinh, thiệp cũng nguyện
cho chàng : bằng trình diêu cửu vạn, phi nhập đế-vương
châu ! (*Nam xướng*) Đế-vương châu đề đầu khấu bái,
dựng tấm lòng ửng nghĩa cứu dân !

Sĩ viết : Anh xin cho em thân miễn kỳ thân, sá chi mở
hồ trung điều tích. (*Văn viết*) Nước vớt vàng rửa sạch,
cứu dân lành xé rách túi tham. Quản bao lộ hiểm sơn
nham, miễn cho gặp hội ra làm mới ung. Dương-quang
chờn chờ mấy từng, chúc cho nghiệp cả thái-bình
thiên-thu.

(?)

H ẾT

THAM - KHẢO

Bình-Nam Nguyễn-Đăng-Cư. — *Kiều-vận tập-thành*, Trung-Hưng thư-quán, 105, Paul Bert, Huế. 1932.

D. Hồ-Ngọc-Cần. — *Văn-chương thi-phủ An-nam*, Imprimerie de la Société des Missions étrangères, Hongkong. 1923.

Lê-Sum. — *Việt-ám văn-uyển*, Imprimerie J. Viêt, Sài-Gòn. 1919.

Nguyễn-Đức-Phong và Dương-Bá-Trạc. — *Quốc-văn sơ-học độc-bản*, Nam-Ký thư-quán. 1933.

Nguyễn-Quang-Oánh. — *Ngâm-khúc ; I Cung-oán. II Chinh-phụ. III Tỳ-bà hành*, Vĩnh-Hưng-Long thư-quán, Phố hàng-đường Hà-Nội. 1930.

Phan-Kế-Binh. — *Việt-Hán văn-khảo*, Trung-Bắc Tân-Văn. 1930.

Thế-Tải Trương-Minh-Ký. — *Tuồng Kim-Vân-Kiều*, Librairie — Imprimerie H. K. Danh, Sài-Gòn. 1914.

Trọng-Toàn. — *Hương hoa đất nước*, Nhà xuất-bản Dân-Chủ, Sài-Gòn. 1949.

Trần-Trung-Viên. — *Văn-dàn bảo-giám, quyển I. II. III.*, Nam-Ký thư-quán. Hà-Nội.

Vân-Hạc. — *Thi-thoại*, Quốc-học thư-xã, Hà-Nội. 1942.

Võ-Sâm. — *Thi-phủ văn-từ*, Phát-Toán, Sài-Gòn, 1912.

BẢNG KÊ TÁC-GIẢ

	TRANG
An-Sắc	117
Bà huyện Thanh-Quan	92
Bà Nhân-Khanh.	110
Bạch-Lạc-Thiên.	163
Băng-Tâm	106, 309, 311
Bố Chánh Nguyễn-Thông.	291
Bùi-Hữu-Nghĩa	305
Châu-Mạnh-Trinh	18
Chiêu-Lý	16, 211
Chúa Trịnh	110
Cô V. N. Hồng-Bích.	344
Cử Trị	26, 109, 110, 159, 301, 304, 305, 306
D. H.	97, 100, 118, 146, 154, 336, 337, 338, 340, 341
Dương-Khuê	289
Đoàn-thị-Điễm	352

Đồ Chiểu	49, 109, 292, 293, 314, 318, 396, 400, 405
Hoàng-Kiểm-Thu 311
Hải-Nam Đoàn-Như-Khuê 129
Hòa-Thượng G. 117, 120
Hồ-Ngọc-Cần 96
Hà-Tam-Thái 358
Hồ-Xuân-Hương	110, 111, 113, 116, 118, 120, 121, 122, 126
Học-Lạc 98
Huy-Thông 345, 349, 353
Huyện Thư-Điền 150
Hường Lục-Khanh 157
Huỳnh-Mẫn-Đạt. 110, 125
Khánh-Vân. 176
Kim-Xuyến. 330
Kinh-Lịch Trung 21
Lê-Quý-Đôn 197, 202
Lê-Thánh-Tôn 97, 108, 111
Lê-Thảo-Trang. 157
M. H. 268
Mộng-Hoa 290

Ngô-Huy-Linh	58
Ngô-Thoại-Sanh	155
Ngô-Dung.	173
Ngọc-Hân Công-Chúa	266
Ngọc-Sơn	156
Nguyễn-Bình-Khiêm.	17
Nguyễn-Đình-Ngọc	111
Nguyễn-Công-Trứ	23, 113, 151
Nguyễn-Khuyến	100
Nguyễn-văn-Kiến	354, 356
Nhiều-Học Dương-Ngọc-Qua.	384
Ôn-Như-Hầu	39, 109, 329
Phan-Châu-Trinh	307
Phan-Kế-Bính	204
Phan-Sào-Nam.	248, 284, 285, 379
Phan-Thanh-Giản	97, 108
Phan-Mạnh-Danh	20, 21, 24
Phan-Lương-Khê	119, 245
Phò-mã Lâm	92
Quan Tuần	143

Qui-Viên	306, 307
Song-Thanh	144, 150, 332, 333, 334, 335, 336
Tấn-sĩ Nguyễn-Minh-Triết	116
Tản-Đà	39, 308
Thanh-Liên	331
Thanh-Tâm	120, 149
Thanh-Châu	343
Thạch-Ánh-Hồng	270
Thế-Lữ	345, 346
Thơ Phụng-Hồng	351
Thầy giáo Tân.	76
Thường-Tiên	35, 145, 149, 309
Thượng-Tân-Thị Phan-Quốc-Quang	132
Thượng-Thanh.	71, 147
Thuần-Phong	101, 138, 140, 141
Tổ-Phang	190, 309
Tôn-Thọ-Trường	144, 158, 298
Trạng-Trình	22, 26
Trần-Phong-Sắc	155, 156
Trần-Tuấn-Khải	260

Trình-Minh-Đạo	193
Trọng-Toàn	68
Trúc-Khê	252
Tú Xương. 28, 98, 108, 109, 110,	114
Tú Quý	115
Tường-Bách	357
Văn-Bá 347, 348, 358	
Vua Thuấn	162
Văn-Thiên-Tường	162
Việt-Nữ Hoàng-Hương-Bình.	355
Yên-Đồ 17, 22, 23, 25, 27, 82, 91, 92, 108, 111,	114, 143

MỤC-LỤC

	TRANG
Tựa bản đầu	5
Tựa kỳ hai	7
<i>PHẦN I</i>	
PHÉP LÀM THƠ	
Tổng quan	9
CÁCH-THỨC LÀM THƠ	
Tiếng nói. Về	11
Khô. Nhịp. Thanh. Vần	12
Vần : Bình. Chánh. Lơi	14
Vần trắc	30
Đối : Cách đối	33
Phép đối	34
Cách đối	38
Số chữ trong câu đối	40
THƠ THUỶNG-LỤC HẠ-BÁT	
Vần	48
Niêm luật	49
Dứt nghĩa	53
Đối	56

	TRANG
THƠ SÔNG-THẮT LỤC-BÁT	59
Âm-điệu	—
Vần. Đối	61
THƠ HỔN-HỢP	63
BIẾN-THỂ SÔNG-THẮT LỤC-BÁT	67
THƠ BA CHỮ	71
THƠ TỬ TỰ	72
Những lỗi thông thường	—
Những kỹ-thuật	73
Đối	75
HÁT A ĐÀO	79
Vần	80
THƠ ĐƯỜNG-LUẬT	85
Đầu đề	88
THƠ TÁM CÂU	91
Phá thừa	—
Câu thực	94
Cặp luận	—
Thúc kết	95
THƠ BỐN CÂU	98
THƠ NGŨ-NGÔN	98
Số vần	100
CÁC THỂ BÌNH TRẮC	101
Cần nên nhớ	102

	TRANG
ÂM - ĐIỀU	106
BỊNH THANH	—
BỊNH THƠ	112
Lạc vận. Xuất vận	112
Thất luật	113
Thất niêm	—
Phản luật	115
Điệp vận	117
Trùng tự	118
Điệp điệu	—
Điệp ý	119
Hiệp chương	—
Bất cân	—
Bất đối	120
Sàng túc	—
Phạm đề	121
BỐN ĐIỀU KỶ NÊN TRÁNH	—
Tự thô	—
Cốt tục	—
Ý tạp	122
Lý đoản	—
VÀI LỜI CĂN DẶN	123
CÁC BIẾN-THÈ VÀ CÁC LỖI	
CỦA THƠ ĐƯỜNG-LUẬT	124
Phá lục	—
Yết hậu	125

	TRANG
Thủ-vĩ ngâm	126
Thủ-vĩ liên-huờn	127
Liên-huờn	129
Những điều nên nhớ trong khi đặt thập-thủ liên-huờn	133
Thủ-vĩ quán-châu	134
Liên-ngâm tràng-thiên	135
Hồi-văn. Thuận-ngịch độc	137
Tứ-chuyển hồi-văn	138
Lục-chuyển	139
Xương họa	142
Tiếp	145
Điệp-tự hồi-văn	—
Song-thanh	146
Tam-song-thanh	—
Song điệp và tam-thanh điệp-vận	147
Điệp-ngữ-thê	—
Triết-hạ	148
Huờn-cú	—
Khoảng-thủ	140
Vĩ-tam-thanh	—
Tập danh chi thê	150
Hạ vận	153
Điệu nói lái	154
Vận khó	156

	TRANG
CA-NGÂM KHÚC-ĐIỆU	161
Số câu	—
Số chữ	—
Vận	—
Âm điệu	—
NHỮNG ĐIỀU SẮP CHỮ	177
PHÚ	181
Cách đặt	182
VĂN TẾ	185
VĂN VẦN VÀ VĂN KHÔNG VẦN	191
Minh	—
Trâm	192
Tán	193
VĂN KHÔNG VẦN	194
Kinh-nghĩa	—
Văn sách	198
Tứ-lục	202
ĐỐI LIỄN	205
TUỒNG CỔ	217
Giáo đầu	218
Văn tấu	—
Nói lối	—
Vãng	219
Nam biệt. Nam dứt	220
Nam chạy	—

	TRANG
Lý qua ai	220
Hát bài đờn	222
Xương, bạch	—
Oán	223
Thán	—
Hát khách	224
Khách tâu mã và khách hờn	225
Ngâm	226
Quân ban	—
Hành binh	—
Bài phường	227
Lý quân canh	228
Bài diên	—
Ngừng thoàn	—
Độc thần chú	229
Ru con	—
Lý mọi	—
Bài thăng Bột	230
Hát khách thăng Bột	—
Niêu	—

PHẦN II

	THI-TẬP	239
Tổng-quan		—
	LỤC-BÁT	241
Phan-Lương-Khê	<i>Cảm thuật</i>	—
?	<i>Thế phát qui-y</i>	245

SONG-THẮT LỤC-BÁT 246

Phan-Sào-Nam	<i>Minh với bóng</i>	—
Trúc-Khê	<i>Chinh-phụ dạ-tĩnh</i>	249
?	<i>Ngư</i>	252
?	<i>Tiều</i>	253
?	<i>Canh</i>	—
?	<i>Mục</i>	254
Trần-Tuấn-Khải dịch	<i>Đặng-Vương-Các tự</i>	255
Ngọc-Hân Công-chúa	<i>Ai-tư văn</i>	260
M. H.	<i>Nỗi lòng cùng ai</i>	267

HỖN-HỢP 269

Thạch-Ánh-Hồng	<i>Viết giùm Hậu-nghệ</i>	—
(?)	<i>Vấn nguyệt</i>	270
(?)	<i>Ngư tiều canh mục</i>	
	<i>tranh luận</i>	273
(?)	<i>Từ dân</i>	277
(?)	<i>Từ thú</i>	278

HÁT Ỏ ĐÀO 283

Phan-Sào-Nam	<i>Biết đủ với đời</i>	—
—	<i>Hải-ngoại huyết-thơ</i>	284

		TRANG
(?)	<i>Nhàn</i>	285
(?)	<i>Nhàn</i>	286
(?)	<i>Thủ phong-lưu</i>	287
(?)	<i>Thủ rượu</i>	288
Dương-Khuê	<i>Núi trắng</i>	—
Mộng-Hoa	<i>Tương-lư</i>	289
	THƠ ĐƯỜNG-LUẬT	291
Bổ-chánh Nguyễn-Thông	<i>Khách-dịa tư-gia</i>	—
Đồ Chiêu	<i>Điếu Phan-Lương-Khé</i>	—
—	<i>Thán đạo</i>	292
—	<i>Thán đời</i>	—
—	<i>Thán cuộc</i>	293
Tôn-Thọ-Tường	<i>Cảm hoài (Thập-thủ liên-huờn)</i>	—
Cử Trị	<i>Họa (Thập-thủ liên-huờn)</i>	298
—	<i>Cảm hoài (Thập-thủ liên-huờn)</i>	301
Bùi-Hữu-Nghĩa	<i>Hà-Âm mộ cảnh</i>	305
Cử Trị	<i>Cảm hoài</i>	—
— (?)	<i>Cảm thuật</i>	—

		TRANG
Qui-Viên	<i>Hữu sở tư</i>	306
—	<i>Cảm hoài</i>	—
—	<i>Hải-lân vãng-vọng</i>	307
Phan-Châu-Trinh	<i>Cây đèn sáp</i>	—
Tản-Đà	<i>Thúy-Kiều hầu rượu</i>	
	<i>Hồ-Tôn-Hiến</i>	308
(?)	<i>Vịnh nhà dột</i>	—
Thường-Tiên	<i>Viếng quê</i>	—
Tố-Phang	<i>Ngày xuân nhớ bạn</i>	309
Băng-Tâm nữ-sĩ	<i>Nhớ bạn</i>	—
Hoàng-Kiểm-Thu	<i>Nhớ ai</i>	310
Băng-Tâm nữ-sĩ	<i>Khóc bạn</i>	311
Đồ Chiểu	<i>Điều ông đốc Tông</i>	—
—	<i>Điều quan lớn Định</i>	315
Ôn-Như-Hầu	<i>Cung oán thi</i>	319
Kim-Xuyến	<i>Không chồng trông</i>	
	<i>bông-lông</i>	330
Thanh-Liên	<i>Tàn thu</i>	—
	MỸ - VĂN THI - TẬP	332
Song-Thanh	<i>Vọng-phu thạch</i>	—

		TRANG
Song-Thanh	<i>Tự cảm</i>	333
—	<i>Mộng cảnh Tiên</i>	—
—	<i>Cuộc cờ</i>	—
—	<i>Con thằn-lằn</i>	334
—	<i>Tặng đức ông chồng</i>	—
—	<i>Họa một bài tặng</i>	335
—	<i>Tặng Bạch-Liên</i>	—
D. H.	<i>Xuân về thưởng trăng</i>	336
—	<i>Thưởng trăng non</i>	—
—	<i>Một buổi sớm mai đợi bắc Hàm-Luông</i>	337
—	<i>Tản-cư cảm tác</i>	—
—	<i>Lãng ngâm</i>	—
—	<i>Cảm đề</i>	338
—	<i>Cảm tác</i>	—
—	<i>Nhớ bạn Diêu-Tri</i>	339
—	<i>Còn nước còn non</i>	—
—	<i>Canh thâu mơ Thanh- Hương</i>	340
—	<i>Tôi đau mắt</i>	—
—	<i>Xuân cảm</i>	341

		TRANG
	THƠ MỚI	342
Thanh-Châu	<i>Lá run</i>	343
Cô V. N. Hồng-Bích	<i>Hồn phiêu-lưu</i>	—
Huy-Thông	<i>Trăng rằm</i>	344
Thế-Lữ	<i>Tiếng trúc tuyệt vời</i>	345
—	<i>Mỉa-mai</i>	346
Văn-Bá	<i>Cậu bé bán báo</i>	—
—	<i>Bạn đã làm gì ?</i>	347
—	<i>Say</i>	—
Huy-Thông	<i>Tết là gì ?</i>	348
—	<i>Rạng đông rồi</i>	349
?	<i>Tình bâng-khuáng</i>	—
Vận		350
?	<i>Văn-chầu Quan lớn Ma-Men</i>	—
?	<i>Tình và cảnh</i>	—
?	<i>Giấc mơ trong mộng sống</i>	351
Thơ Phụng-Hồng	<i>Trước cái chết</i>	—
Đoàn-thị-Điểm	<i>Ôán ra của phòng</i>	352
Huy-Thông	<i>Nguyễn-Du</i>	—

Nguyễn-văn-Kiện	<i>Tại lá vàng</i>	353
Việt-nữ Hoàng-Hương-Bình	<i>Buồn không cội-rễ</i>	354
Nguyễn-văn-Kiện	<i>Bóng nhận lưng trời</i>	355
Tường-Bích	<i>Nắng hè</i>	356
Hà-Tam-Thái	<i>Cứ sống, cứ đi</i>	357
Văn-Bá	<i>Hồ Than-Thở</i>	358

PHÚ 359

	<i>Bình Ngô Đại-cáo</i>	—
(?)	<i>Gia-Định hoài-cổ vịnh</i>	362
(?)	<i>Hoài-cổ tự-thuật phú</i>	367
Phan-Sào-Nam	<i>Thiên-vấn phú</i>	376
Nhiều-học Dương-Ngọc-Qua	<i>Phú đánh me</i>	380
(?)	<i>Khi-phụ từ</i>	384
(?)	<i>Bức thơ vợ gửi cho</i>	
	<i>chồng</i>	388

VĂN - TẾ 391

Đồ Chiểu	<i>Điều Lục-tĩnh sĩ-dân</i>	
	<i>văn</i>	—
—	<i>Văn-tế vong hồn mộ</i>	
	<i>ngĩa</i>	396

	TRANG
Đồ Chiểu	<i>Văn-tế điệu Trương-Công-Định</i> 400
(?)	<i>Sĩ-nhơn điệu mỹ-nữ phối hải-tân ngư-ông vãn</i> 405
(?)	<i>Tế sống bạn thua me vãn</i> 410
(?)	<i>Văn vợ thợ rèn tế chông</i> 412
(?)	<i>Ăn thịt chó vãn</i> 414
	VĂN TẬP-DANH 417
(?)	<i>Về các thứ bánh</i> —
(?)	<i>Về các thứ cá</i> 419
(?)	<i>Về quả</i> 421
(?)	<i>Ngụ đời</i> 422
(?)	<i>Thơ của thầy thuốc gửi cho tình-nhân</i> 424
(?)	<i>Thơ của thợ may gửi cho tình-nhân</i> 425
(?)	<i>Về đánh đẽ</i> 427
	VĂN XUÔI 431
(?)	<i>Tông-giang dật-sĩ phụ-phụ khích-khuyến từ (tuồng)</i> —
Tham-khảo	437
Bảng kê tác-giả	438
Mục-lục	443

PHÉP LÀM THƠ
IN TẠI NHÀ IN RIÊNG
CỦA NHÀ XUẤT-BÁN
GIẤY PHÉP SỐ 2943/XB
DO H. Đ. K. D. T. U. CẤP
NGÀY 11-12-1962. TRIỂN
HẠN NGÀY 21-10-1963

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ PHÁT HÀNH

62, đại-lộ LÊ-LỢI — SAIGON

Thi-nhân Việt Nam hiện-đại	Phạm - Thanh
Thi-sĩ miền Nam	—
Phép làm thơ	Diên - Hương
Thành-ngữ điền-tích	—
Nghệ-thuật làm thơ	Hùng - Trung
Nguyên-tắc sáng-tác thi-ca	Vũ - văn - Thanh
Luật thơ mới	Minh - Huy
Những khuynh-hướng trong thi-ca Việt-Nam	—
Đường Thi	Ngô - Tấn - Lê
Văn-học đời Lý	—
Văn-học đời Trần	—
Lều chõng	—
Tình-sử (thơ và tình)	—
Văn-chương quốc âm thế-kỷ XIX	Phan - trần - Chí
Khảo-luận về Đoạn Trường Tân Thanh	Nguyễn - Khanh
Khảo-luận về Đoạn Tuyệt	Lê - hữu - Mục
Lĩnh nam chích quái	—
Việt-điện u-linh tập	—
Khảo-luận về tiều-thuyết Trung-Hoa	Nguyễn - huy - Khanh
Văn-chương quốc-cám	Thái - Hữu - H
Phong tục miền Nam qua mấy văn Co Dao	Đào - văn - Hiệp
Hương hoa đất nước	Trọng - Tấn
Tục-ngữ phong-đạo	Nguyễn - văn - Ngọc
Cờ-học tinh-hoa	—
Ca-dao giảng luận	Thuần - Hưng
Nghề viết văn	Nguyễn - hiền - Lê
Luyện văn	—
Hương sắc trong vườn văn	—
Tản-Đà vận văn	Nguyễn - Khắc - Hữu
Quốc-văn trích-diễm	Dương - quảng - Hữu
Việt-Nam văn-hóa sử-cương	Đào - duy - Anh
Khảo về tiều-thuyết	Vũ - Hùng
Viết và đọc tiều-thuyết	Nhất - Linh
Đề thành nhà văn	Nguyễn - duy - Cường
Tôi tự học	—